Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

Lời mở đầu

Các bạn đọc thân mến!

Sau khi tôi đưa ra "Bản kiến nghị của một công dân", nhiều bạn bè khuyến khích tôi viết một cuốn hồi ký, kể lại cuộc có ích cho sự đổi thay của đất nước, tôi đã viết một mạch liền đời mình và những suy ngẫm bản thân. Với ước vọng việc làm này sẽ trong cuốn sách này. Tôi khởi đầu trong những ngày đầu xuân Tân Mùi 1991 ở Paris, khi những lớp tuyết dầy mùa đông tan dần, vô vàn, những đóa hoa bật dậy từ những hạt mầm im dưới băng giá, xuyên tuyết (tiếng Việt ta chưa có tên), dịch theo tiếng Pháp: perce-neige.

Hình ảnh của hoa xuyên tuyết cổ vũ tôi suốt cuộc hành trình đi ngược dòng đời tôi, cũng là đi ngược một phần nào cuộc hành trình của đất nước, để nhớ lại và suy ngẫm...

Tôi viết với niềm tin rằng lẽ phải, tâm huyết và sự hiểu biết

của tất cả những người Việt có tấm lòng ưu ái với đất nước, dù cho có gặp những hoàn cảnh khó khăn đến khốc liệt, cuối cùng cũng sẽ bật dậy trong một cuộc tập hợp rộng lớn và xúc động, cùng đua Tổ quốc thân yêu vào một mùa Xuân mới của đoàn kết, dựng xây và phát triển.

Tình hình đất nước Việt Nam ta đang làm băng khoăn lo lắng mỗi con em đất Việt ở trong và ngoài nước. Cuộc khủng hoãng về mọi mặt dai dẳng đè nặng lên cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân, từ trẻ em, phụ nữ, người già, người nghĩ hưu, người tàn tật để các thương binh trong chiến tranh ở các phía...Người lao động, bà con nông dân, anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ...ngày đêm mong mỏi một cuộc đổi thay tốt đẹp, đất nước sớm thoát khỏi cảnh nghèo nàn, chậm tiến về chính trị, kinh tế và đời sống thoát khỏi hỗn loạn và bất công xã hội.

Tôi viết cuốn hồi ký này trong sự tĩnh tâm và tĩnh táo. Nhớ thế nào kể thế ấy, nghĩ thế nào viết thế ấy. Tâm niệm lấy sự thật làm nội dung. Tôi coi những trang sách như những buổi tâm sự cởi mở và chân thành với bạn đọc, đặc biệt là những bạn trẻ trên mọi miền của đất nước, với lòng mong mỏi từ những chuyện của quá khứ đầy biến động có thể gợi mở những suy nghĩ phong phú về hiện tại và tương lai của Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Mong muốn tốt đẹp ấy vấp phải những khó khăn về hoàn cảnh sống, về thời gian eo hẹp của người viết chỉ dựa vào trí nhớ và nhất là do tầm nhìn còn hạn chế, một cách viết còn vụng về, xin được sự lượng thứ của bạn đọc xa gần.

Paris 5 tháng 6, 1991

Thành Tín

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

I- Từ những nỗi đau

Đã 15 năm nay, từ những ngày Hòa Bình, nhiều nỗi đau giằng xé lòng tôi. Những nỗi đau không vật chất, không thể xác. Những nỗi đau ngấm sâu trong tâm linh. Không phải nỗi đau của sinh, lão, bệnh, tử. Dù cho lưỡi hái của Tử thần đã kề cổ tôi vào đêm 2-6-1989 ấy trong một cơn nhồi máu cơ tim cực hiểm.

Đó là nỗi đau của tinh thần, của trí tuệ...Lý tưởng xâm nhập tôi tự nhiên, sâu sắc ở tuổi 18. Tôi sống từ đó lạc quan, hừng hực cả thời tuổi trẻ. Vào bộ đội, nhẹ tênh, phơi phới, chỉ một bộ quần áo cũ, một chiếc áo len nâu cụt tay, thủng một lỗ ổ bên ngực. Đại đội trưởng ở dịch hậu (hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng, Quảng Trị), khi chưa tới 19 tuổi, lo chuyện súng đạn, gạo, muối, lo chuyện trinh sát đồn địch, dẫn anh em đi phục kích, chan hòa với đồng bào sống dọc những bãi cát, sung sướng với củ khoai luộc ăn

cùng cà muối của các bọ, các mạ (các bố, các mẹ), cũng có hồi cả đại đội bị sốt rét, bị bệnh ghẻ lở sâu quảng-những vết lở tròn sâu hoắm-mà vẫn vui hát náo nức trong các buổi lửa trại quân dân...Nhiều lúc vuốt mắt cho đồng chí, xé lòng tiễn đưa cậu đại đội phó Dung, cùng dân học trò, bạn thân, để sau đó lại phơi phới, hăm hở, lao vào những trận đánh mới dọc đường số 9, từ Khe Sanh lên Lao Bảo, rồi Sê-Pôn, Mường Phìn...Nghĩa làm trai, thời buổi loạn ly. Mang sức trẻ đền bồi non nước...Lòng yêu nước, tình đồng chí, nghĩa đồng bào, lòng tự tin dân tộc, niềm tin vững chắc ở chính nghĩa...là nguồn vui sống đẹp của cả một thời tuổi trẻ. Vào đảng ở tuổi 19, tôi tuyên thệ dưới ánh đèn dầu mãi mãi trung thành với lý tưởng: Giải phóng nhân dân, giải phóng nhân loại. Ôi, thật là sung sướng, là hạnh phúc trong đấu tranh và tin tưởng. Cuộc sống sôi nổi mà giản đơn, lẽ đòi vằng vặc sáng trong, không gợn chút ngần ngại băn khoăn...

Từ sau 1975, sau những ngày hoan hỉ tràn đày hứng khởi, vào tuổi gần 50, tôi sinh ra nghĩ ngợi, đăm chiêu, lòng chẳng thấy mấythư thái và thanh thản. Những câu hỏi khá gay gắt cứ xoáy sâu vào tâm trí để tìm sự lý giải của chính mình, đúng ra là tìm sự lý giải về số phận của đồng bào mình. Lạ vậy, khi chiến đấu căng thẳng, vất vả, cuộc sống

nội tâm khá giản đơn, còn trong hòa binh mới thật lắm chuyện, mà lại những chuyện lạ lùng, khó hiểu, cần tìm cho ra nhẽ.

Đã bao lần tôi thầm thốt lên: Ôi! Số phận của con người! Cuộc chiến tranh đã hao phí hàng triệu sinh linh, đều là con em đất Việt, đồng bào ruột thịt cả. Để làm gì? Để đến nỗi này chăng? Nói là giải phóng đất nước, giải phóng đồng bào, mà sao hàng trăm nghìn người lại phải vào ngồi tù trong các trại tập trung cải tạo, kéo dài hàng trăm, hàng ngàn ngày, với biết bao tủi cực và khổ đau...Nhân danh lẽ phải? Nhân danh lẽ công bằng? Nhân danh cách mạng? Tôi chẳng sao lý giải nỗi nữa!

Và cách mạng, hy sinh, chiến đấu để làm gì? Để sau toàn thắng, cuộc sống của nhân dân ta còn lầm than, bi đát hơn cả thời chiến tranh, để Nguyễn Du sống lại sẽ còn phải khóc cho thân phận hàng chục vạn nàng Kiều hiện đại, đang nhan nhản trên các hè phố Hà Nội, Sài Gòn khi nắng chiều vừa tắt, ...

Tôi đã vào Campuchia ngày 7-1-1979 cùng một mũi tiến quân lớn của bộ đội Việt Nam, sáng sớm đến sân bay Pochentong, trưa vào Hoàng Cung và sau đó vào sứ quán Tàu, ngôi nhà lớn nhất của Pnompenh. Hàng vạn người gầy ốm, ghẻ lở, ngơ ngác như ở địa ngục trở về, lang

thang suốt hơn 3 tháng trời trên các nẻo đường cát bụi, không giầy guốc, giữa nắng gắt và mưa rào. Những hố chôn người tập thể rộng lớn, những cánh đồng đầy đầu lâu, xương sọ vỡ của những người bị đánh chết, ám ảnh tôi hàng chục ngày đêm ròng rã...Tất cả những điều rùng rợn ấy là từ một chủ trương "xây dựng một xã hộ cộng sản trong sạch nhất, công bằng nhất, tinh khiết nhất..."Tôi sững sờ tìm đọc và nhờ mấy anh bạn Cămpuchia dịch những tập nguyệt san lý luận "Cờ đỏ" xuất bản trong những năm 1977 và 1978 để hiểu rõ những cơ sở lý luận của những hành động tột cùng man rợ ấy, suy nghĩ về khả năng tha hóa đến mức nào của những tư duy bệnh hoạn. Sau đó, tôi sống trên các chốt tiền tiêu dọc biên giới Cămpuchia, Thái Lan với người lính " tình nguyện " Việt Nam, 2 chữ tình nguyện này ngày càng trở nên khó nghe và mĩa mai đối với tôi, chúng tôi chắt từng giọt nước đọng trên lá chuối và lá cây báng súng vào chiếc đĩa nhôm để uống, lau mặt và nấu cơm...Trên những chuyến bay định kỳ An-to-nốp 24 của Liên xô, tôi từng trở về thành phố Hồ Chí Minh cùng anh em thương binh ta, phần lớn bị cụt một hoặc hai chân do vấp mìn cá nhân của Trung Quốc chế tạo, ở bên trong biên giới. Có hôm cùng chờ với anh em trong nhà chứa máy bay ở sân bay Pochentong, tôi tranh

thủ làm một cuộc phỏng vấn điều tra nhỏ. Cả 16 anh đều là con em các gia đình nông dân ở Long an, Trà Vinh và Long Xuyên. Không một ai là con đảng viên, con cán bộ cả. Những cuộc điều tra tiếp theo làm tôi sững sờ và day dứt không nguôi. Thì ra gánh nặng của cuộc chiến tranh này đè lên vai một tầng lớp xã hội nằm ngoài quyền lực! Con cái của các quan lớn nhỏ hình như không phải sinh ra để đi làm cái "nghĩa vụ quốc tế cao cả" này, như chính cha anh họ không ngớt loan truyền. Các gia đình "thượng lưu" về chính trị đã có nhã tâm "nhường" lại vinh quang này cho kẻ khác, cho những người thấp cổ, bé họng trong xã hội, để giành lấy phần mình cái "gánh nặng" lo lắng cho con em đi xuất ngoại, nghĩa là gánh nặng " tiền " và " hàng " về cho gia đình. Những bất công xã hội đang lan rộng một cách cụ thể nhãn tiền như vậy đó...Những nấm mộ quân " Tình Nguyện" Việt Nam rải rộng từ bến Sỏi (Tây Ninh) đến Hồng Ngự, Long An, từ ngoại ô Pnom Pênh đến Xiêm Riệp và Bát tam bang, ở Pai Lin, Xằm Lốt...ám ảnh tôi suốt hơn 10 năm! Đã có tới 52 ngàn liệt sĩ và gần 200 ngàn thương binh Việt Nam cần có chính sách trợ cấp, từ giải đất Khờ Me bất hạnh này!

Đi trên đường phố Hà Nội những năm này là chịu một sự tra tấn tinh thần dữ dội và triền miên. Trẻ em gầy còm, nói

năng tục tĩu. Các chị phụ nữ hốc hắc, tức tưởi, đăm chiêu, cống rảnh ngập ngụa. Đây đó, bất cứ lúc nào, đều có thể bùng nổ những cuộc cãi cọ, chửi bới, đánh đập, đến cả đâm chém, thanh toán lẫn nhau...Cờ bạc, số đề, trộm cắp, đĩ điềm, hút sách nhan nhản...Tôi ở số nhà 221 C Khâm Thiên, một phố sầm uất từ thời xa xưa, nay là phố thợ may với gần 200 hiệu bán và đo may quần áo. Tôi có những người bạn lâu năm khá thân thiết, qua đó có thể bắt mạch được xã hội theo nhu cầu của người viết báo. Đó là một anh công nhân hơn 40 tuổi đã có 4 con, 3 trai, 1 gái, bị thải hồi từ một nhà máy quốc doanh, vợ anh là công nhân vệ sinh, quét hè phố thủ đô. Anh làm đủ nghề, mà nghề nào cũng có hoa tay: xây nhà, đắp nền, đóng bàn, tủ, giường, sửa chữa xe đạp, xe máy, may quần áo., nhất là chớm đông, may áo NATO lót vải len y hệt như áo nhập từ Thái Lan. Chiều đến anh cùng đứa con trai nhỏ dọn hàng ra bán nước chè, thuốc lá trước ngôi nhà của tài chính quận, khi họ thu hồi vé xổ số, đó là bà hàng bán cháo lòng to béo mà hiền lành, xởi lởi, ông chồng vừa chết vì ung thư vòm họng. Đó là bà cụ hơn 80 tuổi với gánh quà vặt cho trẻ em. Đó còn là ông đại tá chuyên nghiên cứu lịch sử quân chủng phòng không không quân, vừa về hưu, bán sữa chua. Đó cũng là ông trung tá về hưu từng đánh trận phá

máy bay Pháp ở sân bay Bạch Mai thời Điện Biên Phủ, nay sống bằng chiếc bơm xe đạp cũ, đầu vòi bơm luôn quấn một sợi cao su đỏ cũ, và một ông bác sĩ y khoa tốt nghiệp từ Paris (Pháp) trở về làm việc tại bệnh viện mắt trung ương, sống cô đơn trong một căn phòng 12 mét vuông, cặm cụi đọc sách, cặm cụi nấu cơm bằng chiếc bếp đầu cũ kỹ, cặm cụi xách từng xô nước vẩn đục, chảy thất thường, ông không còn thói quen ăn sáng để đi làm...Những con người sống nhẫn nại, chịu đựng, đăm chiêu, chẳng mấy hào hứng với cuộc đời, chai lỳ với cúp điện, cúp nước, với môi trường hôi hám xung quanh. người ta thét vang lên sung sướng khi điện tắt ngầm bổng vụt sáng. Ôi! Những niềm đau cháy lòng khi nghĩ đến thân phận con người.

Đã hơn 15 năm nay, cho đến tận hôm nay, khi cầm bút để khởi đầu một cuốn sách, tôi cảm thấy ngày càng rõ ràng và sâu sắc nhân dân Việt Nam đang là cả một khối bất hạnh lớn trên thế gian này. Nỗi đau này không của riêng ai, nó ắt phải có căn nguyên của nó. Hay là ông cha ta đã phạm tội gì tầy đình lắm để con cháu ngày nay phải gánh chịu món nợ tiền kiếp? Ắt không phải như vậy. Đã mấy năm nay tôi cố tìm ra lời giải. Tai họa chồng chất trên đất nước này không phải do hoàn cảnh ngẫu nhiên, do sơ

xuất hoặc vụng dại nhất thời, cũng chẳng phải do đế quốc, phong kiến, chiến tranh và thiên tai như lập luận chính trị hay nói đến. Nó ắt phải có nguyên nhân sâu xa lắm! Không cùng nhau nhận ra thật rõ ràng và đày đủ thì không thể sửa đổi và thoát khỏi tai họa! Vâng. Tai họa, nỗi bất công và thống khổ vô cùng mà người Việt Nam đang phải chịu đựng phải chăng là do từ những cách nghĩ, cách làm, những quan điểm sai trái về con người, về xã hội, từ ý muốn làm cách mạng để cho cuộc sống tốt đẹp hơn thì trên thực tế lại làm cho cuộc sống tủi nhục và cùng cực, nhân danh giải phóng con người lại dẫn đến kềm kẹp con người, nhân danh tập thể, cổ xúy tập thể mà thủ tiêu mọi cá tính sáng tạo của con người và dìm cả tập thể nhân dân và đất nước vào thế khốn cùng. Và có lẽ điều tệ hại nhất là một cơ chế, một hệ thống chính trị, xã hội đã đè nặng, chụp lên số phận của mỗi con người, thủ tiêu một cách tinh vi và trắng trợn và-thật khủng khiếp-một cách triệt để nữa, nhân cách của mỗi công dân. Một sự hủy diệt rất ác độc. Có thể nói trong mấy chục năm qua, xã hội Việt Nam ta đã bị giam hãm trong những quan niệm sai lầm, dẫn đến những bất hạnh rộng lớn. Đã đến lúc bỏ hết những chấn song của nhà tù vô hình này, điều tiên quyết để có tự do và chân lý, mở đường cho tương lai.

Tôi viết cuốn sách này trong nỗi đau lòng của một người cộng sản ở trong Đảng Cộng sản Việt Nam vừa tròn 45 năm, sau khi bị khai trừ tháng 3, 1991. Tôi không chút cay đắng hoặc căm hờn. Tôi cố viết trong sự tỉnh trí và sáng suốt. Tôi cố nói lên sự thật như nó vốn là thế, không chút thổi phồng, thêu dệt, bóp méo. Tôi nghĩ đến tất cả tuổi trẻ Việt Nam ta khi viết cuốn hồi ký này. Các bạn trẻ là tương lai của đất nước. Hãy tìm hiểu quá khứ và hiện tại, cố lý giải cho mimh bạch mọi vấn đề và từ đó bắt tay xây dựng tương lai gần và xa. Các bạn hãy coi đây là tâm sự, là lời tâm huyết của một người đi trước nhận tội lỗi của thế hệ mình, của chính mình trước thế hệ trẻ thân yêu và tin cậy. Lịch sử luôn sòng phẳng. Tư duy xã hội luôn sòng phẳng. Nó rất công bằng trong đánh giá đúng sai, tốt xấu, công tội, vượt qua những nhiễu loạn của thế hệ đương thời.
Một anh bạn thân ở Hà Nội biết tôi viết sách liền gửi thư sang khuyến khích. Anh dặn tôi hãy viết lên sự thật một cách ngay thẳng chớ ngại nói thật mất lòng. Cuối thư, anh lấy từ cuốn cổ học tinh hoa câu chuyện tu thân của Tuân Tử, chép gửi cho tôi như sau:
Thấy người hay thì phải cố mà bắt chước, thấy người dở thì phải tự xem mình có dở như thế không? Chính mình có điều hay thì cố mà giữ lấy, chính mình có điều dở thì cố

mà trừ đi.

Người chê ta, mà chê phải, ấy là thầy ta. Người khen ta, mà khen phải, ấy là bạn ta. Còn người nịnh hót ta lại là người cừu địch hại ta vậy. Cho nên quân tử trọng thầy, quý bạn, ghét cừu địch, thích mà không chán điều phải, nghe lời can mà biết răn mình, như thế là muốn không hay cũng không được

Kẻ tiểu nhân không thế, đã bậy lại ghét người chê mình, đã dở lại thích người khen mình. Bụng dạ như hổ lang, ăn ở như cầm thú. Thấy người không phục mình lại không bằng lòng, thân với kẻ xiểm nịnh, xa cách kẻ can ngăn, thấy người chính trực thì chê, thấy người trung tín thì cười, như thế dù muốn không dở cũng không được.

Đây là sự đúc kết rất sâu sắc thâm thúy sự cư xử ở đời tôi ghi nhận, suy ngẫm và cố gắng làm đúng: khen, chê cho đúng sự thật, không nói quá, không tâng bốc, cũng không dèm pha. Xin cám ơn anh bạn về sự hổ trợ quý báu này. Nếu cuốn sách này làm thay đổi được những nếp nghĩ cũ sai lệch đã hằn sâu trong thời gian dài của bạn đọc, thì người viết cảm thấy hạnh phúc và biết ơn.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

II-Dấn thân

Đến nay đã có hàng trăm lá thư từ các nơi trong nước, từ các nước khác nhau (Thái Lan, Hồng Công ở Châu á, Canada, Hoa Kỳ từ châu Mỹ, Liên Xô, Pháp, Tiệp Khắc, Anh, Đức từ Châu âu, Ai Cập, An giê ri từ Châu Phi), hàng trăm cú điện thọai và hàng trăm bạn bè từng quen hoặc mới làm quen trực tiếp hỏi tôi: Vì sao anh làm việc này, từ Paris, vào lúc này?

Tại sao tôi lại viết bản ""Kiến nghị của một công dân" vào tháng 11-1990 và công bó nó tại Paris?

Từ những suy nghĩ dầu tiên dể trở thành ý định, rồi lớn dần thành chủ định và quyết tâm hành dộng, là cả một quá trình. Tôi đã từng ra nước ngoài gần 20 lần. Năm 1965, tôi sang Trung Quốc rồi Cộng Hòa Dân Chủ Đức (qua Liên Xô) là lần đầu và lần cuối cùng trước khi sang Pháp gần đây là sang In-dô-nê-xi-a năm 1989. Tôi dã dến các nước xã hội chủ nghĩa, đến ấn độ, Cămpuchia, Lào, Thái Lan, In

đô nê xia, Mã lai xi a, Phi líp pin, Nhật bản, Xanh ga bo ở Châu á, đến An-giê-ri, Ai-cập, Ê-ti-ô-pi-a, Dim-ba-bu-ê ở Châu Phi, đến ác-hen-ti-na, Hoa Kỳ ở Châu Mỹ. Còn Pháp thì chưa một lần! Đây là lần đầu. Đã từ lâu tôi hằng mong một chuyến đi Pháp. Nền văn hoá Pháp đã hấp dẫn tôi từ những năm 13 đến 17 tuổi, khi tôi học trường Khải Định (Quốc học Huế), với hiệu trưởng, hiệu phó và gần một nửa giáo viên người Pháp. Đến nay tôi còn nhớ nét mặt, dáng đi, cử chỉ, giọng nói của từng người...Những ký ức thật khó quên của tuổi thơ ấu. Những bài văn của Alfonse Daudet, của Victor Hugo, Anatole France, những luận điểm chính trị của Voltaire, Montesquieu, của Jean Jacques Rousseau là một phần hành trang tinh thần của tôi khi từ giã gia đình, nhà trường để đi kháng chiến.
Hàng năm, báo L'Humanité của Đảng Cộng sản Pháp tổ chức ngày hội báo vào tháng 9. Đầu năm 1990, họ gửi giấy mời đích danh tôi, do sứ quán Việt Nam ở Paris chuyển vè Hà Nội.
Từ giữa năm 1975, tôi bắt đầu có những ý kiến riêng và thường phát biểu những chính kiến của mình bằng cách này hay cách khác. Với tư cách phóng viên, hồi đó tôi đã hỏi chuyện tất cả viên tướng, các công chức cao cấp Sài Gòn ở các trại Thủ Đức, Long Thành, Quang Trung...

Họ được báo đi tập trung học tập "vài ngày", sau đó là "vài tuần", rồi cứ ở lại hoài...Tôi từng gặp ông thứ trưởng Nội Vụ Viễn Chi để góp ý về việc này, và cũng gặp cả bộ trưởng Nội Vụ Phạm Hùng để nói về trường hợp tướng Nguyễn Hữu Có, mới làm quyền Tổng tham mưu trưởng có hơn 38 giờ. Khi cải tạo ""tư sản", xoá bỏ "gian thương" ở miền Nam những năm 1977 và 1978, tôi gặp thứ trưởng Nội vụ Sáu Hoàng (Cao dăng Chiếm) và để xuất đến việc lãnh đạo quá lỏng lẻo, tiền bạc, vàng, kim cương, ...thất thoát hết...Sau khi vào Cămpuchia tháng 1, 1979 đến năm 1982 tôi cùng mấy phóng viên báo Quân đội nhân dân Việt Nam và báo Quân đội Cămpuchia đi các chiến trường Bát tam boong và Xiem Riệp về, tôi gặp đại sứ Ngô Điền, vốn là bạn của tôi, cùng thiếu tướng Lê Hai phụ trách công tác chính trị quân Tình nguyện Việt Nam và đưa ra nhận xét: "Tình hình hiện nay là bộ đội ta bị sa lầy, chỉ có cách là rút sớm toàn bộ các đơn vị ta về nước, giao lại cho bạn, và chuyển sớm cho Liên Hợp Quốc cùng Cộng đồng quốc tế giải quyết vấn đề Cămpuchia, nếu không tình hình sẽ còn gay go cho đất nước ta hơn nhiều"...Rồi giữa năm 1985, tại giảng đường Bách Khoa Hà Nội, ủy ban khoa học xã hội tổ chức cuộc hội thảo về ""Mối liên minh dặc biệt giữa 3 nước Đông Dương", tôi lên phát biểu ý kiến cho rằng

ngay tên của cuộc Hội thảo là không thích hợp, hai chữ "đặc biệt" bao hàm mối quan hệ không bình thường, không bình đẳng giữa một nước lớn hơn 60 triệu dân với 2 nước nhỏ có 6 triệu và 3 triệu dân, chữ Đông Dương cũng không còn thích hợp...

Rồi đến năm 1986, sau khi ông Lê Duẩn mất, ông Trường Chinh được cử làm quyền Tổng Bí Thư, tôi đã viết một bản kiến nghị dài 5 trang đánh máy (hiện tôi còn giữ được bản lưu) đề nghị đổi mới một cách mạnh mẽ, dứt khoát cả về kinh tế và chính trị, thực hiện hòa giải với tất cả các nước thù địch cũ (Nhật, Pháp, Trung Quốc, Hoa Kỳ) chủ động cử các đoàn đi theo các hướng trên đây, và mở một cuộc Hội nghị Chính trị đặc biệt làm động lực cho công cuộc đổi mới toàn diện, cả về kinh tế và chính trị, về đối nội và đối ngoại...Trong bản Kiến nghị này, tôi đề nghị giảm số quân từ trên 1, 6 triệu xuống 60 vạn trong 3 năm, ngang với mức trung bình của thế giới. Tôi đưa một bản cho ông Hà Nghiệp, thư ký của ông Trường Chinh và một bản cho ông Trường Chinh. Ông Trường Chinh xem qua, nhận xét: "ý kiến mạnh dạn, nhưng phải trình Trung Ương xem xét..." Thế rồi im lặng!

Tôi hiểu ngày càng rõ ràng cái cơ chế này đã trở thành kín mít, có dân chủ chăng chỉ là dân chủ hình thức, lãnh đạo

luôn tự cho mình là độc quyền của chân lý, lẽ phải, độc quyền cả lòng yêu nước và sự sáng suốt, yêu cầu mọi người phải tin tưởng, phải tuân theo, không bàn cãi, càng không được có ý kiến ngược, nhân danh" Khối đoàn kết thống nhất vững như bàn thạch của một đảng cộng sản trung kiên và thuần nhất"...

Do đó tôi phải tính đi một con đường khác. Một con đường vòng, quanh co, đầy khó khăn, trắc trở, mang tính chất may rủi, lại có phần mạo hiểm nữa...

Có thể nói đây là một chuyến đi hồi hộp, đơn thương độc mã tác chiến, khi lên đường còn có nhiều ẩn số ở trước mắt. Nước Pháp ra sao? Thái độ của chính quyèn Pháp ra sao? Người Việt ở bên Pháp thế nào? Có thể dựa vào ai? Sẽ sinh sống ra sao, lại còn lo sức khỏe, vì sau khi tôi bị một trận nhồi máu cơ tim nặng tháng 6 năm 1989, tim tôi luôn có khả năng bị tái phát một cơn đau mới.

Có những đêm trằn trọc lo âu. Đang làm việc ổn định, có khí thế nữa, nhất là từ tháng 2, 1989 tôi trực tiếp đảm nhận nội dung xuất bản tuần báo Nhân Dân Chủ Nhật, đến nay đã gần 2 năm. Tôi lên kế hoạch, định hướng từng thời kỳ, xây dựng một lực lượng rất gọn, nhẹ, chỉ có 12 người, tin cậy nhau và tôn trọng nhau trên ý thức "niềm vui làm báo", một tờ báo kiểu mới, "có ích", không dạy đời, không

đại ngôn, cố gắng tăng những lượng thông tin phong phú và bổ ích, với những bài thật ngắn gọn-Xã luận trang 1 chỉ 200 đến 300 chữ (so với báo Nhân dân hàng ngày thường từ 1500 đến 2000 chữ). Cố gắng đưa lên những ý kiến khác nhau, là diễn đàn tự do cho bạn đọc...Báo in nhiều trang 4, 5 màu, cố tìm ảnh màu đẹp...và quả nhiên tờ báo ăn khách. Tháng 2, 1989 ra thử 60, 000 số, tháng 4, 1989 lên đến 82, 000 số, tháng 9, 1989 lên 120, 000 và cuối năm lên trên 140, 000 số. Giá từ đầu 350 đồng một số, lãi mỗi số hơn 100 đồng, được thị trường cả nước chấp nhận. Và chúng tôi được lãi lớn, không những chấm dứt thời kỳ bao cấp, bù lỗ triền miên, mà còn lập được quỹ phúc lợi, quỹ thưởng, quỹ đầu tư kỹ thuật, từ đó xây dựng được một quán ăn trưa với khá nhiều thiết bị. Cứ những dịp đầu năm, kỷ niệm, lễ lạc, như những ngày Phụ nữ, Thanh Niên, Thiếu Niên, Nhà báo, Quốc tế lao động, Quốc Khánh...đều là những cớ hợp pháp để phát tiền thưởng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên, gồm gần 300 người của toàn toà soạn. Đời sống dễ thở hẳn từ đó. Toàn toà soạn đều quan tâm đến số phận của Nhân Dân Chủ Nhật, và lòng quý mến đối với những anh em trực tiếp làm báo Nhân Dân Chủ Nhật cũng biểu hiện rõ rệt, đặc biệt với cá nhân tôi. Lòng say mê nghề nghiệp làm cho tôi vui bao

nhiêu với tờ báo mới, thì những cản trở gặp phải làm cho tôi nản lòng. Vì tôi tuy là Trưởng ban biên tập tuần báo Nhân Dân Chủ Nhật, trên thực tế làm hết mọi công việc của một Tổng biên tập, nhưng Tổng biên tập báo Nhân Dân lại là người phụ trách cả Nhân dân và Nhân dân chủ nhật trên danh nghĩa. Có những bài báo tôi muốn đưa lên, đã duyệt sơ bộ rồi, như bài của nhà sử học Trần Quốc Vượng nói về thế hệ trẻ, thì lại không được duyệt ở khâu cuối cùng! Và có cả bài tôi viết cũng bị kiểm duyệt1 Tất nhiên đó là 2 bài gai góc, nói về bệnh kiêu ngạo, hoành hành từ năm 1975 đến nay và bài bàn về đa nguyên...Hiện tôi còn giữ được bản thảo của cả 2 bài báo này.

Chính cuộc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo nội dung của Nghị quyết trung ương lần thứ 8 (tháng 3, 1990), được tiến hành ở tòa soạn báo Nhân dân tháng 6 năm 1990 đã làm tôi nhận thấy cần một thái độ dứt khoát và mạnh dạn để đưa đất nước ra khỏi một cuộc khủng hoảng toàn diện, nghiêm trọng chưa từng có, và cũng từ đó cứu số phận của báo chí, của những người làm báo nước ta. Sức chịu đựng của nhân dân, của bản thân tôi đều đã quá mức, đạt đến độ quá tải rồi.

Tôi lên đường, từ biệt gia đình, từ biệt bạn bè thân thiết trong tâm trạng lẫn lộn. Niềm vui có cơ hội làm một việc có

ích cho đời. Nỗi lo dấn thân vào một nơi vô định. Nỗi buồn xa vắng cô đơn, Tôi gạt nước mắt ôm hôn 2 cháu ngoại, Hoài Anh lên 4 và Quỳnh Anh lên 8. Hai đứa coi ông ngoại như bạn, hay đòi ông ngoại đưa đi mua tranh, mua sách vẽ, mua báo nhi đồng và thiếu nhi, đi vườn hoa ăn kem, nhất là đi vào khu "Kính dị dạng", nơi thì người soi cao vút lên, nơi thì người soi béo ụ, lùn tịt, cả 3 ông cháu cười sặc sụa...

Có những chuyện "hệ trọng", bí mật của trẻ thơ, truyện ở vườn trẻ, ở lớp học, về cô giáo, về bạn bè, chúng không kể cho bố mẹ mà chỉ kể cho ông ngoại thôi.

Nhưng trên tất cả những đắn đo, lo âu, buồn nhớ là một niềm tin tuy chưa sâu sắc, chưa vững chãi, nhưng là niềm tin mang theo hy vọng. Vì những chính kiến mang dần tính hệ thống của tôi, tôi nhiều lần đưa ra trao đổi với bạn bè, với các đồng nghiệp, những người viết báo lớn tuổi hay còn trẻ, ở Hà Nội hay SàiGòn, ở Thái bình, Hà Sơn Bình hay Hà Nam Ninh, ở Vũng tầu hay ở Sông Bé...tôi đều nhận được những sự đồng tình khá sâu sắc. Rồi những buổi nói chuyện rộng rãi tại trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc, ở trường Tuyên huấn trung ương, ở lớp Báo chí, ở một số cơ sở kinh tế địa phương (những nơi này đều có ghi âm), tôi cố vượt ra ngoài khuôn phép, nói lên chính

kiến riêng của mình. Và tôi ngỡ ngàng một cách thú vị nhận ra rằng hầu hết người nghe đều tán đồng những chính kiến của tôi, hầu như không có ai phản đối cả. ở Trường đảng Nguyễn ái Quốc, tôi nói rõ: "Đảng cộng sản Việt Nam đã vi phạm có hệ thống hiến pháp vì trong một thời gian dài đã coi những nghị quyết Đại hội Đảng, Nghị quyết bộ Chính trị, Nghị quyết Trung Ương như là những quyết định có tính chất pháp luật, bắt buộc Nhà nước và nhân dân phải chấp hành. Hiến pháp chỉ rõ: Toàn bộ quyền lực của nhà nước nằm trong tay nhân dân và các cơ quan dân cử. Dân bầu ra các Hội đồng nhân dân, ra Quốc hội, chứ đâu có bầu ra Trung Ương và Bộ Chính trị..."

Tôi còn nói rõ: các cơ quan dân cử vẫn không thật sự do nhân dân lựa chọn và cử ra, việc bầu cử đều là hình thức, hơn nữa các đại biểu Quốc Hội phần lớn đều nắm chính quyền, là thứ trưởng, là bộ trưởng, chủ tịch Uỷ ban nhân dân, tổng cục trưởng các tổng cục...thành ra vừa nắm quyền lập pháp, vừa nắm quyền hành pháp và quyền giám sát chính quyền, nghĩa là vừa đá bóng vừa thổi còi, gây nên bất lực và hỗn loạn...

Tất cả những chuyện này là những điều bất hợp lý nhất, đã được nêu lên phê phán, nhưng không ai chịu sửa cả!

Tôi đã nói chuyện ở các trường của Đảng, ở các tỉnh về cái tệ phi pháp đã hình thành từ lâu là Đảng bao biện làm thay và tệ hơn nữa là lấn át chính quyền. Các bí thư Tỉnh Uỷ hay Uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ tự cho mình có quyền tối cao giải quyết mọi việc. Các vị này đi đến đâu cũng được "xin ý kiến quyết định của các đồng chí", nào là dựng nên nhà máy gì, ở nơi nào, chổ kia xây dựng trường học hay bệnh viện, xuất khẩu ra sao, thay đổi nhân sự thế nào, các vị cứ cho ý kiến tuốt! Rất nhiều khi việc ấy Chủ tịch ủy ban, phó chủ tịch ủy ban không hề biết gì cả! Các hội đồng nhân dân lại càng lép vế, không có quyền hành gì hết. Tất cả các chuyện này tôi nêu lên, anh chị em học viên các trường cao cấp của đảng là thứ trưởng, tổng cục trưởng đều tán thành và nhiệt liệt hoan nghênh, mong mỏi đảng sớm từ bỏ tệ bao biện, gia trưởng, chuyên quyền. Đặc biệt là ở các tỉnh, anh chị em trí thức làm việc ở các cơ quan chuyên môn không còn chịu đựng được sự kém cỏi và phải nói là dốt nát của một số khá lớn các vị lảnh đạo trong cấp ỳy đảng, họ chỉ có trình độ hiểu biết và văn hoá cấp trung học, tiểu học. Chính anh chị em nói những câu chí lý là:

Sự dốt nát cộng với nhiệt tình thành ra phá hoại và phản động. Vì thường các vị dốt lại thích tỏ ra ta đây không dốt,

cứ giải quyết bừa mọi việc và chỉ gây nên khó khăn và đổ vỡ ở địa phương...

Niềm tin mang nhiều hy vọng của tôi còn dựa vào thực tế từ cuối năm 1986, sau Đại hội 6 anh chị em cán bộ trẻ đã dám mạnh dạn nói lên những điều mình nghĩ, không còn e dè, sợ sệt như trước. Khẩu hiệu: "Nói hết, nhìn "thẳng vào sự thật" đã có tác dụng rõ rệt. Những khẩu hiệu mới mẻ ấy lợi hại vô cùng. Khi đã nói ra rồi, công bố rầm rộ trên báo, trên đài rồi, dù có muốn thu về, muốn hạn chế, hoặc xí xoá đi thì cũng thật là khó.

Hơn nữa, có những điều đã mở ra rồi không sao có thể quay ngược lại được. Trước năm 1975, ai nghe đài BBC, đài tiếng nói Hoa Kỳ đều là phải vặn rất nhỏ, chỉ vừa đủ nghe trong nhà. Hàng xóm láng giềng biết được là không ổn, có khi rất phiền. Cán bộ, công an nghe thấy được lại càng rầy rà, sinh chuyện...Từ năm 1975, người ta nghe tự do hơn, cả những băng nhạc cải lương bị cấm lưu hành. Rồi từ năm 1986 quyền tự do được khẳng định thêm một bước lớn, quyền đòi hỏi bình đẳng, chống đặc quyền, đặc lợi được cất lên mạnh mẽ. ở nhiều chi bộ, các đảng viên chất vấn những người lãnh đạo: "Chúng tôi là kỹ sư, tốt nghiệp đại học, có phải là trẻ con đâu mà chúng tôi không được đọc các tài liệu tham khảo kia của Thông tấn xã Việt

Nam? Chúng tôi chỉ là cán sự, các vị chuyên viên ăn lương cao hơn chúng tôi, nhưng chưa chắc về hiểu biết, cũng như về nhân cách ai hơn ai đâu! Nói là chống đẳng cấp mà cái đảng này chúa là chia theo đẳng cấp...mỗi đảng viên phải bình đẳng! Mỗi công dân phải bình đẳng!" Thế là từ đó, khó còn có thể ngăn chia thứ, bậc như trước được nữa. Mọi nguồn thông tin được tự do tiếp nhận qua đài phát thanh nước ngoài, qua các tài liệu, báo chí của nước ngoài, tuy còn rất hiếm hoi. Một cửa sổ nhìn ra thế giới khá quan trọng là 10 đến 15 phút tóm tắt tình hình thế giới hàng ngày trên màn truyền hình Việt Nam, được chuyển tiếp từ Đài truyền hình (Liên Xô) qua đài thu phát Hoa Sen. Người xem truyền hình Việt Nam được biết qua hình ảnh sống những biến động của thế giới, như bức tường Berlin sụp đổ, Ceaucescu bị xử bắn ở Ru ma ni, tổng thống Havel xuất hiện ở Tiệp Khắc, cuộc bầu cử đa nguyên ở Mông cổ...Tuy hiện nay sự kiểm soát, lựa chọn nội dung truyền hình có chặt chẽ hơn, cố tránh những sự thật gai góc, nhưng không còn có thể trở về lối cũ, bịt mắt, bịt tai nhân dân như trước. Sự hiểu biết về thế giới là một lợi thế sâu sắc của nhân dân, họ hiểu rõ những sự kiện của thế giới-trông người lại nghĩ đến ta nuôi dưỡng những hy vọng lành mạnh cho tương lai.

Chính những thay đổi tích cực trong nhận thức, tư duy của hàng triệu con người đang vươn tới cái tiến bộ, cái thiện, vươn lên đòi quyền tự do, dân chủ, bình đẳng, quyết từ bỏ cái gì là bảo thủ, trí tuệ, cũ kỹ...đã tạo nên sức mạnh động viên tôi cố gắng làm một cái gì đó để đất nước thân yêu của tôi có thể thoát ra khỏi cơn khủng hoảng hiểm nghèo. Và tôi đã tính toán kỹ, cân nhắc kỹ để dấn thân một cách kiên quyết và quả đoán trong chuyến đi Paris, thủ đô nước Pháp vào cuối năm 1990. Trong suy tính của tôi, công cuộc đổi mới như hiện nay là bế tắc. Kinh tế đổi mới, mà chính trị như cũ thì không ổn, hai chân đi khập khiểng sẽ vấp ngã lăn kềnh. Mà lãnh đạo thì rất sợ đổi mới về chính trị, họ sẽ mất quyền, cả quyền lãnh đạo và quyền lợi riêng. Đất nước bất hạnh chính là vì thế-"Thế cùng tất biến", nhiều người nói như vậy. Vì đó là quy luật. Nhưng lại là quy luật xã hội. Cứ chờ thì không ổn, biết bao giờ mới thay đổi! Phải có sự thức tỉnh, có ý chí, có hành động của con người! Nếu không sức ỳ sẽ lì lợm tồn tại.

Đông đảo nhân dân vốn có sẵn lương tri sẽ thức tỉnh khi có người trình bầy lý lẽ và thuyết phục. Tôi không mong chờ gì ở sự tỉnh ngộ, thức thời của những người lãnh đạo. Họ đã khác xưa quá nhiều rồi! Có hai đức tính cần thiết nhất cho người lãnh đạo thì ở họ quá nghèo nàn. Đó là

đức tính biết lắng nghe, tiếp nhận những điều hay, lẽ phải, và đức tính biết thích ứng một cách chủ động với những biến chuyển đi lên của thế giới ngày nay. Tai hoạ của đất nước phải chịu đựng là từ đó, từ hai lỗ hổng tai hại ấy. Vậy chỉ có nguyện vọng của nhân dân được thức tỉnh, và nguyện vọng đó được bộc lộ rõ ràng, rộng khắp, họa chăng mới tạo lên được áp lực xã hội cần thiết để buộc lãnh đạo phải thay đổi.

Nhiều thế lực ở nước ngoài cho rằng chế độ mất lòng dân và độc đoán chỉ có thể lật đỏ bằng bạo lực từ bên ngoài đưa vào. Tôi hoàn toàn không tán thành chủ trương này. Nhân dân đã quá khổ trong chiến tranh, trong đối địch bằng bạo lực rồi. Đấy chỉ là ảo tưởng rất nguy hiểm, xét cho cùng chỉ là trò thiêu thân vô ích.

Ngay cả những lực lượng ở ngoài nước, có tinh thần dân tộc và dân chủ, đề xướng hoặc tán thành hòa giải và hòa hợp cũng hầu như không có tác dụng gì đối với trong nước. Những tổ chức, những nhân vật của họ hầu như chẳng mấy ai ở trong nước biết đến. Họ không có tiếng nói, không có lực lượng, không có quần chúng. ý muốn của họ mãi mãi chỉ là ý muốn, dù cho có thiện ý đến đâu. Thông tin từ ngoài vào trong nước, từ trong nước ra ngoài, vẫn còn bị kiểm soát, bưng bít, phong tỏa một cách gắt

gao.
Tôi nghĩ có thể làm được gì để cưú vãn tình thế hiểm nghèo, đưa đất nước vào con đường dân chủ thực sự, tạo điều kiện để phát triển? Lực lượng quan trọng trực tiếp nhất phải là số đảng viên có lương tâm, có nhân cách và có hiểu biết, cùng với anh em trí thức ngoài đảng và đông đảo tuổi trẻ có tâm huyết với đất nước, cùng chung sức, chung lòng tạo nên sức ép để thay đổi. Dù cho số này ước lượng chỉ độ 10 phần trăm tổng số đảng viên hiện nay là 2 triệu, nhưng cái chất là chính. Khi tình thế biến động họ có thể lôi kéo đông đảo đảng viên khác và đông đảo nhân dân hòa nhập vào một phong trào chung.
Cho nên tôi viết "Bản kiến nghị của một công dân" với 12 điểm chính là hướng về nhà, để gợi ý cho đồng bào và một số đông đảng viên lương thiện một phương hướng suy nghĩ mới. Tôi biết khả năng lãnh đạo chấp nhận đề nghị của tôi là rất ít ỏi. Tôi đã tìm ra cách để ý kiến của tôi đến được với đồng bào ở trong nước. Đó là qua đài BBC. Tôi nghĩ đến khả năng này từ khi ở trong nước, khi nghe đài BBC, thấy làn sóng ổn định, tiếng nói rõ ràng, ít khi bị nhiễu, thời gian buổi sáng và buổi chiều, tối, đều thích hợp cho đông đảo người nghe, tôi trực tiếp thấy cán bộ, đảng viên, các gia đình bình thường cho đến thanh niên, nông

dân...đều ưa nghe đài BBC nhất. Tôi còn biết rất rõ ràng rất nhiều người lãnh đạo đất nước như thủ tướng Phạm Văn Đồng trước kia, hay đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đều là người nghe đài chuyên cần của BBC. Trong chiến tranh BBC đưa tin và bình luận về miền Bắc Việt Nam có phần thiên vị. Những năm tháng gần đây, họ đưa tin khách quan, rất đa dạng, phong phú và sớm sủa, chọn nhiều giọng đọc hấp dẫn. Có tiếng nam, tiếng nữ-Các giọng nói đều truyền cảm. Rõ ràng các buổi BBC đã lôi cuốn hàng triệu lượt người nghe đài Việt Nam.

Ông Đỗ Văn làm công tác biên tập và phát thanh trong các buổi tiếng Việt của BBC là người tôi quen biết va sau khi tham khảo với đài BBC đã tỏ ra tán thành...Ông ta hỏi chuyện ai là đi thẳng vào vấn đề, kể cả nhữmg vấn đề gai góc. Tôi và ông ta có những buổi tranh luận khá găng ở ngay Tòa soạn báo Nhân dân. Năm 1988, rồi năm 1989 tôi lại gặp ông ta ở Hà Nội. Vốn là dân Hà Nội, có mấy người em còn ở Hà Nội, xuất thân từ một gia đình trí thức thủ đô, ông là người có hiểu biết, xét đoán khá tinh tường, nói chuyện rất bộc trực, còn biểu lộ nỗi lo âu sâu sắc trước hiện tình đất nước lâm vào khủng hoảng: số thất nghiệp đông, trộm cắp lan tràn, phụ nữ phải bán dâm, trẻ em bị

suy dinh dưởng, trí thức giỏi không được tin dùng. Tôi nghĩ ông Đỗ Văn có thể hiểu được việc tôi làm và do đó có thể tham gia việc tiếp sức cho tôi, từ lòng yêu nước. Tôi tìm được số điện thoại của BBC ở Luân Đôn và mời ông Đỗ Văn sang Paris để trao đổi ý kiến. Ông ta nhận lời vào giữa tháng 10, trước khi có cuộc Hội thảo về tướng Le Clerc. Cuộc Hội thảo này, ông đại sứ Phạm Bình xin phép Hà Nội cho tôi ở lại để dự, sau khi tôi đã dự Hội báo L'Humanité ở Paris và cuộc Hội nghị bàn tròn về quan hệ Pháp-Việt ở Marseille (cuộc họp này cũng do đại sứ quán Việt Nam ở Paris mời tôi tham dự).

Tôi gặp ông Dỗ Văn ở phòng số 2 trên gác một của Foyer Việt Nam, cửa hàng ăn của Hội người Việt tại Pháp, 80, phố Monge, giữa quận 5, một quận trung tâm Paris. Tôi ở đây theo sự sắp đặt của Hội, vì ban chấp hành Hội chính thức mời tôi ở lại vài tuần để gặp gỡ những nhân vật trong Hội và tìm hiểu phong trào người Việt.

Ông Đỗ Văn rất quan tâm đến nội dung bản kiến nghị của tôi vừa thảo xong và tỏ ra tán thành việc thực thiện một cuộc phỏng vấn, chừng 4 hoặc 5 câu hỏi, với thời gian độ 25, 30 phút...Tôi nghĩ là chừng đó chưa đủ để nói rõ nội dung, lập luận, chính kiến của mình. Ông Đỗ Văn cho biết xưa nay BBC chưa từng có cuộc phỏng vấn nào đến hơn

30 phút cả! Sau chúng tôi cùng nhau thảo luận là sẽ công bố "Bản kiến nghị của một công dân", làm ngay phần đầu của cuộc phỏng vấn, rồi tùy thuộc vào tình hình, nghe ngóng xem trong nước quan tâm đến đâu để sẽ tính liệu sau, liệu cơm gắp mắm. Kết quả vượt quá dự kiến của chúng tôi. Đài BBC bắt đầu công bố tối thứ tư 28/11/1990 bản kiến nghị của tôi, và tối thứ bảy 31/11 bắt đầu phát về cuộc phỏng vấn với những câu hỏi của Đổ Văn và những câu trả lời của Thành Tín. Ngày 3-12, phóng viên Roi-tơ ở Hà Nội đã điện về Paris và Luân Đôn là: "người nghe đài ở Việt Nam, nhất là ở Hà Nội và Sài Gòn, rất chăm chú nghe các buổi này", "Bùi Tín đã nói ra những điều mà rất nhiều người, kể cả quan chức trong bộ máy nghĩ đến mà không dám nói ra". Ngày 13-12 một nhà báo Pháp ở Việt Nam mới trở về gọi ngay điện thoại cho tôi: "Xin chúc mừng! Bom nguyên tử ở giữa thành phố Hồ Chí Minh! Ai cũng bàn đến chuyện Bùi Tín suốt hai tuần nay! Thứ bảy và chủ nhật phố xá vắng hẳn vì người ta gọi nhau về nghe BBC!". Tôi rất xúc động, nhưng luôn tỉnh táo. Tôi nói vui trong máy:

"Không! Không phải bom, càng không phải bom nguyên tử, cậu cứ hay thổi phồng. Một trái lựu đạn thôi!". Cậu ta cãi lại: "Không đùa đâu! Thật đấy...", rồi anh ta viết thư kể

chuyện, ngoài phong bì còn tinh nghịch đề: "Ông bạn bom nguyên tử của tôi!"...

Qua Đỗ Văn, tôi được biết anh chị em làm việc trong bộ phận tiếng Việt của đài BBC đều chú ý về các buổi phát thanh ăn khách, đã có thư từ trong nước gửi sang cho đài để hoan nghênh. Và cứ thế là mỗi thứ bảy và chủ nhật, trong 12 tuần lễ liên tiếp, cuộc phỏng vấn của tôi được truyền về với bà con trong nước, mỗi buổi từ 9 đến 22 phút, tùy theo câu trả lời ngắn hoặc dài. Tổng cộng tất cả cuộc phỏng vấn này dài 180 phút, thật là cực hiếm trên một đài phát thanh quốc tế. Đã vậy, mỗi tối thứ tư hàng tuần, BBC còn điểm báo chí quốc tế, điểm dư luận trong nước và thế giới về bản kiến nghị của tôi và nội dung cuộc phỏng vấn.

Ngay sau Tết âm lịch, cuối tháng 2, 1991, tôi nhận được một số thư các bạn từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần thơ...cho biết: "Khi được biết về bản kiến nghị của anh, anh chị em trí thức, giáo viên, văn nghệ sĩ, cán bộ bàn tán khá sôi nổi và có xu thế là mạnh dạn nói lên sự thật, không e dè, ngần ngại như trước. Những người từng mạnh dạn thì mạnh dạn hơn". Tôi coi đó là một dấu hiệu quan trọng. Tôi không bao giờ cho ý kiến của riêng mình là giải pháp duy nhất đúng. Cần thúc đẩy cho

thật nhiều sáng kiến và biện pháp, thật nhiều người nuôi dưỡng hoài bão, góp phần cứu đất nước khỏi họa hiểm nghèo. Có vậy mới hình thành được phong trào mang tâm huyết và trí tuệ của thời đại, mới huy động và tập hợp được lực lượng đấu tranh có hiệu quả theo những giải pháp đúng đắn. Cuối tháng 1, 1991, bản kiến nghị của ông Nguyễn Khắc Viện đến được Paris, tạo nên một làn gió mới. Đây là bức thư tâm huyết ông Viện gửi cho Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Nguyễn Hữu Thọ. Sau đó là bản kiến nghị của ông Hoàng Minh Chính, nguyên Viện trưởng Viện Triết Học và sau đó là cả một "Chương trình cấp bách nhằm khắc phục khủng hoảng và tạo điều kiện lành mạnh cho sự phát triển đất nước" do ông Phan Đình Diệu, nhà toán học nỗi tiếng, phó Viện trưởng Viện Khoa Học Việt Nam, khởi thảo và kiến nghị...ở phía Nam, ông Lữ Phương, nhà văn hoá có tầm cỡ, vốn là thứ trưởng Văn hoá của Chính Phủ Cộng Hoà miền Nam Việt Nam, đã viết bài báo: "Chủ nghĩa xã hội Việt Nam, di sản và đổi mới", rất được đồng tình vì đã đề xuất một phương hướng rất táo bạo mà lại hợp đạo lý: đảng Cộng Sản phải giao toàn bộ quyền lực cho nhà nước, trở về với xã hội công dân, tự đặt mình trong luật pháp, bình đẳng với mọi tổ chức chính trị và xã hội, từ đó khẳng định lại năng lực và phẩm chất

của mình. Gần đây nhà báo cao niên Vũ Hạnh cũng đã gửi cho đài phát thanh Moscow bài báo nhan đề: Trơ trơ đối mặt với nhân dân của họ" (Thư của một nhà văn Việt Nam). Bài báo được đăng trên Tuần báo Tin Tức Moscow ra bằng 12 thứ tiếng (không có tiếng Việt), ngày 31-3-1991, với câu kết luận: "Những người lãnh đạo của chế độ này đang lo sợ vì cảm thấy trơ trọi, họ quen dựa dẫm vào 'sự ủng hộ', và 'tình đoàn kết' của các nước được gọi là xã hội chủ nghĩa, nhưng thật ra là những chế độ độc đoán vừa sụp đổ, họ cảm thấy mình đứng trơ trọi trước mặt nhân dân và sắp phải trả lời về những đau khổ và thiếu thốn mà họ đã bắt nhân dân phải chịu đựng trong hàng chục năm qua...".

Mỗi tiếng nói gọi thêm nhiều tiếng nói khác, mới mẻ và cộng hưởng. Mỗi ý nghĩ có trách nhiệm gợi lên hàng nghìn ý kiến xác đáng, thức thời. Tất cả đều bị bộ máy trong nước bưng bít, che dấu, kiểm duyệt. Họ lại giả dối và ăn gian. Báo chí ở Việt Nam, đài phát thanh, đài truyền hình đều im lìm về những kiến nghị của những Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu và tôi...Họ sợ sự thay đổi thật. Vì ở họ có "đổi nhưng không có 'mới', có 'thay' mà không có 'đổi'", thay một hồi lại quay về cái cũ rích!

Tức nước ắt phải vỡ bờ.
Sức bị dồn nén lâu ắt phải bật dậy.
Cùng tất biến, là một qui luật của tạo hoá.
Con giun xéo lắm phải quằn, là một sự
thật được nhận thức trong nhân gian.
Cuộc khủng hoảng toàn diện đã đến mức cùng cực. ở Hà Nội tôi từng nghe mấy vị làm báo hóm hỉnh kháo nhau: "Cuộc sống tưởng là hạnh phúc, vì có thể ngoi lên. Thế mà có đến 10 tầng đáy. Và các đáy đều thủng! Cuối cùng là thùng không có đáy!" Để nói lên sự sa sút vẫn còn tiếp tục, đến độ thê thảm, bất bình và phẩn nộ đang lan rộng và ăn sâu trong toàn xã hội! Không chịu được nổi nữa. Sắp đến lúc lịch sử sẽ đi rảo bước, một ngày bằng vài chục năm...Phải làm tất cả để chuẩn bị, tạo điều kiện và thúc đẩy lịch sử bước vào điểm nút quyết định...
Cần tính đến sự lợi hại của khoa học kỹ thuật viễn thông trong thế giới ngày nay. Không còn như ngày xưa, ngày xửa, tin tức từ Thăng Long vào Đàng Trong hoặc từ kinh đô Huế ra Bắc Hà phải chuyển bằng chạy bộ hoặc đi bằng ngựa trạm, rồi có xe lửa, xe ô tô...Cũng không còn là thời kỳ ở rừng núi Việt Bắc, báo chí thư từ đi về mất đến hàng tuần, hàng tháng và tin tức thế giới đến được thì lõm bõm chậm chạp. Ngày nay đồng bào cả nước có máy thu

thanh, thu hình hiện đại, có thể biết ngay lập tức mọi diễn biến thời sự sốt dẻo ở trong nước và thế giới, không ai có thể bịt tai, bịt mắt đông đảo nhân dân được. Đây là một lợi thế to lớn luôn luôn phải tính đến và tận dụng.

Đầu tháng 12, 1990, một ông bạn cũ làm việc ở sứ quán Việt Nam ở Paris trách cứ tôi: "Ông làm cái việc này để làm gì thế? Ông dại dột quá thế. Bỗng chốc đổ xuống sông, xuống bể tất cả thành tích, uy tín, công lao gần hết một đời người!"

Tháng 2, 1991, một anh bạn trẻ ở báo Nhân Dân từ Hà Nội gửi thư cho tôi, viết: "Chú ơi, ở đây rất nhiều anh chị em nhớ chú, giữ một niềm tin ở tâm huyết và sự sáng suốt của chú. Thế nhưng một vài anh em trẻ ít suy nghĩ thì cho rằng chú sang đó rồi ở lại là do tuổi lớn rồi, đã đến tuổi nghỉ hưu rồi, chú ắt phải tìm chỗ an nhàn để lo cho thân mình lúc cuối đời thôi, nhất là khi lại có điều kiện. Cháu không nghĩ thế!"

Một nhà báo nước ngoài nhận xét: "Bùi Tín là con người thường có mặt ở địa điểm và thời điểm nổi bật nhất (the right place at the right time). Lần này cũng vậy. Ông ta lại làm một việc mà ai cũng phải chú ý...". Quả thật, tôi không bao giờ tìm cơ hội để làm nổi mình lên-Không! Đây quả thật là một cuộc dấn thân. Tôi đang có chức có quyền. Từ

4 năm nay, tôi ở bậc lương chuyên viên 8, ngang với một thứ trưởng. Làm báo tôi lại có được một danh tiếng nào đó. Nhất là từ khi phụ trách trực tiếp tờ tuần báo Nhân dân chủ nhật, tôi được hầu như mọi người trong tòa soạn báo Nhân dân (chung cho Nhân dân hàng ngày và Nhân Dân Chủ Nhật) quý trọng hơn. Tờ tuần báo Nhân Dân chủ nhật với chủ trương thoáng đạt, tôn trọng bạn đọc được cả nước đánh giá khá cao, nên anh chị em làm báo Nhân Dân cảm thấy đỡ tủi thân. Báo Nhân Dân vốn vẫn bị chê là khô khan, tẻ nhạt, lên gân hay dạy đời nhất, nghĩa là bảo thủ nhất trong làng báo Việt Nam vốn đã khá bảo thủ. Sao tôi lại bỏ mà đi trong khi tôi đang có uy tín, được quý trọng?

Mỗi lần dấn thân lại có một nét riêng, để lại những kỷ niệm khó quên trong cuộc đời. Những ngày trước và sau Cách mạng tháng Tám, tuổi trẻ dấn thân sao mà nhẹ nhàng, thanh thoát, tự nhiên đến thế. ở tuổi 18, những bài hát Tiến quân ca, Nào ta đi hồng binh, Nhớ chiến khu, Chiều Bắc Sơn...có sức thôi thúc rất mạnh mẽ. Chúng tôi nhập cuộc như là hít hơi thở trong lành buổi sáng vậy. Sự nhập cuộc mang tính chất lãng mạn của tuổi trẻ, máu hiệp sĩ nổi dậy, bất chấp khó khăn, gian khổ và hy sinh...Tôi lẳng lặng ra đi, gói một bộ quần áo, một chiếc áo len nâu, một chiếc

khăn mặt, tất cả trong chiếc túi vải nhỏ. Anh bạn Việt Minh dắt tôi đến ngôi nhà cạnh Bắc Bộ Phủ, trụ sở của chi đoàn Quang Trung mới ở Việt Bắc về. Tối đầu tiên xa nhà, nằm trên chiếc ghế dài, ngủ ngon lành, không chút trằn trọc. Bữa cơm đầu tiên xa nhà, cơm xới từ một chiếc rá đan bằng tre, ăn ngon lành cùng với các đồng chí trong cùng một tiểu đội quân giải phóng...

Sau đó là dấn thân vào những trận chiến liên miên. Ổ địch hậu Quảng trị, ở hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng, ở vùng Khe sanh, Đầu Mầu, Lao Bảo trên đường số 9, ở quanh thị trấn Mường Phìn, gần các bản Nam-Cha-Lo, bản Đông trên đất Lào...Những trận phục kích bắn cối, tiến công các đồn bốt địch...Rồi các trận đánh của sư đoàn 304, được thành lập từ năm 1950, ở các chiến trường Hà Nam Ninh, Hòa Bình, rồi Điện Biên Phủ...Những cuộc hội nghị quân chính, những cuộc học tập nghị quyết về các chiến dịch Thu Đông, Xuân Hè, những cuộc hành quân đêm, rét lạnh, lầy lội, buồn ngủ rũ người...Những cuộc nghiên cứu chiến trường trên bản đồ, trên sa bàn, trên thực địa...Những trận tấn công đồn địch trong tầm phi pháo (máy bay và pháo địch ném nom, bắn phá)..., những cuộc hỏi cung tù binh, binh lính và sĩ quan lê dương, lính dù, cơ quan tham mưu địch, những công việc thường

ngày của người lính, báo động tập hợp, hành quân, dừng chân, làm bếp, nấu cơm, giặt giũ, cắm trại, tắm rửa, đào hố vệ sinh...vất vả liên miên, đầy lo toan mà cũng nhẹ nhàng, chẳng mấy nặng nề và cũng không cảm thấy khổ sở vất vả...Vẫn cười, vẫn hát, vẫn kể chuyện tiếu lâm, vẫn trêu chọc nhau...Vẫn cứ yêu đời và lạc quan.

Hồi đầu năm 1964, sau khi có nghị quyết trung ương lần thứ 9, cũng đúng vào lúc hai anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu bị chết trong một cuộc đảo chính, và sau là vụ bí hiểm giết tổng thống Hoa Kỳ Kennedy, tôi lại "dấn thân" một chuyến vào miền Nam, qua đường mòn Hồ Chí Minh. Hồi năm 1961, tôi đã đi qua con đường này khi nó thực sự còn là đường mòn, cây cối còn rậm rạp, hành quân còn mang ba lô, chống gậy lách đi trong rừng rậm. Đầu 1964, đường mòn đã mở rộng hơn, nhưng cũng chỉ vài tấc, đến một thước rưỡi, cho xe đạp, thồ đi qua. So với những cuộc dấn thân sau này, qua đường mòn Hồ Chí Minh những năm 1972 và 1975 thì nguy hiểm về bom đạn lúc ấy chưa có gì đáng kể cả. Thế nhưng số người hy sinh trên đường mòn không phải là ít. Cách vài binh trạm (mỗi binh trạm cách nhau 20 đến 30 km) lại có một nghĩa trang, chôn cất anh em hy sinh trên đường mòn. Hồi ấy có đến vừa đúng mười kiểu chết khác nhau trên con đường hành quân

Nam-Bắc. Lạc đường trong rừng rậm, đi miết, không tìm được lối trở ra, bị chết đói. Đi tốp nhỏ, ngủ đêm bị hổ vồ. Trời mưa, không nhìn rõ, đạp lên rắn độc, bị cắn chết. Bị đau ruột thừa cấp tính, hoặc bị sốt rét ác tính không chữa chạy kịp. Mắc võng dưới cây to, có cơn lốc bất thường, cành cây lớn gẫy hay cả cây to đổ, bị đè chết. Qua suối lớn, nước chảy xiết, cầu trơn, trượt chân, bị cuốn đi, không cứu kịp...Có khi chỉ con vắt xanh, hàng trăm, hàng nghìn con ngọ nguậy trên đường ngửi thấy hơi người, bám vào chân rồi leo lên người ở nơi có động mạch, hay nơi có tĩnh mạch lớn, cắn và hút thỏa sức, thường là ở nách, ở bẹn và cả ở bộ phận sinh dục của nam và nữ, không cầm máu được. Có khi leo núi đá đầy rêu, trời mưa, đất trơn như đổ mỡ, trượt chân nhào xuống vực sâu cùng với ba lô nặng sau lưng. Lại có khi ăn phải nấm độc, rau độc...Không cứu kịp. Chưa nói đến những vụ lụt cực lớn trên rừng như năm 1965 ở Tây Nguyên, nhà cửa, trâu bò, heo, gà và cả người nữa bị nước dâng lên cao và cuốn đi. Vậy mà chúng tôi vẫn nhẹ nhàng dấn thân vì có một niềm tin vững chắc ở thắng lợi, vì luôn nghĩ: "Chí làm trai thời loạn, phải có mặt ở nơi mũi nhọn. Cầu an, bảo mạng, nhường hy sinh gian khổ, cho người khác là sự ươn hèn và ích kỷ đáng hổ thẹn với lương tâm...".

Năm 1972 rồi 1975, tôi đi dự các chiến dịch lớn ở chiến trường miền Nam là những cuộc dấn thân do máu nghề nghiệp làm báo. Dù biết rằng chiến sự sẽ rất ác liệt, Mỹ đưa vào cả một bộ máy chiến tranh lớn, vối đủ loại vũ khí tân kỳ: Xe tăng Abrams, pháo bầy, xe bọc thép, máy bay Con ma, Thần sấm, pháo đài bay B52, các loại mìn dây, mìn bướm...tôi vẫn nhẹ nhàng khoác ba lô lên đường. Hồi ấy tôi còn ở báo Quân đội nhân dân. Tất cả các chuyến đi ấy là tự tôi nêu ý định ra hỏa tuyến, không có lần nào do cấp trên hay tập thể yêu cầu. Nghiệp vụ làm báo thôi thúc tôi lên đường, tôi quen khá nhiều các nhà báo quốc tế, từ Burchett đến Walters Conkrite, từ Peter Arnett đến Nayan Chanda hay Felix Bolo và Tiziano Terzani...Sao báo chí phương Tây họ xông xáo, họ sưu tầm tài liệu và các sự kiện lớn, họ đưa tin nhanh nhậy, họ viết sách ăn khách...mà phóng viên Việt Nam ta không làm được. Trong những cuộc ra mặt trận ấy, quả thật có những lúc tôi lo và phảng phất một nỗi sợ. Đó là khi B52 rải thảm bom đầu tiên vào đội hình hành quân hồi 1972, không khí bị lay động như dông bão, cây cối đổ rầm rầm, ánh chớp lóe lên rồi tắt ngấm trong đêm đen...Đó còn là hồi đầu năm 1973, tôi đi trên máy bay lên thẳng chở các phóng viên của ỳy ban Quân Sự Bốn Bên thi hành Hiệp Định Paris, đi Lộc

Ninh, Cần Thơ, Mỹ Tho, Đà Nẵng, Nha Trang...Những ngày đầu qua Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ bị súng ở dưới bắn lên, súng của cả hai bên, có những viên trúng vỏ ngoài của máy bay...Nhất là ngồi trong xe tăng đang hành quân, nghe trưởng xe nhận định: Phía trước ta bên phải, cách một ngàn tám trăm mét, một ổ tên lửa chống tăng xuất hiện, yêu cầu cối và pháo ta diệt những hỏa điểm ấy...Những nỗi lo sợ thoáng qua...

Năm 1979, tôi lại dấn thân trong cuộc hành quân vào Cămpuchia. Cho đến nay, ít người được biết sự kiện quân sự này. Sau ngày giải phóng miền Nam, tôi ở lại phía Nam. Các cuộc xung đột ở biên giới Việt Nam-Cămpuchia nổ ra ngay sau ngày 30-4-1975 và ngày một ác liệt. Đặc biệt là sau đó hai năm, từ đêm 30-4-1977, nổ ra những cuộc thảm sát ở Châu Đốc, rồi suốt cả năm 1978 dọc biên giới các tỉnh Minh Hải, An Giang, Long An và Tây Ninh, quân Khơ-me đỏ ngày càng tỏ ra táo tợn và khát máu hơn. Quân ta chống trả rất khó khăn vì chưa được phép đánh hẳn sang bên kia biên giới. So sánh trong một tháng có khi số quân ta bị chết và bị thương cao hơn trong thời kỳ chống Mỹ. Vì quân Khơ-me đỏ quen thuộc địa hình, lại rất quen chịu đựng thủy thổ, cộng với ý thức quá khích được nuôi dưỡng từ lâu.

Cho đến cuối năm 1978, có quyết định chuẩn bị gấp cuộc hành quân lớn, gần bằng cuộc hành quân mùa xuân 1975, nhằm đánh thẳng lên thủ đô Pnômpênh, giải phóng cả nước, phối hợp với một số đơn vị Cămpuchia ly khai mới vừa được tổ chức lại. Cuộc hành quân này bắt đầu từ ngày lễ Nô-en 25-12-1978 và đến ngày 7-1-1979 thì đánh chiếm xong thủ đô Pnômpênh. Tôi đi cùng với cánh quân phía nam qua Tà Keo lên Pnômpênh, vào đến sân bay Pô-chen-tông tờ mờ sáng 7-1-1979 và trưa đó thì đến Hoàng Cung, chiều đó ghé vào đại sứ quán Trung Quốc, ngôi nhà lớn nhất và hiện đại ở thủ đô. Quân Khơ-me đỏ rất ngô ngáo, gan dạ khi đánh nhau ở vùng gần giáp giới với Việt Nam, nhưng khi hệ thống phòng thủ của chúng bị chọc thủng và tan vỡ thì chúng mất hết tinh thần, bỏ chạy tan tác, hầu như không còn kháng cự có tổ chức nữa. Đêm 6, rạng ngày 7-1 ấy chúng tôi có một kỷ niệm không bao giờ quên trên đường hành quân. Chúng tôi có năm anh em làm báo quân sự đi trên một chiếc xe ô-tô com măng ca Liên Xô do thượng úy Quý lái. Chúng tôi có đại úy Xuể, phóng viên nhiếp ảnh của báo Quân đội nhân dân, hai phóng viên của phòng phát thanh quân sự thuộc Cục Tuyên huấn, tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam, và tôi. Xe nhà báo chúng tôi xuất hành từ chiều ngày

6, ở cuối cuộc hành quân. Cánh quân này gồm có hai sư đoàn (sư đoàn 4 và sư đoàn 8 của quân khu 9). Cả thảy có đến gần 400 xe đủ loại (xe tải chở bộ binh, xe kéo pháo, xe cứu thương, xe thông tin, xe bọc thép, xe tăng, xe chỉ huy, có cả xe công binh làm cầu phà...). Chiếc xe com-măng-ca của chúng tôi len lỏi dần lên phía trên, đến gần nửa đêm thì lên đầu sư đoàn 4, trong khi sư đoàn 8 đã ở phía trước khá xa. Tôi quyết định cho chiếc xe này tách khỏi sư đoàn 4 để cố đuổi cho kịp sư đoàn 8. Xe tắt đèn trong hành quân. Phía trước và phía sau đều có tiếng súng nổ. Quân Khơ-me đỏ mở vài cuộc phục kích, nhất là ở những đoạn đường rừng núi hiểm trở. Chiếc xe con đi một mình trong đêm tối, được chừng 10 km thì đại úy Xuể ghé tai tôi nói:

"Thủ trưởng ạ, ta đi thế này có mạo hiểm không?". Tôi yên lặng không trả lời. Chúng tôi chỉ có hai khẩu súng AK và ba khẩu súng ngắn. Chiếc xe vẫn lao lên phía trước. Bỗng tôi nóng ruột một cách khác thường. Tôi nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với anh em. Cần dũng cảm, nhưng không nên quá mạo hiểm. Tôi bảo thượmg úy Quý: "Dừng lại, Quý ạ. Ta đành chờ sư đoàn 4 lên thôi". Chừng 20 phút sau, sư đoàn 4 đến. Để một xe tăng dẫn đầu đi qua, chiếc xe của chúng tôi lại ghé vào đi tiếp. Chỉ chưa đày 10

phút sau, một tiếng nổ đanh vang dậy với một sức ép nhỏ. Chiếc xe tăng đi đầu khựng lại. Thì ra ở ngã ba đường, giữa một cánh rừng cao su, lính Khơ-me đã đưa một chiếc xe tăng Bát nhất của Trung Quốc còn mới nguyên đặt giữa đường và chĩa thẳng khẩu đại bác 75 ly ra phía trước và đã bắn vào chiếc xe tăng đi đầu, làm một chiến sĩ ta chết, hai bị thương nhẹ, trục truyền lực của xe bị gẫy. Anh em ta nhẩy xuống, bắn đuổi theo bọn lính áo đen đang bỏ chạy, đưa chiếc xe tăng Bát Nhất vào thay chiếc xe tăng bị bắn hỏng và tiếp tục cuộc hành quân. Xác một liệt sĩ ta được quấn vào vải trắng và đặt trên một xe cứu thương. Chúng tôi cả năm anh em hú vía! Nếu cứ đi tới thì chiếc xe con của chúng tôi ắt sẽ bị bắn nát và cả năm chúng tôi đều là liệt sĩ! Từ đó hằng năm, bốn anh em ấy thường ghé nhà tôi, họp mặt vào ngày 7 tháng giêng để nhắc lại những kỷ niệm cũ với tình cảm đồng đội gắn bó trong những ngày khói lửa.

Lần này tôi lại làm một cuộc "dấn thân". Không giống chút nào với những lần trước đây. Tôi sang Pháp cuối tháng 9 năm 1990 một mình, trơ trọi và lẻ loi. Một vé máy bay của Hàng không Việt Nam, một hộ chiếu ngoại giao, một chiếc va ly nhỏ bé có hai bộ quần áo và một chiếc túi xách nhỏ. Một nỗi buồn sâu đậm về đất nước và nhân dân trong

cảnh đói nghèo, hỗn loạn, chưa có lối thoát. Một sự mong đợi đang được định hình để góp phần cứu nước khỏi cảnh lầm than, cô quạnh. Còn biết bao khó khăn, thử thách ở trước mắt. Những ý kiến của mình sẽ đạt kết quả phần nào chăng? Hay lại uổng công vô ích và chuốc vạ vào thân? Chuốc vạ cho mình, cho gia đình và cho cả bạn bè mình nữa? Thế nhưng không được ươn hèn, yếu đuối và cam chịu. Không thể bỏ mặc nhân dân trong cảnh lầm than và tuyệt vọng, chỉ biết phận mình, vô trách nhiệm với đồng bào ruột thịt của mình!

Và thế là quyết tâm dấn thân chín dần trong lòng tôi. Các con tôi đã lớn và trưởng thành. Con gái tôi là bác sĩ ở Viện Mắt trung ương. Con rể tôi là cán bộ ở ủy ban nhà nước về Hợp tác và đầu tư. Con trai tôi vượt biên trong đám thuyền nhân từ Hải Phòng sang Hồng Kông từ đầu năm 1989, là kỹ sư chế tạo máy. Sau khi tốt nghiệp trường đại học Bách Khoa Hà Nội, con trai tôi đã chán nản trước cung cách xử dụng nhân tài, muốn học thêm để nâng cao trình độ kiến thức, nhưng chất lương đào tạo trong nước quá thấp nên cố tìm cách ra nước ngoài để có điều kiện trau dồi thêm trình độ. Trong gia đình, vợ chồng tôi không khuyến khích, nhưng cũng không ngăn cản việc cháu đột ngột ra đi với trăm nỗi nguy hiểm trên đường biển. Cháu

và người yêu của cháu, một nữ sinh viên sắp tốt nghiệp trường đại học sư phạm ngọai ngữ Hà Nội khoa tiếng Anh, chỉ kịp xin giấy đăng ký kết hôn ở ủy ban phường có một ngày trước hôm lên đường. Mấy tháng sau, chúng tôi mới nhận được thư và biết hai cháu đã lênh đênh trên biển vừa đúng 28 ngày. Sau đó hai cháu ở trong trại cấm gần một năm rưỡi, đến tháng 7, 1990 mới được hưởng quy chế tự do để chờ được phía Hoa Kỳ nhận vào đất Mỹ, do cô em gái ruột tôi hiện ở La Puente (Cali) bảo lãnh. Tôi vừa lo cho con trai, vừa cảm thấy yên tâm và tự hào vì nó có suy nghĩ độc lập, có ý chí và nhân cách.

Đây có lẽ là cuộc dấn thân cuối cùng trong đời tôi, một cuộc dấn thân khác hẳn mọi cuộc lên đường thời trai trẻ, thời sung sức. Thế nhưng tôi vẫn tự bảo: "không thể làm khác được, không thể ươn hèn được, nỗi bất hạnh của đồng bào ta rộng khắp quá, sâu đậm quá! Không thể để mặc cho số phận, phải làm tất cả những gì có thể làm được để góp phần đưa đất nước ra khỏi thảm họa dân tộc chưa từng có này..."

Và đúng một tuần lễ trước khi lên đường, tôi ghé về thăm quê tôi ở xã Liên bạt, huyện _ng Hòa, Hà Sơn Bình (Hà Đông) để thăm viếng mộ thày mẹ tôi. . Từ năm 19 tuổi, tôi vẫn giữ một niềm tin ở lẽ phải, cái thiện và những điều mà

từ khi vỡ lòng thầy mẹ tôi đã dạy bảo: "ở hiền gặp lành, tu nhân, tích đức, đói cho sạch rách cho thơm". Thầy tôi sinh ra từ một dòng họ lớn. Cụ nội tôi là Bùi Tuấn, thi đỗ Giải Nguyên, năm 34 tuổi đỗ tiến sĩ, sau đó được cử vào làm giám khảo các cuộc thi Hương ở Nghệ An và Huế, rồi làm tổng đốc tỉnh Ninh Thái (gồm Thái nguyên và Bắc Ninh), và tham tri Bộ Binh khi cụ Nguyễn Tri Phương là thượng thư Bộ Binh. Năm 1869, khi bọn giặc Trung Quốc Ngô Côn quấy nhiễu, cụ cùng với cụ Ông ích Khiêm dẹp loạn, lập nên chiến công hiển hách, được ghi vào sử nước ta. Ông nội tôi là Bùi Tập, tuần phủ tỉnh Hưng hóa, cùng một lớp với các cụ Cao Xuân Dục, Vũ Trọng Bình, Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Hữu Độ là những quan lại nổi tiếng về thanh liêm và văn học cao thời bấy giờ. Ông nội tôi mất sớm khi mới 47 tuổi.

Ba anh em cha tôi mồ côi từ tấm bé, khi hai anh cha tôi lên 7 và 10 tuổi, còn cha tôi mới lên 5, . Ba anh em phải xuống thị trấn Vân Đình, ở nhà ông chú dượng là cụ Dương Lâm để học chữ Hán. Cạnh nhà ấy là một ngôi chùa nhỏ. Ba anh em ruột Bùi Bằng Phấn, Bùi Bằng Thuận, Bùi Bằng Đoàn sáng dạ, chăm học, thường quét lá đa ở cửa chùa để đến tối đốt lên thay đèn đọc sách. Năm 1906, ba anh em lên đường vào kinh đô Huế cùng dự thi Hương và đều

đỗ, gọi là đồng khoa, một điều rất hiếm. Cha tôi đỗ cử nhân Hán học lúc mới 17 tuổi, ngay sau đó phải khai thêm 3 tuổi để vào trường Hậu bổ học ba năm tiếng Pháp. Cha tôi đỗ đầu thi tốt nghiệp. Sau khi làm chánh án tỉnh Bắc Ninh, Tuần Phủ tỉnh Cao Bằng, rồi tỉnh Ninh Bình, đầu năm 1933, cha tôi được chọn vào Huế làm Thượng Thư (bộ trưởng) bộ Tư Pháp khi mới 44 tuổi. Mười hai năm ở kinh đô, trông nom việc xử kiện của tất cả các tỉnh Trung kỳ, cha tôi giữ một đức tính liêm khiết đến mức tuyệt đối, dồng thời trực tiếp chỉ đạo việc soạn thảo các bộ luật cho Trung Kỳ, các bộ luật mới này đều thảo bằng tiếng Pháp, tiếng Việt và dịch ra cả chữ Hán. Đến năm 1945, sau cách mạng Tháng Tám, cụ Hồ Chí Minh mời cha tôi ra làm việc. Hai lần đầu cha tôi từ chối, viện cớ tuổi đã cao (56 tuổi), sức đã yếu, nhưng chính là do quan điểm Nho giáo: Trung thần không thể theo hai vua!. Đến lần thứ ba cụ Hồ khẩn khoản yêu cầu, cha tôi mới nhận lời sau khi xin ý kiến hai ông anh và cả gia đình. Mới đầu cụ Hồ giao cho cha tôi làm Tổng thanh tra chính Phủ, cùng ông Cù Huy Cận làm ủy viên thanh tra, cha tôi yêu cầu: có chức thì phải có quyền, và được Chủ tịch nước đồng ý. Cha tôi đã xử lý một cách kiên quyết và công tâm một số vụ tham nhũng và lợi dụng quyền hành ở Vĩnh Phú và Hà Nam, trong đó có

một số cán bộ cấp tỉnh là đảng viên cộng sản. Cha tôi làm chủ tịch ủy ban thường vụ Quốc hội từ cuối năm 1946, đến đầu năm 1955, thường ở rất gần Hồ Chủ Tịch trên căn cứ địa Việt Bắc. Khi cha tôi mất do bị chảy máu não (tháng 4, 1955), chính phủ làm lễ Quốc táng trọng thể và dự định an táng ở nghĩa trang Mai Dịch ở thủ đô, nhưng cha tôi trước khi tắt thở đã yêu cầu chôn cất ở làng quê, trên mảnh đất quê hương bên những người thân yêu. Ngoài một ngôi nhà nhỏ ba gian ở quê, cha tôi không có một ngôi nhà nào khác ở Hà Nội, hay ở những nơi khác đã từng làm việc. Khi mất, cha tôi không để lại một tài sản nào đáng kể cho tất cả mười người con, tám gái, hai trai. Chúng tôi không có cả đến một chiếc xe đạp để đi. Tất cả chúng tôi đều bảo nhau rằng, gia tài người để lại là cực quý, là vô giá: Đó là đức tính liêm khiết, trong sạch của một ông quan đại thần suốt đời sống dản dị, khiêm nhường, được cả xã hội quý trọng về đức độ và nhân cách. Chính đức tính ngay thật, thẳng thắn tất cả vì lẽ công bằng của xã hội của cha tôi đã cổ vũ tôi hôm nay dấn thân vì cuộc sống của đồng bào và đất nước thân yêu.

Tôi cũng đã thắp nén hương trên mộ mẹ tôi, ở ngay bên mộ cha tôi. Mẹ tôi là vợ thứ hai của cha tôi, bà cả mất sớm trước khi cha tôi vào Huế. Bà cả có năm con đều là con

gái. Mẹ tôi đẻ năm lần, hai trai, ba gái. Bà cả thuộc gia đình nho giáo. Mẹ tôi xuất thân từ một gia đình nhà nghèo ở miền quê Bình Lục, Hà nam (nay là Hà Nam Ninh). Chính giọng hát quyến rũ của mẹ tôi với những làn điệu sa mạc, ca trù, ả đào...đã làm cha tôi mê mệt. Mẹ tôi lại ham làm, luôn tay khâu vá, làm bánh, nấu nướng, muối dưa, muối cà, làm tương...ngay cả khi đã được gọi là "bà lớn"...Điều tôi nhớ nhất ở mẹ tôi là tấm lòng nhân ái, thương người, chỉ thích làm quen, kết bạn, chơi thân với những người giản dị, ít kiểu cách. Sau cách mạng Tháng Tám tôi đi bộ đội xa, không cho gia đình biết nơi tôi hoạt động. Mẹ tôi cố đi tìm ở những trại Quân giải Phóng mà không thấy. Từ đó mẹ tôi luôn có các anh em bộ đội ghé qua nhận làm mẹ nuôi và chăm sóc anh em như là chăm sóc con đẻ vậy. Lòng nhân ái và lòng vị tha sâu đậm, sống chan hòa với xung quanh trên căn bản của Tình Người ấy đã có ảnh hưởng quyết định đến cuộc sống tình cảm của tôi, và cũng là một động lực thôi thúc tôi hôm nay...
Tôi tin rằng đất nước mình không thể nghèo khổ, bị đọa đầy mãi được, nhân dân mình không thể cam chịu cảnh đạo lý bị đảo ngược và tan vỡ, xã hội bị đảo điên đến thế này. Đó là điều không ai có thể chấp nhận. Chung một lòng cứu vãn đất nước khỏi khủng hoảng, tất cả những

người có lương tri, trọng nhân cách và đạo lý ắt phải tập hợp nhau lại. Sát cánh đấu tranh cho tương lai của dân tộc. Và tôi thấy trong lòng có một sức thôi thúc mạnh mẽ đến quyết liệt để dấn thân...

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

III-Cây Bút...

Tôi bước vào nghề báo từ tháng 10, 1964, sau một chuyến đi nghiên cứu ở Tây Nguyên và khu Năm gần một năm. Tình hình ở báo Quân dội nhân dân đang khá căng thẳng. Tổng biên tập cũ Văn Doãn, sau khi theo học trường đảng cao cấp, đã xin cư trú chính trị ở Liên Xô từ năm 1962. Tổng biên tập mới Hoàng Thế Dũng cũng vừa bị đình chỉ công tác vì không tán thành nhiều quan điểm chủ yếu của Nghị quyết trung ương lần thứ 9. Từ khi còn ở quân khu 4, tôi từng viết một số bài đăng trên báo Quân đội nhân dân. Chính đại tướng Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng cục chính trị đã đưa tôi về báo Quân đội. Tôi được phân công chuyên trách về biên tập các vấn đề thời sự, thời sự trong nước và thời sự quốc tế. Đồng thời tôi cũng cộng tác với các tạp chí Quân đội mhân dân, tạp chí Học tập (cơ quan lý luận của đảng cộng sản Việt Nam) qua những bài phân

tích về thời cuộc. Bài "Vết thương sọ não" giới thiệu cuốn sách "Những người xuất sắc nhất" của David Hamberstam rất được chú ý. Công việc thời sự bắt tôi phải đọc khá nhiều sách báo nước ngoài và tiép xúc với nhiều nhà báo quốc tế đến thăm Hà Nội, khi Mỹ leo thang đánh phá miền bắc bằng không quân.

Đầu năm 1972, sau khi ở chiến trường Quảng Trị về, tôi được ban bí thư trung ương đảng biệt phái sang báo Nhân dân do tình hình chiến sự miền nam bước vào thời kỳ sôi động. Nhiệm vụ của tôi là làm chiếc cầu nối giữa Bộ Quốc Phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục chính trị và báo Quân đội nhân dân với báo Nhân dân của đảng. Với thẻ ra vào đặc biệt, được Bộ tư lệnh cảnh vệ Bộ quốc phòng cấp, cứ ba tháng lại cấp lại một lần, tôi có thể ra vào tất cả các cơ quan của Bộ Quốc phòng như Cục Tác chiến, , cục Tuyên huấn, bộ tư lệnh phòng không không quân, Bộ Tư lệnh Pháo binh, Bộ tư lệnh Hải quân, Bộ tư lệnh các Quân khu..., dự các cuộc phổ biến tình hình tuyệt mật, đọc các thông báo quân sự của Bộ tổng tham mưu. Do tình hình của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ diễn ra rất quyết liệt trên miền Bắc, nên sáng nào tôi cũng dự cuộc giao ban ở Bộ Tổng tham mưu, rồi trở về thông báo lại cho Ban biên tập báo Nhân dân, và góp ý kiến để

xử lý ngay việc viết bài (xã luận hay bình luận, tường thuật, tin chiến sự, chụp ảnh...) và cử phóng viên đi các nơi để viết bài ngay trong ngày. Công việc thật căng thẳng và vất vả thường đêm nghỉ lại ở tòa soạn, có hôm nghỉ ngay trong hầm tránh bom vì báo động kéo dài và không quân Mỹ đánh ngay thủ đô vào ban đêm.

Chỉ riêng năm 1972, tôi viết hơn 80 bài gồm cả xã luận, bình luận các trận đánh ở miền Nam và ở miền Bắc, tổng hợp tình hình chiến sự, nhiều bài về người lái Mỹ bị giam giữ tại khách sạn Hilton Hà Nội, từ những người lái Thần Sấm F105, con ma F4, Cánh cụp cánh xòe F111 và Pháo đài bay B52 (mỗi tốp lái có 5 hoặc 6 người). Tôi từng hỏi chuyện Alvarez, Schumaker, những người lái bị bắt đầu tiên, đại tá Risner từng tham gia chiến tranh Triều Tiên, các đại tá lão luyện Flynn, Denton, Stockdale, trung tá Hải quân MacCain định đánh dứt điểm nhà máy điện Yên phụ, nhưng bị trúng đạn và nhẩy dù xuống hồ Trúc bạch...

Trong tháng chạp 1972, sau 12 ngày đêm liền Mỹ ném bom rải thảm vào các thành thị miền Bắc, các cuộc thương lượng ở Paris được nối lại và dẫn đến ký hiệp định Paris. Tôi được cử vào doàn đại biểu nước Việtnam dân chủ cộng hoà trong uỷ ban quân sự bốn bên, làm uỷ viên chính thức kiêm người phát ngôn của đoàn.

__Đoàn ở trong trại Davis, một khu nhà gỗ vốn cuả một đơn vị truyền tin Mỹ, trong sân bay Tân sơn Nhất, Sàigòn. Tôi vừa tham dự cuộc họp chung cuả bốn đoàn, vừa tiếp các nhà báo quốc tế ngay tại trụ sở, viết bài cho báo quân dội nhân dân và báo nhân dân. Có đến 14 phóng viên báo quân đội và 6 phóng viên báo nhân dân tham gia các đoàn ở Sài gòn và các đoàn ở điạ phương như Huế, Đà nẵng, Buôn mê thuột, Biên hoà, Mỹ tho, Cần thơ...Ngày 29. 3. 1973 thiếu tướng Lê quang Hòa, trưởng đoàn đại biểu quân sự giao cho tôi quan sát buổi rút cuối cùng của quân nhân Mỹ ở sân bay Tân sơn nhất.

Tôi không tìm kiếm hư danh, không cố làm để cho mình nổi tiếng, để lấy "le", như bà con trong nam thường nói. Do công việc tôi đãm nhận, tôi cũng không bao giờ thoái thác những công việc vất vã, căng thẳng hay nguy hiểm để đùn cho người khác, nên tôi được chứng kiến hai sự kiện quan trọng. đó là lúc người Mỹ rút quân, và lúc chính quyền Sài gòn sụp đỗ ngày 30. 4. 1975

Thời kỳ 1976, 1977, tôi ở trong thành phố Hồ chí Minh, phụ trách cơ quan đại diện của báo quân đội nhân dân ở phía nam, viết tin, phóng sự điều tra về các trại cải tạo sĩ quan, viên chức chính quyền Sài gòn, về các cuộc bài trừ "gian thương, " các cuộc "cải tạo giai cấp tư sản" và phong

trào hợp tác hoá nông nghiệp...Tất cả những chính sách vội vã, dùng mệnh lệnh hành chính thay cho thuyết phục, làm lòng dân không yên, sản xuất không phát triển, làm cho tôi bắt đầu chán ngán, mệt mỏi và nhiều lúc bực bội. Câu nói một nhà báo Mỹ thật là sâu sắc "Các ông đã thắng trong chiến tranh, nhưng đã không thắng được trong hoà bình, các ông không chinh phục cũng không giải phóng được miền nam, các ông xử sự như những đội quân chiếm đóng".

Trong những năm 1978, tôi đã đến các trại tỵ nạn người Cămpuchia ở Bến sắn (Tây Ninh) và hỏi chuyện chừng hơn một trăm người, gồm sư sãi, nhà báo, một số giáo sư bác sĩ, một số công nhân và nông dân, sau đó tôi viết một bài phóng sự dài về những gì đã xẫy ra ở Cămpuchia sau khi Khờ me đỏ nắm quyền từ 17. 4. 1975 và lần đầu tiên dùng hai chữ "Diệt chủng ". Bài báo gửi ra tòa soạn báo nhân dân ở Hà Nội vào tháng 5. 1978, nhưng tổng biên tập ngần ngại không đăng vì lúc đó vẫn coi đảng của Pôn-Pốt là "Đảng cộng sản anh em". Tôi phải ra Hà Nội với 4 cuốn sổ tay dày ghi các cuộc phỏng vấn, trình bày những điều tôi đã nghe kể, toàn là những chuyện giết người hàng loạt một cách man rợ, bằng gậy, bằng cuốc xẻng, với những hố chôn người tập thể, những đám cưới tập thể kỳ

cục, dẫn đến một đất nước không có thành phố, không có chợ búa, trường học và bệnh viện, không có tiền bạc, không có màu sắc, chỉ có một mầu đen mốc thếch, máu, nước mắt và sự tuyệt vọng. Đến tháng tám, bài của tôi được đăng kèm theo sáu bức ảnh của tôi chụp...Sau cuộc hành quân vào Cămpuchia tháng giêng năm 1979, tôi viết một cuốn sách về cuộc hồi sinh nhanh chóng cuả đất nươc chùa tháp sau nạn diệt chủng với đầu đề "Trên đất nước của nụ cười không bao giờ tắt", do nhà xuất bản Văn Học thành phố Hồ chí Minh phát hành. Đây là cuốn sách thứ bảy của tôi.

Tôi nhớ lại cuốn sách đầu tay của tôi là cuốn "Liên khu năm bất khuất" do nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành cuối năm 1965. Sau đó là cuốn " Dưới bóng tòa đại sứ Mỹ" do nhà xuất bản của Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam xuất bản năm 1972, được dịch ra ba thứ tiếng: Pháp, Anh và Tây Ban Nha, với nội dung nói về chính quyền Nguyễn văn Thiệu trong quan hệ với Oa-sinh-tơn. Đầu năm 1973 nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản cuốn sách thứ ba của tôi "Những người hùng Mỹ chóng mặt", viết về những người lái máy bay Mỹ bị bắt, những "khách du lịch" không mời mà đến trong khách sạn Hin-tơn Hà Nội. Cuối năm 1973 nhà xuất bản Văn học in

cuốn sách thứ tư "60 ngày ở Sài Gòn" viết theo kiểu nhật ký ghi lại những sự kiện trong 60 ngày ở Sài Gòn ngày sau khi ký Hiệp định Pa-ri. Năm 1976 nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh in cuốn sách thứ năm của tôi mang đầu đề "Sài Gòn, trong ánh chớp của lịch sử. " ghi lại những sự kiện tháng 4 và tháng 5. 1975. Năm 1982, sau khi theo dõi cuộc chiến đẫu ở Lâm Đồng, Buôn mê thuộc và Công-tum, Plây-cu để giải quyết tận gốc phong trào chống đối vũ trang Ful-Rô, tôi viết cuốn: "Ful-Rô, con bài thời hậu chiến", do nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh in. Năm 1987, nhân dịp kỷ niệm 70 năm cách mạng Tháng mười ở Liên Xô, tôi viết cuốn " 70 năm khai phá và sáng tạo ", dựa trên những con số thống kê trên báo chí Liên Xô (Phần lớn là những con số thổi phòng quá đáng để tuyên truyền!" và giới thiệu cuộc cải tổ theo hướng Pê-re- xtrôi-ka của Gorbachev, những đổi mới chính trị và kinh tế còn mới phôi thai và chập chững ở Liên Xô. Đây là cuốn thứ tám của tôi. Đó là những cuốn sách mang nhiều nét cụ thể sống động, được thể hiện với ít nhiều mục đích tuyên truyền kịp thời.

Cuốn sách tôi đang viết đây là cuốn thứ chín, là cuốn sách tôi viết với nhiều đắn đo suy nghĩ nhất. Chắc chắn là cuốn sách mang tâm huyết. Tôi cố viết thật trung thực, đúng

như sự thật, có thế nào nói như thế. Tôi tự xác định một thái độ tỉnh táo, không cay cú, không tức giận, không thù oán, có thể dẫn đến thiếu khách quan, không khoa học. Tôi viết cuốn sách này để bạn đọc trong nước và nước ngoài hiểu rõ hơn một thời kỳ sôi nổi của đất nước, từ đó rút ra những kết luận cần thiết. Tôi nghĩ nhiều nhất đến các bạn trẻ, từ mười tám, đôi mươi đến ba mươi, bốn mươi tuổi, những người sẽ đưa đất nước vào thế kỷ 21. Ước mong rằng các bạn sẽ có thể hiểu rõ một thời kỳ có nhiều sự đánh giá khác nhau, do những chổ đứng và quan điểm khác và trái ngược nhau, và từ đó tự mình xem xét lịch sử của đất nước bằng cái đầu tỉnh táo của chính mình, làm giàu thêm hành trang nhận thức và tư tưởng để cùng nhau đưa đất nước vào một thời kỳ dân chủ, hòa hợp, phát triển và hạnh phúc cho mọi người dân Việt nam ta. Có mấy anh bạn ở Paris thường hỏi tôi : Trong mấy chục năm làm báo cộng sản, anh thấy những điều gì lý thú và bổ ích nhất? Thì ra đây là một vấn đề tôi suy nghĩ rất nhiều trong gần 10 năm lại đây. Từ khi tôi được đọc đều các báo Mỹ, báo Pháp, báo Anh như: Newsweek, Far Eastern economic review, Le Monde, Liberation, Time, The Independent...và gặp gỡ trao đổi ý kiến với cả trăm phóng viên báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình các nước, tôi

thấy làng báo Vietnam ta cổ lỗ thủ cựu quá! Có nhiều người có tài năng, cũng có ý định tốt đẹp, có tâm huyết, nhưng cái cơ chế quan liêu nó đè nặng, triệt tiêu hết mọi tài năng và tâm huyết...Tôi đâm ra thất vọng. Tôi từng lên lớp cho anh chị em sinh viên khoa báo chí của trường tuyên huấn trung ương, lên lớp cho cả lớp bổ túc được dành cho các phóng viên báo chí ở Lào và Cămpuchia, tôi vẫn thường nêu một cách ngay thật những yếu kém cổ lỗ của báo chí Việt nam, cũng như của báo chí các nước xã hội chủ nghĩa.

Cái tệ đầu tiên là báo chí rất coi thường người đọc báo, mặc dầu câu đầu lưỡi là vì nhân dân, là phục vụ nhân dân. Đây là một nền báo chí quan liêu, chuyên lên lớp, răn dạy, đe nẹt người đọc. Theo thuyết định hướng dựa trên lập trường đấu tranh giai cấp được hiểu một cách máy móc, báo chí cho người xem biết được những điều gì là tuỳ thuộc lợi ích tuyên truyền, do đó sự thật bị bóp méo, bị sai lạc đi rất nhiều. Có cả một khoảng cách to lớn, một sự đối lập giữa cuộc sống thật và những điều báo chí nói đến. Khẩu hiệu đưa ra từ Dại hội đảng lần thứ 6 :"Nói thẳng, nói thật, nói hết" vẫn chỉ tồn tại về đại thể trên giấy, người đọc không tin, chê bai, không muốn đọc báo chí là vì thế. Có người nói đùa một cách chua cay rằng, trên báo nhân dân

chỉ có tin dự báo thời tiết là có thể tin cậy phần nào, (vì vẫn có trường hợp dự báo sai), có thể tin được hoàn toàn chỉ là tin buồn, tin cáo phó. Họ nói quá để nhấn mạnh một cái tật.

Cái tệ rất nghiêm trọng nữa của báo chí là căn bệnh quan liêu bao cấp, ăn quá sâu đến mức không sao thay đổi hay cải tiến được, phải có một cuộc cách mạng về quan niệm và tổ chức. Tổng biên tập nhiều khi chỉ là cán bộ tổ chức, cán bộ tuyên huấn, không có tay nghề và năng khiếu làm báo. Cũng như ở các nghành kinh tế, người không am hiểu thì chỉ đạo người ít nhiều am hiểu hơn, người giỏi dạy người kém chứ ai lại để người dốt, người kém ngồi trên người am hiểu hơn, sự trái khoáy là ở chổ đó. Anh phóng viên viết một bài báo, anh phó phòng chữa rồi ký duyệt, anh trưởng phòng xem lại, sửa thêm rồi ký, sau đó ông phó tổng biên tập xem lại, sửa, ký rồi ông thư ký tòa soạn sửa thêm nữa và cuối cùng ông tổng biên tập ký duyệt...Một bài báo phải qua 4 đến 5, 6 chữ ký! Qua mỗi vị bài báo lại bị cắt xén, sửa chữa cả ý, lời, thêm bớt ít nhiều, cho đến khi ra mắt người đọc thì chỉ còn là "Một công trình tập thể" tròn trịa, đủ ý tứ, nhưng không có thịt da, không còn gì là nét riêng, dấu ấn riêng, tư duy riêng của người viết nữa, có khi người viết đọc lại bài đã được sửa, không

còn nhận ra đứa con tinh thần của mình.
Do đó bên cạnh những căn bệnh kinh niên của báo chí là ngoa ngôn và đại ngôn (nghiã là dùng những chữ rất ồn ào mà rỗng tuếch như: Vĩ đại, anh hùng, vô cùng, cực kỳ, rất là, tuyệt đối...)thì nạn công thức hoành hành dữ dội. Viết xã luận kỷ niệm ắt phải mở đầu bằng: Trong không khí tưng bừng phấn khởi..., nhắc đến nghị quyết thì ắt phải mở đầu là: Dưới ánh sáng của đại hội Đảng...nhắc đến nhiệm vụ thì ắt phải viết: Chúng ta phải ra sức quán triệt..., (chữ quán triệt là một chữ tàu được dùng bừa bãi, vô tội, vạ, có khi trong bài lắp đi, lắp lại hàng chục lần, có thể nói không có số nào là không có!).
Đến bao giờ trong làng báo Việt Nam nhập được vào làng báo thế giới để theo cùng một cung cách đánh giá bài báo, đánh giá người viết báo thì báo chí ta mới khởi sắc lên được. Nếu không vẫn bị sa lầy trong làng báo công chức, thủ tiêu hết mọi cá tính của các bài báo, của mỗi một người viết báo. Theo hệ thống công chức, tài năng làm báo được xếp đặt theo bậc lương theo kiểu cách ở cơ quan hành chính, từ cán bộ tập sự lên cán sự từ bậc 1 đến bậc 6, rồi chuyển lên chuyên viên, từ bậc 1 lên bậc 6, bậc 7...Cứ 3 hay 4 năm lại được bình để lên chức một lần. Anh ở bậc cao hơn luôn tự cho mình là nhà báo kỳ cựu,

giỏi hơn anh ở bậc thấp hơn mình! Anh có quyền sửa bài của người khác thuộc cấp thấp hơn! Nghĩa là một làng báo theo đẳng cấp chặt chẽ, dựa vào cấp bậc, theo bậc thang công chức, nấc thang lương bổng!

Chính do những căn bệnh và những cái ách quan liêu dè nặng mà những cây bút có thể là có tài, thường là những cây bút trẻ, có nhiều triển vọng, có suy nghĩ và tìm tòi, có nghị lực thâm nhập cuộc sống và có lương tâm nói lên sự thật..., đều gặp những khó khăn chồng chất, bị kẹt cứng trong bộ máy cổ lỗ, các bài vở của họ bị bác bỏ phê phán, họ bị chụp mũ đủ thứ : tự do, không thuần, học đòi theo báo chí tư sản, thiếu tính đảng...Và thế là cả làng báo Viet nam phải trở về khuôn phép, nhà báo trở thành thợ viết, viết cho trên hài lòng, viết theo com măng của cấp trên, viết theo " gu " của trên, viết theo kiểu vô thưởng vô phạt, các bài viết trên đại thể là giống nhau, một vấn đề, một đề tài nào đó được phân công viết thì ai nấy viết theo một kiểu cách giống nhau, đọc phần trên đã đoán ra phần dưới, đọc tít bài đã đoán ra cả bài, đọc câu đầu đã đoán ra câu sau...Một làng báo rất "tập thể", rất nhàm chán, rất xuôi chiều, mà cái thiếu lớn nhất là dấu ấn của cá nhân, dấu ấn của cây bút mang tên của tác giả bài báo. Nhiều tài năng báo chí bị chết yểu, bị triệt tiêu, bị loại bỏ vì những

quan điểm bảo thủ, lạc hậu về báo chí, vì căn bệnh coi tập thể là tuyệt đối, đối lập tập thể với cá nhân, đi đến thủ tiêu cá tính. Ngẫm nghĩ kỹ thì đó chẳng phải của riêng làng báo, mà đó là số phận hẩm hiu và bế tắc của mọi trí thức, mọi tài năng khoa học, văn hóa nghệ thuật và kinh doanh trong một bộ máy còn quá lạc hậu, và lạc lõng với thế giới ngày nay.

Cuối năm 1989, khi luật báo chí được quốc hội thông qua và công bố tại Hà nội, một số phóng viên ở các nước Đông nam á xin vào Việt nam để đưa tin. Sau cuộc họp báo ở câu lạc bộ quốc tế, nghe đại diện bộ thông tin giới thiệu dài dòng về luật báo chí mới, một phóng viên báo Nation ở Bangkok lắc đầu chán ngán, để rồi điện về Thái lan một mẩu tin ngắn gọn: " Luật báo chí của Việt nam được công bố hôm nay có hai nét nổi bật, đó là nhà nước kiểm soát chặt chẽ báo chí và cấm tư nhân ra báo. Chấm hết ".

Qủa thật ngành tuyên huấn của đảng và ngành thông tin của nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ báo chí, cả về nội dung hình thức, tổ chức các tòa soạn, nề nếp làm việc và công tác phát hành. Tháng 7. 1990 một chỉ thị của ban tư tưởng và văn hóa của trung ương đảng gửi cho tất cả những người phụ trách báo chí, đài phát thanh, và truyền

hình của cả nước : Từ nay không được nói đến chữ Staline và đa nguyên. Ai để lọt hai chữ này sẽ chịu trách nhiệm trước dảng và nhà nước. Thế là tất cả dều phải im re. Vì nói dến Staline là nói dến tệ sùng bái cá nhân một cách cực đoan là nói đến tác phong thiếu dân chủ, chuyên quyền, dộc đoán và tàn ác, vi phạm quyền tự do của công dân, nói đến Staline là khơi lại những vụ án chính trị, khoa học và văn hóa bất công, sẽ làm nẩy nở những yêu cầu minh oan vì công bằng xã hội và dân chủ ở Việt nam, diều mà lãnh đạo rất lo sợ. Nói đến đa nguyên là nói đến dân chủ, ắt dẫn đến quan niệm đa đảng, một điều tối kỵ đối với cơ quan lảnh đạo.

các nước phương tây, người làm báo có một vị trí xã hội khá đặc biệt, được dư luận xã hội coi trọng, được chính quyền vị nể. Đó là vì có quy luật cạnh tranh đào thải, rất gay gắt. Chỉ còn tồn tại lâu bền những người làm báo thật sự có tay nghề cao, bất kể tuổi tác, tuổi nghề ra sao. Những bài viết của họ tạo cho chữ ký của họ uy tín xã hội lớn. Đó là uy tín nghề nghiệp có thực chất. Các báo chí, các nhà xuất bản nổi tiếng, các hãng truyền hình đều cố tìm đến những nhà báo để mời viết bài, viết sách và gặp gỡ người đọc, người nghe và người xem truyền hình...Các nhà báo dều bình đẳng. Sự phân biệt giá trị duy nhất là tài

năng là do sự tự rèn luyện mà nên. ta cơ chế quan liêu, cách thức quản lý báo chí cổ hủ đã làm thui chột, bóp chết mọi tài năng báo chí. Thước đó giá trị của người viết báo trên thực tế không phải tài năng nghề nghiệp mà thường là những tiêu chuẩn ngoài nghề nghiệp, làm cho báo chí chỉ phát huy dược khả năng động viên, cổ vũ trong chiến tranh và tỏ ra bất lực, nhạt nhẽo và quá ít hiệu quả xã hội trong xây dựng đất nước.

Không biết bao nhiêu lần tòa soạn báo Nhân dân đã thảo luận về chức năng của mình. Đây là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng cộng sản Việt nam, đồng thời do chưa có "Công báo", chưa có tờ báo chính thức của chính phủ và quốc hội, nên báo nhân dân được kiêm nhiệm thêm là tiếng nói của đảng, của nhà nước, của chính phủ và của quốc hội nữa. Do đó các ủy viên bộ chính trị nào cũng gọi đến báo nhân dân để ra chỉ thị. Có khi tổng bí thư, có khi chủ tịch hội đồng nhà nước, hoặc chủ tịch quốc hội và rất nhiều lần chủ tịch hội đồng bộ trưởng chính thức chỉ thị cho báo Nhân dân phải viết tin, đưa bài, đưa ảnh về hoạt động cơ quan mình. Rồi các trưởng ban trung ương (có hơn chục ban), các bộ trưởng và thử trưởng, đều coi báo Nhân dân có trách nhiệm đưa bài, tin về ngành mình. Thế là báo Nhân dân trở thành diễn đàn chung của tất cả

bộ máy đảng và nhà nước, nó nghiễm nhiên trở thành một kiểu công báo nặng nề, khô khan, tẻ nhạt, toàn là chuyện hội họp, lễ lạt, chỉ thị nghị quyết, các đoàn thăm viếng chính thức, với các diễn văn đưa đón, chiêu đãi, tiễn biệt...Như là tra tấn người đọc vậy.

Từ sau đại hội 6 của dảng cộng sản Việt nam, có một tư duy mới được hình thành, đó là: Báo chí của ta, báo Nhân dân vừa là báo chí của đảng, vừa là diễn đàn của nhân dân. Thật là hay, thật là đẹp và đủ nữa! Về lý luận, báo chí dược coi là công cụ của sự nghiệp đổi mới, công cụ của quá trình dân chủ hóa, nghe càng hay, càng kêu! Thế nhưng làm được đầy đũ hai chức năng đó thật khó, có khi mắc kẹt. Vì trong khi lãnh đạo của đảng có nhiều sai lầm, nạn tham nhũng lan tràn như bệnh dịch trong các cơ quan nhà nước, các cơ sở kinh tế, lòng dân không yên, họ phẫn nộ và căm giận với những kẻ thối nát và bất tài đang cầm quyền, thì báo nhân dân đứng về phía nào? Có dám mạnh dạn đứng về phía Nhân dân không? Và rõ ràng báo Nhân dân đã được chỉ đạo là trước hết và trên hết phải báo vệ uy tín của đảng và nhà nước và phải rất gượng nhẹ, có tính toán liều lượng trong việc đưa những bài phê bình chỉ trích của nhân dân, của bạn đọc.

Cho nên những nhà báo lão thành hay đùa kiểu châm

biếm : Báo thì của đảng, mà lại lấy tên là Nhân dân! Và lại có người hóm hỉnh nói : Mình sẽ cùng một nhóm ra một tờ báo tư nhân lấy tên là : Đảng, ai có hỏi thì xin trả lời rằng : Đảng đã lấy mất cái tên thật của chúng tôi, nay chúng tôi xin lấy lại tên của đảng vậy. Để thương lượng, trao đi đổi lại, trả lại cho nhau cái tên thật của mỗi bên.

Giữa năm 1990, tất cả cán bộ đảng viên đều phải tiến hành phê bình và tự phê bình sau khi nghiên cứu và thảo luận về nghị quyết 8 của trung ương. Có nghị quyết 8 A (Về quan hệ giữa đảng và quần chúng) Nghị quyết 8 B (Về tình hình các nước Đông Âu). Các bản tự phê và phê đều phải viết tay, ký tên đưa cho cán bộ tổ chức để ghép vào hồ sơ. báo Nhân dân, tôi cảm thấy mình là một đối tượng của cơ quan tổ chức, mặc dù tôi là phó tổng biên tập Kiêm Trưởng ban văn hóa và văn nghệ (cho cả báo nhân dân hàng ngày), đồng thời trực tiếp tham gia các bài viết về quan hệ quốc tế, về quốc phòng và an ninh...Tôi không bao giờ tránh né lo lắng, nhưng đàng hoàng và tự tin. Sau khi tổng biên tập kiểm điểm, đến lượt tôi. Tôi nhắc lại: Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ nguyên nhân bên trong là chính, tuy có nguyên nhân bên ngoài. Đây là theo phép duy vật biện chứng. Do không có dân chủ, do bệnh quan liêu, vô trách nhiệm. Tôi cho rằng đa nguyên là đúng,

là cần thiết, là cơ sở của đổi mới. Tôi cho rằng trung ương thi hành kỷ luật đồng chí Trần Xuân Bách, đưa ra khỏi bộ chính trị, ban bí thư, ban chấp hành trung ương là quá nặng. Có chừng hơn 30 cán bộ trong phòng họp (từ phó ban biên tập các chuyên nghành trở lên) Một cán bộ phụ trách ban bạn đọc chất vấn " Anh Thành Tín cần xem lại quan điểm của mình có ăn khớp với quan điểm của đảng không? nhà tập thể tôi ở, vừa rồi họ gọi nhau đi nghe băng ghi âm anh nói chuyện ở đâu đó, có tới 4, 5 chục người kéo đến một buồng nhỏ để nghe, có người con khen : Nói chuyện thế mới là nói chuyện chứ, hơi đâu mà nghe các ông tuyên huấn". Một phó tổng biên tập móc máy:"Số tết báo Nhân dân vừa rồi, bài anh Thành Tín viết nhận định về tình hình Đông Âu là không chặt chẽ, là không khớp với nhận định của đảng". Tôi trả lời " Vâng đó là bài báo: sắc xuân của dòng chảy trong đó tôi viết: sự độc ác đối với con ngườì, đi cùng tệ quan liêu, độc đoán và tham nhũng luôn luôn xa lạ với con người cộng sản chân chính, những điều nhân dân không bao giờ chấp nhận và cam chịu. "
hội trường lớn trường đảng Nguyễn i Quốc ở Hà Nội tháng 4. 1990, tôi đã nói rõ " Đảng đã bao biện, ôm dồm, dẫm chân lên chính quyền quá lâu rồi, đã đến lúc phải trả lại toàn bộ chính quyền cho các cơ quan dân cử. Có thể nói

chính đảng đã vi phạm có hệ thống hiến pháp là luật cơ bản của đất nước, trong một thời gian dài. Hiến pháp chỉ rỏ rằng : nước ta, toàn bộ chính quyền thuộc về tay nhân dân, thông qua các cơ quan dân cử là hội đồng nhân dân và quốc hội. Nhân dân không bầu ra trung ương đảng và không bầu ra bộ chính trị. Trung ương đảng và bộ chính trị quyết định những nội dung, biện pháp, chỉ số, chính sách, về kế hoạch nhà nước trong 5 năm hay trong 1 năm về nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp v. v...đều là sai nguyên tắc, làm vậy là lấn quyền của quốc hội và hội đồng nhân dân..."

Chính tháng 5. 1990, Bộ nội vụ mời tôi nói chuyện về tình hình trong nước và người nghe gồm cán bộ trung cao cấp của bộ và sở công an Hà Nội. Tôi nói về số lượng quân đội và an ninh quá cao, cao một cách kinh khủng so với tỷ lệ các nước khác, tôi nhận xét thêm " Một vị lãnh đạo không nhận giải thưởng hòa bình Nô - Ben (Đây là chủ trương của đảng) là một thái độ chủ quan, kiêu ngạo, rất không nên, làm mất cảm tình của dư luận và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới". Khi nói chuyện xong tôi hỏi mấy cán bộ tuyên huấn và an ninh " Thế nào mình nói thể có mạnh quá không?" Các vị đều vui vẻ trả lời "Anh em rất thích thú, anh nói thẳng thắn, đầy sức thuyết phục,

cuộc nói chuyện hết sức bổ ích..."

Cũng vào giữa 1990, anh em ở tỉnh Hà nam Ninh và thị xã Ninh Bình mời tôi về nói chuyện. Đây là một chuyến đi khó quên. Anh phó chủ tịch tính đưa tôi cùng mấy anh em phóng viên trẻ xuống vùng biển Xuân Thủy, ra thăm những vùng cồn cát bạt ngàn vửa nỗi lên mấy năm nay, do nước biển rút dần ra xa, Chúng tôi thăm cồn Lu, rồi vùng Bạch Long, nơi cách đây vừa đúng 60 năm, khi cha tôi làm tri phủ ở phủ Xuân Trường, đã đôn đốc bà con ỏ phủ đắp đê lấn biển, dành được hơn hai nghìn mẫu đất ruộng. Đê quai ấy vẫn còn và còn cả một sinh từ miếu thờ người có công từ khi người ấy còn sống, dựng lên từ hồi đó, để ghi lòng biết ơn của nhân dân đối với sự nghiệp lấn biển phục vụ dân sinh ấy. Tôi nhớ lời kể của cha tôi cho các chị em tôi về công cuộc đắp đê ấy khi chúng tôi còn học ở Huế. Hồi đó cha tôi luôn đứng trên mặt đê, có lúc suốt cả ngày và đêm, chỉ ăn bánh quy và nước chè nóng đựng trong chiếc téc-mốt nhỏ. Một chi tiết làm tôi nhớ mãi là sau đó, khi làm tuần phủ ở Ninh Bình, rồi làm thượng thư ở triều đình Huế, thầy tôi khi đi các địa phương để làm việc không bao giờ ăn uống ở nhà nhân dân vì luật lệ cấm rất ngặt việc các quan lại phiền nhiễu, hà sách nhân dân thuộc quyền...Tôi vừa được biết mới đây, trong tháng ba, tháng tư 1991

Tổng cục an ninh cử người xuống Nam Định và thị xã Ninh Bình điều tra về các buổi nói chuyện của tôi hồi năm ngoái (Tôi nói chuyện với cán bộ báo chí và ngân hàng tỉnh 2 buổi và 2 buổi nữa ở xí nghiệp Cảng và nhà máy cơ khí Ninh Bình) Anh em ở đây trả lời một cách bình tỉnh: " Vâng, chúng tôi có mời anh Thành Tín xuống đây nói chuyện. Chúng tôi biết trường đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc và bộ nội vụ cùng mời anh ấy đến nói chuyện kia mà. Vì anh ấy là phó tổng biên tập báo nhân dân, khi nghe anh ấy nói chuyện, chúng tôi đều thấy hay và bổ ích. " Tháng 8. 1990, khi chuẩn bị sang Pháp, các bạn tôi ở Hà Nội vừa đi công tác vào Vinh, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh về cho tôi biết ỏ những nơi nầy đều có bán băng ghi âm những buổi nói chuyện của Thành Tín, mỗi băng 3000 đồng! Một bạn ở Hà Nam Ninh cũng cho tôi biết các cửa hàng sang băng ở chợ Rồng Nam Định có kinh doanh băng nói chuyện của tôi! Và những băng ấy được đưa vào tận Rạch Giá, Minh Hải...cũng như leo lên tận Lai Châu, Sơn La...Một anh bạn què ở Vinh về thăm nhà cũng mang ra băng nói chuyện của tôi ở Ninh Bình do các bạn anh ở Vinh sang lại và làm quà. Tôi nói vui rằng " Vậy mà mình không có một trinh bản quyền nào hết!" Tôi biết bà con ta nhất là các bạn trẻ, đang khao khát những thông tin mới

mẻ, chân thật và trung thực. Họ đã chán ngấy những bài báo, những cách nói hô hào suông, đạo lý rỗng, nói lấy được, kiểu đại ngôn và ngoa ngôn không còn lọt tai nổi, ví như hai chử "Chúng ta". Chúng ta đã sai lầm, chúng ta đã phạm khuyết điểm, chúng ta đã mất thời gian...để hòa cả làng, để dĩ hòa vi quý, để xuề xoà với nhau và không còn ai biết tội lỗi thuộc về ai cả! Văn kiện đại hội 7 cũng ghi thả cửa : Chúng ta, là ai? Là tất cả mọi người, không còn là ai sất cả! Hòa! Cười trừ! Chấm hết!. Chủ nghĩa tập thể là vậy, chữ tập thể có cái hay ấy thật tuyệt!

Trong những buổi nói chuyện trên, tôi cũng kể cho đông đảo người nghe về những gì hay ở Mỹ, ở Nhật, ở các nước Đông Nam á mà tôi quan sát được. Cũng như tôi viết 20 bài báo rất ngắn (chỉ 200 đến 400 chữ) về những kinh nghiệm cụ thể ở nước ngoài, được các bạn đọc quan tâm và gửi thư về báo Nhân Dân khen ngợi.

Đó là chuyện kể về thái độ lịch sự và kỷ luật trên đường phố, về mối quan tâm bảo vệ môi trường, và vệ sinh trong xã hội (trong khi ỏ Hà Nội hè phố không còn là hè phố, mà là nơi ăn uống, nơi bán hàng, nơi tiếp khách, trò chuyện, nơi cãi nhau, nơi trẻ con đá bóng, nơi giặt dũ, nơi tâm sự, nơi đánh bạc và là nơi vệ sinh cá nhân và ngủ ngáy nữa), tôi cũng viết về người thường trực ở một cơ quan, lịch sự,

am hiểu công việc và tận tình hướng dẫn khách ra sao (so với những người thường trực các cơ quan ở ta uể oải, phớt lờ, thiếu tận tình), Về tuổi trẻ ở các nước đó (Có giáo sư giỏi tuổi hơn 30, có trợ lý cho tổng thống, thủ tướng tuổi trên dưới 30, có thù tướng 39 tuổi...) so với tuổi trẻ ở ta không được coi trọng, luôn bị coi là non quá, thiếu kinh nghiệm...Về mối quan hệ với cử tri và người được bầu (ông đại biểu của tôi, bà nghị sĩ của tôi), trong khi ở ta bầu chỉ là hình thức, không có mối quan hệ gì giữa cử tri và người được bầu từ trước khi bầu cử, trong khi bầu và đến sau khi bầu cũng vậy...Chính vì ta bị cô lập quá lâu với thế giới bên ngoài, ta sống, làm việc theo một kiểu cách riêng, rất cũ, rất cỗ lổ và do dó chịu thiệt thòi rất nhiều so với những kinh nghiệm phong phú mà loài người đã tích lũy được.

Trong nghề làm báo tôi quen rất nhiều nhà báo quốc tế và không ít là những nhà báo tài năng vì Việt Nam là điểm nóng, những tài năng báo chí nhào vô không ít. Tôi học được khá nhiều ở họ, về tính nhậy bén, về lòng yêu nghề nghiệp, về trách nhiệm với bạn đọc. Và nhất là về sự tôn trọng sự thật, sự thật đúng như nó có, không che dấu, không bóp méo, không thêu dệt...

Hồi đầu năm 1973, sau hiệp định Paris, tôi vào Sài gòn, ở

trại Davis, bên đường băng Tân sơn Nhất. Cứ khoảng 2, 3 ngày tôi lại hợp báo, gặp gỡ báo chí nước ngoài. Họ gọi điện thoại đến trụ sở đoàn suốt ngày, cả vào ban đêm. Họ đi lẻ, họ đi cả tốp, có khi cả đoàn...Đó là Carl Robinson của hãng AP (Mỹ) còn trẻ, săn tin rất nhạy, đó là Barney Seibert của hãng UPI, khá thâm trầm. Đó là Paul Vogle của London Daily Express nói được tiếng Việt, thường đi cùng với cô Tracy Wood cũng của UPI và cô Liz Trotta của NBC News. Đó còn là Fox Butterfield của New York Time hay hỏi tôi tin từ sáng sớm và biếu tôi những bức ảnh anh chụp. Đó là Peter Collins của VOA (tiếng nói Hoa Kỳ), đã tỏ ra hoài nghi việc quân đội Sài Gòn có thể đứng vững nổi khi quân đội Hoa Kỳ rút về nước. Washington Post thì có Thomas Lippman viết bình luận rất nhanh và khá sắc sảo. Có hôm vào buổi sáng, vượt qua các trạm gác của cảnh sát Sài Gòn, ba nhà báo Mỹ là Donald Kirk của Chicago Tribune, Larry Green của Chicago Daily News và Arnold Isaacs của Baltimore Sun lọt vào gần phòng họp chính của đoàn. Tôi chạy ra ngoài gặp họ và mở một cuộc họp báo chớp nhoáng ngay trước cửa trụ sở. Những vấn đề lớn họ quan tâm là việc trao trả hết tù binh của các bên, về những tù binh là người lái máy bay bị bắt trên miền Bắc, về những cuộc hành quân lấn chiếm của 2 bên sau khi hiệp

định có hiệu lực...Bà Frances Sparner, người Mỹ, hồi ấy đã hơn 50 tuổi, phóng viên của Far Eastern Economic Review (Tạp chí kinh tế viễn đông), viết bài rất khoẻ và chụp ảnh cũng rất nhanh, thường có mặt dự họp báo trong trại Davis. Trưa ngày 30. 4. 75 gặp lại bà ở Dinh Độc Lập, bà biếu tôi một số ảnh rất quý bà chụp được hôm ấy. Hồi 1973, Felix Bolo, phóng viên của AFP, người rất to con, xông xáo, cũng luôn liên hệ với đoàn đại biểu Việt Nam dân chủ cộng hòa để săn tin.

Trưa 30. 4. 1975. Tôi làm quen thêm với một số nhà báo khá nổi tiếng. Đó là Boris Gallash, người Đức và Tidiano Terzani người _, đều là phóng viên cho báo Der Spiegel (Tấm gương). Một chi tiết ít ai biết đến là lời tuyên bố ngừng bắn của đại tướng Dương văn Minh đã được ghi âm trước hết vào băng đặt trong máy ghi âm nhỏ của Boris Gallash, sau đó mới truyền qua đài phát thanh SàiGòn. Ngày 1. 5. 1975, tôi đã nhận chuyển giúp cho Terzani bài tường thuật của anh sang Đức qua thông tấn xã Việt Nam của Hà Nội, trong khi bưu điện Sài Gòn đóng cửa, không ai có thể chuyển bài ra nước ngoài. Tôi thấy anh ỉu xìu, hỏi anh vì sao vậy, anh chìa bài đánh máy ra nói như khóc : Đây! Tao viết bài rồi mà chịu! Anh văng tục ra rồi than : Tao chỉ muốn chết!, tôi bảo: "Tao giúp mày

nhé!" Anh ta chổm dậy : Gì? Mày nói gì? Mày có cách nào? Thật không? Tôi mĩm cười "Có thể được, tao là quân nhân, đã hứa là làm. Chiều nay có chiếc IL 18 vào đây rồi trở ra Hà Nội ngay. Tao có bạn ở thông tấn xã, họ có thể chuyển được ". Anh ta lăn xuống sàn nhà, lăn người đi 2, 3 vòng rồi nhỏm dậy ôm lấy tôi la lớn " Tao có thể chết vì sướng được! Một ngày nào tao còn sống, tao còn nhớ ơn mày!" Và quả nhiên bài của anh được chuyển ngay qua Đức. Sau đó tôi làm quen với De Nerciat, còn rất trẻ, phóng viên của AFP, anh vừa từ Cambodge chạy về Sài Gòn sau khi Khờ me đỏ vào Pnôm-Pênh ngày 17. 4. 1975. Hồi ầy tôi nhiều lần trả lời phỏng vấn cua Peter Sharrock (Phóng viên của hãng Reuters) và của Alexander Thompson (của BBC luân đôn) về chiến dịch Hồ Chí Minh...Về phóng viên chụp ảnh phải kể đến hai người bạn của tôi :

Jean Claude Labbé, người Pháp, từng vào vùng giải phóng sau hiệp định Paris, và Peter Arnett, người Mỹ rất nỗi tiếng về những bức ảnh chộp được tại trận. Cả hai là những phóng viên nhiếp ảnh tài ba, được thế giới phương Đông và phương Tây biết tiếng.

Đầu năm 1979, khi bộ đội Việt nam mở cuộc hành quân vào Cămpuchia, tôi ở lại để giúp cho việc thành hình cơ

quan thông tấn xã SPK và các báo quân đội, báo Nhân dân (Pro-chê Chuôn) của chính quyền mới. Chúng tôi đã đón tiếp nhiều đoàn báo chí đến Pnôm Pênh. Tháng 2 năm đó, thủ đô Pnôm-Pênh còn vắng vẻ, tôi gặp lại Jean Claude Labbé với Takano (Phóng viên của báo cờ đỏ Aka-ha-ta Nhật Bản, rất thạo tiếng Việt, tốt nghiệp trường Đại học tổng hợp Hà Nội), Cũng như với Jean- Emile Vidal (Trưởng ban quốc tế của báo L'Humanité Pháp). Chúng tôi cùng đi ca nô xuôi sông Mê Công, đến nghiên cứu tại chổ một cái bếp tập thể của Khờ me Đỏ, sau đó đi máy bay đến Xiêm riệp thăm chùa Tháp Ăng co Thom. Takano vội vã trở ra Hà Nội khi được tin Trung quốc tiến công Việt Nam ở biên giới phía bắc. Anh đả hy sinh tại Lạng Sơn bởi một viên đạn của lính Trung quốc!

Cuối năm 1988, trong dịp đi công tác ở Liên Hợp Quốc tại New York, tôi gặp lại Brian Ellis, phóng viên của đài truyền hình Mỹ CBS, anh mời tôi đến thăm Studio của CBS ở ngay trung tâm New York, thăm toàn bộ dây chuyền công việc của hãng, và đặc biệt là thăm nơi làm việc của lão tướng Walter Conkrite, gần 80 tuổi, đả về nghỉ hưu. Hồi năm 1973, chính Brian Ellis đả nhờ tôi xin phép cho Conkrite ra Hà Nội. Tôi gọi Walter Conkrite là lão tướng quả là không ngoa, vì ông ta là một phóng viên truyền hình

chuyên về thời sự quốc tế rất được vị nể ở Mỹ và nổi tiếng khắp phương Tây. Hồi 1968 đến 1973, tối nào người dân Hoa Kỳ cũng chờ đón 10 phút thông báo và bình luận thời sự của Conkrite, chính ông đã dự đoán và thúc đẩy sự xuống thang của Mỹ và quá trình phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh Đông Dương.

Trước đó, theo giới thiệu của Vụ báo chí bộ ngoại giao Hà Nội, tôi đã làm quen với nhà sử học, kiêm làm phim nổi tiếng Hoa Kỳ là Stanley Karnow. Ông sang Việt Nam năm 1980, cùng với ê-kíp quay phim lớn để chuẩn bị làm một bộ phim đồ sộ: Việt Nam-thiên lịch sử truyền hình", huy động hơn hai mươi nguồn tư liệu lịch sử, trực tiếp phỏng vấn gần 200 nhân vật cùa các bên, dựng nên một bộ phim dài đến gần 13 tiếng đồng hồ về toàn bộ cuộc chiến tranh Đông dương trong 30 năm...Stanley đã phỏng vấn tôi nhiều lần về chiến tranh chống Pháp, về chiến tranh chống Mỹ, về chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ trên miền Bắc, về chiến dịch Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh...Có thể học được ở ông thái độ rất khách quan và tác phong tỉ mỷ, cụ thể, luôn đối chiếu các tư liệu với nhau để tiếp cận sự thật một cách chặt chẽ. Sau đó ông gửi biếu tôi một cuốn sách dầy: "Việt Nam, một thiên lịch sử". Có thể nói đó là cuốn sách tỉ mỷ và đầy đủ nhất của

phương Tây về các cuộc chiến tranh ỏ Đông dương. Nhà báo mà tôi quý trọng nữa là Nayan Chanda. Anh là người gốc Ấn độ, từng học ở Pháp và Hoa Kỳ. Tôi từng gặp anh ở Sài Gòn và sau đó ở Hà Nội. Anh làm việc cho báo FEER (Far Eastern Economic Review), là phóng viên mũi nhọn của tạp chí này ở Châu á. Anh am hiều tình hình Đông nam á một cách cặn kẽ, những bài viết của anh về Việt Nam rất có uy tín với đông đảo người đọc, vì luôn luôn có những tài liệu cụ thể mới mẻ, và những ý bình sắc sảo. Những năm gần đây anh đóng đô ở Washington, làm đại diện cho FEER ở thủ đô Hoa kỳ. Cuốn sách gần đây nhất của anh là "Những người anh em thù địch", xuất bản năm 1989 nói về những đảo lộn liên minh trong hàng ngũ những nước cộng sản, trong các mối quan hệ: Trung-Xô, Trung-Việt, Việt Nam-Khờ me đỏ...VV. Đây là một cuốn sách bán chạy nhất ở phương Tây. Đầu năm nay, anh làm tổng biên tập tờ báo mới: "Tuần báo Wall Street ỏ New York. Chúng tôi gặp nhau ở úc (Australia) hồi đầu năm 1988, với tư cách là học giả, nhà nghiên cứu, trong một cuộc hội thảo khoa học về tình hình và chính sách ở Đông Nam ỏ nói chung và ở Cămpuchia nói riêng, do trường đại học Griffith tổ chức.

Các nhà báo Pháp chiếm số đông trong những người bạn

quốc tế của tôi. Đó là Jean Lacouture tìm hiểu tình hình Việt Nam từ năm 1950, đó là Olivier Todd, phó tổng biên tập tờ Nouvel Observateur, người từng viết cuốn "Tháng tư độc ác", (Le Cruel Avril), nói về những sự kiện trong tháng tư năm 1975. Hồi tháng tư năm 1984, nhâm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi đả hướng dẫn các nhà báo của L'Humanité: Francois Hilsum, Tổng biên tập của tuần báo "L'humanité chủ nhật", Yves Moreau người bình luận khá nổi tiếng, và Daniel Roussel phóng viên thường trú cùa báo này ở Hà Nội lên thăm thị trấn Điện Biên Phủ. Sau đó trở về nghe đại tướng Võ Nguyên Giáp kể chuyện về chiến dịch lịch sử này. Mới đầu chỉ dự định gặp trong 40 phút tại nhà riêng, sau cuộc gặp gỡ kéo dài đến 2 giờ đồng hồ. Vị tướng của trận Điện Biên Phù kể tỉ mỷ tất cả sự thật về quyết định khó khăn nhất trong đởi làm tướng dẫn đến toàn thắng của chiến dịch...Tại Paris tôi có dịp gặp lại những nhà báo quen biết cũ, có những cuộc gặp thân mật và bổ ích với Alain Ruscio, nguyên phóng viên L'Humanité ở Hà Nội, với Jacques Renard, của tuần báo L'Express và với những phóng viên am hiểu Việt Nam của hãng AFP như Michel Blanchard, Philippe Debeusscher, Gilles Campion...Những phóng viên Anh của hãng Reuter làm việc tại Paris như Peter Sharrock, Simon Heyden và

Bernard Edinger đã từng gặp tôi nhiều lần ở Hà Nội và hiện nay theo dõi tình hình Việt Nam một cách chặt chẽ trước và sau đại hội 7 của Đảng cộng sản Việt Nam...
Các bạn đồng nghiệp quốc tế nói trên rất quan tâm đến tình hình Việt Nam. Họ có những nhận thức khác nhau, những chính kiến khác nhau, nhưng đều chung một mong muốn là sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam được thực hiện nhất quán cả về kinh tế và chính trị, để nước Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển và phồn vinh...Tôi đã giúp các bạn ấy hiểu rõ những nét đặc biệt của tình hình Việt Nam, nền văn hóa Việt Nam, những khó khăn to lớn còn tồn tại, đồng thời cũng học tập được khá nhiều ở các bạn, hiểu thêm tình hình nước Pháp và Châu Âu, nền văn hóa và chính trị của các nước ở đây, mở rộng những suy nghĩ của mình.
Viết đến đây tôi được tin nhà báo Kim Hạnh, Tổng biên tập của báo Tuổi Trẻ ở thành phố Hồ Chí Minh đã bị mất chức. Trong số báo tháng 5 vừa qua, báo Tuổi Trẻ đã đăng ở trang bìa tin vừa nhận được qua một cuốn sách của một nhà sử học Pháp nói rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh khi còn trẻ đã có một người vợ người Trung Quốc, và trích dẫn một lá thư gửi cho người vợ Ấy. Đây là một hình thức kỷ luật rất nặng đối với Kim Hạnh, những người lãnh đạo

đả sử xự quá đáng, vô lý, làm cho giới báo chí quốc tế không sao hiểu nổi. Phải chăng những người lãnh đạo ngành tư tưởng và an ninh đã thủ cựu đến mức cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh được suy tôn là một vị thánh sống rồi thì không được phép là một con người bình thường, để có được một tình yêu thời trẻ, như mỗi con người khác! ở một sự khám phá nhân văn đáng vui mừng thì họ lại cho là một sự xúc phạm không thể tha thứ, đúng vào lúc ở đại hội 7 các văn kiện khi nói về xây dựng chủ nghĩa xã hội đều gắn liền với câu: "mà Bác kính yêu của chúng ta đã lựa chọn", nhằm ngăn cấm mọi ý kiến khác lạ! Vậy thì ai mới chính là kẻ đã xúc phạm đến người đã quá cố? Tôi còn nhớ từ năm 1989, Kim Hạnh đã bị đe dọa mất chức, trong một bài báo viết về cuộc Liên hoan Thanh niên quốc tế ở Bình Nhưỡng (Bắc Triệu Tiên), Kim Hạnh đã có mấy câu nói đến chế độ không được mấy tự do ở nước Triều tiên phía Bắc, nơi mà người con đã được chính thức trao chức Thế tử để thay cha trị vì, một sự thật cả thế giới đều biết.

ê Việt Nam, những người ngay thẳng và dũng cảm, dám nói lên sự thật như Dương Thu Hương, như Kim Hạnh chưa nhiều. Những bài báo phơi bầy đầy đủ sự thật, những sự thật đau lòng và phũ phàng-thường phải len lỏi,

luồn lách đủ kiểu mới lên được mặt báo.
Đó là những bài nghị luận ngay thật, phê phán những quan điểm chính trị cổ hủ lỗi thời, của Phan Đình Diệu, Lương Dân, Thái Duy, Lữ Phương...Đó là những bài báo chấn động nhân tâm trên tạp chí Văn Nghệ thời tổng biên tập Nguyên Ngọc, như bài "Cái đêm hôm ấy đêm gì" của Phùng gia Lộc, (cái đêm dân quân được lệnh tịch thu hết đồ đạc của một gia đình nghèo để nộp thuế với những tiếng thét thất thanh: ệi đảng ơi là đảng ơi!), bài "Người đàn bà quỳ của Trần Khắc, kể lại người đàn bà oan khiên đưa đơn hết "cửa quan cách mạng" này đến cửa khác mà không sao được giải quyết, bài "Đêm trắng" của Hoàng Hữu Các phơi bầy hiện trạng của môt xã có đến 200 hương chức (xưa một xã chỉ có 5 người), lộng hành, đè nén người dân thường, nhung nhúc những kẻ cơ hội mọt dân, bài "Tiếng kêu cứu của một làng văn hóa" của Võ Văn Trực, la trời lên vì sự phá hoại những cảnh quan thiên nhiên, triệt hạ những cây cổ thụ, phá hủy những đình chùa miếu mạo, cho tất cả thần linh vào sống tập thể tuốt, đồng thời diệt sạch những tập quán đẹp cùa quê hương, hay như bài: "Công lý ơi! đừng quên ai!" của Lâm Thị Thanh Hà ở Cần Thơ đăng trên báo Nông nghiệp, nói lên những oan ức chồng chất ở nông thôn, sự lộng hành của cán bộ

xã, công an xã, đè nặng lên cuộc sống của bà con, những đơn kiện, kêu gọi công lý chất đống mà không ai buồn giải quyết, tâm trạng oán giận, kinh hoàng và tuyệt vọng của vô vàn công dân không còn ai bênh vực. Những bài của Trần Huy Quang về "Ông Vua lốp" và "Lời khai của một bị can", của Minh Chuyên "Thủ tục làm người còn sống" có ý nghĩa tố cáo sâu sắc thái độ độc ác vô trách nhiệm và chủ nghĩa lý lịch tai hại. Những chuyện ngắn của Ngô Ngọc Bội về thảm cảnh của nông dân, của Hoàng Minh Tường về thảm cảnh của giáo viên và nền giáo dục nước ta cũng gây xúc động mạnh. Những bài lý luận văn nghệ của Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Minh Châu, Lê Ngọc Trà, Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Độ...được người đọc trong cả nước chú ý vì gợi lên những suy nghĩ mới mẻ...

Những tác phẩm của Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp...lần lượt xuất hiện, được giới văn học và bạn đọc sớm đón nhận như những tài năng có nhiều hứa hẹn. Đó là những cây bút dũng cảm, tài hoa, đau cái đau lớn của đồng bào mình, nhìn thấu và khắc họa bản chất của sự thật, biểu thị phẫn nộ với sự ác độc, phi nhân tính, bênh vực lẽ phải và cái thiện ở trên đời. Những chuyện ngắn "Tướng về hưu", "Phẩm tiết", "Vàng lửa", "Thiên sứ", "Mê lộ" của Phạm Thị Hoài, những tác phẩm

như "Bên kia bờ ảo vọng", "Những thiên đường mù", "Chuyện tình kẻ trước bình minh", và gần đây là "Tiểu thuyết vô đề" của Dương Thu Hương là những tác phẩm đặc sắc, gợi lên những suy nghĩ sâu xa về cuộc đởi và con người, về triết lý sống...

Những bài báo và tác phẩm văn học nói trên được dư luận xúc động đón nhận từ hồi 1986 đến 1989, chứng minh rất rõ quan hệ giữa chính trị và văn nghệ. Khi "đổi mới" được khởi động, không khí tự do bắt đầu chào đời, các tài năng có tâm huyết được giải phóng thì hàng loạt tác phẩm xúc động lòng người xuất hiện. Tuần lễ nào, tháng nào cũng cò bài báo mới, truyện ngắn mới, tiểu thuyết mới, được bàn luận sôi nổi. Song cuộc khởi sắc này chẳng tồn tại được lâu. Sau khi các nước Đông Âu lâm vào khủng hoảng và một số nước sụp đổ, một không khí hoảng hốt xâm nhập cơ quan lảnh đạo. Kinh tế vẫn cố giữ thế mở cửa, tự do hóa, nhưng chính trị thì đóng lại. Lại lên gân, kiểm soát, răn đe, bắt bớ...

Sáng tác văn học cũng phải chịu chung số phận! Người ta từng hô hào cởi trói cho văn nghệ sĩ, cổ vũ họ tự cứu lấy mình, chớ uốn cong ngòi bút, thì nay người ta quay phắt lại, dạy bảo văn nghệ sĩ phải đi vào khuôn phép, đe nẹt họ phải biết điều. Nguồn sáng tác vừa khởi sắc bị bịt lại, im

lìm, nhường chỗ cho sự tẻ nhạt, tầm thường và chờ đợi... Tất cả những bông hoa đẹp, vẻ đẹp của những đóa hoa trên thân cây xương rồng đầy gai nhọn ấy đã nở rộ một thời, khi đổi mới vừa được đề xướng, và cũng nhanh chóng thưa thớt dần cho đến hết sạch sau khi lãnh đạo hoảng hốt lo sợ về một cuộc nổi dậy và sụp đổ nào đó như ở Đông Âu. Thế là từ đầu năm 1989 người ta lại hò hét: phải kỷ luật, phải vào khuôn phép. Trên thực tế chế độ kiểm duyệt đã được thiết lập trở lại, còn thắt chặt hơn xưa!
Tháng 8. 1989, tôi viết một bài dự định đăng trên báo Nhân dân chủ nhật, nhưng nó cứ bị kẹt, nằm ngâm tôm hoài ở phòng thư ký vì tổng biên tập cứ khất lần mãi "Cho tôi xem thêm đã..." Đó là bài: Bệnh kiêu ngạo, có đoạn như sau:
"...-ở ta, sau toàn thắng, bệnh kiêu ngạo đã hòanh hành khá mạnh, khá lâu. Chiến thắng có khi đã làm cho người ta say sưa, hết tỉnh táo. Mọi việc trở thành dễ ợt, bất chấp quy luật của tự nhiên và xã hội.
Tệ kiêu ngạo làm toàn dân phải trả giá, cả xã hội cũng phải trả giá rất đắt. "
Sau đó tôi viết một bài về: "Chủ nghĩa đa nguyên và quan điểm đa nguyên về chính trị" cũng bị kiểm duyệt khéo, ghi bên cạnh là: "Để trao đổi thêm với anh Thành Tín". Thế là

im luôn...

Ngày 16. 10. 1989, ngày khai mạc Đại hội lần thứ năm của những người làm báo, tôi vừa qua một cơn ốm rất nặng. Tôi viết một bài báo ngắn, chỉ hơn 300 chữ với đầu đề "Hội làng ta", có những đoạn: Hơn 6000 người viết báo đặt khá nhiều kỳ vọng ở đại hội. Và hàng triệu bạn đọc đang quan tâm. Đã hơn 2 năm đổi mới, báo chí đã có một sự thay đổi lớn, khác hẳn trước. Có thể gọi đó là sự khởi sắc về chức năng xã hội, về truyền đạt thông tín, về hiệu quả chính trị trong sự nghiệp dân chủ hóa, trong cuộc đấu tranh cho công bằng xã hội, vì sự nghiệp phát triển toàn diện của đất nước. Đây chỉ là bước đầu theo định hướng còn mới mẻ: xây dựng nền báo chí hiện đại, có hiệu quả xã hội cao. So vởi chức năng lịch sử, khả năng vốn có, đáng lẽ báo chí ta còn có thể làm nhiều hơn, tốt hơn. Cần nói thẳng: tâm huyết và bản lĩnh trong làng báo còn thấp, dưới tầm trách nhiệm trước nhân dân và đất nước. Vẫn còn không ít những bài báo tẻ nhạt, vô bổ hoặc nặng về hiếu hỷ, hoặc mờ nhạt thông tin, thiếu sinh khí của thực tiễn, không gợi mở trí tuệ và tâm hồn bạn đọc, làm lãng phí giấy mực, công in và thời gian xã hội.

Cần duyệt lại đội ngũ. Cần tinh không cần nhiều. Tổ chức các tòa soạn nên theo đội ngũ chiến thuật, theo vấn đề,

chủ đề và thể tài trong từng thời kỳ, hơn là theo cơ quan hành chính kiểu quan chức.

Nội bộ các nhà báo cần đối xử bình đẳng. Bài báo là một sản phẩm đơn chiếc, mang dấu ấn của cá nhân về vốn sống, trí thức, tâm huyết, sự rèn luyện của tác giả. Nó cần được đánh giá theo giá trị khách quan và hiệu quả xã hội sau đó, tránh đánh giá theo chức vụ, tuổi nghề, bậc lương kiểu quan chức.

Khí phách của người làm báo trước sự thật là thước đo phẩm chất công dân. Dù hiểm nguy đến tính mạng, trước sự hấp dẫn của "cây" của "chỉ", của bổng lộc, lên lương và ghế ngồi, ở chiếu trên hay chiếu dưới trong sân đình làng báo, người viết báo chân chính coi khinh tất cả. Chỉ có lương tâm nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm trước xã hội luôn như tờ giấy trắng trinh bạch trước mắt mình...

Đó là những suy nghĩ cháy bỏng, những mong ước sâu xa của tôi khi suy nghĩ về nghề làm báo, về cây bút nhẹ tênh mà nặng chĩu trong tay.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

IV-Những bài học

Mấy tháng qua, một số bè bạn ở Paris và một số tỉnh ở Pháp cũng như một số nhà báo Anh, ý, ...hỏi tôi rằng: Sống dưới chế độ cộng sản, ông đã rút ra được những bài học gì sâu sắc nhất? Quả vậy tôi đã gắn bó với chế độ chính trị do đảng cộng sản lãnh đạo hơn 46 năm, tôi là đảng viên cộng sản từ tháng 3. 1946, đến nay vừa tròn 45 năm. Tôi ở trong quân đội do đảng cộng sản tổ chức và lãnh đạo từ tháng 9. 1945 đến tháng 10. 1982, tức là hơn 37 năm. Nhìn lại cả một quãng đời vừa trải qua, quả thật có nhiều điều sâu sắc và thấm thía.

Từ khi trưởng thành, tôi luôn đặt cho mình một thái độ ngay thật và thẳng thắn, không cúi đầu nịnh bợ ai, cũng không muốn ai tán tụng tâng bốc mình. Điều này làdo sự giáo dục, dạy dỗ của cha tôi từ khi tôi còn nhỏ. Tôi không thể nào quên, cha tôi luôn nằm thẳng. Ngủ ban đêm hay

ngủ trưa, đều một mực như thế. Hai tay chắp vào nhau đặt trên bụng. Suốt cả một đời người, ông luôn ngủ với một tư thế không thay đổi. Đi từ nhà trên xuống nhà dưới, đi bách bộ ở hành lang, hay ở trong sân nhà, cha tôi bao giờ cũng đi đến góc, rồi rẽ phải hay rẽ trái, không bao giờ đi tắt. Tất cả đều thành nếp sống và nếp nghĩ. Cũng có thể có người cho là lẩm cẩm. Nhưng cái ngay thẳng của người "quân tử" là như thế, phải như thế. Không thể nhượng bộ cho chính mìmh. Tự đòi hỏi một cách khe khắt. Một cụ già hơn 90 tuổi gặp tôi ở huyện Xuân Thủy, Hà Nam Ninh, tháng 7. 1990, kể lại cho chúng tôi rằng, hồi 1927, thầy tôi đến nhậm chức tri phủ Xuân Trường, cái bảng đầu tiên yết ở cổng phủ là "Ai có việc hay đưa đơn, không được mang theo một lễ vật gì qua cổng này". Cả cuộc đời xử án, làm 12 năm thượng thư (là bộ trưởng) bộ tư pháp, xét duyệt cả chục ngàn vụ án lớn nhỏ, ông không hề nhận một đồng xu nhỏ hay bất cứ thứ quà cáp gì kiểu đút lót của bất cứ ai. Sự thanh liêm và thanh bạch thật là tuyệt đối.

Trên tinh thần ấy, tôi không thể quay ngoắt lại chửi bới đảng cộng sản, nói xấu đủ điều, phóng đại những sai lầm và tự phủ định chính mình về tất cả mọi mặt. Cho dù vừa qua, cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản đã chụp mũ tôi là phản bội, là bị đế quốc mua chuộc, lôi kéo và đã khai trừ

tôi ra khỏi đảng, truất chức tôi...Tôi không tự ái, bực bội hay phiền muộn gì về chuyện này cả. Họ luôn là như thế, luôn hành động kiểu như thế dưới cái nhãn hiệu bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ, tôi chẳng mảy may lấy làm lạ. Điều hệ trọng là chính họ cũng chẳng tin mấy ở những điều ấy, và đông đảo đảng viên và nhất là nhân dân thì cũng chẳng tin gì ở những điều xằng bậy, thiếu công bằng, thiếu công minh như thế.

Bài học tôi tự rút ra sâu sắc nhất trong cuộc đời hoạt động gần 50 năm là: hãy luôn tự là mình! Xin chớ bao giờ thôi là mình. Xin chớ bao giờ đánh rơi mất bản thân mình! Cần luôn luôn tỉnh táo để suy nghĩ bằng cái đầu của mình. Chớ bao giờ bắt chước mù quáng bất cứ ai. Điều này cũng thật là khó. Lười một chút, e ngại một chút, nể nang một chút là đánh mất mình như chơi! Cái kiểu đua đòi chạy theo mốt thời thượng, a dua theo số đông là như thế.

Tôi còn nhớ, cách đây hơn 40 năm, từ những năm 1945 đến năm 1950, những năm đầu thật hào hùng và phấn khởi. Đảng cộng sản tự rút vào bí mật. Tinh thần dân tộc được phát huy cao độ, khi xây dựng chiến khu Việt Bắc và vùng giải phóng khu 4, khu 5, ý thức chiến đấu bảo vệ nền độc lập của tổ quốc thật là sâu đậm. Tình cảm anh em gắn bó chặt chẽ: Cán bộ và chiến sĩ, bộ đội và đồng bào. Đúng

là truyền thống chống ngoại xâm là một gia tài quý báu của dân tộc ta, bất kể giầu nghèo, dân tộc, tôn giáo...Sau chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nối liền được với nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa vừa được thành lập tháng 10. 1949. Viện trợ quân sự và dân dụng từ Trung Quốc đưa vào Việt Nam ngày càng nhiêu, tạo thêm điều kiện cho kháng chiến Việt Nam lớn mạnh. Thế nhưng tình hình lại phức tạp hơn, có nhiều mặt căng thẳng hơn. Từng đoàn cố vấn Trung Quốc sang, có mặt ở mọi ngành, mọi cấp. Lúc đó (1952), tôi làm giám đốc của trường quân chính sư đoàn 304, cũng có 2 cố vấn Trung quốc đến làm việc. Họ nói cái gì cũng lạ, cũng mới, cũng hay cả! Có thể nói từ đại tướng đến lính trơn đều cắp sách đi học các ông cố vấn Tàu. Đảng cộng sản là gì, đảng cộng sản lãnh đạo toàn diện, thường xuyên, trực tiếp và tuyệt đối là như thế nào...đấu tranh giai cấp là khách quan, quyết liệt và tất yếu như thế nào. Thế nào là dân chủ tập trung, là lãnh đạo tập thể...Thế nào là chiến thuật Lâm Bưu, là tổ chức theo kiểu tam chế, là phương châm chiến thuật tứ khoái nhất mạn (4 nhanh, một chậm), là chiến thuật công kiên. . Rồi phương châm: chính trị là thống soái, chế độ chính ủy có quyền tối hậu quyết định...Công tác chi bộ và công tác đảng ủy và nhất

là nội dung tư tưởng Mao Trạch Đông. Rồi nông dân là lực lượng cách mạng hùng hậu nhất ra sao. Và phương châm tổ chức lấy công nông làm cốt cán là như thế nào...
Ngọn gió phương Bắc ào ạt thổi xuống căn cứ địa Việt Bắc, rồi các vùng giải phóng trong cả nước. Sách dịch Tàu, phim ảnh Tàu, bài hát tàu "Kết đoàn", nhảy ương ca tàu, phong trào học chữ và học nói tiếng tàu lan ra rất rộng. Và từng đoàn cán bộ nối tiếp nhau sang tàu, lên Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Kinh, Nam Ninh, Quảng Châu để học. Bắc Dại (trường đại học Bắc kinh) mở rộng cửa đón hàng trăm cán bộ Việt Nam ta. Trung Quốc là hậu phương rộng lớn, bao la và hào hiệp cho cuộc kháng chiến Việt Nam, lợi thật là lớn và chúng ta phải trả giá cũng thật quá đắt! Vừa thoát khỏi đêm dài nô lệ của thực dân Pháp, chúng ta lóa mắt trước một nền văn minh mới của "cách mạng" Trung Quốc được ta suy tôn là đàn anh, mở đường, mẫu mực.
Chúng tôi tiếp thu một cách ào ạt, ngấu ngiến, không chút suy xét và càng không có một chút phê phán nào cả! Bài hát ca ngợi Mao Trạch Đông "Đông phương hồng", được coi là bài hát chính thức, cùng với "Tiến quân ca", bài suy tôn Hồ Chủ Tịch và bài Quốc Tế Ca. Và thế là ở Đại hội lần thứ hai của đảng cộng sản Việt Nam trên căn cứ địa

Việt Bắc, trong cuốn Điều lệ đảng, ở ngay phần đầu được ghi rõ: cơ sở lý luận và tư tưởng của đảng là chủ nghĩa Mác Lê Nin và tư tưởng Mao Trạch Đông. Không một ai nghi ngờ, và tất nhiên không một ai phản đối cả. Nó tự nhiên như ánh sáng, như hơi thở cần cho cuộc sống con người vậy! Cần nói thật rằng những tư duy của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, của các vị Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp..., lúc ấy đều coi tư tưởng Mao là mẫu mực, là chân lý. Thế mới biết khi đánh rơi mất bản thân mình, bản thân dân tộc mình, quyền tư duy tỉnh táo của mình, mọi người đều có thể phạm sai lầm cực lớn vậy! Gần như trên một trang giấy trắng, chúng ta đã đổ lên một lọ mực tầu đen và ngộ nhận đó là ánh sáng! Tôi còn nhớ sau đó ít lâu, một nhà báo Pháp hỏi Hồ Chủ Tịch: Sao cụ không viết các tác phẩm lý luận, thì được trả lời ngay rằng: "Tôi có gì để viết nữa, tất cả lý luận cần thiết Mao Chủ Tịch đã nghĩ đến và viết ra rồi!" Luồng suy nghĩ bao trùm lúc ấy là như thế.

Và tất cả những người kháng chiến Việt Nam đều coi những tác phẩm: Bạch Mao nữ (trong chuyện và trong phim), Thượng cam lĩnh, Ngu công dời núi, anh hùng Lôi Phong...là những tác phẩm tuyệt đỉnh của loài người. Câu nói bất hủ của Mao: "Ba anh thợ da là một Gia cát Lượng",

được coi là một chân lý, nêu cao tác dụng tập thể đối lập với cá nhân, phủ định sạch trơn khả năng và vai trò cá nhân đối với lịch sử và nhận thức của loài người. Con người riêng rẽ là bèo bọt, là yếu hèn, là tội lỗi, đó là hạt cát rời rạc, vô giá trị, giống nhau, để cho tập thể dậm chân lên trên. Tập thể là tất cả!

Có những chuyến nhìn lại vừa buồn cười, vừa xấu hổ vì quá ấu trĩ. Từ đầu năm 1952, tất cả các đơn vị, tiểu đội đều lập tổ tam tam, tổ 3 người, còn gọi là tổ tâm giao. Cứ chiều đến sau khi ăn cơm là tổ tâm giao sinh hoạt tư tưởng. Phải kiểm điểm công việc trong ngày, tự khai ra những tư tưởng không lành mạnh: ngại khó, ngại khổ, sợ chết, ghen tỵ, tư tưởng hưởng lạc, cầu an, địa vị..., nó có tác dụng giữ vững tinh thần, giữ vững kỷ luật, nhưng mặt khác nó đè nặng lên nhân phẩm và nhân cách, làm cho con người luôn mặc cảm tội lỗi, phải ăn năn, hối cải.

Có thể nói thời kỳ lan tràn tư tưởng Mao Trạch Đông, sùng bái tư tưởng Mao sau năm 1951 là sự mở đầu của những mụ mẫm về nhận thức, và có những tác hại cho đến tận ngày nay. Chúng ta quên mát những gíá trị cố hữu của dân tộc, đánh rơi niềm tự hào tự tin dân tộc, chấm dứt thời kỳ phơi phới hồn nhiên đoàn kết quý trọng nhau trong cộng đồng dân tộc đi kháng chiến chống Pháp, để choàng

vào cổ một cái tròng nhận thức và tư tưởng mang bản chất đặc nông dân. Một sự thụt lùi được ngộ nhận là khai phá và tiến lên! Thế là cải cách ruộng đất đến sau khi nghe hàng trăm vị cố vấn Tàu giới thiệu về quá trình" thủ ti cải cơ" (thổ địa cải cách) và những kinh nghiệm còn nóng hổi của Trung Quốc. Tôi còn nhớ nội dung của 8 bài học chỉnh huấn cải cách ruộng đất cho cán bộ trung cao cấp. Không một cán bộ nào được thoát khỏi cuộc chỉnh huấn này. Đây là một cửa ải, "vượt qua thì mọi con người sẽ lớn lên, trưởng thành, thành người cách mạng chân chính. " 8 buổi lên lớp, hàng chục buổi thảo luận tổ, tranh luận, giúp đỡ nhau để phê phán tội lỗi. Những cuộc tố khổ của nông dân, những cuộc kể lể, triển lãm về tội ác của địa chủ và đế quốc. Những buổi xem phim, xem kịch về địa chủ và nông dân. Mọi sự suy luận dạo ấy đều dẫn đến cực đoan: đã là địa chủ, dù chỉ có 2 mẫu ruộng thì đều là xấu, là tham, là ác, là tay sai đế quốc cả. Đã là cố nông thì đều là tốt, có tinh thần cách mạng, có kỷ luật, có tài năng cả. Sự suy luận bất chấp sự thật nhan nhản. Địa chủ đi kháng chiến, thì chỉ là "giả vờ kháng chiến" để phá hoại cách mạng. Tìm không ra trong một xã ít nhất là hai tên địa chủ ác bá thì là phát động chưa lên, phát mà chưa động, phải làm lại! Đã là học sinh tiểu tư sản thì bản chất luôn là bếp

bênh, không vững chắc, chúa là địa vị hưởng lạc, cầu an, bảo mạng, phải gần gũi bần cố nông để học tập và tiến bộ. Tôi có những anh bạn là chính ủy trung đoàn, tiểu đoàn trưởng, hồi ấy cao hứng theo thời thượng, xúc động tự thâm tâm, thán phục qua bắt rễ xâu chuỗi các anh chị bần cố nông "trong sạch và tuyệt vời", để rồi tìm kiếm trong đó một cô vợ "lý tưởng". Về sau sửa sai cải cách ruộng đất rồi, các chàng bị kẹt cứng, không thể nào sửa được nữa, và thế là ngậm bồ hòn làm ngọt suốt cà đời vì không sao hợp nổi về quan niệm, lối sống, về trí tuệ và tâm hồn với người bạn đời đã kén.

Mỗi một thời có một nhân vật là thời thượng. ê vào những năm 1954, 1955 ấy, giữa khi giông bảo cải cách ruộng đất đang mở rộng, nhân vật thời thượng là các ông đoàn ủy và các ông đội. Đội trưởng cải cách ruộng đất ở một xã thì là nhất thiên hạ rồi. Các vị đoàn ủy chỉ đạo cả một vùng, một huyện. Quyền sinh, quyền sát là trong tay các vị một cách tuyệt đối! Công cụ của các vị là điều lệ cải cách ruộng đất, là các đội cải cách, là tòa án nhân dân, xử án bằng giơ tay, không có luật sư, chẳng có luật pháp. Đội xử án là một tiểu đội súng trường được tuyển lựa trong du kích thuộc thành phần cô nông, mà phải là cố nông không có họ hàng, dây mơ, rễ má gì với phú nông và địa

chủ...Các vị đoàn ủy luôn giữ bộ mặt trang nghiêm, luôn khoác đại cán xanh mùa hạ, đại cán dạ mùa đông, đi giầy da lộp cộp, tay cắp cặp da đen bóng và đi xe com măng ca Bắc kinh của bác Mao. Tôi từng gặp một vị ở huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An) hồi ấy chữ quốc ngữ viết chưa thạo, chỉ có chữ ký nguệch ngoặc to tướng, từng ký duyệt y án xử tử hàng chục nhân mạng: kẻ thù của giai cấp và kẻ thù của nhân dân...

Về sau này, khi vụ Mười Vân, giám đốc Công An tỉnh, thường vụ tỉnh ủy Biên hòa bị vỡ lở về tội tham nhũng, lừa bịp, cướp đoạt tài sản của công và hắn bị án tử hình năm 1982, tôi tìm ra được một chi tiết là Mười Vân phát lên từ một anh đội trưởng đội cải cách ở Hòa Bình hồi trước. Một chi tiết rất có ý nghĩa! Các ngành công an, tổ chức cán bộ, tòa án, bảo vệ trong quân đội luôn được coi là những ngành quan trọng nhất của chế độ, cần có lập trường vững vàng hơn cả. Theo phương châm công nông là cốt cán, cán bộ chủ chốt trong các ngành đó ắt phải là công nông. Công nhân thì ở nước ta không nhiều, phần không nhỏ lại là thợ thủ công, công nhân tự do, nên thường những người xuất thân từ bần cố nông là được chọn vào các chức vụ quan trọng nhất. Tôi không thể khẳng định tất cả những người ấy là kém cõi, dốt nát và hư hõng, vì vẫn

có một tỷ lệ nào đó chịu khó học tập, vươn lên thành những cán bộ có khả năng. Thế nhưng tôi nghiệm thấy rằng, những cán bộ sa đọa, biến chất và hư hỏng sau ngày toàn thắng, khi chạm đến chiến lợi phẩm, tiền và gái thì phần lớn rơi vào những kẻ như Mười Vân. Khi là đội trưởng cải cách, hắn mới học lớp 4, do trình độ văn hóa quá thấp, hiểu biết về xã hội đơn thuần theo cảm tính, nên khi có quyền lực trong tay, hắn mặc sức tác yêu tác quái, thu vén cho mình nào là nhà lầu, vàng bạc, kim cương, phân phát cho họ hàng và bộ hạ, mặc sức rượu ngon và gái đẹp không còn có gì để tự kiềm chế nữa. Chỉ có những người có trình độ văn hóa nhất định mới hiểu được sự cần thiết phải xử sự ở đời ra sao cho phải đạo, tránh những thái quá và cực đoan, giữ được đức liêm sỉ. Kẻ vô văn hóa thường tự cho mình cái "phép" làm được mọi việc xấu xa nhất. Chính hắn là tiêu biểu cho kẻ vô học mà thành đạt để có quyền lực (giám đốc công an một tỉnh lớn). Khi bộ Nội Vụ bật đèn xanh cho thi hành phương án 2 (tổ chức cho dân vượt biên để thu vàng cho ngân quỹ) mỗi người định giá từ 3 đến 5 lạng vàng, thì ở tỉnh Biên Hòa hắn cho phép bộ hạ tăng lên đến 10, 12 lạng vàng một người, hắn còn tổ chức trấn lột thêm ở các bãi xuất phát ven biển. Vàng bạc, qúy kim, đồ trang sức, đô la, xe cộ của khách hàng vượt

biên bọn chúng tước đoạt hết qua khám xét từng người để chia nhau. Mười Vân đã bị xử tử hình, nhưng còn biết bao tên như hắn, có thể còn cao tay hơn hắn, vẫn còn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật...

Tôi cho rằng đó là cái giá phải trả cho việc mù quáng du nhập một chủ nghĩa ngoại lai, tôn sùng nó lên thành chân lý tuyệt đối. Cả một dân tộc đã đánh rơi mất những giá trị cố hữu và hiện có của mình để vồ vập lấy một tư tưởng thuần túy nông dân, thì ắt phải trả giá như vậy. Và trong cả khối dân tộc ấy quyền tự do, quyền dân chủ của mỗi công dân bị loại bỏ, cấm chỉ mọi sự hoài nghĩ, mọi ý kiến trái ngược. Mọi người phải cam chịu luật độc đoán vô hình ấy, không dám cãi lại, không dám nói lại cái lý của mình. Cái giá mọi người phải trả càng thêm nghiệt ngã!

Sau việc du nhập tư tưởng Mao là việc du nhập 9 quy luật phổ biến của chủ nghĩa xã hội hồi 1956, việc du nhập phương thức kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế kiểu Staline (đã có lúc báo chí khoe rằng đã kế hoạch hóa con số sản xuất cụ thể hàng năm bao nhiêu cái kim, bao nhiêu quần đùi, bao nhiêu bọc cao su tránh thai, bao nhiêu hộp tăm tre và tăm gỗ...), du nhập cả đường lối ưu tiên công nghiệp nặng, hợp tác hóa toàn bộ. Tất cả đều được thực hiện với thái độ mù quáng dai dẳng, không chút hoài nghi

và cân nhắc về đường đi, nước bước.
Tôi thấy bài học lớn nhất nên rút ra trong gần 50 năm nay là: Dân tộc Việt nam phải tự mình giải quyết lấy công việc của đất nước mình, không thể mù quáng bắt chước ai, không thể đánh rơi mất cái quyền tư duy và quyết định về số phận của nhân dân mình. Mọi giá trị bên ngoài chỉ được coi là gợi ý và tham khảo, để bồi bổ cho chính nhân dân và đất nước mình mà thôi. Và trong cộng đồng dân tộc phải chấp nhận đa nguyên chính kiến, đề xướng việc dân chủ đối thoại, tôn trọng quyền của mọi công dân được suy nghĩ và nhận thức theo cung cách và nội dung của riêng mình, kiên quyết chống lại việc gò ép và ra mệnh lệnh. Theo tôi việc quan trọng nhất là mỗi con người cần tự khẳng định mình: Không phải là một hạt cát vô tri, giống như đúc với những hạt cát khác thụ động nằm dưới ánh mặt trời, cho người ta dẫm đạp lên, mà phải là ngôi sao lấp lánh, với màu sắc khác nhau, tỏa ra những ánh sáng lung linh khác nhau, góp phần riêng để tạo nên một bầu trời chung đầy sao rực sáng...
Tôi có thể khái quát: đây là nỗi đau của chủ nghĩa đồng phục.
Vâng ở đất nước ta hồi đó ai cũng mặc đồng phục-Nam là đại cán, nữ quần đen, áo đại cán. Tóc nữ để dài và kẹp lại,

uốn tóc phi-dê là tư sản, học đòi đế quốc! Và đồng phục từ ngoài vào trong. Tư duy, quan niệm cũng phải mặc đồng phục tuốt-Chủ nghĩa tập thể trên hết mà! Ăn nói, đi đứng, xử sự, viết lách, suy nghĩ đều phải giống nhau. Một trại lính: Một nhà tù tư tưởng? Khái quát là vậy. Đã đến lúc phải từ bỏ đồng phục để trả lại cho dân tộc mình những giá trị cố hữu, được bồi bổ thêm những giá trị mới của thời đại và trả lại cho mỗi công dân mình cái quyền đơn giản và thiêng liêng nhất: được là chính mình, chỉ có thế thôi!

Bài học thứ hai tôi nghĩ đến, đó là trong cuộc sống của công đồng dân tộc cũng như cuộc sống riêng của những công dân phải công bằng và chân thật. Sự bất công và lừa dối là những tai ương khủng khiếp. Hai tội này gắn bó rất chặt chẽ với nhau. Do lừa dối nên bất công và sự bất công lại nuôi dưởng căn bệnh dối trá. Đã mấy năm nay, tôi thường dự những cuộc họp hàng tuần, hàng tháng của cơ quan, nghe những lời phát biểu của mọi người và luôn đưa ra lời phán đoán thầm ở trong bụng: Những ý kiến này là những ý kiến thật, những ý kiến kia là những ý kiến giả? Lúc này anh A mang bộ mặt thật, nhưng lúc khác anh ta lại mang mặt nạ! Cái căn bệnh a-dua nói theo, nói hùa theo lãnh đạo luôn thành một cố tật trong một cơ chế khắt khe. Không nói hùa theo thì anh chỉ có thiệt, anh sẽ mang

vạ vào thân, cho anh và cho cả gia đình cũng chưa biết chừng! Cho nên đã thành một thói chung trong xã hội là người ta thường nói ra những điều không thật sự là của mình, không đúng những điều mình nghĩ, mà chỉ đưa ra những cái điều mà chính mình không tin, chính mình không nghĩ đó là của mình!

Những người có quyền thế chi phối rất mạnh nhưng người thuộc quyền mình. Đó là quyền nhận xét hàng năm, quyền phân loại là cán bộ tốt hay xấu, cán bộ có triển vọng hay không có triển vọng, là cán bộ nguồn hay không là cán bộ nguồn (cán bộ nguồn có nghĩa là nằm trong diện được chọn để đề bạt và cất nhăc), là cán bộ sẽ được đề bạt trong đợt xét sắp đến hay chưa, là cán bộ dự định sẽ được đưa lên theo quy hoạch hay không, là cán bộ có được xếp trong quy hoạch bồi dưỡng, được cử đi học trường đảng sơ cấp hay cao cấp, đi học nước ngoài để có nhãn hiệu cần thiết cho đề bạt, cất nhắc hay không...

Rồi việc xét để cập nhà mới, tăng thêm diện tích nhà ở, từ 12 mét vuông lên 15 mét vuông, từ 16 mét vuông lên 19 mét vuông hoặc 21 mét vuông...cũng đều dựa vào nhận xét theo tiêu chuẩn định kỳ...Nếu chẳng may rơi vào số "cán bộ đang có vấn đề" là kẹt cứng, là mang họa. Và cái gọi là "đang có vấn đề" thì thường rất bâng quơ, cảm tính.

Cậu này đang có vấn đề hình như đang ngủng ngoẳng với vợ, cô kia dạo này hay làm dáng, thích quần ống loe, lại thường rủ bạn đi khiêu vũ...Anh này dạo này uống bia hơi nhiều-Chú kia không hiểu tiền đâu chuyên hút thuốc lá 3 số 5. Hoặc quan trọng hơn cả là: hòai nghi về chủ nghĩa xã hội, có lần nói xấu lãnh tụ, nói xấu đồng chí Tổng bí thư...Rồi anh kia có vẻ thân thiết với một số Việt kiều về nước từ các nước tư bản...Chị kia thường nhận nhiều thư của bạn bè không rõ ràng từ thành phố Hồ Chí Minh...Tất cả đều có thể coi như là "đang có vấn đề", để chú ý theo dõi, để hãm lại mọi quyết định tăng lương, cân nhắc, đề bạt, cử đi học, để xếp ở bên rìa của những cỗ xe cơ chế đang chạy.

Trong không khí sống dò xét nhau: trên dòm xuống dưới bằng con mắt dọa nạt, ta đây có quyền, dưới nhìn lên trên e dè lo ngại và phải đối phó, cam chịu, cuộc sống luôn căng thẳng, phải dấu kín những điều tuy là ngay thật, chính đáng, nhưng có thể sinh hiểu lầm có hại cho bản thân...

Đầu năm 1990, nghị quyết Trung ương lần thứ 8 nhận định rằng sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là do âm mưu lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động trong và ngoài nước, của bọn CIA và nhà

thờ VATICAN...Khi phổ biến ở báo NHÂN DÂN, mọi người đều im lặng tiếp thu...Thế nhưng khi gặp riêng, thì phần lớn đều cho rằng nhận định như thế là chủ quan, láo khoét, chính nhân dân các nước ấy đã vùng dậy, từ bỏ những chế độ quan liêu, thiếu dân chủ, độc đoán và tham nhũng, đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân. Tác dụng bên ngoài dù quan trọng không thể là quyết định. Trước đó tôi viết một bài trong số Nhân dân Tết âm lịch đầu năm 1990 với đầu đề: "Sắc xuân của dòng chảy", nhận xét rằng: Cái gì phải đến đã đến. Nhân dân Đông Âu đã phủ định những chế độ thiếu dân chủ và công bằng xã hội, họ không thể nào cam chịu mãi với bất công và nghèo đói, với chủ nghĩa xã hội hiện thực xa lạ với chủ nghĩa xã hội khoa học...Bài báo này của tôi bị coi là viết trái với nghị quyết của trung ương đảng. Nhiều anh chị em làm báo trẻ rất tán thành nhận định của tôi, bắt tay khen ngợi và hoan nghênh tôi về bài báo trên. Nhưng khi phát biểu trong tổ chức, khi những người trong tổ chức lên án tôi, thì họ ngồi yên lặng, không tán thành, không phụ họa với ý kiến ấy, cũng không lên tiếng phản bác. Tôi biết rằng với cơ chế này, anh chị em dù tốt cũng không thể làm gì hơn được. Con người không còn được là chính mình. Sự dối trá đã ngự trị quá vững bền rồi. Sự bất công là lẽ thường tình.

Trừ khi phá bỏ được cơ chế quan liêu và độc đoán, thủ phạm gốc của tất cả những tội lỗi.
Khi việc truy tìm nguồn gốc của giai cấp, khi chủ nghĩa lý lịch công khai hoành hành, khi mọi "liên quan" đều được ghi vào sổ sách, tất nhiên con người phải đối phó để tránh mọi hiểm họa. Hơn 16 năm trước, có anh chị em ruột ở nước ngoài là một điều nguy hiểm và sỉ nhục. Cũng vào thời gian ấy, có bà con anh chị em sống trong Nam, nhất là làm việc trong cái gọi là bộ máy ngụy quân, ngụy quyền thì thật là khốn khổ, vì cái dấu hỏi "liên quan về chính trị". Thế là chi bằng dấu kín, không biết, không khai. Sau ngày thống nhất, cả một phong trào "miền nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng", hòa cả làng, xí xóa cả làng. Sự thật mới rõ ra là gần như gia đình nào cũng có người thân ở phía bên kia, vậy mà trước đó cứ phải kín như bưng. Bà con anh chị em ở nước ngoài cũng vậy. Sự dấu diếm một thời nói lên cả một cơ chế thành kiến, định kiến và suy diễn kiểu quan liêu về chính trị, bắt tội và kết tội nhau một cách vô lý, tạo nên sự xét nét, che dấu và dối trá lẫn nhau trên quy mô toàn xã hội.
Điềm tĩnh nhìn lại những ngày tháng và những cơ quan tôi đã sống và trải qua, tôi bỗng thấy rợn cả người. Biết bao giá trị chân chính, lương thiện của con người bị nhiễu

loạn. Những anh nào khéo che đậy những nhược điểm và kém cỏi, lại biết xu nịnh thì ắt tiến thân được thuận lợi. Cả xã hội phải trả giá cho những sự tiến thân theo cửa sau như thế. Vị trí xã hội không được xếp đúng theo tài năng và nhân cách thật sự, mà theo sự lừa dối, nịnh hót và những thủ đoạn tiến thân...

Sau ngày miền Bắc giải phóng năm 1954, hàng nghìn các em trai và gái thuộc các gia đình tư sản bị phân biệt đối xử. Đó là những gia đình tư sản dân tộc, mức sống chẳng hơn gì loại tiểu tư sản ở các nước phương Tây-Vậy mà bị coi thuộc thành phần xấu (bóc lột), thành phần có tội! Thật khổ cho các em đó. Người ta nói: có thể chọn bạn bè chứ ai có thể chọn được cha mẹ! Các em phải đi lao động ở các công trường, nông trường. Thi vào đại học rất khó. Mặc dầu trong các em có rất nhiều người có chí, có nghị lực, biết thân phận mình nên càng gia công học rất giỏi. Các em thường đỗ với điểm cao, nhân cách tốt, thế nhưng cái thành phần giai cấp "xấu" cứ như gông đeo mãi vào cổ, không sao ngóc đầu lên được. Số này rất ít người được đi học ở nước ngoài, không được tin cậy giao công việc, luôn ở vị trí điếu đóm, thừa hành...Những tài năng trẻ ấy cứ bị mai một mãi. Cho đến sau thống nhất, tuổi trẻ ở miền nam cũng lại có một bộ phận gọi là thuộc gia đình

ngụy quân, ngụy quyền. Họ vấp phải tình trạng tương tự, làm hao phí biết bao tài năng của đất nước! Sự bất công đối với con người, nhân danh một kiểu đấu tranh giai cấp cực đoan và phi lý đã đưa đến biết bao đau khổ và bất hạnh cho tuổi trẻ, và làm thiệt thòi không ít cho toàn xã hội. Bất công và lừa dối gần như thành nếp sống! Dở lại những chồng báo cũ, chúng tôi cảm thấy xấu hổ. Cả một thời báo chí đăng tin năng xuất cực cao 1 hec-ta đến 100 tấn, rồi 200 tấn của các thửa ruộng thí nghiệm ở Trung Quốc, đăng cả những tấm ảnh (bịp) các diễn viên ương ca Trung Quốc nhảy múa trên những thảm lúa ken nhau chật cứng, và lừa bịp đến mức độ ca ngợi lên tận mây xanh ý kiến của "Chủ tịch Mao Trạch Đông vĩ đại" là nghề nông sẽ trở thành một nghề dễ ợt kiểu làm vườn, làm vườn mà chơi! Thật là một tấc đến trời! Mà vẫn không được phép hoài nghi và phê phán.

Có những lầm lẫn to lớn, mà lại lầm lẫn theo kiểu trịch thượng kia, phạm rồi không cần xin lỗi ai cả! Đó là số báo Nhân dân kỷ niệm đặc biệt 600 năm ngày sinh của nhà văn hoá lớn của dân tộc Nguyễn Trãi, ra cuối năm 1980, đăng lại Đại cáo bình Ngô và một bức ảnh cực lớn đóng khung ở ngay trang 1. Thế mà cái ảnh ấy lại là sai! Không phải ảnh cụ Nguyễn Trãi, mà là bức ảnh của cụ Dương

Khuê mặc triều phục của triều Nguyễn cuối thế kỷ 19, nghĩa là cách nhau đúng 5 thế kỷ! Vậy mà đến nay vẫn không một lời xin lỗi bạn đọc!

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

V-Nhìn nhận

Một hòn núi cao phải đứng cách xa một quãng mới nhìn rõ hình thù, dáng vẻ của nó trong cảnh sắc chung quanh.
Những sự kiện, những nhân vật đã qua cũng cần một khoảng cách kiểm nghiệm của thời gian để nhìn cho đúng với giá trị thật.
Chủ nghĩa xã hội về lý thuyết và hiện thực cần được đánh giá ra sao? Mác, Lê Nin, chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê-Nin cần được đánh giá đứng đắn ra sao? Staline là con người thế nào, có công hay là có tội đối với đất nước Liên Xô và các nước khác? Chủ tịch Hồ Chí Minh có thật vĩ đại và sáng suốt? Lịch sử đất nước Việt Nam ta cần được viết như thế nào cho đứng đắn, khách quan và khoa học?
Trong lịch sử ấy, biết bao phong trào, nhân vật cần được đánh giá đầy đủ, không bị định kiến, không thiên vị.
Đây là một việc hệ trọng của nhiều nhà sử học, nhà chính

trị và lý luận, nhà tư liệu và thống kê. Tất cả những nhân vật đương thời thường bị đánh giá sai lệch do nhu cầu chính trị từng lúc, người thì được thổi phồng lên, thêu dệt thêm, người bị thu hẹp lại, tô vẽ cho xấu xí thêm...Con cháu ta hiện nay rất băn khoăn, không hiểu những nhân vật lịch sử hiện thời tốt xấu, công tội ra sao...Tôi chỉ xin nói lên vài ý kiến thô thiển của mình, cố gắng có một cách nhìn khách quan và công bằng, tránh chủ quan và thiên lệch.

Về Các Mác và Lê Nin, tôi thấy đó là những nhà học gia uyên bác, những nhà lý luận và tư tưởng có tầm cỡ. Trong 4 năm, từ năm 1958 đến 1962 tôi là giáo viên lý luận chính trị của quân khu 4, phụ trách việc nghiên cứu và giảng dạy chính trị cho cán bộ trung cấp và cao cấp trong toàn quân khu, bao gồm các tỉnh từ Thanh Hóa vào đến Quảng Bình và Vĩnh Linh, trong đó có hai sư đoàn (sư đoàn 324 và sư đoàn 325), cùng với một lữ đoàn ở giới tuyến. Học viên bao gồm từ thiếu tướng tư lệnh Quân khu, thiếu tướng chính ủy Quân khu, hàng chục đại tá, thượng tá và gần một trăm trung tá, thiếu tá, chung với hơn ba trăm đại úy và trung úy. Đó là những bài cơ bản về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Tôi đã để hàng mấy năm đọc những tác phẩm của Mác, Ăng ghen, Lê Nin, Staline, Mao Trạch

Đông, Hồ Chí Minh...từ những nguyên bản hoặc bản dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, chữ Hán và tiếng Nga. Đó là những buổi học tại chức. Mỗi bài rải ra làm 2 tháng, có lên lớp giới thiệu nội dung, nghiên cứu tài liệu tại chức (mỗi tuần hai buổi sáng và hai buổi tối), có thảo luận tổ (hai buổi) và giải đáp (thường là một buổi sáng), do bộ phận chỉ đạo việc học tập lý luận của Tổng cục chính trị trong quân đội nhân dân thuộc cục Tuyên Huấn xếp đặt chương trình rất chặt chẽ. Cả Quân khu có 3 giáo viên lý luận, tôi là phụ trách chính. Đó là thời kỳ tương đối hòa bình, việc chiến đấu ở miền Nam chỉ mới khởi đầu. Theo tôi, những công trình nghiên cứu và tìm tòi của Các Mác và Ăng ghen là quan trọng, phong phú, nhất là việc phân tích và mổ xẻ chủ nghĩa tư bản ở thời khởi thủy và ở dạng thức tiêu biểu, nguyên mẫu. Việc khám phá ra lao động cũng là một loại hàng hóa, ra giá trị thặng dư là rất có giá trị. Việc xây dựng nên biện chứng pháp duy vật cũng là một bước sáng tạo lớn, tạo nên một nền tảng cho phương pháp tư duy khoa học. Thế nhưng không thể coi chủ nghĩa Mác là sự phát triển đến tột cùng rồi của trí tuệ, cùng không thể coi đó là giá trị duy nhất của trí tuệ. Mác và Âng-ghen lúc sinh thời không hề có ý định coi mình là những nhà sáng tạo nên một học thuyết, một chủ nghĩa tuyệt đỉnh, các vị chỉ có

ý muốn đóng góp phần của mình vào trong kho tàng trí thức chung, cùng với vô vàn phát kiến có giá trị khác. Đấu tranh giai cấp và chuyên chính giai cấp là những nguyên lý quan trọng nếu bật động lực của phát triển xã hội và bản chất của chính quyền trong xã hội, cần vận dụng những nguyên lý ấy và nhiều nguyên lý khác để tím hiểu và lý giải các hiện tượng xã hội. Cái sai là có người đã tuyệt đối hóa những nguyên lý ấy, coi đó là những nguyên lý duy nhất tồn tại và lại còn vận dụng một cách máy móc, giản đơn theo kiểu giáo điều và thô sơ, do đó chuốc lấy thất bại tất nhiên...Cần nhận rõ tính chất hạn chế của những điều kiện lịch sử nhất định. Mác sinh ra năm 1818 và mất năm 1883, khi khoa học và kỹ thuật còn chưa phát triển như vũ bão trong thời đại ngày nay, khi các chế độ xã hội và chính trị chưa có nhiều hình vẽ phong phú như hiện nay, mang nhiều tính đặc thù (các đảng phái chính trị với những mầu sắc, khuynh hướng khác nhau đại diện cho những thế lực chính trị, kinh tế, tài chính, tôn giáo, xã hội, dân tộc, văn hóa nhiều vẻ khác nhau) như hiện nay. thời của Mác và Ăng ghen, chủ nghiã tư bản chưa phát triển đến mức cao. Mối quan hệ quốc tế của nó chưa phát triển đến độ sâu sắc trên quy mô toàn cầu. Sự tận dụng khoa học kỹ thuật cũng chưa đến mức độ cao và những biện pháp thích ứng

với tình hình, để điều chỉnh đường đi nước bước của nó cũng chưa đạt đến mức có hiệu lực như ngày nay...Công nhân thời ấy mỗi ngày phải làm việc từ 12 đến 16 giờ, còn ngày nay đã giành quyền làm 8 giờ, hoặc 7 giờ rưỡi và quyền nghĩ 1 đến 2 ngày một tuần. Xưa tiền lương của công nhân là tiền lương đói khổ, nay ở Pháp lương tối thiểu cho một công nhân làm việc cho nhà nước hoặc tư nhân được ấn định là 5300 quan. Có cả một lọat luật pháp và quy định mang tính chất luật nhằm bảo vệ quyền lợi mọi mặt của người lao động. Mác và Ăng ghen chỉ mới thấy sự áp dụng của máy hơi nước và máy nổ, chưa chứng kiến sức mạnh của lò phản ứng nguyên tử, những kỳ công trong chinh phục vũ trụ, những bước tiến lớn lao của cuộc cách mạng thông tin viễn thông, trong sinh học, trong vật liệu mới, sự xuất hiện đủ loại máy tính điện tử cực lớn với những nét đặc trưng của nền văn minh tin học ngày nay. Nếu Mác và Ăng ghen còn sống ắt các vị sẽ bổ sung thêm nhiều nhận thức và nhận định mới mẻ, cập nhật, phát triển và điều chỉnh những tư duy lý luận của mình cho phù hợp với thực tiễn mới.

Coi chủ nghĩa Mác là chân lý tuyệt đới, chết cứng và bất biến, vận dụng nó một cách máy móc là trái với tinh thần khoa học, trái với chỉnh tư duy biện chứng của Mác.

Lê-Nin và chủ nghĩa Lê-Nin có vị trí to lớn trong cuộc cách mạng tháng Mười ở nước Nga. Lê-Nin là nhà lý luận và là nhà hoạt động thực tiễn. Tôi cho rằng nghiên cứu một số kinh nghiệm của Lê-Nin là cần thiết, nhưng dựng nên chủ nghĩa Lê-nin là không thể được vì làm vậy dễ rơi vào bệnh giáo điều và bệnh kinh viện nguy hiểm. Tất cả chỉ nên coi là gợi ý của người đi trước, là những công cụ của nhận thức để sử dụng và tham khảo. Luận điểm chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng vô sản và là giai đoạn tột cùng, giai đoạn rẫy chết của chủ nghĩa tư bản cần được xem xét lại trọng những điều kiện mới, những điều kiện chưa có khi Lê-Nin còn sống. Không có một nhà tiên tri thông thái nào có thể chỉ ra con đường và biện pháp phải theo, cho gần 100 năm (như Lê-Nin) hoặc hơn 100 năm (như Mác) về sau cả. Chỉ có thế hệ đương thời với tất cả trí tuệ của chính thế hệ mình mới có thể tìm ra con đường phải đi để xây dựng xã hội mới cho đất nước và tham gia xây dựng thế giới mới ngày càng tốt đẹp hơn. Thế hệ đương thời cần đem kinh nghiệm của người đi trước, cần tôn trọng những giá trị lý luận và nhận thức của tiền nhân, nhưng không thể mù quáng và nô lệ mất sáng tạo để trở thành bất lực đi đến mất tự tin.

Vị trí và vai trò của Staline đối với nước Nga, đối với Liên

bang Xô viết và đối với thế giới đã và đang được đánh giá lại một cách đầy đủ. Tháng 7 năm 1990, ban Tư tưởng và Văn hóa của đảng cộng sản Việt Nam đã ra chỉ thị cấm các báo, đài truyền hình đề cập dến Staline. Tôi cho rằng đây là một sự cấm đoán sai lầm. Trong khi báo chí Liên Xô đưa ra liên tục những bài báo, tư liệu, sách, phim...về Staline thì việc tránh né, bịt tai, nhắm mắt lại ở Việt Nam là điều không bình thường. Tại sao người ta lại sợ sự thật đến thế? Đó là vì một thời gian dài, Việt Nam đã theo Liên Xô và Trung Quốc ca ngợi một chiều và quá đáng Staline. Sách báo phim ảnh tô vẽ nên một anh hùng kiệt xuất của nhân loại đã cứu loài người khỏi tai họa phát xít và tạo điều kiện cho hơn một chục nước ổ Châu Âu và Châu vùng dậy giành độc lập, trong đó có Việt Nam. Những câu thơ của Tố Hữu còn đó, từ hồi tháng 5. 1953:

Thương cha, thương mẹ, thương chồng,
Thương mình thương một, thương ông thương mười Yêu con, yêu nước, yêu nòi, Yêu bao nhiêu lại thương Người bấy nhiêu.
Ngày xưa khô héo quạnh hiu
Có Người mới có ít nhiều vui tươi,
Ngày xưa đói rách tơi bời,
Có Người mới có được nồi cơm no...

Các thầy cô giáo dạy văn đã được bồi dưỡng đặc biệt để giảng cho các em học sinh rằng ông Staline đã mang lại cơm, áo và nụ cười cho các em! Thời đó tôi cũng xót xa, khóc thương Staline với tất cả tấm lòng thành thật của mình. Staline đã được đánh giá lại từ Đại hội lần thứ 20 Đảng cộng sản Liên Xô nhất là qua tập báo cáo mật của Krouchev. Gần đây trong thời kỳ Perestroika, nhiều điều có thật về Staline lại được đưa ra trên báo chí Liên Xô. Từ những vụ án Hồng quân Liên Xô trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, vụ thủ tiêu hàng ngàn sĩ quan Ba Lan ở một khu rừng biên giới đến các vụ ám sát Kirov, Trosky, vụ tàn sát Koulak (thực chất là tầng lớp trung nông rất giỏi nghề nông) làm cho sức sản xuất xã hội bị hủy hoại, tai hại cho nên nông nghiệp Liên Xô, tác hại kéo dài đến tận ngày nay, ngoài ra là hàng trăm cuộc thanh trừng nội bộ khác. Đó còn là căn bệnh mệnh lệnh, độc đoán, đàn áp mọi ỷ kiến khác biệt, trả thù một cách tàn bạo và diệt những người không ăn cánh với mình. Không thể lấy công là đã chỉ huy kiên quyết và tài giỏi cuộc chiến tranh chống phát xít (ngay cái công này cũng đã được thổi phồng lên quá đáng) để che lấp biết bao tội ác liên quan đến hàng chục triệu gia đình lương thiện. Trách nhiệm nặng nề hơn nữa của Staline là đã dắt dẫn dân Liên Xô vào con đường xây

dựng chủ nghĩa xã hội một cách quan liêu, nóng vội và độc đoán, dẫn đến sự đổ vở bi thảm gần đây. Tai họa này còn đè nặng lên một số nước châu Âu, châu , châu Phi, châu Mỹ trong đó có Việt Nam đã nôi theo Liên Xô để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng các đảng cộng sản theo mô hình Staline. Đây là tấm bi kịch mang tầm vóc thời đại, kéo dài hơn nửa thế kỷ, tàn phá biết bao xã hội và con người! Thế mà ổ Việt Nam, người lãnh đạo lại chù trương nhắm mắt làm ngơ! Họ cho rằng lờ vấn đề Staline đi mới là "khôn", là sáng suốt, là giữ được ổn định! Lẽ ra họ phải nhanh nhậy rút ra bài học lịch sử, kiểm điểm kỹ đã bị Staline ảnh hưởng ra sao, dẫn đến hậu quả thế nào để tạ tội với nhân dân và bắt tay sữa chữa sai lầm thật sòng phẳng, ngay thật. Họ không thể và không dám làm như thế. Họ sợ sự phẫn nộ của nhân dân và hơn nữa còn muốn giữ một số cung cách cầm quyền của Staline, như luôn thổi phồng nguy cơ từ bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc cấu kết với phản động quốc tế và phản động trong nước hòng lật đổ chính quyền. Họ kết tội những người ngay thật có ý kiến trái với mình là phản động, là phản bội, là bị đế quốc mua chuộc, là tay sai của CIA..., như chính họ đang đối xử với một số người và bản thân tôi hiện nay vậy...

Về ông Hồ Chí Minh, tôi dùng chử "ông" có hơi lạ với một số người, vì ở Việt Nam ai cũng quen gọi là Bác Hồ, Bác Hồ Chí Minh, trong khi thường nói: ông Lê Lợi, ông Quang Trung. Dân chủ và bình đẳng giữa các nhân vật lịch sử tôi cũng xin gọi là ông Hồ. Bản thân tôi trước kia từng quý trọng ông Hồ, trước đây tôi cho ông là người hy sinh cho đất nước, bôn ba ở nước ngoài, bị tù tội, là người có công trong cuộc đấu tranh giành độc lập, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Ông sống giản dị, liêm khiết. Ông có lòng nhân ái, quý mến trẻ em, cảm thông với phụ nữ, động lòng trước kẻ nghèo đói. Ông ghét thói hư danh, phô trương, hình thức. Ông Hồ và cha tôi đã kết bạn thân trong suốt thời gian cuộc kháng chiến chống Pháp ổ chiến khu Việt Bắc, tình bạn dựa trên sự quý trọng nhau giữa một người cộng sản và một người không đảng phái. Tháng 9. 1945, sau cách mạng tháng Tám, ông Hồ gửi cho cha tôi bức thư ngắn, hiện gia đình tôi còn giữ, mời cha tôi tham gia công việc của đất nước, có câu: Tôi được biết, cụ là người có tài đức, rất mực thanh liêm, nên mời cụ ra chung sức, gánh vác việc nước...Thầy tôi từ chối, viện cớ tuổi cao (56 tuổi), sức yếu. Đến lần thứ ba nhận thư ông Hồ (tháng 10. 1945) sau khi có sự đồng ý của hai ông anh ruột: Bùi Bằng Phấn và Bùi

Bằng Thuận đều là tuần phủ vừa về hưu, và sau khi trao đổi với gia đình, cha tôi nhận lời. Từ cuối năm 1946, cha tôi là Trưởng ban Thường trực quốc hội (như chức vụ Chủ tịch Quốc hội hiện nay) và thường thay mặt quốc hội dự các cuộc họp của chính phủ kháng chiến. Như tôi đã từng kể, ông Hồ và cha tôi đôi lúc đã cùng nhau họa thơ, kiểu thơ Đường. Bài "Tặng Bùi Công" của ông Hồ gửi cha tôi cuối năm 1948 là một trong những bài thơ hay nhất của ông, rất đẹp về hình ảnh, tôi còn nhớ như sau:

Khán thư sơn điểu thê song hãn
Phê trát xuân hoa chiếu nghiễn trì
Tiệp báo tần lai lao dịch mã
Tư công tức cảnh tặng tân thi...

dịch là:

Xem sách chim rừng ngoài cửa đậu
Phê văn hoa núi chiếu nghiên soi
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa
Nhớ bạn thơ xuân tặng một bài

Cha tôi họa lại như sau:

Thiết thạch nhất tâm phù chủng tộc
Giang sơn vạn lý thủ thành trì
Tư công quốc sự vô dư hạ
Thao bút nhưng thành thoái lỗ thi

dịch là:

Một lòng sắt đá phò nòi giống

Vạn dặm giang sơn giữ thành trì

Chăm lo việc nước không hề rảnh

Vung bút thành thơ đuổi giặc thù

Lúc đó, tôi quý trọng ông Hồ, vì tôi vào bộ đội ở Chi đoàn Quang Trung, trung đội tôi làm nhiệm vụ cảnh gác ở Bắc Bộ Phủ nơi ông Hồ làm việc, và tôi đứng gác ổ cổng lớn với khẩu súng các-bin Mỹ trong hơn một tuần. Chính ông Hồ có ý kiến cử tôi theo học lớp Quân Chính đầu tiên ở Hà Nội và sau đó tôi tham gia đoàn cán bộ Nam Tiến 72 người được chọn từ lớp học Quân Chính Đỗ Hữu Vy này. Khi làm báo tôi đã nhiều lần dự các cuộc gặp gỡ, tiếp khách quốc tế, tiếp các nhà báo Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước khác của ông Hồ. Các buổi tiếp thân tình, cởi mở, tự nhiên, không chút khách khí. Ông nhậy cảm, tinh tế trong quan hệ ứng xử, với mọi người, tùy theo tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính. Tôi hoàn toàn không cho rằng ông Hồ khéo đóng kịch, phải công nhận đó là cách ứng xử có văn hóa, có tình cảm thật ở một con người "rất người", lại lịch lãm.

Ông cũng "rất người" ở chỗ không thể hoàn thiện như một ông thánh. Đây là điều gần đây tôi hay suy nghĩ về ông.

Tôi rất thích thú được nhà sử gia Pháp D. Hemery cho biết ông Hồ đã có thể hai lần có vợ. Đó là cô đảng viên đảng Xã hội Marie Brière ở Paris (vào cuối những năm 1920) và cô nữ hộ sinh Tăng Tuyết Minh ỏ Quảng Châu Trung Quốc tháng 10 năm 1928.

Một con người tinh tế, giầu cảm xúc, rất "con người" ắt phải có những mối tình đẹp, có thể hồn nhiên và xúc động. Có người lẩm cẩm lại khen Cụ Hồ sống cao thượng, vì suốt đời không vướng nợ yêu đương, không mảy may nghĩ đến vợ con, đến hưởng lạc thú gia đình..., sống như một ông thánh vậy.

Nhiều người phê phán rất nặng ông Hồ về chính sách đối với công chức cũ sau khi miền Bắc được giải phóng, về những sai lầm trong cải cách ruộng đất, về những oan trái trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm...

Theo tôi hồi ấy đã có chính sách lưu dung (giữ nguyên lương cho công chức cũ), một chính sách thỏa đáng, từng gây xôn xao do ý thức ganh tỵ của anh chị em cán bộ tham gia kháng chiến, đã có những lớp cải tạo chị em làm nghề mãi dâm, đào tạo tay nghề rất có kết quả nhưng chính sách lưu dung chỉ tồn tại trong 2 năm 1954-1955...Tôi được biết ông Hồ rất nghiêm túc trong việc đối xử với tù binh người Việt, người Pháp (cũng như các quốc

tịch khác trong các đơn vị lê dương), cấm dùng chửi bới và đánh đập, cho họ ăn uống ngang với mức của bộ đội. Sai lầm cải cách ruộng đất làm chết hơn 10 nghìn người (bị bắn trước các tòa án nhân dân) là do áp dụng máy móc kinh nghiệm của Trung Quốc, do các cố vấn Trung Quốc trực tiếp áp đặt, do ý thức sùng bái Trung Quốc rất phổ biến lúc bấy giờ, bởi thái độ mù quáng, tự ti mà theo tôi ông Hồ cũng phạm phải. Cũng phải nói rằng cuộc cải cách ấy, từ đợt hai sang đợt ba thì phát hiện ra sai lầm. Khi thấy sai lầm thì đã có quyết tâm sửa, dù cho phía Trung Quốc còn rất ngoan cố và bảo thủ, nếu không tai họa còn mở rộng hơn nhiều nữa! Các ông Trường Chinh mất chức Tổng bí thư, các ông Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương mất chức ủy viên thường vụ trung ương và chính ông Hồ đã tự phê bình về trách nhiệm của mình. Ông Hồ không trực tiếp chỉ đạo công cuộc cải cách ruộng đất, mà trong lãnh đạo đã có phân công: Ông Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo chung, ông Hoàng Quốc Việt trực tiếp chỉ đạo làm thử ở Thái Nguyên, ông Lê Văn Lương trực tiếp đảm nhận công tác chỉnh đốn tổ chức, ông Hồ Việt Thắng trực tiếp làm công tác thường trực...Theo tôi, bài học về sai lầm trong cải cách ruộng đất chưa được tổng kết nghiêm túc, triệt để. Còn về vụ Nhân Văn Giai Phẩm, thì lúc ấy không gây

được dư luận gì lớn trong xã hội. Vì ý thức dân chủ và dân trí còn thấp, cả miền Bắc sống cô lập với thế giới bên ngoài, chỉ biết có Liên Xô và Trung Quốc, hai "thiên đường" tuyệt vời (ngày nay của Liên Xô và Trumg Quốc là ngày mai của Việt Nam!). Dân trong cả huyện cơm đùm, cơm gói đi xem phim Bạch Mao Nữ của Trung Quốc và xem phim một nông trường của Liên Xô dể rồi ca ngợi, bàn tán, "thu hoạch" về nhận thức và tình cảm cách mạng suốt cả nửa năm trời sau đó. Gương anh hùng của ở Thượng Cam lĩnh (Triều Tiên) là lẽ sống của tuổi trẻ Việt Nam. Một số văn nghệ sĩ Nhân Văn Giai Phẩm bị phê phán, toàn xã hội hùa theo ý kiến của lãnh đạo, vì thật tâm bị nhiễu loạn hơn là vì sợ sệt. Thêm nữa vấn đề cải tạo lao dộng lúc đó lại được cổ súy và đề cao! Cán bộ các cơ quan náo nức đi đắp đê Mai Lâm, đào đắp hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, mở mang các nông trường, nên các văn nghệ sĩ bị đi cải tạo lao động ở nông thôn (khuân vác giấy ở nhà máy in, chuyên chở các thùng sợi ở nhà máy dệt, đẩy xe gòng sắt thép ở nhà máy gang thép Thái Nguyên...)không làm chấn động dư luận. Gọi là vụ án nhưng không hề được nêu ngay trên báo chí. Một thời gian sau mới phê phán trên báo, nhưng theo kiểu trích dẫn để kết tội một cách vũ đoán. Lúc ấy thì không ai còn tìm ra

được tờ Trăm Hoa và Nhân Văn để xét đoán. Tôi cố nhớ lại, hình dung lại tình hình lúc ấy là như thế. Tất cả bực dọc, căm giận đều đổ lên đầu "Mỹ-Ngụy" đã không chịu thực hiện Tổng tuyển cử như Hiệp định Geneve quy định, còn tố cộng, diệt cộng, gây nên những vụ thảm sát ở Vĩnh Trinh, Phú Lợi...Các cuộc tuần hành hừng hực khí thế diễn ra khắp nông thôn và thành thị, trước trụ sở các ủy ban quốc tế...Trong điều kiện như thế, ông Hồ cũng thuận theo những đối xử của các cơ quan tuyên huấn và an ninh của đảng và nhà nước. Đây là một thái độ thiếu trách nhiệm, hơn nữa, lúc ấy những nhà văn Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Hữu Loan đều nén phẩn uất phần nào khi được tin các văn nghệ sĩ cùng hội, cùng thuyền với mình ở Trung Quốc bị đội mũ lừa, giải đi trên đường phố để cho quần chúng đả đảo và nhỏ nước bọt, bị đưa ra xỉ vả, đấu tố trong các cuộc họp, bị đưa đi lao động khổ sai thật sự (14 giờ một ngày, xúc và gánh phân người và phân súc vật, ngủ trong chuồng bò) và bắt phải làm các cuộc phản tỉnh hàng chục đêm để thú tội và tự mạt sát mình. Theo quan điểm của tôi hiện nay, sự xâm phạm vào quyền con người dù nặng hay nhẹ đều là tội lỗi. Không thể viện cớ là tôi chưa ác độc bằng những nhà cầm quyền Trung Quốc thời ấy, hay hãy xem bọn Pôn Pốt tàn sát con người và

hủy hoại xã hội ra sao để cho rằng mình xử sự như thế là nhân đạo chán rồi, có gì phải nhận tội...Ông Hồ đã quá tập trung vào công việc chỉ đạo đấu tranh ở miền Nam mà quá coi nhẹ những vấn đề trong văn học, nghệ thuật và để mặc cho người phụ trách làm sai mà không can thiệp? Hay ông có trực tiếp can dự vào những chủ trương ấy? Đây còn là một câu hỏi khó phân xử rành mạch cho thấu tình, đạt lý. Sau này, những vụ chống "xét lại", những vụ án "phản động về chính trị" cũng làm theo kiểu bưng bít. Không có xét xử, không đưa tin trên báo, trên đài, chỉ thông báo nội bộ trong đảng, đến cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn (cơ quan an ninh, bảo vệ nội bộ đảng, bảo vệ quân đội) tự tiến hành, không qua thủ tục pháp lý...Tâm lý xã hội của tuyệt đại đã số người dân lúc ấy là phó thác mọi việc cho đảng và nhà nước, chị ít ra không tán thành thì cũng không có ý kiến, thế thôi. Tâm lý xuôi chiều và a-dua hồi ấy rất nặng. Ngay những người trong cuộc, cùng gia đình, bè bạn có khi cũng để xuôi tay, chẳng có phản kháng hay phản ứng gì quyết liệt, vì tự nghĩ làm gì cũng vô ích chỉ tổ phức tạp và tai hại thêm hay là chẳng phải đầu lại phải tai...Là người lãnh đạo cao nhất, tất nhiên ông Hồ chịu trách nhiệm về những oan trái đã xây ra. Qua lời kể lại của những người ở gần ông Hồ từ những năm 1964, 1965 sức

khỏe ông Hồ suy giảm rõ, mọi việc hàng ngày do Tổng bí thư Lê Duẩn và Ban bí thư giải quyết, ít khi xin ý kiến ông Hồ. Họ viện cớ rằng "khỏi làm Bác bận tâm, khỏi làm phiền lòng lãnh tụ tối cao..."

Theo tôi, ông Hồ có ý thức độc lập khá rõ đối với Liên Xô và Trung Quốc. Cả hai nước này đều không muốn và không tin Việt Nam thắng được Mỹ bằng biện pháp quân sự. Liên Xô thì muốn giữ vững đường lối chung sống hòa bình, Trung Quốc thì khuyên cứ chiến đấu trong khuôn khổ chiến tranh du kích, chỉ nên dùng đơn vị đến cấp tiểu đoàn, nếu dùng quá cỡ đó sẽ dễ bị tiêu diệt bởi hỏa lực và phi pháo của Mỹ...Cố gắng vận động để nhận được nhiều vũ khí hiện đại của hai nước lớn Liên Xô và Trung Quốc, nhưng tự giải quyết lấy bằng chiến đấu kết hợp với đàm phán, đó là nét chính trọng chủ trương của ông Hồ và ban lãnh đạo Đảng trong chiến tranh. Tuy nhiên chính trong ưu điểm này, ông Hồ vẫn để lộ nhược điểm khi ông viết khá nhiều bài báo ca ngợi những bước nhẩy vọt cuả Trung Quốc (sau được in lại trong tập sách ký tên Trần Lực, một bút danh của ông Hồ). Những kinh nghiệm mang dấu ấu trĩ tả khuynh: "bước nhảy vọt kỳ diệu", sản xuất "nhiều nhanh, tốt, rẻ" (dịch của bốn chữ: "đa, khoái, hảo, tỉnh") Ông ca ngợi tài năng kiệt xuất của "Mao chủ tịch vĩ đại,

việc xây dựng công xã nhân dân rồi nấu gang thép ở mỗi hộ nhân dân...cũng được ông Hồ phổ biến và giới thiệu một cách nhiệt tình, theo lối viết phổ cập. Chính ở những chỗ đó, ông Hồ Chí Minh không còn Chí Minh (rất sáng suốt). Tôi còn nhớ hồi nâm 1950 ông Hồ cũng viết bài lên án thậm tệ Titô, coi đó là tên trùm xét lại, kẻ phản bội, theo nhận định của Liên Xô, , ở ông, tư duy tỉnh táo, độc lập về chính trị đã tỏ ra không nhất quán.

Mặt khác, theo tôi, ông Hồ cũng không tỉnh táo khi viết hai cuốn sách kể chuyện về cuộc đời của chính mình. Đó là cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" ký tên Trần Dân Tiên và cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện" ký tên T. Lan, trong đó có nhiều đoạn tự khen mình với những lời ca ngợi cao đẹp nhất. Tất nhiên tấm lòng cảm phục của nhân dân đối với "Bác Hồ" là vô cùng sâu sắc, ông có thể coi đó là sự thật hiển nhiên rồi, nói lên chỉ là phản ánh sự thật, thế nhưng tự mình viết ra để tự khen mình thì có điều gì đó không đẹp, không hay và có thể nói là đã vô tình tự hạ thấp mình vậy.

Tôi xin trích một câu của Trần Dân Tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghĩa là của một người viết về chính mình: "Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình".

(trang 7 cuốn sách trên. Nhà xuất bản Sự Thật-in lần thứ 2. 1976) vậy đây là ai đang nhắc lại thân thế của ai?
"Một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta, với đạo đức khiệm tốn nhường ấy và đang lúc bề bộn bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể cho tôi nghe bình sinh của Người được!" (trang 9-sđd.)
"Chúng ta còn những người yêu nước anh dũng và vĩ đại khác.
Chúng ta có Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, và những người khác nữa. Nhưng chỉ có Hồ Chủ Tịch của chúng ta hoàn thành sự nghiệp mà các tiền bối chưa hoàn thành..."-(trang 146. sđd)
"Nhân dân gọi Hồ Chủ Tịch là Cha già của dân tộc, vì Hồ Chủ Tịch là người con trung thành nhất của Tổ Quốc Việt Nam...(trang 149-sđd). Theo tôi có điều gì thật không ổn khi người viết tự nói về mình như vậy...Ngay cả nhiều lúc ông Hồ tự xưng là Bác với nhân dân cũng có gì đó không ổn-xưng Bác với thanh niên, thiếu niên, nhi đồng thì có thể được-Những khi nói chuyện với nhân dân nói chung mà tự xưng là Bác là không nên, vì trong nhân dân có cả những cụ già còn lớn tuổi hơn. Năm 1945, ông Hồ mới 55 tuổi mà đã tự nhận là "cha già dân tộc"!
Năm 1989, nhân dịp 20 năm ngày mất của ông Hồ Chí

Minh, ông Vũ Kỳ, nguyên thư ký của ông Hồ Chí Minh đã cùng tôi bàn nhau phải đưa toàn bô Di Chúc ra ánh sáng. Không thể mập mờ mãi được. Không thể quịt của người nông dân một năm thuế.

Ông Hồ Chí Minh bắt đầu viết Di chúc từ tháng 5. 1965, sau đó cứ vào tháng 5 hàng năm lại viết lại, viết thêm. Cho nên có tới bốn bản Di chúc bổ sung cho nhau. Ông Vũ Kỳ kể chuyện là ngày 2. 9. 1969, sau khi ông Hồ Chí Minh mất, vào buổi tối ông Phạm Văn Đồng đến nơi đặt thi hài ông Hồ. Ông Vũ Kỳ đưa ra chiếc phong bì lớn đựng cả bốn bản Di Chúc. Ông Phạm Văn Đồng đưa cả hai tay ra ngăn lại: "Không, tôi không nhận. Đây là chuyện hệ trọng, để sáng mai, có đầy đủ Bộ Chính trị, đồng chí đưa ra. " Sáng 3. 9. 1969, có đầy đủ Bộ Chính trị, ông Vũ Kỳ đưa ra chiếc phong bì lớn ấy. Ông Lê Duẩn liền cầm lấy rồi gọi ông Hoàng Tùng, Tổng biên tập báo Nhân Dân vào phòng nhỏ bên cạnh. Ông Duẩn tự quyết định chỉ đưa ra một bản, cắt bỏ, sửa chữa vài chỗ rồi giao cho ông Hoàng Tùng công bố. Tất cả các bản còn lại ông Duẩn giao cho ông Trần Quốc Hoàn giữ như văn kiện tuyệt đối bí mật. Cho đến khi ông Trần Quốc Hoàn thôi chức Bộ trưởng Bộ Công An và chức ủy viên Bộ Chính trị (tháng 3. 1982), ông Vú Kỳ không tài nào lấy lại được tập Di Chúc ấy. Chỉ đến

khi ông Trần Quốc Hoàn ốm nặng, ông Vũ Kỳ mới moi được bí mật qua lời hấp hối của ông Trần Quốc Hoàn: "...trong két sắt đặt ở nhà riêng, ngăn thứ hai, tầng dưới cùng. " Thế là cả tập nguyên bản di chúc được tìm thấy. Tháng 5. 1989, tôi bàn với ông Vũ Kỳ, đặt ông viết một bài báo đặc biệt kể chủ tịch Hồ Chí Minh viết Di Chúc như thế nào, đăng trên tuần báo Nhân Dân chủ nhật do tôi trực tiếp biên tập. Phản ứng của lãnh đạo rất mạnh. Một số ỷy viên Bộ Chính trị đã lên án hai chúng tôi là làm một việc tầy trời, dám công bố văn kiện quan trọng bậc nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh mà chưa được phép của Bộ Chính trị. Trước những cặp mắt nghiêm nghị cuả bốn ỷy viên Bộ Chính trị Nguyễn Thanh Bình, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Tâm, Đổng Sĩ Nguyên và trưởng ban Tư tưởng và Văn hóa Trần Trọng Tân, ông Vũ Kỳ rất điềm tĩnh. Ông trả lời: "Tôi đâu có công bố Di chúc, tôi chỉ viết theo yêu cầu của anh Thành Tín ở baó Nhân Dân. Nhân dây tôi cũng xin báo cáo suốt hai mươi năm nay tôi ăn không ngon, ngủ không yên, cho đến khi nào toàn bộ Di Chúc của Bác đến được với nhân dân. "

Sau đó Bộ Chính trị phải họp hai lần để bàn riêng về việc này và cuối cùng phải đưa ra Quốc hội bàn về việc công bố toàn bộ các bản Di Chúc đồng thời quyết định giảm

thuế nông nghiệp trong hai năm, mỗi năm 50%. Ông Vũ Kỳ và tôi rất mừng, cùng nhau cụng một cốc bia, nghĩ rằng thế là bà con nông dân ta bị hy sinh nhiều nhất về người và của trong chiến tranh cũng đỡ khổ được đôi chút.
Riêng về việc xây lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, rất nhiều trí thức, cán bộ và đồng bào cho rằng không nên làm điều trái ngược với nguyện vọng thiêng liêng của người sắp từ giã cõi đời, nhất là khi nguyện vọng ấy lại cao đẹp. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu không nên phúng viếng linh đình, tốn kém, mong thi hài mình được hỏa thiêu, vậy mà nguyện vọng ấy không được thực hiện. Thi hài ông không được nhập vào đất đai của quê hương, vẫn nằm trong một chiếc lăng đồ sộ mà lạnh lẽo, tốn kém biết bao nhiêu vật liệu và công sức của nhân dân...
Nhìn tổng quát lại hiện nay, tôi cho rằng ông Hồ Chí Minh khởi đầu là một người yêu nước. Ông theo quốc tế cộng sản với ý nghĩ rằng đó là con đường đúng đắn để giành lại độc lập dân tộc. Thế nhưng càng về sau ông càng bị chủ nghĩa cộng sản "chinh phục", dẫn đến thái độ sùng bái kinh nghiệm Liên Xô và Trung Quốc, áp dụng một cách máy móc chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông, dẫn đến chế độ độc đảng, độc đóan, đi ngược lại trào lưu dân chủ của thời đại. Do đề cao nguyên lý đảng cộng sản

lãnh đạo thường xuyên, toàn diện và tuyệt đối nên pháp luật bị coi rất nhẹ, đảng trùm lên bộ maý nhà nước, quyền công dân bị vi phạm rất nặng nề. Ông cũng chưa thoát khỏi ý thức hệ phong kiến, nên chế độ ở miền Bắc mang tính chất bảo thủ, trì trệ, theo một kiểu quan liêu mang tính chất đẳng cấp nặng nề.

Cùng với người lãnh đạo khác của đảng cộng sản, ông Hồ Chí Minh chịu phần trách nhiệm không nhỏ đối với tình hình đất nước ta trong mấy chục năm qua, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay, với biết bao thảm họa và bất hạnh cho các tầng lớp nhân dân. Lịch sử rất công bằng. Thế hệ hiện nay và mai sau sẽ còn đánh giá ông Hồ một cách đầy đủ hơn nữa. Dưới sự lãnh đạo của ông và đảng cộng sản, nền độc lập đã phải trả giá quá đắt về sinh mạng, tài sản và thời gian. Và sau đó, chủ nghĩa xã hội trên thực tế là một chế độ nghèo khổ, bất công và phi lý cần phải gạt bỏ dứt khoát.

Ông Hồ Chí Minh là người cộng sản đóng vai trò chủ yếu đưa chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lenine đồng thời cũng đưa chủ nghĩa Staline chủ nghĩa Mao Trạch Đông vào Việt Nam. Ông cũng đóng vai trò chủ yếu trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở miền Bắc (sau 1954) với tất cả những sai lầm duy ý chí, nôn nóng, giáo điều và

tệ quan liêu, bao cấp, được thực hiện trong cả nước từ năm 1975. Có thể là ông có thiện chí, có ý định tốt? Nhưng ý định tốt không đủ. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Việt Nam cũng như ở các nước khác lâm vào khủng hoảng trầm trọng, không tìm ra được sức sống, ngược lại với mục tiêu và lý luận sách vở của nó. Nếu còn sống, tất nhiên ông Hồ cũng phải xem xét lại tất cả từ ngọn nguồn, tận gốc. Cho nên Đại Hội 7 Đảng Cộng sản nhắc đi nhắc lại rằng "Con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội là duy nhất đứng đắn vì đã do Bác Hồ lựa chọn" là nói lấy được, là áp đặt, không có lý và hoàn toàn không có sức thuyết phục.

Có một anh bạn khi trao đổi ý kiến với tôi nhận xét rằng: Lúc khởi đầu ông Hồ đã coi tranh đấu giành độc lập cho đất nước là mục tiêu, sự ủng hộ của đế tam quốc tế của các đảng cộng sản là biện pháp. Về sau ông lại coi muc đích là chủ nghĩa cộng sản, sai lầm là ở đó. Đây là một vấn đề cần bàn luận thêm cho kỹ lưỡng. Đã có nhiều bài viết nhận định: ông Hồ là người yêu nước hay người cộng sản? hay cả hai? mỗi phần là bao nhiêu? Theo tôi, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội không sai, mà sai ở chỗ chủ nghĩa xã hội nào? Đường đi nước bước sao cho thích hợp? Vì nếu quan niệm chủ nghĩa xã hội thật sự là một

nền dân chủ cao, có công bằng xã hội, quyền tự quản của người lao động thật sự được đảm bảo, năng xuất lao động ngày càng cao, sản phẩm làm ra ngày càng dồi dào, được phân phối hợp lý, và có đủ biện pháp để thực hiện đúng như vậy thì tốt qúa chứ! Trên thực tế chủ nghĩa xã hội ở trong tất cả các nước không thực hiện được như thế, lại làm trái hẳn với những mục tiêu cao quý ấy, nên bị phá sản là lẽ đương nhiên.

Còn những ông Lê Duẩn, Trường Chính, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ...ra sao? Đánh giá cho đầy đủ và chính xác một con người thật là khó. Tôi đã được tiếp xúc khá nhiều với các ông trên đây, trong một thời gian dài. Tháng 2. 1983, ban Bí thư trung ương đảng cộng sản Việt Nam, quyết định cử ông Thép Mới và tôi làm công việc viết hồi ký cho ông Lê Duẩn. Công việc dự định trong vài năm. Trước hết là nghe ông Lê Duẩn tự kể, sau đó cùng nhau bàn về nội dung, dàn bài, rồi phân công về lại những nơi ông từng hoạt động lấy thêm tư liệu tại chỗ để viết được phong phú và sinh động. Chúng tôi mới làm được 4 buổi ở nhà nghỉ Quảng Bá, nghe ông Lê Duẩn kể. Về sau bị ngừng lại do nhiều công việc khác cuốn hút, vì không ai chuyên làm công việc này cả. Mùa hè năm 1985, tôi lại được chỉ định tham gia ban

viết hồi ký cho ông Trương Chinh bao gồm các ông: Hoàng Tùng, Trần Quang Huy, Nguyễn Văn Phùng...Công việc đang triển khai thì ông Trương Chinh mất. Tôi từng nhiều lần đi theo đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm các đơn vị quân đội, các địa phương và một số nước: Trung Quốc, Liên Xô, CHDC Đức, Ba Lan, Hung ga ri...Tôi cũng làm việc gần ông Lê Đức Thọ, đặc biệt là trong thời gian chiến dịch Hồ Chí Minh đầu năm 1975, và từ đầu năm 1979 đến năm 1981 ở Cam pu chia, khi ông trực tiếp đảm nhận chỉ đạo việc giải phóng và giúp xây dựng Cam pu chia.

Nét chung của các ông là tận tụy cho mục tiêu và sự nghiệp cách mạng, rất tin tưởng và tự tin ở công việc minh làm, sống dản dị, có tấm lòng cởi mở thân tình với xung quanh. Các ông đều tiếp thu phong cách sống của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chính từ những nét ưu điểm ấy mà có những nét dở, những nhược điểm lớn dẫn đến sai lầm. Vì quá tự tin và quá tin nên tinh thần phê phán rất yếu. Do niềm tin còn phần chủ quan, mù quáng nên thái độ hoài nghi rất cần thiết cho nghiên cứu khoa học-quá yếu. Do đó tệ duy ý chí phát triển mạnh, nhất là sau toàn thắng. Khó nhất là đánh Mỹ mà đã đánh thắng thì không còn việc gì khó khăn nữa cả, dế ợt! ý thức dân chủ rất yếu, có lẽ vì các ông đều

chưa sống qua một xã hội dân chủ, có ra nước ngoài thì phần lớn là các nước xã hội chủ nghĩa. Các ông lại thoát thái từ xã hội phong kiến và thuộc địa nên đi làm cách mạng mà tác phong quan liêu, quan dạng còn khá rõ. Do đó mà không khí gia đình, nể nang, gượng nhẹ với nhau, dĩ hòa vi quý rất nặng nề. Có một câu chuyện khá kỳ lạ mà có thật. Năm 1987, đoàn cán bộ của Ban Tổ chức chính quyền đi tham quan Liên Xô và Cộng hòa dân chủ Đức để nghiên cứu về cách làm việc của bộ máy nhà nước và bộ maý đảng ở Moscou và Berlin. Khi trở về, đối chiếu với tình hình Việt Nam, thì té ra ở Hà Nội, tất cả các ủy viên bộ Chính trị đều không hề làm việc ở cơ quan của trung ương, mà mỗi vị đều làm việc tại gia!

Trụ sở của Trung ương đang đặt tại trường Albert Sarraut cũ. ở đó có phòng họp lớn của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Các vị ủy viên Bộ Chính trị đều làm việc tại nhà riêng, trên các đường phố khác nhau, thường cách xa nhau. Mỗi nhà thường là một biệt thự được sửa sang, mở rộng để có đủ chỗ ở cho gia đình, cho văn phòng, thư ký, lái xe và đơn vị bảo vệ. Văn phòng thường có từ 6, 7 đến mười, mười hai người. Có chánh văn phòng, phó văn phòng, thư ký hành chính, thư ký lo chương trình hoạt động, trợ lý về văn thư, báo chí, kinh tế, ngoại giao...lại có cả phòng viên chụp ảnh

riêng. Ngoài ra còn tiếp phẩm (đi chợ mua bán), người nấucơm, người phục vụ cơm nước... tản mát nên chỉ khổ cho Chánh văn phòng trung ương đảng. Vì muốn xin ý kiến tập thể bộ Chính Trị, phải ghé đến lần lượt đủ 13 hay 14 ngôi nhà, ghi chép ý kiến đầy đủ, thông báo những ý kiến ấy, làm trung gian trao đi đổi lại, thật nhiêu khê, vất vả...Gần đây mới có chấn chỉnh để mỗi ủy viên bộ chính trị có một phòng làm việc ở gần nhau. Một cán bộ ở văn phòng Trung ương đảng đang than vãn với tôi: Có lẽ trên thế giới không có một đảng cầm quyền nào mà các ủy viên Bộ Chính trị lại chuyên làm việc tại gia và phân tán đến như thế này! Nó tồn tại tự lâu mà không ai nhận ra sự vô lý, cái tác phong thủ cựu quan liêu lại du kích, tản mạn và tùy tiện để sửa chữa cả!

Về ông Lê Duẩn, ông là một con người khá sắc sảo. Hồi kháng chiến chống Pháp ông được mệnh danh là ông "cent bougies" (trăm nến) nghĩa là hiểu biết, sáng suốt. Hồi đó với những ý kiến vận động trí thức, giải quyết vấn đề tôn giáo một cách kiên trì và khôn khéo, không tả khuynh, vội vã...được anh em cán bộ ở miền Nam rất chịu. Ông làm thư ký hỏa xa rồi đi hoạt động. Ông nắm những khái niệm lý luận, triết học, chính trị kinh tế học bằng tiếng Pháp, từ nhà tù Côn đảo, nhưng lại không giảng giải được

bằng tiếng Pháp. Ông thường nhắc đến khái niệm ấy như: quantité và qualité, contradiction, transformation, Paupérisation relative và absolue, valeur marchande...Ông rất tự tin và suy nghĩ bằng tư duy của mình, có tinh thần độc lập và có sáng tạo. Ông sớm có ý định dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực đàn áp ở miền Nam sau Hiệp định Genève. Ông để xuất xây dựng gấp các quả đấm thép lớn (các quân đoàn như 1, 2, 3, 4 lần lượt được xây dựng những năm 1973, 1974) để chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công lớn. Ông có nhận thức sắc sảo về thời cơ. Chiến dịch mùa xuân 1975 trước định nhằm mở ra một quá trình kết thúc cuộc chiến tranh trong hai năm, sau rút lại để kết thúc cuộc chiến tranh trong một năm, sau rút lại để kết thúc trong hai tháng, là do đề xuất của ông. Từ cuối tháng 12. 1974, ông đã có ý kiến bên cạnh kế hoạch được bàn bạc và quyết định, cần chuẩn bị thêm "kế hoạch thời cơ" để tận dụng điều kiện thuận lợi mới, kết thúc thật nhanh cuộc chiến tranh.

Trong quan hệ với cán bộ, ông ít có những cuộc chuyện trò chân tình, tâm giao, ông cũng ít quan tâm đến người khác. Có những nhà báo gặp ông nhiều lần, hỏi chuyện vài lần, nhưng sau đó gặp lại ông cũng không nhận ra. Trong chuyến đi thăm Ấn Độ năm 1985, ông chẳng để ý gì đến

anh em phục vụ đi theo đoàn là những ai, làm gì, công việc ra sao, ông chỉ quan hệ với mấy ủy viên bộ chính trị và ży viên trung ương cùng đi, anh em chụp ảnh, quay phim, làm tin tức, bảo vệ, lãnh sự, an ninh...không hề được ông hỏi han đến, khác hẳn với tác phong ông Hồ Chí Minh và các vị khác. Cứ mỗi buổi sáng, ông chỉ ăn sáng với một trợ lý sắp xếp chương trình, với tôi để nghe tổng hợp tin tức trong đêm qua và chị Tôn nữ thị Ninh phiên dịch để trao đổi về nội dung sẽ làm việc trong ngày. Anh em cùng đi đều chung một nhận xét: ông ít quan tâm đến người phục vụ bên dưới.

Ông gần như không bao giờ tự viết mà chỉ nói, nhưng nói theo luồng suy nghĩ tức thời, giọng lại lắp bắp nên rất khó nghe. Đây là cảm tưởng chung của mọi người. Ai cũng cảm thấy mệt khi cố tìm hiểu xem ông định nói gì. Một kiểu nói không cần gì đến văn phạm cả!

ở ông, sự tự khẳng định mình có lúc đi đến chỗ tự kiêu và chủ quan, ông vẫn nghĩ rằng chủ trương dùng bạo lực được đưa vào nghị quyết Trung ương lần thứ 15 hồi đầu năm 1960 là do ông đề xuất ra trong thời gian hoạt động ở miền Nam, sau Hiệp định Geneve, ông đã suy ngẫm về tình hình trong những tháng ở Rạch giá, U-minh, Cà Mâu, Bạc Liêu và về ở Chợ Lớn trong nhà một cơ sở để thảo ra

bản đề cương cho cách mạng miền Nam. Những khái niệm đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh trong cả ba vùng chiến lược: nông thôn, thành thị, rừng núi, bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận, bằng ba thứ quân: chủ lực, địa phương và du kích...đã được hình thành từ đó. Ông đã tổng kết các cuộc đồng khởi tự phát ở Trà Bồng, ớ Bác i (Nam trung bộ) và ở Mỏ Cầy (Bến tre) để phát triển quan niệm khởi nghĩa của quần chúng. Thật ra sau này, ông Trường Chinh cho biết và cũng theo Bản tổng kết lịch sử đảng, thì đã có sự trùng hợp ý kiến của ông Lê Duẩn với những ý kiến của những người khác. Ông Trường Chinh đã kể cho tôi hồi đầu năm 1985 rằng: "ý kiến anh Ba về bạo lực đấu tranh cách mạng không phải là ý kiến duy nhất, cũng không phải là ý kiến sớm nhất".

Tự kiêu và chủ quan rõ hơn là khi ông kể về bản thân mình và lại so sánh với chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi còn nhớ rất rõ, trong 4 buổi sáng, năm 1983 ở nhà nghỉ Quảng Bá Hà Nội, có mặt ông Hoàng Tùng (lúc ấy là ủy viên ban bí thư, phụ trách công tác tư tưởng), ông Đống Ngạc (trợ lý Tổng bí thư), ông Nguyễn Cận (người tham gia sưu tầm và giới thiệu những bức thư gửi vào Nam), ông Thép Mới và tôi (đều ở báo Nhân Dân), ông Lê Duẩn đã kể lại trên

đại thể quá trình hoạt động của ông. Có ba lần ông cao hứng, tự nói về những đóng góp xuất sắc của mình, và tự so sánh với ông Hồ Chí Minh, ông nói: "Tôi à, tôi hơn bác Hồ chớ. Này nhé bác Hồ mở mồm ra là nói nhân, nghĩa, lễ, trí, tín-Đó là gì? là phong kiến, là lạc hậu rồi. Tôi à, tôi nói: làm chủ tập thể. Đó là lập trường công nhân, tư tưởng công nhân..."

Một lần khác ông kể: "Sau Hiệp định Geneve, bác Hồ còn nghĩ tới tổng tuyển cử. Đó là gì? Là ảo tưởng! Tôi à, tôi hơn bác Hồ chớ. Tôi nghĩ ngay đến bạo lực. Tôi bảo anh em chôn súng. Tôi bàn với anh em để lại lực lượng ở miền Nam không tập kết hết cả đâu nhé..."

Lại một buổi khác ông thích thú: "Tôi à, tôi hơn bác Hồ chớ!

Bác sang Liên Xô và Trung Quốc, nghe Staline và Mao bảo gì là vâng vâng hết! Tôi à, tôi dám cãi lại với Krouchev, tôi dám cãi lại với Mao. "

Đó là căn bệnh chủ quan và kiêu ngạo không kiềm chế nổi. Nếu quả thật ông Lê Duẩn hơn ông Hồ Chí Minh thì là điều đáng mừng, hậu sinh khả úy. Thế nhưng đấy đều là những điều ông Lê Duẩn tự ngộ nhận (nhà báo Thép Mới ngay sau đó viết loạt bài Thời thắng Mỹ, sau được in thành sách, bị phê phán là: bồi bút, xu nịnh, cơ hội, tự sát về

nhân cách...). Cái sáng tạo của ông về "làm chủ tập thể", đã làm tốn không biết bao giấy mực bàn cãi, hội thảo!...mà không thấy có gì hay hơn, cao hơn là khải niệm dân chủ, nên đã bị gác lại sau khi ông qua đời.

Trong suy nghĩ của ông Lê Duẩn, có điều gì đó cực đoan. Đó là từ hồi 1977 đến 1980, 1982, ông thường nhận xét: "Bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc luôn là kẻ thù của đất nước ta-Tôi thấy điều đó ngay từ hồi Nixon sang Trung Quốc, và tôi đã nói ngay sau khi toàn thắng là phải rất cảnh giác, phải rất coi chừng bọn bành trướng Trung Quốc-Chúng vốn thù địch với ta và chắc chắn còn thù địch với ta hàng trăm năm nữa!"

Trong xây dựng đất nước ông ít có sáng kiến đáng kể. Đến nay người ta vẫn còn kêu về ông, nhất là về hai chủ trương ghép một số tỉnh và lấy huyện làm đơn vị chiến lược về kimh tế. Có người gọi đó là những cơn ngẫu hứng tai hại của Tổng bí thư. Sau ngày Toàn Thắng, ông nghĩ rằng phải ghép tỉnh để mỗi tỉnh có từ trên 1 triệu đến 2 triệu dân mới có thể thành một đơn vị để xây dựng. Việc này không được Quốc hội bàn đến để cân nhắc lợi hại. Thế là ghép tỉnh, Hà Đông, Sơn Tây với Hòa Bình thành Hà Sơn Bình, Hà nam, Nam Định với Ninh Bình thành Hà-Nam-Ninh, Hải Dương và Hưng Yên thành Hải-Hưng,

Quảng Bình, Quảng Trị với Thừa Thiên thành Bình-Trị-Thiên, Quảng Ngãi với Bình Định thành Nghĩa-Bình, Phú yên với Khánh Hòa thành Phú-Khánh...Việc hợp tỉnh rất tốn kém, lại gây nên mất đoàn kết kéo dài. Bí thư với phó bí thứ tỉnh ủy, chủ tịch, phó chủ tịch ỹy ban nhân dân, các giám đốc sở xếp rất gay go. Phải mặc cả tỉnh cũ này giữ ghế này, tỉnh cũ kia giữ ghế kia cho thăng bằng! Rồi ông này bênh tỉnh cũ của mình, bà kia "trù" cán bộ của tỉnh (cũ) kia cứ như thế công việc lằng nhằng, chỉ đối phó nhau trong nội bộ đã mất thời gian và mất sức! Đã vậy lại có tỉnh quá dài, đến mấy trăm km. Bình-trị-thiên, từ dèo Ngang vào đến dèo Hải Vân dài hơn 200km, tỉnh không sao ôm xuể, năm 1990 lại phải chia lại làm ba tỉnh. Phú Khánh cũng thế, lại phải chia lại làm hai: Khánh Hòa và Phú Yên. Anh chị em cán bộ còn kháo nhau: ngoài cái vụ hợp nhất các tỉnh và các huyện ra, tai hại hơn là hồi 1983, ông Duẩn cao hứng đề xuất việc đưa cấp huyện lên trở thành cấp chiến lược, khác với xưa nay, huyện là cấp trung gian giữa xã và tỉnh. Theo hướng ấy, 400 huyện sẽ là 400 đơn vị kinh tế cơ bản hoàn chỉnh. Thế là cơ quan tất cả các huyện bành trướng rất nhanh, mỗi huyện có đến 30, 40 công ty khác nhau, cùng với hơn 20 phòng chuyên môn! Biên chế tăng, ngân sách chi trả về tiền lương tăng, mà

hiệu quả thì không rõ! Sau gần ba năm triển khai, từ khi ông Duẩn mất, chẳng còn ai mặn mà với cấp huyện nữa. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, bầy biện càng lắm mà không có đủ nguyên vật liệu, tài chính thì chỉ thêm lảng phí và cách bức. Gần đây đã phải thu hẹp biến chế cấp huyện, chấm dứt một cuộc phiêu lưu về tổ chức. Đất nước đã nghèo lại nghèo thêm là từ những chủ trương ngẫu hứng của người lãnh đạo như vậy đó. Người ta than thở: "Cụ" mất rồi mà nay việc dọn dẹp những bãi rác "cụ" để lại vẫn còn mất biết bao công của và thời gian..."

Đây là những vấn đề cho chúng ta suy ngẫm để rút kinh nghiệm cho việc xây dựng một chính quyền thật sự dân chủ, có hiểu biết sâu rộng và vững chắc.

Về ông Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), điểm nổi bật là trình độ hiểu biết khá sâu rộng. Ông chịu khó đọc sách và suy nghĩ. Trung văn và Pháp văn ông đều am hiểu khá. Ông chăm chỉ và cẩn thận. Cho nên có lúc người ta đã đặt bí danh cho ông là Thận, anh "Thận" bên cạnh bí danh cũ "anh Nhân". Ông cẩn thận đến từng câu, từng chữ, từng dấu chấm, dấu phẩy. Khi nói cũng thế, ông nói rõ, đúng văn phạm, từ tốn, chuẩn xác, từng câu, từng chữ một. Ông có làm thơ (ký tên Sóng Hồng) nhưng thơ không thật là thơ, thiếu ý thơ, thiên về sáo ngữ và có tính cách hô hào

mà thiếu âm hướng sâu bền. Văn chính luận của ông rõ ràng, khúc chiết, lập luận chặt chẽ-Sau sai lầm cải cách ruộng đất mà ông trực tiếp chịu trách nhiệm, ông hầu như không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa. Ông có cái nhìn rất nghiêm khắc, đòi hỏi ở xung quanh nếp sống đúng giờ giấc, kỷ luật, viết và nói đúng như nghị quyết, luôn luôn giữ đứng lập trường của đảng. Một thiếu sót của ông về sau là thiếu hẳn sự tiếp xúc với nhân dân. Theo những lời ông kể (ông Nguyễn Văn Phùng, phó Viên trưởng viện lịch sự đảng, và tôi là hai người được nghe ông kể trong 6 buổi sáng ở Đà Lạt tháng 6 năm 1985) thì thời hoạt động bí mật, ông có những chủ trương và phong cách khá đặc sắc. Ông hoạt động rất khôn khéo, tháo vát, nhiều lần tránh được các cuộc vây bắt của mật thám. Khi thì giả người dạy học, người đi buôn, khi thì giả lái đò, viên chức nhỏ. Hồi trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, có người muốn đưa ATK (An toàn khu) của trung ương đảng cộng sản lên vùng rừng núi, vùng biên giới Việt-Trung, nhưng ông một mực giữ chủ trương ATK phải ở gần thủ đô Hà Nội, không quá một ngày đường đi xe đạp để bắt mạch được tình hình trong nước và thế giới. Ông tạo được cơ sở là một nhóm công nhân ở nhà in TAUPIN. Chiều nào Phủ toàn quyền Đông Dương cũng cho một người Pháp

đưa đến in một thông báo nội bộ về tình hình chiến sự, tình hình thế giới và trong nước, in ra chừng 60 bản để phát cho quan chức Pháp cấp cao. Hai anh công nhân bao giờ cũng in thử và giữ lại một bản mô-rát (bản mô-rát chính thì người Pháp đốt trước khi rời nhà in). Ngay tối hôm ấy bản mô-rát được đưa lên ATK ở vùng Đông Anh hoặc Bắc Ninh. Ông cũng có cơ sở trong một viên chức ở Hà Nội, có đài thu thanh, ông này thường ghi lại những tin tức chính, hàng ngày có người đến nhận để mang lên ATK. Ông Trường Chinh đã viết chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" trong điều kiện ấy. Từ khi không làm Tổng bí thư nữa, vị trí của ông giảm hẳn. Khi ông là Chủ tịch Quốc hội, tôi đã đi theo đòan của ông đi thăm các địa phương ở Bình trị Thiên và Nam Bộ. Chẳng còn là ông Nhân xưa đi xe đạp trong kháng chiến, ghé các nhà cơ sở ăn khoai luộc với muối, uống nước chè xanh...Lúc nào cũng là đoàn xe Volga bóng lộn, người đưa kẻ đón, diễn văn, tiệc tùng...Sức khỏe cũng không cho ông xông xáo như xưa. Những lời phát biểu của ông ngày càng hình thức, cứng nhắc.

Tôi thấy cần công bằng với ông ở hai điểm: Hồi 1960 khi có cuộc tranh luận lớn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và do đó trong đảng cộng sản Việt Nam có

những khuynh hướng khác nhau. Ông lúc đầu đã có chủ trương tán thành nội dung đại hội 20 đảng cộng sản Liên Xô, lên án tệ sùng bái cá nhân Staline và tán thành đường lối chung sống hòa bình do Krouchev khởi xướng. Về sau chính ông Lê Duẩn đã chủ trương ngả về phía Trung Quốc và lôi cuốn cả Bộ Chính trị và Trung ương theo hướng đó. Những ai không tán thành đều bị chụp mũ là "xét lại", là "chống đảng". Do bản tính dĩ hòa vi quý, lại ở trong thế yếu, nên ông Trường Chinh không có phản ứng gì. Đến năm 1986, khi thấy ông Lê Duẩn vừa mất, đảm nhận chức quyền Tổng bí thư, ông đã có ý thức trách nhiệm rõ rệt, tiếp nhận xu hướng đổi mới dứt khoát của Liên Xô và phác họa ra cả một kế hoạch đổi mới rất rõ nét, có bài bản cho Việt Nam. Uy tín ông dâng lên, cho nên đến Đại hội 6, khá đông đoàn đại biểu (mà khởi đầu là đại hội đảng toàn quân đội) đã đề xuất bộ ba mới sẽ là: ông Trường Chinh làm Tổng bí thư, ông Phạm Văn Đồng làm chủ tịch Hội đồng nhà nước và đại tướng Võ Nguyên Giáp làm chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Sự sắp xếp này đã bị ông Lê Đức Thọ phá vỡ bằng cách viết thư thuyết phục (trên thực tế là ép) hai ông Trương Chinh và Phạm Văn Đồng cùng với chính ông ta thôi không tham gia trung ương nữa, chỉ nhận chức cố vấn Ban chấp hành trung ương đảng. Hiện nay vẫn còn

khá nhiều đại biểu dự đại hội VI luyến tiếc sự sắp xếp trên kia và nhận xét: Đại hội VI là đại hội của ông Sáu (tên thường gọi của ông Lê Đức Thọ).

Vào lúc cuối đời, ông có một nét nhỏ làm tôi suy nghĩ và nhớ mãi. Hồi tháng 6. 1985 khi ông cùng gia đình đi nghỉ ba tuần ở Đà Lạt, ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Phùng ở Viện nghiên cứu lịch sử đảng và tôi đi theo để làm việc. Một hôm sau khi kể xong, nghỉ chờ ăn cơm, ông kéo riêng tôi vào buồng ngủ (đây là biệt dinh 1, nơi nghỉ của vua Bảo Đại và gia đình hồi xưa), chỉ chiếc giường có nệm gấm vàng thêu rồng và chăn vàng thêu phượng cùng với hai chiếc gối gấm vàng, chúm miệng lại nói rất nhỏ như để khoe: Chú vào đây, chú biết không, đây là phòng ngủ, kia là giường, nệm, chăn, gối của vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương đó! Lúc ấy bà Trường Chinh ngồi ngay trên chiếc ghế ở trong phòng.

Tôi vừa buồn cười, vừa sửng sốt đến ngỡ ngàng. Hóa ra một vị lãnh đạo công sản kỳ cựu, từng chủ trương lật đổ ngai vàng này lại tỏ ra thích thú và xúc động đến thế, khi được ngủ trong phòng, đắp chăn và dùng gối nệm đầy những biểu tượng rồng phượng của hoàng đế và hoàng hậu thời xưa!.

Khi bàn với chúng tôi về viết giúp ông cuốn hồi ký, ông

Trường Chinh nhận xét: "Chớ có viết như loạt bài Thời thắng Mỹ của Thép Mới. Nói không đúng sự thật. Hay gì cái thói thổi phóng, thêu dệt! Đó là thái độ cuả kẻ cơ hội- Mà người ta còn sống cả kia mà! Viết thế là hại cho anh Ba (ông Lê Duẩn). Cũng chớ có viết như Đại Thắng mùa xuân (của tướng Văn Tiến Dũng, Hồng Hà ghi), nói không đúng sự thật, các chú không biết sao! Khi in thành sách đã phải chữa đến hơn 30 chỗ, ai biết người ta cười cho!"
Hai ngày trước khi ông mất đột ngột, ông đã gặp những người đang giúp ông viết Hồi Ký. Ông ngã khi đang lên thang gác, đầu va phải bậc đá. Chiếc ảnh ông chụp hôm ấy với chúng tôi là bức ảnh cuối cùng của ông.
Về ông Phạm Văn Đồng, tôi có một sự kính trọng và quý mến từ lâu. Ông đựơc cán bộ và nhân dân quý trọng về cách sống dản dị, thái độ ngay thật, có văn hóa. Cuộc đời riêng của ông buộc ông phải chịu đựng với nghị lực cao. Vợ ông, một người đẹp ở hiệu kem Zephir trước cửa hàng Thủy tạ, bờ hồ Hoàn Kiếm, từng giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng thời kỳ bí mật, đã bị ốm khi ông cùng bà từ Liên khu năm lên Việt Bắc năm 1949. Bà bị bệnh tâm thần ở thể u uất rất nặng, chỉ ngồi thừ một chỗ, rũ rượi, u buồn. Hai ông bà có một con trai rất ngoan, học giỏi, một thời ở trong quân đội, nay đã hơn 40 tuổi. Dương, tên anh_ là nguồn

an ủi lớn của ông. Thường cứ tối thứ bẩy ông đến ăn cơm với vợ, với cái nghĩa vợ chồng chung thủy. Những ngày thường, ông sống một mình với công việc, đọc sách, nghe đài-Từ ba năm nay mắt ông gần như lòa hẳn, không hồi phục được. Ông thường giải trí bằng cách nghe đọc những đoạn văn hay của Victor Hugo và Anatole France...sau khi đi bách bộ sáng và chiều, mối buổi cố đi được 2 đến 3 km.

Ông là một người trí thức chịu khó tìm hiểu tình hình và suy nghĩ, có tấm lòng với đất nước. Ông rất dễ xúc động, có lúc rơi nước mắt trước những thân phận xót xa của con người, nhất là cúa trẻ em và phụ nữ. Ông từng có những tác phẩm khá tốt như bài viết dài in thành sách về Nguyễn Trãi, nhân kỷ niệm 600 năm ngày sinh của nhân vật kiệt xuất của dân tộc được cả thế giới ngưỡng mộ như một danh nhân.

Nhưng nhiều anh chị em trí thức vừa thương, lại vừa chê ông vì sự nhu nhược khi làm trong cơ chế. Tôi đã nghe ông than vãn đến 6 lần: "Tôi là thủ tướng nhiều tuổi nhất (ông làm thủ tướng đến tuổi hơn 70), nhưng cũng là thủ tướng bất lực nhất!" Rồi ông trần tình: "Tôi không có quyền, tôi nói mà chẳng ai nghe cả-Đến thay đổi một thứ trưởng, tôi đề nghị thôi mà cũng không được, chưa nói

đến chọn bộ trưởng!"
Người ta trách ông: sao ông không đấu tranh, không đặt vấn đề trách nhiệm đi đôi với quyền lực, ông không có quyền thì còn ai có quyền nữa. Thế nhưng rồi ai cũng thông cảm với ông vì cái cơ chế này nó kỳ lắm, đảng tự đặt trên chính quyền, dẫm chân lên chính quyền, dựa trên một nguyên tắc nhắc đi nhắc lại hoài như một chân lý: đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và thường xuyên. Như về lựa chọn cán bộ, thì Ban tổ chức trung ương đảng quyết định tất cả, chính phủ chỉ cúi đầu chấp nhận. Ông là người ít nói nhất trong bộ Chính trị-Có lẽ vì ông nhẫn nhục, ông dứng ngoài mọi sự cạnh tranh, đua tranh về quyền lực, về phe nhóm. Ông chỉ phát biểu khi thật cần, và những câu thường có trọng lượng giầu suy nghĩ. Đó là cuối năm 1974, khi thảo luận về quyết tâm trong mùa xuân 1975, ông phát biểu: "Về khả năng phản ứng của chính phủ Mỹ, tôi đã suy nghĩ về vấn đề này hơn tuần này và có thể khẳng định: chuyến này cho ăn kẹo chính phủ Mỹ cũng không quay trở lại can thiệp đâu, ta cứ mạnh dạn mà làm ăn. Ta cứ đưa hết quân chiến đấu vào miền Nam đi-Vâng, cho ăn kẹo Mỹ cũng không trở lại nữa!"-ông cười. Thường là ông nói xong là cười rất hồn nhiên, sáng khoải, một tràng cười rộ ra rất thoải mái...

Ông sống ngay thẳng có công tâm, trong sạch. Ông sống co lại, gần như cô độc. Khi người thư ký riêng của ông-nhà khoa học cũng là nhà thơ VIT PHƯƠNG-bị đối xử oan uổng, bị chụp mũ là "xét lại" chỉ vì vài câu thơ bộc trực, lên án những thói xấu ở đời, ông cũng chỉ im lặng, không hùa theo để lên án, nhưng cũng chẳng bênh vực. Cho đến khi sóng yên bể lặng, ông Việt Phương trở lại làm việc ở viện Quản Lý kinh tế thì ông lại vời ông Phương đến để dùng tài vào việc viết lách giúp ông...Con người ông là thế đó. Có lẽ kinh nghiệm lớn nhất về ông Phạm Văn Đồng là: một con người có tâm huyết, có hiểu biết khá rộng, thông minh và sắc sảo đã bị cơ chế cứng ngắc làm cho vô hiệu. Vấn đề quyết định là cơ chế, một cơ chế hỏng sẽ cản trở mọi tài năng và tâm huyết.

Còn đại tướng Võ Nguyễn Giáp? Tôi từng biết ông từ rất lâu, tháng 9. 1945, khi ông đến lớp Quân chính ở trường Đỗ Hữu Vỵ giảng về chiến tranh du kích, về vai trò của đấu tranh vũ trang trong đấu tranh cách mạng. Tôi cũng gặp ông ở Hội nghĩ về chiến tranh du kích ở Bình Trị Thiên. Sau đó là những cuộc Hội nghị quân chính hàng năm. Năm 1975, ông vào Sài Gòn mấy ngày sau Toàn thắng. Tôi còn nhớ hôm ấy, ngày 7. 5 thì phải, ông được đón từ sân bay Tân Sơn Nhất vê Đinh Độc Lập mới trở thành

"Nhà khách của chính phủ". Đêm đó một viên tướng trong ủy ban quân quản ngỏ lời: "Thưa anh, chúng tôi có chiếc đàn dương cầm loại tốt lấy được trong căn cứ quân sự, xin để gửi anh chơi thử. " Tôi thấy đại tướng Giáp nổi giận quắc mắt: Sao lại vậy? Không được! Tôi mà nhận đàn dương cầm thì anh em khác nhận gì? Không được. Kỷ luật chiến lợi phẩm phải nghiêm từ trên xuống dưới". Tôi càng quý thêm ông Giáp hôm ấy. Về sau chiến lợi phẩm bị chia chác bừa bãi, mạnh ai nấy lấy, vì sau Đại hội đảng lần thứ tư cuối năm 1976, ông Văn Tiến Dũng trên thực tế đã thay ông Giáp làm Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng.

Từ một ông tú, rồi ông cử (ông tốt nghiệp cử nhân luật khoa trường Đại học Hà Nội năm 1936) rồi làm giáo sư sử học rất có tín nhiệm với học sinh (có học sinh còn nhớ rõ ông từng say sưa giảng dạy về cách mạng Pháp năm 1789 và ca ngợi nhiệt thành Denton, Marat, Robespierre ra sao...)

Ông thông minh, có trí nhớ tốt, luôn ham mê đọc sách báo, hiểu biết mới mẻ, cho đến tận bay giờ. Đến phòng làm việc của ông, sách đặt ngổn ngang có trật tự, nhiều cuốn đang đáng dấu bằng các mẩu bìa, nơi cần đọc và tra cứu. (Mỗi lần đến gặp ông tôi lại nhớ phòng làm việc và nhà ở của một đại tướng khác, cùng ży viên bộ Chính trị cho đến

hết đại hội đảng 5, xuất thân từ một cố nông ở Nghệ An, sách rất nhiều, nhưng luôn là sách trang trí, xếp rất đẹp thành hàng thẳng tắp, trong hàng loạt tủ kính và bao giờ cũng đứng nghiêm không động đậy như để chờ duyệt binh vậy! Hai phong cách, từ hai nguồn văn hóa và tập quán giai cấp!...

Cán bộ quý trọng và tin cậy ông. Ông đào tạo được một đội ngũ sĩ quan trẻ, có học thức, tận tụy và theo gương ông dản dị và liêm khiết. Chính tư duy khoa học, giỏi biên chứng pháp mác xít từ tuổi trẻ đã giúp ông chỉ huy và lãnh đạo quân đội rất nhanh nhạy và sâu sắc, trong công tác tổng kết ông nắm bắt mọi tình hình mới, hiện tượng mới để tìm hiểu và nâng cao lên trong nhận thức. Khoa học quân sự được chính ông đích thân phát triển và ông coi trọng việc quảng bá cho lớp lớp cán bộ-Có thể nói những chiến thắng quân sự đã bắt nguồn từ đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng dắn. cương vị Bộ trưởng quốc phòng và Tổng tư lệnh, ông đã để lại một dấu ấn khá sâu. Cũng có thể nói số phận ông quả là lận dận. Năm 1982, ông bị đưa ra khỏi bộ Chính Trị, chỉ còn là ży viên trung ương đảng, được phân công là Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phụ trách về công tác khoa học. Ông còn kiêm nhiệm một số vấn đề khác có tính chất mặt trận, có khi

hiếu hỷ (trong các cuộc kỷ niệm), hoặc như chủ tịch ủy ban sinh đẻ có kế hoạch (để một nhà báo phương Tây nói vui rằng: chiến trường của đại tướng Giáp ngày nay là chiếc giường của những cấp vợ chồng trẻ), còn văn học dân gian trên đường phố thì cho rằng thời buổi này thật lạ lùng:

• Nhà chính trị đi làm thơ

• Nhà thơ đi làm kinh tế

• Còn thống chế đi đặt vòng...

trong nước và ở nước ngoài, người ta băn khoan đặt nhiều câu hỏi về đại tướng Giáp-Vì sao ông lại bị đưa ra khỏi bộ Chính trị năm 1982 tại Đại hội V? Lúc ấy cơ quan lãnh đạo giải thích rằng vì tuổi tác và sức khoẻ, dể nhường cho những người trẻ hơn! Thế nhưng sao lúc ấy các ông Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh...cũng cao tuổi, sức yếu lại không nhường cho người khác? Giải thích thế là không ổn.

Trong đảng, ông Giáp ở vị trí rất cao và rất sớm. Ngay sau cách mạng tháng Tám 1945, Ban thường vụ trung ương đảng (ngang với Bộ Chính trị sau đó) chỉ có chủ tịch Hồ Chí Minh, ông Võ Nguyên Giáp, ông Lê Đức Thọ và ông Hoàng Quốc Việt-Về sau có thêm ông Nguyễn Lương Bằng (Sao Đỏ)-Ông Phạm Văn Đồng đến năm 1947 mới vào Trung ương, ông Lê Duẩn sau này mới vào Bộ Chính

trị.
trong hàng ngũ những cán bộ cao cấp, nhiều người cho rằng ông Lê Duẩn luôn có thái độ chê bai và muốn hạ thấp vai trò cũng như uy tín của ông Giáp. Tôi đã dự nhiều cuộc nói chuyện của ông Lê Duẩn sau năm 1975. Rõ rệt nhất là ở Tòa soạn báo NHÂN DÂN tháng 3. 1983 nói chuyện với cán bộ từ hàng vụ trưởng trở lên, ông ngang nhiên nói: "Hồi đó (hồi đánh Mỹ), bộ trưởng quốc phòng nhát như thỏ đế, vừa dánh Mỹ mà vừa run như vậy này (ông co người lại run rẩy). Do đớ chúng tôi không để cho chỉ huy, chúng tôi phải trực tiếp nắm tình hình và chỉ đạo chiến tranh, và trên thực tế đã thay người khác trong nhiệm vụ Bộ trưởng Quốc phòng...". một số cuộc họp khác, ở Hà Nội và Sài Gòn, ông cũng nói như vậy, đả kích rõ rệt đại tướng Võ Nguyên Giáp.
Thật ra không phải chỉ gần đây, mà từ năm 1962, ông Giáp đã bị gián tiếp đụng chạm khá mạnh. Đó là thời kỳ đấu tranh quan điểm chuẩn bị cho hội nghị trung ương lần thứ 9 cuối năm 1963. Cuộc Hội nghị 81 đảng cộng sản và công nhân thế giới hồi năm 1960 diễn ra rất gay gắt, chia làm hai phe: Liên Xô và Trung Quốc-Ai đứng đầu phong trào? Phong trào có một đầu hay hai đầu? Bên này gọi bên kia là giáo điều, bảo thủ. Bên kia gọi bên này là xét lại,

phản bội chủ nghĩa Mác-Lê Nin. Mao đả Krouchev khá gay gắt và Krouchev cũng lên án Mao khá mạnh. Bộ Chính trị đảng cộng sản Việt Nam dần dần ngả hẳn về phiá Mao. Mỗi buổi sáng dài Hà Nội phát tất cả những văn kiện dông dài của đảng cộng sản Trung Quốc công khai tranh luận với đảng cộng sản Liên Xô, "bảo vệ đến cùng, không khoan nhượng sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lê Nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. "

Ông Giáp bị ông Lê Duẩn và ông Lê Đức Thọ "chiếu tướng" từ dạo ấy. Năm 1964, cùng một lúc các cục trưởng tác chiến Đỗ Đức Kiên, cục trưởng quân báo Nguyễn Minh Nghĩa, chánh văn phòng Bộ Quốc phòng Lê Minh Nghĩa bị bắt giữ. Đây là ba trí thức trẻ xuất sắc thời thuộc Pháp, có trí tuệ và tâm huyết, thân thiết với đại tướng Giáp suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, về sau sang Liên Xô học rất giỏi. Ông Kiên nguyên là kỹ sư nông nghiệp tốt nghiệp học viện Phrunze với bằng đỏ. Tiếp đó là hàng chục sĩ quan bị bắt giữ, phần lớn là trí thức. Sau khi đại tá Lê Vinh Quốc, chính ủy quân khu ba và thượng tá Văn Doãn-Tổng biên tập báo Quân đội nhân dân, ở lại Liên xô không trở về nước vì bất đồng chính kiến hồi cuối năm 1964, hàng loạt cán bộ báo quân đội nhân dân bị bắt như: Hoàng Thế Dũng tổng biên tập, Trần Thư, Mai Luân, Mai

Hiến, Đinh Chân...và nhiều người khác bị xét hỏi. Một số người bị Ban bảo vệ Quân đội thẩm vấn và trong các cuộc thẩm vấn thường có câu hỏi: "Đối với đại tướng Võ Nguyên Giáp ra sao?

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

V Nhìn nhận (2)

Đã gặp ông Giáp ở đâu, lúc nào, bàn những chuyện gì"

Có một giả thuyết trong suy nghĩ của một số tướng lĩnh tôi quen. Những người này đã viết sách chưa được in, kiên quyết bác bỏ những lời nói có tính chất bôi đen và vu cáo của ông Duẩn đối với ông Giáp. Họ chứng minh rằng ông Giáp luôn có tinh thần kiên quyết trong tiến công, và ông Giáp thực sự là người trực tiếp chỉ huy toàn bộ cuộc Tổng tiến công đầu xuân 1975 cho đến Toàn thắng. Họ đưa ra tất cả Nhật ký chỉ huy ở phòng Tác chiến Bộ tổng tham mưu, ghi rõ những mệnh lệnh của đại tướng vào giờ phút nào, có ghi âm cẩn thận...Họ chỉ rõ những phương châm: thần tốc, thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa...tranh thủ thời gian từng giờ, từng phút, thời gian là lực lượng...đều do tướng Giáp đề xuất ra, còn có bút tích của ông hồi ấy. Ông luôn có mặt trong chỉ huy sở đặt trong thành Hà Nội để theo dõi, uốn nắn, ra lệnh kịp thời. Một

viên tướng ở Cục tác chiến nói với tôi: "Đó là sự thật, có chém đầu tao, tao cũng nói như vậy. Tổng bí thư mà nói sai nói bậy tao cũng cãi lại chớ! Sự thật là sự thật..."Số cán bộ ngay thẳng, có công tâm nay đặt giả thuyết rằng ông Duẩn ghét ông Giáp là vì từ hồi năm 1945, 1946 ông Duẩn phải ở vị trí qúa thấp kém: trưởng phòng dân quân Nam Bộ, dứơi trướng của trung tướng Nguyễn Bình, và còn dưới quyền của nhiều người khác. (Ông Trần Văn Giầu, ông Phạm Văn Bạch cũng từng bị "trù dễ sợ" do cái "tội" là trong dịp cách mạng tháng Tám đã bỏ quên những đồng chí của mình trong đó có ông Lê Duẩn đang bị thực dân Pháp cầm tù ở Côn Đảo, để một tuần sau mới nhớ ra và cho tầu đi dón về).

Sau khi phát hiện ra sai lầm của cải cách ruộng đất, việc thay thế Tổng bí thư Trường Chinh được đặt ra. Có một số cán bộ thân cận với chủ tịch Hồ Chí Minh kể rằng lúc ấy chủ tịch nghĩ đến hai người: ông Giáp và ông Duẩn, và thậm chí còn ngiêng về ông Giáp là người cộng tác gần gủi lâu năm với mình. Nhiều người còn nhớ rằng, hồi năm 1955 khi mở ra chiến dịch sửa sai", cần giải thích cặn kẽ cho những cán bộ và gia đình bị oan ức (có đến gần 10. 000 bị xử bắn mà hầu hết bị quy oan và kết tội oan). Trong không khí bất bình và phẩn nộ, để ổn định lòng dân, thì ai

là người có thể thay mặt cho ban lãnh đạo của đảng làm được cái việc khó khăn ấy? Cuối cùng Hồ chủ tịch chọn ông Giáp, ông ra trước sân vận động Hàng Đẩy để "chịu trận", tiếp nhận tất cả sự bực bội của những đại biểu các địa phương trải qua tàn phá của cải cách ruộng đất, nhận lỗi lầm và xin lỗi nhân dân. Người chỉ huy chiến thắng ở Điện Biên Phủ quả nhiên đả xoa dịu được phẫn nộ rộng lớn bởi sự thành thật đau xót và bằng cả hào quang của chiến thắng lịch sử.

Thế nhưng ông Duẩn đã được đề cử làm Tổng bí thư, vì một tiêu chuẩn tất nhiên hồi ấy, ở tù lâu năm, một bằng cấp cần thiết để được giao quyền cao chức trọng, vì từ đó được coi là được thử thách nhiều hơn, đáng tin cậy hơn...ý kiến của ông Lê Đức Thọ trong vấn đề này có ý nghĩa quyết định vì từ đó ông đảm nhận công tác tổ chức.

Hồi 1977, tôi theo đoàn đại biểu quân sự cấp cao sang Berlin và Budapest. Một hôm tôi nói chuyện với ông Giáp. Ông rất thích trò chuyện với nhà báo, anh em quay phim và chụp

ảnh. Ông cho rằng, một sai lầm lớn của ta về công tác tổ chức làkhông phân biệt việc khen thưởng với việc giao chức vụ. Ông kể hồi phong kiến, công tác tổ chức còn khá hơn ta, được ghi thành luật và điều lệ hẳn hoi. Thời đó

phân biệt rất rõ: chức, tước, phẩm, hàm, bổng, lộc. Chức là quan trọng nhất-Giao chức là cần thận trọng nhất-Còn tước, phẩm, hàm, bổng, lộc là thứ yếu. Là để thưởng công, khuyến khích, ghi nhận và tăng công quỹ-Ta thì không phân biệt gì cả, có khi dùng chức để thưởng công, sinh ra rối loạn, bất lực và tai họa. Ông vốn là nhà sử học, lại là luật gia, nên ông kể vanh vách về luật Hồng Đức, về đời Lê, đời Trần, cả việc phong chức tước: công, hầu, bá, tử, nam ở bên Pháp, Anh, Đức thời trước.

Một số khá đông cán bộ và đảng viên nghĩ rằng: hồi đại hội V (cuối 1982), ông Giáp bị đưa ra khỏi bộ chính trị là do "sáng kiến" của các ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, và để cho khỏi quá lộ liễu, ông Giáp bị đưa ra cùng với các vị khác: Nguyễn Văn Linh, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn...theo cách dung dăng dung dẻ, chúng ta cùng nhảy...ra! Một số người vì động cơ riêng, trước kia e ngại ánh hào quang của người chỉ huy chiến dịch Diện Biên Phủ thì ngày nay lại e ngại ánh hào quang quá sáng của người chỉ huy chiến dịch HỒ CH MINH.

Tôi đã trao đổi ý kiến với một số cán bộ ở Bộ Tổng tham mưu, về cái cớ ông Duẩn rêu rao rằng ông Võ Nguyên Giáp nhát gan, sợ Mỹ. Hồi đầu năm 1975, ông Giáp có phần lưỡng lự khi cân nhắc có nên đưa cả 15 sư đoàn bộ

binh vào miền Nam không, lúc đầu ý ông dự định để quân đoàn 1 ở lại giữ "gôn", có nghiã là giữ nhà, giữ căn cứ địa lớn của cả nước. Về sau, trên thực tế thì chỉ có 1 sự đoàn 308 ở lại mà thôi. Thêm nữa hồi tháng 3. 1975 ông chỉ thị cho các đơn vị phòng không và không quân chuẩn bị chu đáo đề phòng Mỹ dùng không quân dánh phá lại miền Bắc (do có một tin tức nào đó từ bên Mỹ truyền về Cục quân báo rằng có khả năng Mỹ sẽ phản ứng và ném bom trở laị)-Ông nêu lên khả năng ấy để cảnh giác là cần thiết.
Tôi nghĩ dùng những sự việc trên đây để chụp mũ ông Giáp là vừa đánh vừa run, là nhút nhát như thỏ đế là một thái độ chơi xấu, rất không đàng hoàng, lại từ người lãnh đạo cao nhất hồi đó thì lại càng đáng trách.
Dù bị nhiều lần chơi xấu, ông Giáp vẫn tỏ ra không cay cú, không buồn nản. Tuy nhiên ông cũng trở nên "cẩn thận" hơn, chặt chẽ với mình hơn, người khác khó mượn cớ để vu cáo. Trong những chuyện đi nước ngoài cùng ông, khi tôi làm tin vê hoạt động, bao giờ ông cũng không quên dặn ghi thêm những câu đại thể là: đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chuyến lời chào mừng hữu nghị của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, của chủ tịch Hội đồng nhà nước Trường Chinh, của Chủ tịch Hội động Bộ trưởng Phạm Văn Đồng và các đồng chí lãnh đạo đảng và nhà nước khác

đến...vân vân và vân vân...Đây là một kiểu cẩn thận để giữ mình, tránh hở sườn để có thể bị "nốc ao".

Có những chuyện khá lạ lùng. Trong cuộc bầu cử Quốc Hội gần đây nhất, ông Giáp bị ban tổ chức trung ương do ông Nguyễn Đức Tâm trực tiếp làm trưởng ban "bỏ quên" và ông là phó thủ tướng mà lại không đồng thời là đại biểu quốc hội, khác với tất cả phó thủ tướng khác từ xưa đến nay.

Trước Đại hội VII có tin đồn rằng, ông sẽ trở lại Bộ Chính trị, sẽ đảm nhận chức Chủ tịch Hội đồng nhà nước, do nguyện vọng của đông đảo cán bộ và nhân dân. Theo tôi tin ấy vừa tốt như rượu ngọt nhưng lại pha chút cay đắng vì tuổi ông đã cao (80), sức đã xuống. Ông là người trí thức có hiểu biết rộng, lại liêm khiết (điều này ngày càng hiếm và do hiếm nên càng quý) có uy tín ở trong và ngoài nước.

Thế nhưng đại hội VII vẫn chưa có dân chủ thật, chỉ có dân chủ hình thức, khó có một bước đi rõ rệt hợp lòng dân như thế.

Tôi nhớ lại hồi năm 1989, nhân 35 năm kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi yêu cầu ông viết cho tuần báo Nhân Dân chủ nhật một bài thật đầy đủ và trung thực về chiến dịch Điện Biên Phủ-ông đã nhận lời và viết bài

"Quyết định khó khăn nhất" được dư luận cả nước chú ý, ông đã nhắc đến những nhân vật từ trước đến nay không được nói vì dính vào những vụ án chính trị xét lại, chống đảng như: tướng Đặng Kim Giang, tướng Lê Liêm, các sĩ quan cấp cao Đỗ Đức Kiên, Nguyễn Minh Nghĩa, và nói đến trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc ở Điện Biên Phủ là tướng Vi Quốc Thanh với tất cả sự thật khách quan.

Tính ông rất cẩn thận-Ông sửa đi sửa lại bài viết, ông gửi cho tôi đến năm bức thư và trực tiếp gọi điện thoại cho tôi hơn một chục lần về bài báo này. Khi thì thêm, khi thì bớt, khi thì sửa vài chữ, khi thì dùng những ảnh nào cho thích hợp-Tất nhiên phải có ảnh Bác Hồ và có đoạn nói đến Bác Hồ với lời dặn là:

"Tướng quân xuất trận được toàn quyền quyết định, nhưng đã đánh là phải chắc thắng. "

Tôi còn giữ bức ảnh ông Giáp chụp ở Đại hội VI, ngay buổi bế mạc. Khi ý kiến khá đông người muốn đưa ông vào vị trí cao nhất đã không thành, ông vẫn giữ một thái độ vui vẻ, hòa nhã.

Tôi đã có lần gạn hỏi ông một điều mà khá nhiều người trách ông: Sao ông không can thiệp để đòi công bằng cho những người làm việc dưới quyền ông bị oan ức kéo dài,

bị giam tù, bị mất tự do, thiệt thòi hàng chục năm? Ông trả lời đại ý: có chứ, nhưng không thể làm gì nổi trong cái cơ chế kỳ lạ này, khi ngành tổ chức, ngành an ninh là chúa tể, lộng hành. Nếu không cẩn thận thì tất cả còn bị trù nặng nề và kéo dài hơn nữa, và bản thân ông cũng bị tai họa như chơi!

Về ông Nguyễn Văn Linh, tôi tiếp xúc với ông khá nhiều lần và có vài nhận định: tận tụy với sự nghiệp, được rèn luyện trong nhà tù đế quốc, sống dản dị, bản tính hiền lành, chân thật-Chỗ yếu rõ của ông là trình độ hiểu biết chưa tương xứng, thiếu quả đoán, đơn giản, cả tin, luôn bị các trợ lý kém thao túng-Khi mới trở lại Bộ Chính Trị, rồi đến Đại hội VI nhận chức Tổng bí thư, ông hăng hái, phấn chấn trong đổi mới. Năm 1977, khi gặp các văn nghệ sĩ và trí thức, chính ông đi xuống bắt tay ông Nguyễn Khắc Viện và khuyến khích nhà văn Dương Thu Hương bầy tỏ hết ý kiến của mình. Chính ông khuyên văn nghệ sĩ không đựơc uốn cong ngời bút, phải có khí phách sống, tự cứu lấy mình. Trong thử thách mới thấy hết bản lĩnh của người lãnh đạo-ông Nguyễn Văn Linh đã không vượt được thử thách. Cách phân tích tình hình ở Đông Âu và Liên Xô của ông vừa thiếu sâu sắc khách quan, vừa biểu hiện sự lo sợ, giật mình-Làm sao đổ vấy cho đế quốc là tội phạm chủ yếu

của sự sụp đổ của các nước ấy, mà coi nhẹ sự phấn nộ và phủ định của chính nhân dân! Thật đáng trách khi chính ông lại tin và lớn tiếng nói rằng Viêt Nam đang trở thành đối tượng chủ yếu để dế quốc và CIA, cùng các thể lực phản động khác lật đổ và gây bạo loạn. Tôi đã gặp nhiều nhà báo tiến bộ Mỹ và Pháp. Không một ai đồng tình với nhận định này-Họ cho rằng chính phủ Mỹ, chính phủ Pháp và ngay cả CIA đều mong muốn Việt Nam ổn định và phát triển-Gây hỗn lọan để làm gì, có lợi gì cho Mỹ! Chính phủ Mỹ không yểm trợ cho Khơ me đỏ và không yểm trợ cho cánh chủ trương bạo động là thế. Một điều rất dở nữa của ông Linh là đã khẳng định một cách máy móc, như đinh đóng cột rằng: đảng cộng sản Việt Nam một mình lãnh đạo đất nước là một tất yếu lịch sử, xưa kia là như thế, hiện nay là như thế và mãi mãi sẽ là như thế. Một kiểu nói cứng nhắc khó nghe và không còn đất để lui được nữa! Đăng đàn lớn tiếng nói lên điều đó, để ngay đó toàn thế giới đều biết đến, cả kẻ thù và đông đảo bạn bè đều lắc đầu thì thật là dở vô cùng vậy! Tất cả điều ấy là do ông Linh thiếu một tư duy tỉnh táo và độc lập, rất hay phân vân và thường nghe theo các trợ lý. Ông lại ít đọc sách báo nước ngoài, nhận ít thông tin, ít hiểu biết trực giác (vì ít đi ra nước ngoài và khi đi lại đi theo kiểu hiếu hỷ, cữơi ngựa xem

hoa). Nhiều người ở trong nước và nước ngoài đặt kỳ vọng ở ông hồi 1986, 1987 bao nhiêu thì từ năm 1989 đến nay càng thất vọng bấy nhiêu. Một số lần tôi gặp ông khi ông ở cương vị Chủ tịch tổng Công đòan, ông đã tỏ ra hay phân vân, lưỡng lự, thiếu hẳn sự quyết đoán và từ đó thiếu bản lĩnh của một người lãnh đạo, chưa nói đến người lãnh đạo cao nhất của một đảng.

Về ông Lê Đức Thọ, tôi được gặp ông khá nhiều lần trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, cũng như ở Campuchia từ đầu năm 1979 đến năm 1983-Tôi vẫn cho rằng việc ông từ chối giải thưởng Nobel Hòa Bình là một thái độ thiếu khôn khéo, quá cứng rắn và dại dột, không tranh thủ được dư luận thế giới, nhất là dư luận tiến bộ. Đó là do cả một căn bệnh tự phụ, trích thượng với kẻ thù cũ-Thái độ ấy không làm cho ông và Việt Nam được quý trọng hơn, trái lại.

Ông là con người có vẻ mô phạm, nhưng lại cực đoan và lắm mưu. Khi sang Pháp tham gia hòa đàm bí mật, ông không có đức tính tò mò của một người ham hiểu biết. Ông hầu như không xem truyền hình, ít tham quan đây đó. Những anh chị em Việt kiều ở Paris từng cộng tác hoặc có quan hệ với đoàn do ông cầm đầu đều có chung cảm tưởng ấy. Rất nhiều người cho rằng ông sống dản dị,

nhưng trong ý thức thì quan cách và gia trưởng-Tôi từng nghe ông nhiều lần nói chuyện, khi thì phổ biến nghị quyết trung ương, khi thì lên lớp về công tác tổ chức. Ông nói rất mạnh mẽ say sưa, và một nét luôn luôn rõ, ấy là rất hay mắng mỏ và răn dạy người khác. "Một ông thầy dạy đạo đức" như một số anh em học ở Trường Nguyễn ái Quốc nói với tôi. Ông là người phụ trách chủ yếu về toàn bộ công tác tổ chức của đảng và của cả chính quyền nhưng bao giờ nói chuyện hay lên lớp ông cũng chê bai, phê phán công tác này một cách quyết liệt. Chưa một lần nào ông nhận lấy một khuyết điểm nhỏ về mặt này của chính mình hay của Ban tổ chức trung ương mà ông phụ trách! Ai nấy đều biết công tác tổ chức của đảng và nhà nước là công tác yếu kém nhất, và sai lầm, gây tác hại vô cùng lớn lao. Những định kiến với trí thức, việc đề ra tiêu chuẩn hồng và chuyên, thiếu chuẩn bị lớp kế tiếp, khinh thị cán bộ trẻ...tồn tại keó dài. Ông là ngươì chịu trách nhiệm chính trong gần 30 năm, nhưng ông lại tỏ ra mình là người vô can! Đây là sự thiếu sót, lỗi lầm, kém cỏi, vô trách nhiệm của kẻ khác, "của các anh!"

Tôi từng nghe ông nói chuyện với cán bộ Campuchia, một lần ở Hoàng Cung Pnom Penh hồi giữa năm 1981 và một lần ở Thủ Đức đầu nâm 1982-Tôi không thể tin chuyện đó

là có thật nếu không tự đích thân dự. Ông là người phụ trách chính trong Bộ Chính trị chỉ đạo việc giải phóng Campuchia và giúp nước này xây dựng Đảng và chính quyền. Ông cho triệu tập những cán bộ chủ chốt, từ chủ tịch nước, tổng bí thư, thủ tướng, bộ trưởng, thứ trưởng, những đảng viên vừa được vào đảng, tất cả đều là những người Campuchia...Tôi nghe mà rợn cả người! Khi cao hứng ông quở mắng những đảng viên và cán bộ đảng nước này như là con cháu trong nhà vậy! Tôi ngồi nghe mà chỉ mong ông cán bộ phiên dịch dịch sai đi, nhẹ đi một chút, kẻo nghe chối tai vô cùng: "Các đồng chí phải học cho chăm, phải làm việc cho đứng đắn, phải trau dồi đạo đức của người cán bộ công sản để xứng đáng với sự tin cậy của chúng tôi, của cách mạng. Cần hiểu rằng cán bộ luôn được sàng lộc, ai lộ ra yếu kém thì phải thay! Rượu thì uống vừa vừa thôi! Nhiều đồng chí để vợ dắt mũi, đi buôn kiếm lợi là không được!...". Tôi cứ nghĩ sao không để cho người Campuchia làm lấy việc dạy bảo ấy! Việc bồi dưỡng là rất cần vì đó đều là những cán bộ đảng viên mới, nhưng đó là quan hệ dân tộc với dân tộc, quốc gia với quốc gia.

Tác phong gia trưởng kẻ cả ấy ảnh hưởng rất nặng đến tắc phong của các chuyên gia Việt nam ở Campuchia-Thật

là tai hại. Tôi ghé đến báo Campuchia hồi năm 1985, đang có môt chuyện gia báo Nhân Dân Hà Nội vào giúp đỡ-Ông đưa cho tôi một bài xã luận do Tổng biên tập báo Campuchia viết, được dịch ra tiếng Việt để chuyên gia ta góp ý, và khoe: "Anh thấy đấy, họ viết kém quá, tôi phải chữa đến nát ra như thế này đây". Tôi cầm lấy bài khó chịu vô cùng và nói: "Tốt nhất anh đừng nên chữa một chữ nào-Mà nên góp ý cho người viết tự sửa khi thật sự cần thiết-Làm cách như của anh phải buộc họ nghe, vì nể, vì sợ chuyên gia, nhưng trong bụng sé chửi mình đấy!" Một lát có một cậu đến xin gặp, một cô đến rỉ tai chuyên gia, họ mời đi họp, họ hỏi ý kiến về kết nạp đoàn cho anh này, về kỷ luật hai cô cậu viết thư tỏ tình với nhau...Tôi nghĩ căn bệnh gia trưởng từ "cụ chuyên gia cao nhất" đã lây lan khá rộng và gây nên tai hại vô cùng!

Vào những năm trước khi mất, ông đã mạnh dạn phát biểu ý kiến về một loạt vấn đề lịch sử của đất nước-Ông khẳng định: trong ý đồ tổng tấn công và tổng khởi nghĩa năm 1975 đã không có tổng khởi nghĩa, đã không có nổi dậy của quần chúng, trong các cuộc tổng tấn công Tết Mậu thân 1968, đã chỉ đạo thiếu linh hoạt, cố dám ăn xôi, đáng nhẽ đợt một vào dịp Tết tạo nên chấn động vào hậu phương của nước Mỹ là đủ, các dợt sau, nhất là các dợt

tháng năm và tháng chín năm 1968 chỉ gây thêm tổn thất cho ta. Ông cho rằng: Việc đế quân ở Campuchia quá lâu đã bị sa lầy. Nền công nghiệp nước ta đã bị chỉ đạo sai lầm đến nỗi như một con bò sữa chỉ còn xương bọc da gầy ốm. Quân đội Việt Nam trở thành quân đội "Ba nhất", nghĩa là: anh hùng nhất khổ sở nhất, vô kỷ luật nhất...Đây là những cuộc nói chuyện hẹp ở Viện lịch sử quân đội, Nhà xuất bản Sự thật, ở cơ quan tỉnh ủy Lâm Đồng (Đà Lạt)-Có một số cán bộ nghe, ghi chép, phổ biến lại thì bị cơ quan bảo vệ quân đội gọi lên chất vấn, có người bị giữ lại gần 7 tháng để điều tra vì đã phổ biến những "luận điệu của địch" (!)". Như đại tá Ngọc Bằng phụ trách Ban lịch sử của quân khu Bảy, Anh đã chứng minh là mình không bịa đặt, chỉ phổ biến trong một cuộc họp của cơ quan công an thành phố Hồ Chí Minh những điều ông Lê Đức Thọ từng nói. Anh "được" về nhà mà không hề có một lời xin lỗi, sau khi bị đưa ra khỏi đảng và cầm quyết định về hưu!

Về ông Đỗ Mười, người vừa được bầu làm Tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam thay thế ông Nguyễn Văn Linh, tôi đã quen biết từ khi ông làm chính ủy quân khu tả ngạn ở đồng bằng Bắc bộ trước thời kỳ Điện Biên Phủ. Ông xuất thân từ thợ thủ công, làm nghề sơn cửa, hoạt động cách mạng từ 18 tuổi, chưa học hết cấp trung học. Ông

sống có nghị lực, sinh hoạt dản dị, không tham nhũng. Ông nổi tiếng là cán bộ đốc chiến, có nghĩa là giỏi đôn đốc công việc, chuyên về thực hành. Ông từng trực tiếp chỉ đạo cải tạo tư sản công thương nghiệp ở Hà Nội và Hải Phòng vào những năm 1959, 1960 và sau năm 1975 ông cũng trực tiếp chỉ đạo cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam, đặc biệt là ỏ Sài Gòn và Chợ Lớn, một công việc mang nặng tính chất duy ý chí, hiệu quả xã hội rất xấu và để lại một ấn tưởng tệ hại do không có hiệu quả và tệ tham nhũng tràn lan. Ông cũng là người trực tiếp đôn đốc xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng hai công trình cực lớn của "thế kỷ": Cầu Thăng Long và Nhà máy thủy điện Hòa Bình. Cả hai công trình này đều là tiêu biểu cho tệ duy ý chí, phớt lờ ý kiến của giới khoa học kỹ thuật, đã trót lao vào làm không sao sửa được nữa, tốn kém tiền của, thời gian không sao tính hết-Tổng bí thư lẽ ra cần phải là một nhà lý luận sâu sắc, có nhiều kiến thức vững vàng, am hiểu xã hội và thế giới ngày nay, có tư duy chính trị và óc tưởng tượng phong phú, thì trên thực tế chỉ là một cán bộ rất hăng hái hoạt động! Nhiều trí thức ở Hà Nội thường nói: kém hiểu biết + nhiệt tình = hỏng việc, phá hoại và phản động. Rõ ràng ông Đỗ Mười không hề thiếu nhiệt tình trong các chiến dịch cải tạo công thương nghiệp

và trong việc đôn đốc xây dựng các công trình cực lớn. Phải nói rằng việc khoe rằng ông Đỗ Mười ít hơn ông Nguyễn Văn Linh hai tuổi là nói lấy được! Khi ông Nguyễn Văn Linh nhận trọng trách Tổng bí thư gần năm năm trước, ông hơn 71 tuổi, còn ông Đỗ Mười nhận chức khi đã hơn 74 tuổi! Qua đại hội 7, ông để lại hình ảnh của một vận động viên chạy tiếp sức, đến giới hạn vấn không chịu chuyển "rơ-le" cho người kế tiếp, nhất định tự mìmh chạy cho tới đích mặc dầu đã xuống sức quá rồi.

Ông Lê Đức Anh (bí danh là Sáu Nam) vừa được đưa vọt lên trong đại hội 7. Ông quê ở Thừa Thiên-Huế, xuất thân từ trường kỹ nghệ thực hành thời Pháp. Người cao lớn, ông bị bệnh đậu mùa từ nhỏ, hỏng một mắt, mặt hơi rỗ hoa. Thời kháng chiến chống Pháp ông làm cán bộ tiểu đoàn, chỉ huy bộ đội địa phương. Từ năm 1962, ông là cục phó cục tác chiến bộ Tổng tham mưu. Sau đó đựơc cử vào Nam, ở khu 9. Ông là từ lệnh Quân khu 9 từ năm 1967. Cuối năm 1974, ông được đề bạt vượt cấp từ đại tá lên trung tướng do thành tích của khu 9, đã mở rộng vùng giải phóng đáng kể sau Hiệp định Pa-ri. Ông là người dẫn đầu cuộc diễn binh lớn ở trứơc Dinh Độc lập đầu tháng 5. 1975. Đầu năm 1979, ông cùng đại tướng Lê Trọng Tấn tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam chỉ

huy cuộc hành quân vào Campuchia. Sau đó ông được cử ở lại chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam cho đến năm 1985. -Hồi đó mỗi lần tôi sang Pnôm Pênh, ông cho mời sang ăn cơm để hỏi chuyện về tình hình đất nước, tình hình quốc tế và hai lần yêu cầu tôi nói chuyện thời sự cho các sĩ quan của Bộ chỉ huy. -Tính ông điềm đạm, ý thức tổ chức kỹ luật cao, hiểu biết về chính trị, kinh tế, nhất là quốc tế còn hạn chễ. Ông luôn ở chiến trường, sống dản dị. Ông được đưa vào Bộ Chính và nhận chức Bộ trưởng Bộ quốc phòng hơi bất ngờ, sau khi ông Lê Trọng Tân bị đột tử trước khi khai mạc Đại hội VI đúng 10 ngày, hồi tháng 12. 1986.

Ông Đào Duy Tùng quê ở Hải Hưng, vốn là Tổng biên tập tạp chí Học Tập (nay là tạp chí Cộng sản). Hồi ấy ông thường yêu cầu tôi viết bài cho tạp chí-Tôi đã viết tới hơn chục bài, có bài ông rất hài lòng và dánh giá khá cao như bài tôi viết giới thiệu cuốn sách của Davis Hamberstam: "Những người tài giỏi và xuất sắc nhất nước Mỹ". Ông sống dản dị, nhưng quan điểm chính trị thì cứng nhắc, mang tính giáo điều. Qua các cuộc họp trung ương 7, 8, và 9 khoa 6 (cuối năm 1989 và đầu năm 1990), ông Đào Duy Tùng, ông Nguyễn Đức Bình (giám đốc trường đảng cao cấp Nguyễn i Quốc), ông Nguyễn Hà Phan (bí thư tỉnh

ủy Hậu Giang), ông Nông Đức Mạnh (bí thư tỉnh ủy Bắc Thái) là những người có quan điểm cứng nhắc, mang tính giáo điều cục đoan nhất và cũng là những người phê phán nặng nề nhất quan điểm đa nguyên của ông Trần Xuân Bách, dẫn đến việc khai trừ ông Bách ra khỏi Bộ Chính trị, Ban bí thư và Ban Chấp hành trung ương đảng.

Ông Hồng Hà, nguyên Tổng biên tập báo Nhân Dân từ năm 1982 đến năm 1986, sau đó là Chánh Văn phòng Trung ương đảng, vừa được bầu vào ban bí thư, tôi quen và hiểu rất rõ (xin chớ lầm với Hồng Hà ở Bộ Nội vụ và sau ở Bộ Thượng binh xã hội). Nét nổi bật ở ông là bản chất của một viên chủ cần mẫn, chăm chỉ, kín đáo và tận tâm, đúng như anh ruột ông là ông Thép Mới đánh giá về ông: Thằng em tao đúng là đứng đầu ở hàng thư lại...

Nhiều bạn ở Paris hỏi tôi về trường hợp ông Trần Xuân Bách.

Quan điểm chính trị của ông Bách là thế nào? Từ đâu mà một người như ông vốn có tiếng là "bảo thủ" lại đổi mới được đến như vậy? Hiện ông làm gì?

Ông Bách quê ở Hà Nam Ninh, cùng tỉnh với ông Lê Đức Thọ, Nguyễn Cơ Thạch...hoạt động sớm từ phong trào thanh niên học sinh ở Nam Định-Sau khi làm phó bí thư tỉnh ủy, ông lên cơ quan trung ương làm Trưởng ban tôn

giáo của chính phủ (vì khi ở tỉnh, ông am hiểu khá tường tận vùng Bùi Chu, Phát Diệm, trung tâm công giáo lớn nhất ở Việt Nam). Về sau, ông làm chánh văn phòng Trung ương đảng-Năm 1980, ông được cử sang Campuchia làm Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam, bí thư đảng ủy của đoàn. Đây là chức vụ rất quan trọng khi vấn đề xây dựng khối liên minh đặc biệt ba nước Đông Dương được đặt ra. Chính nhiệm vụ này làm cho ông được ông Lê Đức Thọ, người phụ trách công tác tổ chức (trong đó việc sắp xếp cán bộ là việc lớn nhất), và cũng là người đảm nhận chính việc giúp đỡ Campuchia tín nhiệm thêm. Ông được đưa vào Ban bí thư ở đại hội đảng lần thứ 5 và vào Ban Bí thư và Bộ Chính trị ở đại hội đảng lần thứ 6 (12. 1986). Ông là ủy viên bộ Chính trị trẻ nhất, ở tuổi 60 hồi ấy. Ngay sau đại hội 6 ông được phân công những phần việc sau đây: quan hệ với hai nước Lào và Campuchia, quan hệ giữa đảng cộng sản Việt Nam với các đảng cộng sản và công nhân chưa giành được chính quyền, chỉ đạo Ban Đối ngoại trung ương và Ban Việt kiều trung ương.

Có một điều ít ai được biết là từ giữa năm 1987 ông được Bộ Chính trị giao thêm một việc nữa: làm công tác thông tin cho Bộ Chính trị, nghĩa là thu thập tình hình trong và

ngoài nước, đọc các sách báo tin tức từ nước ngoài để tổng hợp và báo cáo, thông báo cho các ủy viên Bộ Chính trị khác. Ông tập hợp một nhóm nghiên cứu trong văn phòng làm việc của ông gồm có 6 cán bộ chuyên thu thập sách báo các nước (Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Mỹ, Thái Lan, Hồng Kông...), đọc, lược dịch các sách báo tiếng Anh, Pháp, Nga, Hoa...và làm các bản tóm tắt. Ông cũng trực tiếp xử dụng các cơ quan thông tin của ủy ban Khoa học xã hội và của thông tấn xã Việt Nam...Văn phòng của ông trở thành nơi có nhiều sách quý và sớm nhất. Chính tôi đã mượn được cuốn The Brothers Enmemis của Nayan Chanda ở văn phòng ông. Đây là cuốn sách trình bầy chân thực, sống động nhất những cuộc đảo lộn liên minh diễn ra trong thế giới cộng sản và xã hội chủ nghĩa, với không ít tư liệu hiếm và quý. Nhóm giúp ông làm việc thu lượm thông tin được ông gọi là "nhóm tư vấn", từ cuối năm 1987, qua thông tin và xử lý thông tin nhóm còn giúp ông đề xuất những ý kiến nhằm hình thành chính sách.

Do những nguồn thông tin phong phú, mới mẻ và kịp thời như thế, quan điểm của ông Trần Xuân Bách thay đổi, "xanh lại, trẻ lại", theo tôi nghĩ. Tôi được biết rất rõ, từ đầu năm 1989, khi chưa xẩy ra sự kiện Thiên An Môn (tháng 5. 1989) ông đã phát biểu trong một cuộc nói chuyện với cán

bộ tuyên huấn và cán bộ đối ngoại:

• Việc khôi phục quan hệ Trung-Xô là một bước ngoặt có ý nghĩa to lớn, với chu kỳ hòa hoãn, đối thoại mới Xô-Mỹ, tính đa cực của thế giới đảng biểu hiện ngày càng rõ, đồng thời tính đa nguyên trong phong trào cộng sản quốc tế là một điều tất yếu.

• Cần chuyển quan hệ Việt Nam-Trung Quốc từ tính chất thù địch sang tính chất bạn bè, coi Trung Quốc là bạn nhưng luôn luôn cảnh giác với bản chất bành trướng, bá chủ biện Đông của họ.

• Nói về sự khủng hoảng trong các nước xã hội chủ nghĩa lúc ấy ông cho rằng: khủng hoảng kinh tế tài chính là do thiếu hàng hóa, năng xuất quá thấp, khủng hoảng xã hội là do thiếu lòng tin đến mất lòng tin ở chủ nghĩa xã hội, ở đảng lãnh đạo.

• Ông cho rằng trong xã hội có ba loại nhân vật: nhân vật chính trị, nhân vật khoa học và nhân vật kinh doanh. Việt Nam hiện thiếu nhất nhân vật kinh doanh, cần quan tâm bồi dưỡng. Cần khắc phục thái độ xã hội hiện nay là coi thường nhân vật chính trị, kỳ thị nhân vật khoa học và định kiến với nghề quản lý kinh doanh.

• Ông chủ trương đề xuất một hệ thống giải pháp tình thế vì khủng hoảng kinh tế, xã hội đã đụng tới đáy và đang

manh nha khủng hoảng chính trị. Đầu năm 1989, sức mua của đồng tiền đã giãm 3. 300 lần so với năm 1976, tiền phát hành thêm để lưu thông đã đưa khối lượng tiền trong xã hội năm 1988 gấp 175, 5 lần so với năm 1980.

Ông kết luận: hai động lực, hai sức bật trong lịch sử nhân loại là hàng hóa thị trường và dân chủ đa nguyên-ở Việt Nam cả hai mặt ấy đều chưa thành động lực. Tuy nhiên trong phát triển kinh tế hàng hóa và thị trường không thể chấp nhận thị trường đen và trong dân chủ đa nguyên không thể chấp nhận đa nguyên biến dạng thành đối lập chính trị và lật đổ...

Cuối năm 1989, khi họp hội nghị Trung ương lần thứ 7, ông Trần Xuân Bách đọc tham luận và nhấn mạnh: phải đi trên hai chân, chân kinh tế đi mạnh vào kinh tế hàng hóa, phát triển thị trường và chân chính trị là đi mạnh vào áp dụng dân chủ rộng rãi, chấp nhận đa nguyên. ý kiến của ông bị bác bỏ, bị coi là quá khích, nguy hiểm. Ông đã tuyên bố bảo lưu ý kiến. Đầu năm 1990, ông viết báo, ông đi nói chuyện giải thích về quan điểm của ông. Đài tiếng nói Việt Nam và đài truyền hình trung ương phát lại bài báo của ông đăng trên báo Khoa học và Đời sống và báo Tiền Phong. Ngay sau đó Ban Tư tưởng và văn hóa phê bình những phương tiện thông tin đại chúng này đã tuyên

truyền những quan điểm cá nhân, trái với quan điểm cuả đảng. Trong một cuộc giao ban hàng tuần, trưởng ban tư tưởng và văn hóa trung ương đã nhận xét trước những người làm công tác báo chí ở trung ương: Cái sai lớn nhất của Trần Xuân Bách là đã xếp cùng một duộc chủ nghĩa Pôn Pốt, chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa Staline.

hội nghị trung ương lần thứ 8 ông Bách bị thi hành kỹ luật, đưa ra khỏi cả ba chức vụ: ủy viên trung ương, ủy viên ban bí thư, ủy viên bộ Chính trị. Thật ra lúc vào hội nghị, Bộ Chính trị chỉ dự kiến và đề nghị với trung ương đưa ông Bách ra khỏi Ban bí thư và Bộ Chính trị, còn giữ lại trong ban chấp hành trung ương. Thế nhưng khi thảo luận một số đại biểu nói rất găng (các bí thư tỉnh ủy miền trung, miền núi và đại biểu trong quân đội) còn phê phán rằng không xứng đáng là đảng viên, vô kỹ luật, vô tổ chức trong khi cần sự nhất trí, đoàn kết và thống nhất nhất...Do đó khi bỏ phiếu thì ông Bách bị trên một nửa (hơn 70 người) số ủy viên chính thức đề nghị đưa ra khỏi trung ương. Ông Bách chấp nhận kỷ luật nhưng yêu cầu trường hợp của ông sẽ được đưa ra bàn lại tại đại hội đảng lần thứ VII. Yêu cầu này không bao giờ được đáp ứng vì ông không thể là đại biểu đị dự đại hội và sẽ chẳng còn ai nhắc đến ông nữa.

Sau đó ông Nguyễn Cơ Thạch kéo ông về bộ ngoại giao, làm chuyên viên nghiên cứu vừa do tình đồng hương, vừa muốn tận dụng sự nghiên cứu của ông. Đến hội nghị trung ương lần thư 9 (tháng 8. 1990), nhiều đại biểu phê phán ông Thạch là hữu khuynh, mất cảnh giác trong việc này. Ông Bách bị về hưu bắt buộc, về ở một xã ở huyện Gia Lâm, quê vợ ông và không còn ai biết đến ông nữa.

Trường hợp ông Bách là một nét lý thú về tác động của công tác nghiên cứu và thông tin, một mặt rất yếu của cơ quan lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam. Khi được tiếp xúc với nhiều thực tế của thế giới qua thông tin, quan điểm của người ta có thể thay đổi theo hướng tiến bộ-Mặt khác cũng cần thấy ông Bách không bao giờ đề xướng đa đảng cả. Ông luôn rào đón, thanh minh là ông chủ trương đa nguyên (nhiều thành phần kinh tế, nhiều phong cách và trường phái trong sáng tạo văn học nghệ thuật, tôn trọng các tôn giáo với những nhân sinh quan khác nhau, chấp nhận việc thảo luận về những chính kiến, quan điểm chính trị khác nhau), nhưng đều dừng lại trước ngưỡng cửa đa đảng.

Trên đây là chân dung đại thể của một số người lãnh đạo đất nước trong thời gian qua mà tôi cố khắc họa một cách chủ quan, tất nhiên không thể đầy đủ và đúng đắn, xin để

bạn đọc tham khảo. Tôi quen biết ông Trần Văn Trà từ tháng 2. 1973 khi vào trại Davis, Tân Sơn Nhất làm việc. Ông Trà là trung tướng, Trưởng đoàn chính phủ cách mạng lâm thời. Ông hoạt bát, thông minh. Vốn học trường kỹ nghệ thực hành Huế thời Pháp. Ông biết kết hợp nguyên tắc với sự linh hoạt. Chính tôi đã khuyến khích ông viết hồi ký, nhiều lần trao đổi trò chuyện với ông về báo chí, về viết sách, về văn hóa văn nghệ và âm nhạc. Ông là viên tướng có văn hóa-Cuốn Ba Mươi Năm Kết Thúc Chiến Tranh của ông ra hồi năm 1982 được anh em bộ đội miền Nam rất ưa thích. Ngay sau đó Tổng Cục Chính trị ra chỉ thị cấm lưu hành trong quân đội. Ông Lê Đức Thọ cũng chỉ trích cuốn sách này và phê bình ông Hà Mậu Nhai, giám đốc nhà xuất bản thành Phố Hồ Chí Minh về việc ra cuốn sách. Ông Thọ nhận xét trước các vị phụ trách báo chí và xuất bản: Cuốn sách ấy sai từ đầu đến cuối! Thật ra nhược điểm chính của nó là coi nhẹ các "quả đấm" chủ lực từ miền Bắc đưa vào. Theo tôi việc thu hồi, cấm lưu hành là không dúng-có gì thiếu sót thì thảo luận, tranh luận, bổ xung. Cái kỳ cục là nhiều nhà lãnh đạo cứ muốn mỗi cuốn hồi ký phải nói thật đúng, thật đủ! Lẽ ra phải thấy mỗi cuốn hồi ký có một nét riêng, mới người viết có chỗ đứng riêng. Tất cả các hồi ký góp lại mỗi phản ảnh được

toàn cục của cuộc chiến tranh. Vẫn là căn bệnh chủ quan, cầu tòan, không chấp nhận những nét riêng, đặc sắc của cá nhân...

Trong "Bản kiến nghị của một công dân" tôi đã nêu lên trách nhiệm đặc biệt của 3 ngành: tuyên huấn, tổ chức và công an đối với hiện tình của đất nước. Tôi có nhiều bạn bè ở 3 ngành này và cũng không ít người tốt, có lương tâm trong đó. Thế nhưng những sai lầm của 3 ngành này vô cùng tai hại. Ngành tuyên huấn rất lạc hậu so với sự phát triển của tình hình trong nước và thế giới. Những quan điểm bảo thủ, giáo điều còn rất nặng. Họ lạc hậu đến 30, 40 năm. Tôi vừa được biết khi cuộc đảo chánh của bọn bảo thủ, giáo điều ở Liên Xô khởi đầu ngày thứ hai 19/08/1991, ở Hà Nội, ông THI NINH phó ban tư tưởng và văn hóa của trung ương đảng vội vã hý hửng loan báo cho ngành tuyên huấn, báo chí rằng đây là "những người cộng sản trung kiên" (!), rằng "cuộc lật đổ GORBATCHEV là dấu hiệu rất đáng mừng, có thể cứu vãn chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác Lênin ở Liên Xô, và sẽ tác động rất thuận lợi đến Việt Nam!" Theo tinh thần ấy, chiều thứ ba 20/08/1991, bà HỒ THỂ LAN, người phát ngôn của bộ ngoại giao tại một cuộc họp báo cũng hý hửng rằng: "Cuộc đảo chánh là một mối quan tâm lớn, một sự kiện rất có lợi

cho chúng tôi (!) và hy vọng quan hệ Việt Xô sẽ lại tốt đẹp như trước kia (!)" Một quan chức cao cấp ở Hà Nội trả lời phỏng vấn của hãng REUTERS còn chấp hành sự hướng dẫn của ban tư tưởng và văn hóa, đi xa hơn, kể "tội" của tổng thống GORBATCHEV là "đã đi vào con đường của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh..." Bây giờ họ ăn nói làm sao, khi "các đồng chí trung kiên" ấy chỉ sau có 70 giờ đồng hồ đã bị thất bại ê chề, chúng lộ nguyên hình là những tên tội phạm, phản bội, bị tóm cổ và đưa ra xét xử theo luật pháp. Những tên phó tổng thống, bộ trưởng quốc phòng, bộ trưởng an ninh...hèn hạ, thét ra lửa một thời đã bị đền tội theo pháp luật.

Nhân dân đã vùng dậy, không còn biết sợ xe tăng, sợ quân đội, sở cảnh sát, mật vụ và an ninh. Chính quyền bảo thủ bị mất niềm tin của nhân dân muốn tồn tại thường dựa trên nỗi sợ của nhân dân, thì nhân dân cốc sợ chúng nữa! Điểm mấu chốt là ở đó.

Tôi nhớ lại đầu năm 1990, khi cộng đoàn Đoàn kết lên nắm chính quyền ở Ba Lan qua một cuộc bỏ phiếu dân chủ, ông Trần Trọng Tân, trưởng ban tư tưởng và văn Hóa đã vội vã viết bài xã luận: "Tình hình BA Lan và thái độ của chúng ta", nhận định rằng đây là một cuộc đảo chánh phản cách mạng (!), kêu gọi nhân dân Ba Lan vùng dậy đạp tan

bọn phản động (!) Ông còn ra chỉ thị cho các ngành họp mít tinh ủng hộ nhân dân Ba Lan giáng trả công đoàn Đoàn kết. Bài xã luận được gửi đến báo Nhân dân yêu cầu phải đăng ngay vì cấp trên đã duyệt. Tổng biên tập báo Nhân dân là ông Hà Đăng, một công chức ngoan ngoãn gọi dạ bảo vâng, liền chấp hành không chút do dự, mặc dầu trước đó đã có quy định rằng báo phải có tinh thần độc lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mỗi bài vở in trên báo.

Bài xã luận kỳ quặc ấy bị cả thế giới chê cười, bị sứ quán Ba Lan ở Hà Nội phản đối ngay chiều hôm đó, thế nhưng tổng biên tập và tác giả của nó là ông Trần Trọng Tân vẫn dửng dưng như không! Đã thành lệ, những sai lầm tả khuynh luôn được thể tất, còn được coi là có "thừa" tinh thần cách mạng! (Cần chỉ rõ ông Tân là con người đạo đức giả. Ông chuyên lên lớp cho mọi người, nhưng bản thân ông dấu rất kỹ quá khứ của mình-Ông từng cùng anh ruột là Trần Trọng Biền làm phiên dịch tiếng Nhật, phục vụ và hợp tác với bọn phát xít Nhật ở Quảng Trị quê ông. Việc này ông Trần Hữu Đức, chánh án tòa án tối cao đã về hưu, cùng quê ông, hiểu rất rõ) Lần này ông Thái Ninh phó ban tư tưởng và văn hóa trung ương vừa được bầu vào Ban chấp hành trung ương khóa VII, lại biểu hiện một tinh

thần sốt sắng hoan nghênh "các đồng chí trung kiên Liên Xô", và lại bị nhỡ tàu! Ông ta thường hay chỉ đạo các cơ quan truyền thông: đài phát thanh, đài truyền hình và báo chí. Các nhà báo có ít nhiều suy nghĩ độc lập đều lắc đầu kinh hoàng về "cái lưỡi gỗ" tiêu biểu ấy! đến nay "cái lưỡi gỗ" ấy vẫn còn lải nhải không chút ngượng nghịu về: 2 phe, 4 mâu thuẫn, sự rẫy chết của chủ nghĩa tư bản...
Về ngành an ninh, những sai lầm nặng nề của ngành này đến nay vẫn chưa được chấm dứt, lại còn chồng chất thêm. Có đến hàng trăm vụ án chính trị, , gọi là: "chống đảng", "chống lãnh đạo", "chống chủ nghĩa xã hội". "xét lại", "phản động", "bị thực dân và mật vụ đế quốc mua chuộc"...vẫn không được thanh minh, đính chính và giải tỏa những nỗi oan ức. Trong "bản kiến nghị của một công dân", tôi đã dấn ra một số tên rất không đầy đủ của những người bị oan ức trong mấy chục năm qua. Họ bị tù, có người đến hàng chục năm, bị ngược đãi, bị ép cứng, bị sỉ nhục. Gia đình vợ con bạn bè của họ điêu đứng vì bị phân biệt đối xử. Có người đã chết trong oán ức và tủi nhục. Có người khiếu nại đến hơn một trăm lần mà vẫn không nhận được một câu trả lời! Qua cuốn sách này, tôi lại xin thét lên một tiếng nói đòi công lý và công bằng xã hội, cho các vị sau đây: các tướng Đặng Kim Giang, Nguyễn Vinh, Lê

Liêm, các đại tá Đỗ Đức Kiên, Nguyễn Minh Nghĩa, Lê Minh Nghĩa, Nguyễn Hiếu, Phan Hoàng, các giáo sư: Bùi Công Trừng, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, các nhà báo: Hoàng Thế Dũng, Nguyến Kiên Giang, Quang Hân, Mai Luân, Mai Hiến, Định Chân, Trân Thư, Khắc Tiếp, Hồng Văn..., các văn nghệ sĩ: Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Bính, Hữu Loan, Minh Giang, Quang Dũng, Trần Châu, Trần Đĩnh, Hà Minh Tuân, Việt Phương, Anh Chính, Sỹ Ngọc, Văn Cao, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Trần Lê Văn, Chu Ngọc, Hòang Tích Linh, bộ trưởng _ng Văn Khiêm, vụ trưởng Vũ Đình Huỳnh, các đại tá Ngọc Bằng, Cao Nham, Đỗ Trường, Nguyễn Trần Thiết bị giữ, bị xét hỏi sau đại hội đảng toàn quân năm 1986, vụ các vị tướng ở Học viện quân sự cấp cao bị chất vấn, điều tra hồi đó (do cục bảo vệ quân đội tiến hành) cũng cần được kết luận công khai, minh bạch, theo đúng thủ tục pháp luật. Vụ ông Tạ Đình Đề nguyên chỉ huy các lực lượng biệt động nội thành, sau ở Tổng cục Đường sắt bị giam giữ quá lâu, ra tòa không kết án được, đến nay vẫn không được kết luận! Trên đây có một số người đã mất, họ nhắm mắt trong oan ức và uất hận. Đây cần được coi là một nỗi đau của mỗi công dân lương thiện. Thật đáng buồn là chưa có một đại biểu Quốc hội nào chất vấn nhà

nước và đảng về những vụ vi phạm pháp luật, ngang nhiên xâm phạm quyền công dân như trên. Vậy mà họ cứ nói thao thao bất tuyệt về: lấy dân làm gốc! sống theo luật pháp! công bằng xã hội! Con người mới! Con người mới thật sự không bao giờ vô trách nhiệm, mặc kệ những nỗi oan trái và bất công của đồng bào mình. Vì lẽ phải có sự quan tâm chung và cũng vì lẽ: hôm nay họ chà đạp lên quyền sống của anh thì ngày mai họ sẽ có thể chà đạp lên quyền sống của tôi! Không ai cảm thấy an toàn cả!

Lại còn những vụ khác rất cần làm rõ trước công luận: việc bắt giữ xét hỏi, quản thúc ông Tạ Bá Tòng, ông Nguyễn Hộ thuộc Câu Lạc Bộ những người kháng chiến cũ, việc quản thúc linh mục Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, việc bắt giữ bác sĩ Nguyễn Đan Quế lần thứ hai mà không hề có xét xử, những vụ án liên quan đến nhà văn, nhà báo Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Chí Thiện, Như Phong, Lê Văn Tiến, đến các đại đức Phật giáo: Tâm Căn, Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Đức Nhuận, đang bị giam, đều cần thực hiện theo đúng thủ tục pháp lý, có tòa án, có luật sư bào chữa, có kết luận rõ ràng, và công bố công khai để nhân dân đều biết.

Việc nhà văn nữ Dương Thu Hương bị bắt giữ từ tháng 4. 1991, không hề có xét xử, chỉ được giải thích một cách

chung chung là: vi phạm an ninh quốc gia, tiết lộ bí mật quốc gia...cũng cần được làm sáng tỏ trước công luận! "Hai tài liệu bí mật định truyền ra nước ngoài" mà Tổng cục an ninh kết tội bà Dương Thu Hương phải chăng đó là thư của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện gửi chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và bản kiến nghị của viện trưởng Hoàng Minh Chính, 2 văn kiện mà toàn thế giới đã được biết từ tháng 3 năm 1991? Đã có hơn 1000 nhân vật nổi tiếng ở phương Tây ký bản kêu gọi đòi trả lại tự do cho nữ văn sĩ gan góc này. Ngoài những người bị oan trái "có tên tuổi" trên đây, còn hàng vạn trường hợp người dân thường thấp cổ bé họng bị bắt oan, bị giam giữ, bị nhục hình, bị ép cung...thì không sao kể xiết! Cả một hệ thống nhà tù chật cứng, không có điều kiện vệ sinh, người tù bị giam trong điều kiện khủng khiếp, đọa đầy...Đã có một đại biểu Quốc hội nào lên tiếng chất vấn nhà nước và đòi điều tra về tình trạng bi thảm đó? Trách nhiệm thuộc về ai? Giải quyết ra sao đây? Vấn đề quyền con người là chính ở đây. Hàng nghìn vụ kiện về nhà cửa, vườn và ruộng đất, trong đó một số cán bộ đảng viên có chức có quyền ở địa phương cưỡng đoạt của người dân, cũng cần được giải quyết minh bạch và công khai...

Trong "Bản kiến nghị của một công dân", tôi đã chỉ rõ một

chế độ không có trách nhiệm cá nhân rõ ràng thì không thể có trật tự và luật pháp. . Ở Việt Nam, người ta đề cao lãnh đạo tập thể tới độ cực đoan nhất, đến mực cá nhân không còn có ý nghĩa gì cả! Và thế là khi có sai lầm, tội lỗi, tập thể là cái lá chăn để cá nhân tha hồ ẩn nấp, phủi sạch trách nhiệm! Hàng trăm vụ án oan ức, vi phạm quyền công dân do đâu? Không ai biết cả! Không ai trả lời cả! Họp đại hội đảng không một ai được nêu ra bất cứ vấn đề gì! Đã có chương trình sẵn, chỉ có chấp hành! Như một lớp học vậy! Trong quốc hội cũng là của đảng tuốt! Mà đảng có hai triệu người, số công dân ngoài đảng gần 40 triệu, gấp 20 lần số đảng viên, nhưng chỉ có 2 đến 3% trong Quốc hội! Đã có một số đảng viên chán nản mất niềm tin, xin ra đảng, có không ít thanh niên không thiết gì vào đảng khi đảng chỉ biết chọn người biết cúi đầu vâng dạ, để tìm người đi bằng đầu gối để vào đảng! Có những chuyện mỉa mai: Khi chi bộ đảng muốn kết nạp ai họ bầy trò lấy ý kiến của đồng đáo cán bộ công nhân viên về người đó. Thế là anh chị em thanh niên bảo nhau: "Thôi, cứ đồng ý cho những người đó vào đảng để hàng ngũ người ngoài đảng được trong sạch!" Đó, tính chất tiền phong mà đảng vẫn rêu rao hóa ra là thế!

Và suốt 4 kỳ đại hội đảng từ 1973, có ai giám nêu lên vấn

đề chiến lợi phẩm, giá trị 5 đến 6 tỷ đô-la, bị phân tán, bị rơi vãi, bị chiếm đoạt bởi các ngành, các địa phương, vào cả túi cá nhân ra sao...?

Vấn đề người di tản còn mắc kẹt ở các nước Đông Nam á, số người ra đi, theo chương trình HO (gần nửa triệu người) cũng không ai bàn đến, chẳng ai bàn đến gần hai triệu người Việt ở nước ngoài, với tất cả tiềm lực to lớn của họ đối với đất nước! Cứ để mặc cho những vết thương chiến tranh chảy máu dài dài...Đó là thái độ vô trách nhiệm với nhân dân, với lịch sử, với biết bao chiến sĩ và đồng bào dã hy sinh xương máu trong chiến tranh. Và gần đây khi Việt Nam xích lại gần Trung Quốc, chẳng có ai dám lên tiếng báo động rằng rồi sẽ có sự bắt tay nguy hiểm với Khmer Đỏ, rằng họ cũng lại có thể quay lại gọi bọn Pol Pốt-những tên đồ tể diệt chủng là "đồng chí" nữa cho mà xem! Rồi Việt Nam sẽ lại bị cô lập với cả khu vực Đông Nam á!

Đó là điều tất yếu! Vì đảng cộng sản Việt Nam du nhập chủ nghĩa Mác Lênin theo một con đường tắt: qua những tác phẩm của Staline (nhất là cuốn Lịch sử đảng cộng sản Liên Xô và cuốn Những quy luật cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản) và những tác phẩm của Mao Trạch Đông. Do đó cái còn lại rất sâu, rất nặng là

chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao, mang mầu sắc vừa phong kiến vừa nông dân, duy tâm, gia trưởng và độc đoán, rất bảo thủ và trí trệ, hoàn toàn xa lạ với tư tưởng dân chủ, với cơ chế dân chủ của thời đại mới.
Cuộc đảo chính phản động của bọn giáo điều, cục đoan ở Liên Xô là một tiếng chuông cảnh tỉnh rất cần thiết! Những ai buồn rầu về số phận của "những đồng chí trung kiến" ấy sau khi hí hửng chuẩn bị sẵn điện mừng, để rồi bị lỡ tàu, cần xét kỹ lại mình.
Bám lấy những tín điều cổ lỗ, đi ngược lại nguyện vọng dân chủ
của nhân dân thì không thể có tương lai. ở đâu cũng vậy.
Chớ có ảo tưởng rằng: người châu á khác, phương thức sản xuất châu á cònnuôi dưỡng ý thức phong kiến độc đoán và ý thức nông dân thụ động, nên khó bật dậy!
Không! Người Châu á ngày nay, người Việt Nam chúng ta ngày nay rất khác rồi. Dân chủ, tự do, phát triển là hoài bão cháy bỏng của đông đáo nhân dân , không có sức nào ngăn chận, kìm hãm nổi, chỉ chờ dịp là bùng dậy và tất thắng!
Cái ổn định được rêu rao hiện nay là ổn định chính trị giả tạo, không thực chất, một thứ ổn định hình thức, che dấu sự không ổn định về tâm lý xã hội rất sâu sắc, che dấu một

sự trì trệ, quay về lối cũ. Chỉ có đi vào con đường dân tộc và dân chủ đa nguyên một cách có bài bản, có đường đi nước bước hợp lý, mới đi đến ổn định và phát triển thật sự. Đó là sự ổn định trong phát triển, ổn định động, ổn định trong tiến lên, chứ không phải sự ngưng đọng và quay về lối cũ rất nguy hiểm hiện nay.

Vấn đề này sẽ được nói rõ ở phần cuối, phần thứ 9 của cuốn sách này.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

VI - Người lính

Hơn ba mươi năm chiến tranh đã in dấu sâu đậm lên cuộc sống của cả dân tộc Việt Nam ta, của mỗi gia đình và mỗi con người. Khi khởi đầu không ai nghĩ chiến sự sẽ kéo dài, kéo dài mãi đến như vậy. Về sau người ta chịu đựng, kiên trì và nhẫn nại chịu đựng với ý nghĩ rằng độc lập và tự do là điều quý nhất, có độc lập, tự do rồi sẽ có tất cả, mọi hy sinh đều là cần thiết cho mục tiêu cao cả ấy.

Nhìn lại những cuộc đấu tranh lâu dài trên đất nước mình, nhìn lại cuộc đời cầm súng của mình trong 37 năm có lẻ, tôi thấy những gì sâu sắc nhất?

Cuối tháng 10. 1990 tôi dự cuộc Hội thảo do tổ chức của tướng Leclerc mời với đề tài: Tướng Leclerc và Đông dương. Có hơn một chục vị tướng Pháp, các nhà sử học nổi tiếng như Devillers, Brocheux..., các nhân vật liên quan hồi đó như ông Messmer (từng là thủ tướng), ông Misoffe

(bộ trưởng) và cả ngọai trưởng Polang Dumas tham dự. Tôi từng nghiên cứu vến đề này và đến dự cùng hai cán bộ của sứ quán Việt Nam (một tham tán chính trị và một bí thư thứ hai). Bản tham luận của tôi đựơc chú ý. Qua việc đánh giá tướng Leclerc, tổng chỉ huy quân sự ở Đông dương, những quan điễm của ông về chính trị và quân sự, thái độ thực tế và thức thời của ông, chính kiến của ông khác với chính kiến của đô đốc D'Argenlieu Cao ủy Pháp và là Tổng tư lệnh quân lực Pháp ở Đông dương ra sao, các diễn giả đều đề cập đến sự kiện khởi chiến ở Việt Nam ngày 19. 12. 1946. Ai cố tình gây chiến trước? Khi chiến tranh bùng nổ rồi thì ngừng bắn sẽ rất khó khăn. Vậy thì tại sao chiến tranh bùng nổ? Lỗi tại ai, từ phía nào? Đây là một sự kiện bị nhiễu lọan nhất, có nhiều điểm ản dấu nhất ở cả hai bên. Có phải phía Pháp đã cố tình khởi chiến, từ việc gây ra những cuộc nổ súng ở Hải Phòng, rồi ở Hà Nội và 2, 3 ngày trước đó đã cho xe tăng đi nhiều thêm một cách bất thường trên đường phố Hà Nội, đột nhiên tăng viện binh từ Pháp sang rồi đánh chiếm Sở Tài chính (nay là trụ sở Bộ Ngọai giao), đưa tôi hậu thư yêu cầu do phía Việt Nam không ổn định được an ninh, nên phía Pháp sẽ đảm nhận việc này, rồi sau đó ra lệnh cấm trại tất cả binh lính Pháp...Phải chăng phía Pháp đã có một

kế hoạch tỉ mỉ leo thang dần để đi đến khởi sự cuộc chiến tranh rộng khắp? Hay phía Việt Nam đã có kế hoạch trước, dự định từ mấy tuần trước đó là đêm 19 tháng 12 năm 1946 sẽ nổ súng. Hiệu lệnh khởi sự là phá Nhà đèn Yên Phụ, tắt điện trong tòan thành.

Cũng có nhà sử học Pháp đưa ra nhận định rằng về phía Việt Nam, ông Võ Nguyên Giáp đã đưa ra lệnh tiến công mà không cho ông Hồ Chí Minh biết. Đây là một phỏng đoán chủ quan, thiếu cơ sở vì một việc trọng đại như thế này ông Giáp không thể tự ý chủ trương được. Phỏng đoán như thế là không hiểu cơ chế và tinh thần làm việc của phía Việt Nam.

Sau khi nghiên cưứ nhiều tài liệu, tôi thấy lúc ấy hai bên đều có những nhận định rất giống nhau và cả hai bên đã hiểu nhầm nhau! Những nhận định rất giống nhau là: Con đường hòa đàm đã tan vỡ không phương cưứ chữa được nữa. Chiến tranh tất yếu sắp nổ ra. Bên nào cũng có kế hoạch ứng phó với tình hình xấu nhất đang tới rất gần. Bên nào cũng có ý định là nếu bên kia gây sự lớn thì phải kịp thời giáng trả lập tức để khỏi mất quyền chủ động...Cả hai bên trong thâm tâm đều chưa muốn bước vào một cuộc chiến tranh toàn bộ ngay vì thủ tướng thuộc đảng xã hội Leon Blum vừa lên cầm quyền và ông Marius Moutel

Bộ trưởng thuộc Dịa sắp lên đường sang Đông dương. Thế nhưng khi quân của hai bên đã o thế cài răng lược, ở hai phái đều có những phần tử trẻ hăng máu, cực đoan thì bất cứ một sự xô sát nhỏ nào, một cuộc bắn nhau nhỏ nào cũng có thể tạo thành một đám cháy lớn! Hai bên đều chưa muốn bước vào một cuộc chiến tranh lớn nhưng đều chuẩn bị rất khẩn trương, luôn sẵn sàng cho khả năng xấu nhất để tránh bị động. Những cuộc chạm súng liên tục và ngẫu nhiên đã là tia lửa tạo nên đám cháy lớn...

Đất nước bị cuốn hút vào chiến tranh bi thẩm như vậy đó. Theo tôi cái lỗi chính là ở quan điểm thực dân lỗi thời vẫn còn tồn tại trong chính giới Pháp, kể cả trong đảng Xã Hội và đảng Cộng Sản. Yêu nước Pháp đối với người Pháp là phải khôi phục các thuộc địa, giữ nguyên sự hùng mạnh của Đế chế Pháp. Tướng Leclerc đã kể rằng, Phó thủ tướng và là Tổng bí thư đảng Cộng sản Pháp Maurice Thorez gặp ông ta trước khi ông lên đường nhận nhiệm vụ ở Đông dương, đã vỗ vai ông và nói rằng: "Cognez! Cognez-fort!" (Hãy đánh đi, đánh mạnh vào!). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chấp nhận công thức "nước Việt Nam tự do trong khối Liên hiệp Pháp", mà chính quyền Pháp vẫn không chịu đồng ý! Cứ theo kể lại thì tình hình không ổn định của các chính phủ Pháp kế tiếp nhau, việc giao thông

liên lạc cách xa nhau 12. 000 km làm cho việc nắm tình hình và chỉ đạo gặp rất nhiều trắc trở và quá chậm chạp, tinh thần cố chấp cực đoan của đô đốc D'Argenlieu...đều là những nguyên nhân làm cho chiến tranh bùng nổ tai hại cho cả hai bên...

Nếu như chính phủ Pháp biết sử xự với các thuộc địa của mình như chính giới Anh đối với Ấn Độ thì đâu đến nỗi bi đát như vậy! Nước Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp sẽ có thể yên ổn và phát triển, tránh bao nhiêu hy sinh và tàn phá, và có thể tránh cả cuộc chiến tranh với Hoa Kỳ về sau!

Một câu hỏi tôi thường được các nhà báo Mỹ và phương Tây, các học giả ở Đông Nam và gần đây là một số nhà quân sự Pháp hỏi: Vì sao Mỹ lại thua trận ở Việt Nam? Kèm theo nhiều câu hỏi khác về Tết Mậu Thân 1968, về vũ khí hiện đại của Mỹ, về đường Hồ Chí Minh, về B-52 đánh phá trên miền Bắc, về chiến tranh ở Căm pu chia. Đó là những vấn đề rất rộng lớn. Tôi chỉ có thể trình bày ở dưới đây rất gọn một số suy nghĩ riêng của mình.

Tôi đã viết kịch bản cho một bộ phim tư liệu: "Một trăm câu trả lời cho một câu hỏi, " về chuyện Việt Nam vì sao dành được toàn thắng. Trước khi sang Pháp tôi đã sửa lại kịch bản này để chuẩn bị cho một bợ phim hợp tác với các nhà

điện ảnh _c (Australia), dự kiến có tên là: "Cuộc đối thoại giữa hai Tổng hành dinh do xưởng phim của Hội Nhà văn thực hiện. Theo tôi có biết bao nhiêu yếu tố tạo nên chiến thắng: Con người, lịch sử, phong tục, văn hóa, văn học, nghệ thuật. Rồi thời tiết, địa lý, môi trường, khí hậu...cũng có tác dụng. Rồi các mối quan hệ chằng chịt trên thế giới, các mối liên minh thay đổi, các mối liên kết khu vực. Rồi đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao. Rồi quan hệ giữa Sài Gòn và Washington-Quan hệ giữa Washington với đồng minh-Quan hệ Việt nam với Liên xô, Trung quốc...về quân đội: Người lính, người sĩ quan của cả hai bên...Chiến thuật và chiến dịch...Chiến dịch và chiến lược...Tiền tuyến và hậu phương của hai bên. Vai trò cũa báo chí, truyền thanh và truyền hình. Chế độ dân chủ và chế độ chính trị thời chiến...Vấn đề thời cơ, tạo thời cơ và tận dụng thời cơ...

Trong tất cả các vấn đề phong phú và lý thú ấy, trong cuốn sách này, tôi chỉ nêu qua một vài vấn đề đơn giản nhất. Trước hết Đông nam á và Đông Dương không được xác định là một khu vực trọng điểm trong chiến lược của Mỹ, không phải là nơi gắn bó với quyền lợi sống còn của Mỹ. Mỹ bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh này từng bước một, theo đà, theo một quán tính. Khởi đầu là ủng hộ Pháp

trong cuộc chiến tranh của Pháp định giành lại ba nước Đông dương, rồi tiếp theo một bước, chi tiền khá lớn cho Pháp trong cuộc chiến tranh ấy.

Đến sau Hiệp định Giơ ne vơ, Mỹ lao sâu thêm giúp cho chế độ Sài Gòn, cố giành thắng lợi trước hết ở cuộc chiến tranh một phía với các chiến dịch tố cộng, diệt cộng...Cuộc chiến tranh này không đạt, lại lao thêm vào cuộc chiến tranh đặc biệt với cố vấn Mỹ, vũ khí Mỹ, chuyên gia kỹ thuật Mỹ ngày càng nhiều. Rồi chiến tranh đặc biệt không thành, lại bị động sang chiến tranh cực bộ. Ngay trong chiến tranh cực bộ Mỹ cũng muốn dành chiến thắng với thời gian ngắn nhất và với số quân Mỹ thấp nhất. Khởi đầu là 8 tháng, rồi 18 tháng, với 16 vạn quân, rồi 28 vạn quân. Sau cùng lên đến 50 vạn quân, nếu kể cả quân Thái Lan, quân ở hạm đội 7 và trên hậu cứ Okinawa thì tới 70 vạn quân! Chiến tranh cục bộ lại kết hợp với chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên miền Bắc, và cuộc chiến tranh này cũng tiến hành theo từng nấc thang một. Khởi đầu là đánh phá vùng giới tuyến, vùng ven biển, vùng trong vĩ tuyến 19, rồi trên vĩ tuyến 20, rồi đánh vào các khu công nghiệp và sau cùng là vào thủ đô Hà Nội, với các loại máy bay chiến thuật, sau đó là máy bay chiến lược B 52... Trong chỉ đạo chiến tranh, Tổng Hành dinh Mỹ luôn luôn

mong chờ và hy vọng rặng, mỗi nấc thang là nấc thang cuối cùng, và họ luôn luôn bị hẫng. Leo thêm một nấc thang lại hy vọng đây là nấc thang chót, đối phương sẽ chịu thua và chấp nhận điều kiện của Mỹ! Thế nhưng đối phương luôn có ý chí vững chắc, có tinh thần dân tộc kiên định và lại được rèn luyện theo từng nấc thang chiến tranh, nên thích ứng nhanh chóng với mỗi bước leo thang mới của Mỹ và còn sẵn sàng chuẩn bị cho nấc thang kế tiếp.

Đến khi Mỹ leo thang trên bộ đến mức cao nhất rồi mà không thắng, hậu phương của Mỹ lại không đủ nghị lực và không tạo nên khối thống nhất quốc gia để lao tiếp thí Mỹ ắt phải nghĩ đến rút chân ra Chiến lược "Việt Nam hóa" ra đời, Quân Mỹ lần lượt rút dần về nước. Đã quen có nữa triệu quân Mỹ ở sát cạnh lại quen ỷ lại vào quân đội Mỹ với hỏa lực cua pháo binh và không quân, khi quân Mỹ rút, quân đội Sài Gòn càng thiếu tự tin, luôn cảm thấy hở sườn và đơn độc...

Có một điều quan trọng là trong cuộc chiến tranh Việt Nam do tính chất và đặc điểm của nó, thế lực hai bên không đều, quan điểm thắng và thua cũng không giống nhau: Mỹ không thắng được, hơn nữa không thắng nhanh được, là thua. Đối phương kéo dài được cuộc chiến, không chịu

thua, là thắng.

Hơn nữa có một yếu tố quan trọng là đối phương của Mỹ đã trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài chống Pháp trong 9 năm (1945-1954). Đây là một nét rất hệ trọng. Hồi 30. 4. 1975, sau Toàn thắng, khi các vị tư lệnh họp nhau lại ở Dinh Độc lập để mừng chiến công lịch sử, tất cả tư lệnh của năm cánh quân (4 quân đoàn và một binh đoàn tăng cường), cũng như tư lệnh không quân, tư lệnh hải quân và chỉ huy các binh chủng: Thiết giáp, pháo binh, cao xạ, thông tin, hóa học, đặc công...đều là các sĩ quan chiến dịch Điện Biên Phủ trước đó 21 năm. Có người hồi đó là tư lệnh sư đoàn, nay là tư lệnh quân đoàn, hồi đó là trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, nay là tư lệnh sư đoàn, tư lệnh lữ đoàn...Rõ ràng cuộc chiến tranh chống Pháp là một cuộc thử thách lớn, một trường học lớn, một cuộc diễn tập lớn để chuẩn bị tất cả các mặt: Tổ chức và huấn luyện bộ đội, đào tạo cán bộ, hình thành một nghệ thuật quân sự và khoa học quân sự mới. Không có cuộc kháng chiến chống Pháp, thì không thể hình dung ra cuộc kháng chiến chống Mỹ sẽ ra sao.

Về quân đội Mỹ, tôi có mấy nhận xét cụ thể về những mặt yếu sau đây: Việc đề ra kỳ hạn sang Việt Nam một năm hoạc hai năm là cần thiết, nhưng đó cũng là một nhược

điểm lớn. Vì họ sang một chiến trường xa lạ, vừa thích ứng được ít lâu thì đã nghĩ đến chuyện giữ an toàn để trở về với gia đình. Họ chỉ được thực sự yên tâm và thành thạo chiến đấu trong nữa năm (đối với người sang một năm) và chừng 15 tháng (cho những người sang hai năm). Về không quân, quy định mức phi vụ là 100 cũng vậy. Những phi vụ đầu còn bỡ ngỡ-khi quen rồi và trở nên thành thạo thì tâm lý đã sớm nghĩ đến giữ an toàn để còn trở về. Tôi đã gặp khá nhiều người lái Mỹ bị bắt, hỏi chuyện tới gần hai trăm người. Có người bị hạ ở chuyến bay đầu tiên (một nữa phi vụ), rất nhiều người ở chuyến bay thứ 30 đến 60, cũng có người chuyến bay thứ 97, nghĩa là ba phi vụ nữa là thóat nạn!

Tổ chức và trang bị cho quân đội viễn chinh Mỹ quá hình thức và nặng nề, hoàn toàn không thích hợp với chiến trường, địa hình, thời tiết và nhất là tính chất của cuộc chiến tranh chống nổi dậy, chống lại một phong trào rộng lớn bắt rễ trong nhân dân. Các đơn vị Mỹ vẫn giữ biên chế, trang bị và họat động như đã được học và rèn luyện trong một cuộc chiến tranh chính quy, thành hàng ngũ!

Về quân đội Sài Gòn cũng vậy. Do ảnh hưởng của Mỹ nên tử tộ chức đến quân phục, trang bị đều nặng nề, cứng nhắc, thiếu độ linh họat và cơ động. Nhiều viên tướng và

sĩ quan cao cấp Sài Gòn tôi gặp năm 1975 đã trao đổi và cho rằng cái nặng nề, cồng kềnh, hình thức của quân đội Pháp và quân đội Mỹ bị áp đặt cho quân đội Sài Gòn (từ điều lệnh huyến luyện cho đến đôi giầy, quân phục, cho đến chiếc ba lô...) đều gây khó khăn cho sự cơ động rất cần cho một cuộc chiến tranh rừng núi và đồng bằng trong khí hậu nhiệt đới.

Về mặt tâm lý, tôi tiếp xúc với hàng trăm người lái máy bay Mỹ cũng như vài chục sĩ quan và quân nhân Mỹ thuộc lính cổ da (thủy quân lục chiến) và bộ binh Mỹ. Họ là những quân nhân được đào tạo rất chính quy, có hệ thống, vững vàng về hiểu biết kỹ thuật. Trình độ văn hóa khá cao. Có nhiều người lại có bằng cử nhân, tiến sĩ không những về kỹ thuật, mà còn về triết học, sử học, về kinh doanh, về quan hệ quốc tế và luật pháp. Thế nhưng quân đội Mỹ đã chuẩn bị cho họ quá sơ sài những hiểu biết về Việt Nam, về Đông dương. Tôi thấy rõ việc chuẩn bị tâm lý cho quân nhân Mỹ là không tốt, có nhiều lỗ hổng về nhận thức, quá xa thực tế, thậm chí trái ngược với thực tế. Một sự sai lầm nổi bật nữa là qua các tài liệu và lời khai, quân nhân Mỹ ỷ lại rất nặng vào vũ khí, hỏa lực, coi nhẹ yếu tố con người.

Về chính quyền Sài Gòn, việc chính quyền Kennedy thay ngựa giữa dòng, triệt hạ anh em ông Ngô Đình Diệm là

một thất sách, có thể gọi là một sai lầm rõ rệt. Phải chăng đây là một hành động cần thiết để chuyên từ chiến tranh đặc biệt sang chiến tranh cục bộ, nhằm thực hiện việc đưa ồ ạt quân Mỹ vào miền Nam, vì anh em Diệm, Nhu tỏ ý chống lại việc đưa quân Mỹ vao tham chiến? Vấn đề khó khăn nhất của Mỹ là tìm ra một chính đảng chính trị và một lãnh đạo tiêu biểu ở miền Nam Việt Nam, có khả năng và uy tín. Tuy được tổng thống Mỹ Einsenhower tâng bốc là "Churchill của châu á, " ông Diệm vẫn có nhiều hạn chế: Trí thức miền Nam vẫn coi ông thuộc tầng lớp quan lại phong kiến đã lỗi thời. Ông lại là người công giáo trong khi người công giáo chỉ chiếm 10 phần trăm số dân phần lớn theo đạo Phật. Kiểu gia đình trị của ông quá lộ liễu hai vợ chồng ông Nhu lại lộng hành quá đáng...Cái gay go của Mỹ là những người lện thay Diệm, Nhu lại tỏ ra yếu kém hơn, chia rẽ hơn, bất lực hơn. Mỹ tưởng vất bỏ được cái xấu để thay cái tốt, cái khá hơn, thì chỉ nhận được cái tồi tệ hơn! Sự rối loạn chính trị với Nguyễn Khánh, rồi với Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ gắn liền với sự rối loạn về kinh tế, với tham nhũng lan tràn, đạo đức băng hoại, đàn áp Phật giáo, miệt thị trí thức, thanh niên, sinh viên. Nạn mãi dâm, xì ke, ma túy quanh các căn cứ Mỹ, những vụ đầu cơ ở các P. X. (trung tâm thương mại cho các quạn

nhân Mỹ) tạo nên khủng hoảng xã hội trầm trọng. Quân đội Sài Gòn trong bối cảnh ấy tất nhiên sa sút nhanh về mọi mặt. Đó là cái giá cực nặng phải trả khi có thường xuyên nữa triệu lính Mỹ-lính nhà giầu, lính hưởng thụ, lính đời sống cao, lính ra trận mà không hiểu rõ động cơ chiến đấu-trên một giải đất hẹp, trong một xã hội tiêu thụ. Những nhà "du lịch cầm súng" vui vẻ phóng khóang! Họ đâu có biết chính họ đã phá vỡ những giá trị truyền thống cổ truyền, làm chấn động hậu phương của cuộc chiến tranh vốn đã mong manh.

Một điều bất ngờ là: Quân Mỹ vào để cứu vãn tình hình, thế nhưng chính sự có mặt của 50 vạn quân Mỹ (hơn 2 triệu lượt quân nhân Mỹ thay phiên nhau) ở miền Nam Việt Nam đã làm rối loạn và sa sút thêm cái hậu phương trực tiếp của cuộc chiến tranh. Khi quân Mỹ phải rút dần cho đến hết theo quy định của Hiệp định Paris, họ đã phải tiến hành chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh với một hậu phương đã bị tàn phá đến tận gốc chính do sự có mặt của quân đội Mỹ.

Còn hậu phương nước Mỹ bị chấn động tai hại bởi chính những giá trị cố hữu của nó về dân chủ, công bằng và lòng nhân đạo. Cuộc chiến tranh được truyến đi trên hệ thống truyền hình nhiều nhất, tức thời nhất đã mang lại

những cảnh tượng khủng khiếp ở Mỹ lai, cảnh đài tá Loan bắn một người yêu nước trên đường phố một cách lạnh lùng và khiếp nhược, những F. F. Z. (Free Fire Zone-vùng bắn phá tự do), cảnh lính Mỹ kinh hòang ở Khê Sanh...đều vào tận phòng ngủ của người dân Mỹ, tác động mạnh đến suy nghĩ, tình cảm của họ.

Còn hậu phương miền Bắc Việt Nam? Phải công nhận rằng, tuy bị đánh phá liên tiếp, bị tàn phá hết sức nặng nề, với hơn 5 triệu tấn bom đạn, nhưng đã đứng vững một cách kỳ lạ đương đầu với pháo đài bay và Thần sám, Con Ma Mỹ. Nhà máy sụp đổ, cầu gãy, đường bị băm nát, trường học, bệnh viện bị san bằng chỉ làm bốc cao thêm căm thù và khinh bỉ những kẻ tội phạm bất nhân, truyền cho chiến sĩ những nghị lực mới. Đó là lòng yêu nước truyền thống được khơi gợi mạnh mẽ, những phẩm chất vốn có của dân tộc được phát huy rất cao. (Bộ máy lãnh đạo và nắm chính quyền lúc ấy hầu hết là trong sáng về đạo đức, tận tụy với nhân dân, lòng dân do đó rất yên. Đất nước hầu như không có trộm cắp và hối lộ). Tình thương yêu đùm bọc nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa người đi sơ tán và nơi tiếp nhận thật xúc động. Dương Thu Hương đã nói đúng: Đảng đã khơi được nguồn tài sản vô giá, như những khối vàng ròng, đó là lòng yêu nước cố

hưữ của một dân tộc vốn chuộng đạo lý làm người và có truyền thống chống ngọai xâm từ xa xưa. Chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa Mác Lê Nin, tuy được nói rất nhiều, nhưng không can dự gì trực tiếp đến quảng đại quần chúng nhân dân, không thể vơ vào một cách sống sượng, kiểu nói lấy được. Tôi đã nghiệm ra rằng, khi nào lên gân theo chủ trương đấu tranh giai cấp, theo nguyên tắc dân chủ tập trung để thực hiện những chủ trương tả khuynh như đấu tố và xử tử tran lan trong cải cách ruộng đất và đàn áp, bóp nghẹt trào lưu dân chủ trong các vụ chống "Nhân văn giai phẩm, " chống "xét lại..." thì lại là vác đá ghè vào chân mình, gây nên xáo trộn của hậu phương trong chiến tranh, gây bất ổn trong lòng dân, làm giảm sức chiến đấu.

Cũng cần nói rõ thêm: Cuộc chiến tranh phá họai của Mỹ nhằm gây tổn thất thật lớn để buộc đối phương phải quỳ gối. Nhưng đối phương lại quá nghèo, cơ sở vật chất mới xây dựng chưa có gì nhiều. Một anh nhà nghèo khi lâm trận sẽ chỉ nghĩ đến giữ được cuộc sống của mình, vài hành lý sơ sài có mất đi cũng không sao, còn người là còn của, còn làm ra của, cho nên dễ sống mái với kẻ thù hơn mà không mảy may tính tóan thua thiệt về vật chất. Điều cơ bản hơn chính là truyền thống chống ngọai xâm kiêu

hùng từ xa xưa được truyền lại, là truyền thống bất khuất của dân tộc được phát huy mạnh mẽ trong thời đại mới vì độc lập tự do của đất nước.

Về tình hình quân sự ở Việt Nam, tôi rất băn khoăn về số lượng của quân đội, của đủ thứ lực lượng vũ trang tại ngũ. Sau Toàn thắng 1975 đã có ý định giải ngũ một số lớn quân đội-Nhiều đơn vị quân đội được phái đi làm nhiệm vụ kinh tế ở những vùng cần phát triển, nhất là Tây nguyên. Nhưng khi mâu thuẫn với người thuộc dân tộc Hoa (bà con Hoa kiều) phát sinh, sau đó việc đưa quân vào Căm pu chia làm xu hướng tăng số quân đội và an ninh được thực hiện rất mạnh. Theo con số của Viện nghiên cứu quốc tế về chiến lược ở IISS thì đến năm 1985 quân đội Việt Nam lên đến 1 triệu 600. 000 và lực lượng an ninh lên đến 300. 000!

Năm 1985, tôi theo Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam sang thăm Ấn Độ và Indonexia. Trong cuộc hội đàm, bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ cho biết, Ấn Độ có 700 triệu dân, có hai cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới với Pakistan và Trung Quốc nhưng số quân chỉ chừng 900. 000 người, không bao giờ lên đến 1 triệu cả. Có nghĩa là tỷ lệ tổng số quân trên tổng số dân là 1/700 (0, 13%). Ông nói rằng nếu đưa số quân lên đến trên 1 triệu thì nền kinh tế và ngân

sách sẽ không chịu nỗi. Tôi ngồi nghe mà giật mình! Vì lúc ấy số lượng quân đội nhân dân Việt Nam quả thật còn hơn một chút con số của Viện IISS trên đây, tỷ lệ quân đội và dân số lên đến 1, 6/60 tức là 2, 7%, gấp 20 lần tỷ lệ của Ấn Độ. Mấy tháng sau chúng tôi đến Indonexia, ông Muađani (Murdani) tổng tư lệnh giới thiệu rằng Indonexia có 180 triệu dân (gấp 3 lần Việt Nam) nhưng quân đội chỉ trên 700. 000 (kém hơn 2 lần Việt Nam), tỷ lệ nói trên chỉ là 0, 4%, mặc dầu địa thế đất nước này rất phức tạp, có 3000 hòn đảo và vấn đề an ninh khá là nghiêm trọng. Kinh tế họ phát triển mà tỷ lệ ở nước họ thấp hơn ở Việt Nam đến 12 lần-Trung Quốc có hơn 1 tỷ dân, số quân tại ngũ chính quy chỉ dưới 3 triệu, nghĩa là tỷ lệ chỉ 0, 3%, thấp hơn Việt Nam tới gần 10 lần!

Theo thống kê của Viện chiến lược IISS, tỷ lệ chung của thế giới là dưới 1% cho quân đội và dưới 0, 1% cho an ninh. Theo tỷ lệ ấy đối với Việt Nam, con số 650. 000 cho quân đội và 65. 000 cho an ninh là vừa phải. Nếu muốn phát triển kinh tế với tốc độ kha khá phải hạ thấp hơn nữa. Số quân linh quả tài một cách kinh hồn là biểu hiện của bệnh quan liêu, duy ý chí, bất chấp quy luật, quyết định các vấn đề hệ trọng theo cảm tính, thiếu thận trọng và thiếu khoa học. Vấn đề hệ trọng này chỉ do Bộ Chính trị tự

quyết định, chính phủ và quốc hội, cũng như Hội đồng nhà nước đều không được bàn đến!
Khi vấn đề người Hoa bỏ đi về Trung Quốc hoăc ra nước ngòai, cơ quan an ninh tổng kết lại và giật mình thấy không nam được dân, cho rằng lực lượng an ninh mỏng manh quá, liền quyết định tăng số an ninh ở cơ sở lên. Cơ quan an ninh phường vốn chỉ có 6 đến 7 người được tăng lên 30 đến 40 người, hoặc hơn nữa, và hiện nay mỗi phường có một đại úy hoặc một thiếu tá an ninh phụ trách! Vì số quân đội và số an ninh quá đông, ngân sách quá lớn, đời sống khó khăn, nên tư tưởng anh em diễn biến rất phức tạp, kỷ luật sa sút rất nhanh làm cho quốc phòng và an ninh không như trước. Tôi đến thăm sư đoàn bộ binh 304, sư đoàn cũ của tôi, chỉ huy tiểu đoàn cho chiến sĩ về thăm nhà dài dài, với điều kiện khi lên nộp mấy yến gạo, vài con gà, một số tiền, cho chỉ huy và cho đơn vị cải thiện! Còn chiến sĩ an ninh trên đường phố thì đói nghèo quá đành làm liều, có khi huýt còi bắt xe gắn máy dừng lại hỏi giấy tờ chỉ để kiếm mấy điếu thuốc thơm hút hoặc vài ngàn đồng lót tay! Không thể trách anh em được, họ không thể sống một cách bình thường là do cơ chế quan liêu, bảo thù, vộ trách nhiệm, tình trạng bất công xã hội lan tràn khắp nơi.

Việc tăng quá lớn quân đội sau năm 1975 là một việc làm duy ý chí, thiếu cân nhắc, rơi đúng vào âm mưu thù địch cố tình làm cho Việt Nam mất sức, kiệt quệ do phải chịu một gánh nặng quân sự, một gánh nặng về ngân sách quốc phòng quá tải kéo dài-Nó càng thêm mỉa mai khi những khái niệm "quốc phòng toàn dân, an ninh toàn dân" được lắp đi lắp lại đến nhàm chán mà lại không được áp dụng trong thực tế của cuộc sống.

Về mặt tình báo chiến lược và tình báo quân sự, có một điều có vẻ trái ngược là Mỹ rất dồi dào về phương tiện, nhân viên và ngân sách, thế mà sự hiểu biết về ý đồ chiến lược, kế hoạch quân sự của đối phương lại rất sơ lược. Phía Mỹ đã không phán đoán được ý đồ chiến lược của đối phương mùa xuân 1975. Trong khi đó ở Hà Nội, đại bản doanh quân sự lại biết khá rõ, khá kịp thời và đầy đủ mọi ý đồ quân sự của Mỹ. Tôi quen hai nhân vật của tình báo quân sự Việt Nam: Một là Vũ Ngọc Nhạ, còn gọi là Hai Nhạ, là "ngài cố vấn" của Ngô Đình Diệm và cả Nguyễn Văn Thiệu. Hoạt động của ông bắt đầu từ năm 1954 cho đến cuối năm 1968 mới đổ bể. Ông nằm ngay giữa cơ quan quyền lực cao nhất ở Sài Gòn là Dinh Độc lập để quan sát, thu thập tin tức, tài liệu trong suốt gần một chục năm để báo cáo ra Hà Nội những tin tức chuẩn xác, quý

báu và kịp thời nhất. Cho đến khi ra tòa, bị dồn ép tra hỏi, ông vẫn làm cho mọi người nghi vấn và tin rằng ông không phải là cán bộ cộng sản, chỉ là một người công giáo ngoan đạo theo đường lối mới của Vatican, có cảm tình với lực lượng thứ ba ở Việt Nam hồi ấy. Cho đến khi ông "giả" thú nhận thật sự là cộng sản thì mọi người lại không tin, cho ông là "xạo!" Và ở trong nhà tù người cộng sản ấy đã nhận tấm huân chương cao nhất của Tòa Thánh Vatican "Trái tim đỏ thắm (the purple heart). Ông Nhạ từng kể cho tôi nghe những câu chuyện lý thú chưa mấy ai biết ở trong dinh Độc Lập hồi ấy. Có lần ông Ngô Đình Diệm được phía Mỹ gợi ý ký một văn bản nhượng lại Cam Ranh - một cân cứ hải quân lý tưởng ở vùng Đông Nam và Tây Thái Bình Dương - trong một thời hạn là 99 năm để đổi lấy một khoản viện trợ rất lớn- Ông Diệm bàn chuyện này với cố vấn Nhạ - Ông Nhạ ôn tồn nói: "Thưa cụ, tôi xin thưa, hồi Pháp mới qua, vị đại thần nhà Nguyễn Phan Thanh Giản trót ký nhượng ba tỉnh phía Tây Nam Bộ cho Pháp, về sau bị nhân dân than oán quá chừng, lương tâm dầy vò quá xá, phải uống thuốc độc tự vẫn - Thưa cụ, cụ là người ngoan đạo, mà đạo của Chúa lại ngăn cấm hủy hoại sinh mệnh bản thân, nên việc này tôi thấy không hợp quyền lợi quốc gia mà cũng không hợp việc đạo..." Về sau khi tổng

thống Kennedy nài ép ông Diệm phải để Mỹ đưa quân vào miền Nam, một buổi tối năm 1963, ông Diệm trao đổi ý kiến với ông cố vấn và thổ lộ: "Ông cố vấn, chuyện này hệ trọng lắm. Ta mà cho lính họ vô đây, mà họ là người nước ngoài, vô thời họ bắn, họ ném bom, họ hành quân trên đất nước mình, họ còn ở lại nữa, thì sau này nếu có bàn chuyện thống nhất thời ta nói chuyện với Cụ Hồ sao được nữa!" Người thứ hai là ông Phạm Xuân Ẩn, bí danh là Hai Trung, một nhà báo được đào tạo nghề báo chí tại một trường Đại học Mỹ, làm phóng viên cho các báo Time, Life suốt mấy chục năm, "cặp bồ" với Trần Văn Đôn, Trần Kim Tuyến, trùm CIA Mỹ, các phóng viên Mỹ, Anh, Pháp, Nhật bản...ở Sài Gòn, đi ra trận trên máy bay lên thẳng Mỹ, chuyên nói chuyện đàn bà và tiếu lâm với các ông nghị ở Radio - Catinat (phòng trá trước nhà Quốc hội Sài Gòn trên đường Catinat) để lấy tin tức...Tất cả tài liệu quý, nguyên bản hay chụp lại, đều được đưa ra Củ chi để chuyển ra Hà Nội. Tổ tình báo của ông chỉ có hai người (ông và bà Ba làm giao liên để chuyển tài liệu ra căn cứ) và cả hai đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong suốt hai mươi năm mà không một lần đổ bể, đều được phong Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân vào cuối năm 1976.

Hai ông Nhạ và Ẩn đều là bạn thân của tôi - Hoạt động của ông Nhạ được nhà văn Hữu Mai viết thành ba tập tiểu thuyết mang tên "Ông cố vấn, " được tuần báo Nhân Dân chủ nhật trích đăng nhiều kỳ. Tôi có viết thêm một số nét về ông Nhạ trên tuần báo ấy. Tôi cũng viết về hoạt động của ông Ẩn trong bài báo "Nhà báo - Tình báo anh hùng" cũng đăng trên Nhân dân chủ nhật tháng 6. 1990. Năm 1976, tại đại hội đảng toàn quân, tôi dẫn ông Phạm Xuân Ẩn đến gặp đại tướng Võ Nguyên Giáp. Khi ông ra Hà Nội theo học trường đảng Nguyễn ái Quốc, ông thường ghé lại nhà tôi chơi. Nét đặc biệt của hai nhà tình báo chiến lược này là tận tụy, tài trí, có hiệu quả rất cao, nhưng lại không lên gân lập trường một cách cứng nhắc. Cả hai đều hiện có tinh thần hòa hợp sâu sắc - Ông Nhạ kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện và giữ một thái độ khách quan đối với ông Ngô Đình Diệm, xác nhận ý thức chống Mỹ đưa quân vào Việt Nam của ông ta, cuộc sống bình dị của ông ta nữa và không dấu niềm cảm tình, sự đồng cảm với nhiều nhân vật công giáo ở Việt Nam cũng như của Vatican. Ông Ẩn còn giữ thiện cảm với nhiều nhà báo Mỹ có công tâm. Ông quý trọng nền văn hóa Mỹ - ông hiện ở tại thành phố Hồ Chí Minh, nuôi chó béc-giê để giải trí và cùng để kiếm sống (khi họat động ông mua con chó béc giê giá tới

7 ngàn đô-la để tạo bình phong) và còn muốn gửi con trai sang Mỹ học để thành tại.

Sau Hiệp định Paris, đoàn đại biểu quân sự chính phủ miền Bắc và đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã có mặt tại Sài Gòn, trong căn cứ quân sự Tân Sơn Nhất. Hồi ấy tôi vừa là ủy viên chính thức của đoàn miền Bắc, kiêm người phát ngôn của đoàn. Trong 60 ngày trong trại Da vít tôi dự tất cả các phiên họp chính thức bàn việc thực hiện Hiệp định, còn đi Biên Hòa, Lộc Ninh, Mỹ Tho, Cần Thơ, Nha Trang, Đà Nẵng...Đi bằng máy bay lên thẳng và máy bay chỉ huy do người Việt và người Mỹ lái. Tôi cũng đi xuống phố xá Sài Gòn 12 lần để gặp gỡ các đoàn ấn Độ, Canada, Ba Lan, Hưng ga ri trong ủy ban quốc tế và tổ chức 5 cuộc họp báo trong trụ sở. Đây là những thời cơ lý tưởng để tìm hiểu tình hình mọi mặt của đối phương một cách đầy đủ, bằng trực giác, nghĩa là nhìn thấy, nghe thấy bằng chính tai mắt mình...Tôi gặp và hỏi chuyện đủ loại: Tướng, đại tá, sĩ quan và hạ sĩ quan các cấp, thuộc các binh chủng bộ binh, không quân, ở Bộ tổng tham mưu, ở cục chiến tranh chính trị, hỏi chuyện cả bà con nông dân, viên chức gặp được...Chỗ yếu và chỗ mạnh, khả năng chiến đấu, những khó khăn trong quan hệ Mỹ-Sài Gòn, những tính toán của phía Mỹ,

những nỗi lo của quân đội Sài Gòn...đều được thu lượm, nghiên cứu, nhận định, bổ sung cho những hiểu biết trước kia vốn chỉ là gián tiếp về đối phương.
Sau 60 ngày làm việc, ży ban quân sự Liên hợp 4 bên giải thể, nhường chỗ cho ủy ban liên hợp quân sự hai bên (Chính phủ lâm thời và chính quyền Sài Gòn) vẫn ở trong trại Davít (Tân Sơn Nhất). Đoàn đại biểu của chính phủ lâm thời đóng ở đó cho đến tận ngày 30. 4. 1975. Đó là một vị trí quan sat tình hình rất lợi hại ngay trong thành phố để hiểu rõ thái độ chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính và văn hóa ở thủ đô miền Nam Việt Nam. Tối 30. 4. 1975 tôi đã từ Dinh Độc lập vào tới đây và nhờ bộ phận thông tin quân sự vốn đã quen từ hồi 1973 đánh bằng tín hiệu morse ra Hà Nội bài báo của tôi về sự kiện lịch sử ngày 30. 4 ấy. Đó là bài báo duy nhất lọt ra khỏi Sài Gòn vì hệ thống truyền tin của Bưu điện đã bị ngừng. Có một chuyện buồn cười. Trong bài báo của tôi có nói về cái thực đơn của tổng thống Việt Nam cộng hòa chiều 30. 4 ấy. Tôi thấy nó trong ngăn kéo của bàn giấy tổng thống. Thực đơn có nhiều món, trong đó đặc sắc nhất là: Gân bò hầm sâm (thực tế là món "ngẩu pìn" trứ danh của người Trung quốc dành cho thượng khách), thế nhưng do đánh bằng tín hiệu nên chữ "gân" bị nhận lầm là chữ "gan", một món khác là

món cá thu kho mía kiểu miền Nam thì bị đánh nhầm là cá thu kho giá, nhiều người hỏi tôi gan bò và giá thì có gì là đặc sắc!

Về cuộc chiến tranh ở Căm pu chia, tôi có nhiều suy nghĩ trong suốt hơn 10 năm nay. Tôi đã đến dọc các vùng biên giới với Căm pu chia ở các tỉnh Kiên Giang (Hà Tiên), An Giang (Châu Đốc), Long An và Tây Ninh. Khi Khơ me đỏ tấn công và gây ra những vụ thảm sát kinh người! Những nạn nhân dọc kinh Vĩnh Tế tôi được thấy tận mắt tháng 9. 1977 đều bị mổ bụng, đạp vỡ sọ, móc mắt và cắt dương vật, hay thọc gậy vào cửa mình! Suốt một tuần lễ cảnh tượng ấy làm tôi kinh hoàng, cảnh máu me và thịt người bấy nát làm tôi kinh sợ không dám nhìn, không dám ăn một miếng thịt bò! Tôi cũng dự cuộc họp của cán bộ cấp cao ở trong căn cứ Tân Sơn Nhất do Bộ Quốc phòng triệu tập để thảo luận về cách đánh trả Khơ me đỏ hồi tháng hai năm 1978. Lúc ấy cuộc chiến đấu rất khó khăn vì không được phép đánh vào nội địa Căm pu chia, về sau chỉ được đánh vào sâu tối đa là 10 km khi truy kích và phải quay trở về ngay. Lính Khơ me đỏ lại chịu đựng giỏi thời tiết mưa nắng, quen lội qua đầm lầy, thức ăn chỉ một gói cơm cứng gói trong lá thốt nốt, đi chân không lội bùn, đánh theo kiểu du kích lúc ẩn lúc hiện. Tổn thất của các đơn vị Việt Nam

khá cao, bình quân số chết và bị thương hàng tháng cao hơn cả thời chiến đấu chống Mỹ và Sài Gòn! Cuối cùng tháng 12. 1978 đã có quyết định tổng tấn công giải phóng Căm pu chia bằng một số quân đoàn từng tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Quyết định này được thực hiện rất bí mật để gây yếu tố bất ngờ. Tôi đi cùng với anh em phóng viên của báo và đài phát thanh quân đội. Trước đó tôi đã tìm hiểu tình hình ở Căm pu chia qua hỏi chuyện hàng trăm người ở các trại tỵ nạn dọc biên giới, nhất là ở trại Bến sắn, Tây Ninh. Khơ me đỏ đã kháng cự khá mạnh ở nhiều nơi như Xvai-riêng, Campốt, Crotié và Preyveng...nhưng khi quân Việt Nam đã vào sâu được chừng 20 km thì hầu như không còn kháng cự gì nữa. Khơ me đỏ bỏ chạy tán lọan về phía Tây.

Nhân dân Căm pu chia kiệt quệ, gầy mòn, ốm yếu và đón bộ đội Việt Nam trong mừng rỡ khôn xiết-Tất cả các gia đình đều ly tán, nhân dân bị cưỡng bách đến nơi xa lạ (dân phía Đông chuyển sang phía Tây, dân phía Nam đầy lên phía Bắc...). Các thành phố Svai-riêng, Tà Keo chúng tôi đi qua cũng như thủ đô Pnom-Penh hoàn toàn hoang vắng, cỏ mọc lút đầu. Nhà không số, đường không tên, không tiền nong, không chợ búa, không hàng hóa cho đến con người cũng không giấy tờ, chứng minh thư nào cả-

Không thể tưởng nổi, một đất nước không có trường học, không có bệnh viện! Sức dân kiệt đến nỗi họ không nói, không cười nổi nữa! Chúng tôi gặp bác sĩ ch-Kim-Seng hiện la bộ trưởng Y tế từng học ở Pháp về, vừa từ Tà Keo đi bộ lên, chân đất, da nhăn nheo, ông mới gần 60 tuổi mà trông như cụ già 80! Ông bị Khơ me đỏ giao cho chăn dắt một đàn bò, thỉnh thoảng làm thịt cho bộ đội chúng ăn.
Tôi được phân công giúp họ trong việc tổ chức hãng thông tấn SPK, việc tổ chức báo Quân đội Căm pu chia và về sau là giúp cho báo Căm pu chia hàng tuần. Tôi đã giúp cho anh Prach-xun, một nhà báo cũ, nay ở Ban đối ngọai của đảng Nhân dân cách mạng Căm pu chia, tổ chức việc đón tiếp hai đoàn nhà báo nước ngoài lên thăm Căm pu chia vào tháng 1 và tháng 2. 1979, hướng dẫn họ đi thăm Pnom-Penh từ sân bay Po-chen-tong vào thành phố trên một chiếc xe bus lớn có gắn loa do anh em bộ đội Việt Nam sửa chữa để sử dụng. Tôi ở lại Căm pu chia gần ba năm, thỉnh thoảng đi về thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Tôi thu được khá nhiều tài liệu của bọn Khơ me đỏ, tìm hiểu về những chủ trương diệt chủng của chúng. Thật là tận cùng của sự tàn bạo, bất nhân, còn quá cả bọn phát xít nazi, nhưng lại đội lốt bằng những Mỹ từ: Một chủ nghĩa cộng sản trong sạch, trong sạch, cực kỳ trong sạch, một

chế độ tuyệt vời, tuyệt vời, rất tuyệt vời, lãnh đạo bởi một đảng cộng sản sáng suốt, sáng suốt và rất sáng suốt, là mẫu mực cho tất cả các đảng cộng sản khác trên toàn thế giới (họ có cái kiểu chuyên môn lắp lại ba lần một tính từ để gây ấn tượng). Đây là cách mạng văn hóa vô sản kiểu Trung Quốc, được thực hiện triệt để hơn, rộng khắp hơn, không khoan nhượng và tự tin tuyệt đối, được thực hiện "trong nhà với nhau", khi đất nước đóng chặt cửa, nội bất xuất, ngọai bất nhập. Pnom-Penh lúc ấy chỉ có 6 sứ quán của Trung quốc, Bắc Triều tiên, Nam tư, Rumani, Việt Nam và Lào. Sứ quán Việt Nam đã rút về từ trước. Các sứ quán khác đều rút qua Thái Lan chiều 5. 1. 1979, trừ sứ quan Lào được chỉ thị từ Viên chăn là phải ở lại. Sáng 8. 1. 1979 tôi gặp ông đại sứ Lào đã cao tuổi Vi-na-chít, nói được tiếng Việt, cùng 4 viện chức trong sứ quán. Tất cả vừa trải qua cơn ác mộng, vì bất cứ lúc nào bọn Khơ me đỏ cũng có thể xông vào bắn chết khi chúng rút chạy trong hỏang loạn.

Tôi tan thành cuộc tiến công giải phóng Căm pu chia. Đó là quyền tự vệ của một đất nước bị Khơ me đỏ ngang ngược, chúng đồng thời là một hành động SOS, cấp cứu cả một dân tộc bị đòa đầy và bị giết hại dần mòn. Trước đó ông nghị MacGovern đã kêu gọi có hành động quân sự

để cứu dân tộc này đang bị thảm sát. Nhưng chẳng có ai động đậy cả. Khi bộ đội Việt Nam vào, giữ nghiêm kỷ luật, mang theo cả gạo, muối thịt rau, chịu cực đóng quân ngoài rừng, chia xẻ lương thực, áo quần, thuốc men cho nhân dân nước bạn, được tất cả nhân dân nước bạn biết ơn và quý trọng. Rõ ràng đó là một nghĩa cử cao đẹp.

Nghĩa cử ấy sẽ còn cao đẹp bền lâu nữa nếu không phạm hai sai lầm rất lớn sau đó-Một là để bộ đội Việt Nam quá lâu ở Căm pu chia-Đây là việc không được dự kiến. Sau khi giải phóng nhanh chóng Căm pu chia, bệnh kiêu ngạo chủ quan lại ngự trị, họ mừng tưởng bọn tàn quân Khơ me đỏ sẽ bị diệt hết trong thời gian ngắn. Người ta cho rằng ông hoàng Xihanuc không còn vị trí gì nữa! Thư ông ta gửi tới Hà Nội không ai thấy cần phải trả lời! Rồi Thái Lan và Trung quốc tận lực tiếp sức cho Khơ me đỏ. Thế là bộ đội Việt Nam bị sa lầy, bị kẹt. Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bại ngoại, gây lại thù hằn cũ làm cho người Việt Nam gặp nhiều khó khăn thêm. Ngay từ năm 1982, nói chuyện với đại sư Việt-Nam Ngô Điền ở Pnom penh, tôi đã nhận xét tình thề này rất không ổn. Cần sớm rút chân ra khỏi bãi lầy một cách nhanh chóng, không nên do dự và luyến tiếc. Yêu cầu Liên hợp quốc và Cộng đồng quốc tế đảm nhận việc giải quyết Căm pu chia cùng với những phe phái trong

nước Việt Nam sẽ cùng tham dự với các nước khác-Việt Nam không có đủ sức và đủ lý để giữ mãi quân đội trên một nước láng giềng, trong khi việc tiêu diệt hết Khơ me đỏ nằm xa ngoài tầm tay rồi. Suốt 10 năm liền, tại các cuộc bỏ phiếu hàng năm tại Liên hợp quốc, Việt Nam chỉ được sự ủng hộ của 20 đến 30 nước, bị thiểu số nặng nề, mà vẫn cứ thản nhiên như không!

Sai lầm thứ hai rất tai hại là ý định xây dựng một khối liên minh Việt-Miên-Lào riêng rẽ, với những khẩu hiệu và nội dung: Mối liên minh đặc biệt giữa ba nước Đông dương, tình hữu nghị đặc biệt giữa nhân dân, chính phủ và ba đảng anh em, mối quan hệ đặc biệt vừa là đồng chí, vừa là anh em...Sao lại đặc biệt? Trong ba nước ấy, Việt Nam có 60 triệu dân, Căm pu chia chỉ có chưa đầy 6 triệu và Lào chỉ có chưa đầy 3 triệu (hồi năm 1985) thì làm sao mà bình đẳng được! Rõ ràng Việt Nam nghiễm nhiên là người anh cả, Lào là chú em út và Căm pu chia là chú em nhỏ xíu! Dù cho có ý muốn bình đẳng thì trên thực tế vẫn rất khó. Việt Nam bị hoài nghi, bị các nước ASEAN phê phán, bị thế giới chê cười. Trong đội ngoại Việt Nam có thói quen coi mình là một trung tâm, coi khu vực Đông dương là vùng ảnh hưởng của riêng mình, không cần cân nhắc đếm xỉa đến các nước khác, đến dư luận thế giới và tự chuốc

lấy sự cô lập và khó khăn!
Có những biểu hiện chủ quan, kiêu ngạo trong quan hệ quốc tế rất kỳ quặc. Hồi mười năm trước, thường có những cuộc gặp gỡ hàng năm giữa Bộ quốc phòng ba nước Việt Nam, Căm pu chia và Lào. Vào năm 1982, cuộc họp ấy diễn ra ở Pnom-penh, trong điện Chầm Ka Mon (dịch là vườn dâu, bên bờ sông Mê Công). Đại diện Bộ quốc phòng Việt Nam là đại tướng chủ nhiệm tổng cục chính trị Chu Huy Mân, ủy viên Bộ chính trị của đảng cộng sản Việt Nam. Vị đại tướng xuất thân cố nông này phát biểu sau cùng, không giấy tờ, không chuẩn bị gì hết, sau khi hai vị tướng Lào, và Căm pu chia đã đọc diễn văn tử tế-Ông Mân nói đại thể: Đến lượt tôi, chúng ta là anh em với tình nghĩa đặc biệt, trong nhà với nhau, tôi nói miệng thôi nhé. Đồng ý không nào! Rồi ông đằng hắng lên giọng: Kính thưa...đồng chí...đại tướng...Bu Thoong...Bộ...trưởng Bộ quốc phòng...nước cộng hòa...nhân dân...Mông cổ...(thấy các sĩ quan Việt Nam có mặt giật mình)...à quên, nước cộng hòa nhân dân Căm pu chia! Chuyện cứ như đùa, mà hoàn toàn có thật! Số là tuần trước, ở Hà Nội, tướng Mân đón và đọc diễn văn chào mừng đoàn đại biểu Bộ Quốc phòng Mông cổ - Sợ lầm lẫn trong khi ứng khẩu mà lại lầm lẫn thật sự! Ông lại ngà ngà say sau khi uống

một chén rượu thốt nốt! Vẫn là từ thái độ anh cả!
Về chuyên gia Việt Nam ở Căm pu chia có những anh em am hiểu, tận tâm, và vô tư giúp đỡ bạn, tôn trọng bạn, được bạn rất quý mến. Nhưng đang tiếc số ấy còn ít, quá ít. Còn "chuyên gia, chuyên giả, chuyên già" thì lại quá đông..."Chuyên giả" vì nhiều người được cử đi là do chính sách chiếu cố. Sang Pnom penh, có thể mua bán được ít đồ Thái Lan không phải thuế, đem về Việt Nam có thể kiếm được ít lời, cho nên số cán bộ có thành tích lâu năm(!), nhiều tuổi, sắp về hưu, đều được chiếu cố cho đi chuyên gia Căm pu chia một vài năm. Bất kể sang có làm đúng cái nhiệm vụ rất khó khăn của một chuyên gia được hay không! Phần lớn sang là để "tìm hiểu thị trường", "nghiên cứu hàng hóa", tích lũy đôi chút để chuẩn bị về hưu cho cuộc sống được tạm ổn. Nhiều anh em trí thức Căm pu chia ngay thật cho tôi biết nhiều chuyên gia về kinh tế, về kế hoạch nhà nước, về ngân hàng, về tài chính...chẳng có trình độ, không thể coi là chuyên gia. Đã thế họ lại phát biểu ý kiến quá "mạnh dạn" đến mức ẩu tả, cứ y như là ở Việt Nam hay Liên xô, mà không am hiểu tình hình riêng của Căm pu chia. Một số chuyên gia về quốc phòng và an ninh xử lý công việc rất chủ quan, hách dịch, vượt qua đầu, không tính đến chủ quyền quốc gia,

xử lý một cách độc đoán và gây nên những oan trái rất lớn, để lại những hậu quả khôn lường. Những điều ấy tôi chưa tiện nói ra ở đây, vì không muốn đụng đến những vết thương đang kín miệng.

Về quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay, tôi không thể nói gì đến những vấn đề thuộc linh vực bí mật quân sự, bí mật quốc gia. Vì đó là nguyên tắc. Tôi không thể làm gì có hại cho đất nước dù cho những người lãnh đạo đã khai trừ tôi ra khỏi đảng, và cất mọi chức vụ của tôi. Họ đã nhân danh nhân dân một cách giả dối để phụ tôi, nhưng tôi không bao giờ phụ đồng bào và quân đội. Tôi còn tấm lòng, lương tâm và trách nhiệm với nhân dân-Quân đội hiện nay sống rất cực khổ-Việc giảm nữa triệu quân đã được thực hiện hai năm nay, nhưng theo tôi số quân vẫn còn quá đông, ngân sách quân sự còn quá lớn, rất có hại cho nhân dân, nhà nước và chính quân đội. Có người ngụy biện rằng, giảm quân sẽ làm tăng số thất nghiệp vốn đã quá nhiều! Quốc hội cần không chế con số: Một phần trăm cho quân đội và một phần nghìn cho an ninh tính trên tổng dân số theo ý lệ trung bình của thế giới. Hãy xem thống kê của Thái Lan: 54 triệu dân, số quân chỉ có 270. 000 tại ngũ, Malaixia 16 triệu dân, số quân chỉ có 120. 000 (thống kê IISS). Tinh thần của bộ đội ta không khác gì nhân dân: Lo

âu về hiện tình đất nước, không tin ở tương lai gần và xa, mất tin ở sự lãnh đạo của đảng và nhà nước, càng không tin ở "đổi mới" vì thiếu mạnh dạn và nhất quán. Đáng chú ý số cán bộ ve hưu ngày càng đông. Trong số đó chỉ độ một phần tư sống ổn định, vì thu vén được chút ít khi còn tài chức. Còn thì sống ở mức thấp và một phần tư nữa là sống cực kỳ gay gắt. Gia đình nào không có con em đi học, đi lao động ở nước ngoài, không có bà con ở nước thì rất gay. Cảnh "đầu đường thiếu tá bơm xe, cuối đường trung tá bán chè đậu đen, giữa đường đại tá rao kem" là chuyện không hiếm. Có đại úy văn công về hưu đi thổi kèn đám ma. Tôi quen thân với một số vị tướng thiếu tướng ở Bộ Quốc phòng. Ai đã từng là đơn vị trưởng, chỉ huy sư đoàn, quân đoàn, có chức, có quyền, nhất là ở các ngành vật chất như quân nhu, quân trang, hậu can, quân y...thì nói chung là khá giả...Còn các viên tướng cạo giấy ở các văn phòng, cơ quan Bộ hay ở các trường huấn luyện thì rất "rách. " Gia tài là một chiếc xe đạp, đến chiếc xe máy cũng không có. Có người phải ra máy nước công cộng hứng nước hay xách nước từ tầng dưới cùng lên tầng tư tầng năm. Rất nhiều sĩ quân cấp cao ngay thẳng, tận tụy có tâm huyết với cách mạng và nhân dân, liêm khiết và trong sạch rất băn khoăn suy nghĩ sâu sắc về chủ nghĩa xã

hội, về sự lãnh đạo của Đảng. Chính họ đã tạo nên một sự kiện "lạ lùng" và bất ngờ. Hồi tháng 9. 1986, đại hội Đảng toàn quân họp để thảo luận văn kiện và cử đại biểu đi dự đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6. Cuộc thảo luận được diễn ra trong tinh thần đổi mới đang sôi nổi, hào hứng: Nói thẳng, nói thật, nói hết...Nhiều đại biểu phê phán thẳng cánh một số thượng tướng, đại tướng đứng đầu quân đội: Thiếu gương mẫu, nhà dột từ nóc, tham nhũng chiến lợi phẩm, dung túng cho vợ con làm sai chính sách, tạo nên những kẻ xu nịnh ở chung quanh, vô trách nhiệm với đời sống gay go của bộ đội, sa sút ý chí chiến đấu...Khi bầu đoàn đại biểu, mặc dầu có danh sách hướng dẫn của đoàn chủ tịch hội nghị, ba vị lớn nhất của quân đội: Đại tướng bộ trưởng bộ quốc phòng, đại tướng chủ nhiệm tổng cục Chính trị (hai vị này đều là ủy viên bộ Chính trị trung ương đảng) và thượng tướng phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị đều bị...ra rìa, không trúng trong đoàn đại biểu chính thức 72 người! Cả Hà Nội xôn xao suốt một tháng trời về cái tin giật gân này! Những người có công tâm vui mừng vì cuộc sống dân chủ đã tạo nên quyền quyết định và giám sát của cấp dưới đối với cấp trên. Đây là dân chủ thật, đẩy lùi dân chủ hình thức: "Dân chủ có lãnh đạo", "dân chủ gắn với tập trung", có nghĩa là "dân

chủ vừa phải!" Các vị cầm cân nẩy mực trong đảng và quân đội đã mở cả một cuộc điều tra về cái hiện tượng "dân chủ quá trớn" này, để cố truy tìm xem ai là kẻ đầu têu, là kẻ giật dây, là kẻ có âm mưu tiếm quyền? Bộ máy tổ chức của đảng lập tức rút kinh nghiệm là đã mất cảnh giác nghiêm trọng về cuộc đại hội toàn quân này, có kế hoạch ngăn chặn ngay để ngọn triều dân chủ ấy không được dâng lên trong đại hội đảng toàn quốc lần thứ 6 mấy tháng sau đó.

Và quả nhiên đại hội đảng lần thứ 6 được đặt tên là "Đại hội của ông Sáu", nghĩa là đại hội của ông Sáu, Lê Đức Thọ, từng là ỷy viên bộ Chính trị kiêm Trưởng ban tổ chức trung ương đảng trong hơn 30 năm liền. Đây là bộ máy quyết định từ cấp vụ trưởng, tổng cục trưởng, thứ trưởng lên đến những chức vụ cao nhất. Hồi ấy theo đề xuất của đại hội đảng toàn quân, bộ ba thích hợp nhất nên là: Ông Trường Chinh ở cương vị Tổng bí thư vì là người đầu tiên phác họa ra kế hoạch, quan niệm, phương án đổi mới ở Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng làm chủ tịch Hội đồng nhà nước, đại tướng Võ Nguyên Giáp làm chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Những ngày đầu của đại hội 6, nhiều đại biểu của các tỉnh miền Nam cũng như của Hà Nội...rất đồng tình về bộ ba: Chinh-Đồng-Giáp ấy. Đột nhiên khi đại hội bước

vào họp nhân sự, Ban tổ chức trung ương Đảng đưa ra một phương án khác: Nguyễn Văn Linh làm Tổng bí thư, Võ Chí Công làm chủ tịch Hội đồng nhà nước, Phạm Hùng làm chủ tịch Hội đồng bộ trưởng...Để cho phương án này trót lọt "anh Sáu" đã có sáng kiến viết một lá thư ngắn "kính gửi các đồng chí Trường Chinh và Phạm Văn Đồng" đại y rằng: Nhiều đoàn đại biểu có ý kiến (?) là hai đồng chí với tôi tuổi đã cao, sức đã yếu không nên tham gia Ban chấp hành trung ương đảng nữa, mà sẽ nhận làm nhiệm vụ cố vấn cho Ban chấp hành trung ương. Tôi thấy đây là một đề nghi hợp lý. Nếu các đồng chí và tôi còn nhận nhiệm vụ thì sẽ có thể bị hiểu nhầm là tham quyền cố vị. Rất mong câc đồng chí đồng ý với đề nghị này..." Theo những người ở văn phòng trung ương đảng kể lại, chính ông Nguyễn Khánh, žy viên trung ương đảng, vốn từng là Chánh văn phòng trung ương, sau là Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng là người cầm lá thư này đến tận nhà các ông Trường Chinh và Phạm Văn Đồng.

Hồi 1986, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn còn được tín nhiệm rất lớn trong đảng. Rất nhiều đại biểu cho rằng hiểu biết rộng và uy tín lớn trong và ngoài nước của đại tướng là vốn quý của dân tộc cần tận dụng. Thế là bộ máy tổ chức và an ninh, bảo vệ đảng được huy động để ngăn

chặn xu thế này. Thế là Trung ương và các đại biểu dự đại hội được thông báo về "một số vấn đề lịch sử của đồng chí Võ Nguyên Giáp. " Thủ đoạn là: Dịch một lá đơn xin học bổng để được đi học bên Pháp gửi phủ Toàn quyền Đông dương hồi đầu những năm 1930. Trong đó có những câu viết theo công thức đơn tự thịnh hành một cách đương nhiên hồi ấy: "Xin gửi ngài lời chào kính trọng và những tình cảm chân thành...người phục vụ tận tụy của ngài. " Những người có bệnh "lập trường vững vàng" kiểu lên gân không bới móc gì được ở tư cách sống, tính liêm khiết sự hiểu biết rộng hiện nay của ông Giáp đã tìm ra một cái cớ được coi là xác đáng. Một người cộng sản lại gọi tên trùm thực dân đế quốc là Ngài, lại còn "trung thành", "tận tụy", là "người phục vụ" (người đầy tớ-dịch theo tự điển) thì không thể tha thứ được! Thủ đoạn này gây nên trò cười những người ít nhiều có văn hóa và hiểu biết, nhưng lại tạo nên được sự hoài nghi của một số đại biểu các tỉnh vốn không biết gì về những công thức ứng xử thời xưa...

Vị đại tướng bộ trưởng Bộ Quốc phòng Văn Tiến Dũng đã bị đại hội đảng toàn quân khước từ thì lại có một "dịp may" hiếm có:

Đúng 10 ngày trước khi đại hội 6 khai mạc, đại tướng

Tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn, ủy viên trung ương đảng đang rất khỏe mạnh bổng nhiên đột tử ở nhà, một cái chết cho đến nay vợ và con ông vẫn còn phân vân về nguyên nhân thật sự. Sáng 5 tháng 12 Bộ Chính trị đã quyết định ông sẽ đảm nhiệm chức Bộ trưởng bộ Quốc phòng thay ông Văn Tiến Dũng. Trưa 5 tháng 12 ông đột tử. Do ông Tấn mất mà ông Dũng, người đứng đầu danh sách dự bị của đoàn đại biểu quân đội-được nâng lên là đại biểu chính thức dự đại hội 6. Tai họa và có thẻ noí là tai vạ của đại tướng Tấn đã trở thành điều may hiếm có cho đại tướng Dũng.

Và một điều khá kỳ lạ nữa ông vẫn được bầu vào Ban chấp hành trung ương khóa VI (làm cho không ít sĩ quan quân đội sửng sốt) và liền đó còn được tham gia ban dự thảo Tổng kết chiến tranh của quân đội và cả ban Dự thảo chiến lực đến năm 2000 nữa!

Những điều bất ngờ chấn động Đại hội toàn quân năm 1986 đến nay vẫn còn gây lo sợ cho cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản. Họ đã ra những thông tri liên tiếp để công việc chuẩn bị cho đại hội 7 sẽ thuận buồm xuôi gió, theo đúng ý của lãnh đạo...Tuyệt đối không cho ai có quan điểm dân chủ đa nguyên được lọt vào bất cứ đại hội nào trên cấp cơ sở-Hơn 1000 sĩ quan cao cấp từ trung tướng đến

đại tá được về hưu trong tháng 11 và 12 năm 1990 sẽ không tham gia đại hội đảng của các đơn vị quân đội. Trong số sĩ quan này ắt hẳn có nhiều "kẻ bất trị" vì am hiểu nội bộ quân đội muốn nói thẳng, nói thật, nói hết, muốn có một quân đội hiện đại cả về tổ chức, vũ khí và tư tưởng và Họ sẽ đòi hỏi phải chấm dứt tệ tham nhũng vô trách nhiệm, những bất công lớn, tệ quan liêu và quân phiệt...với biển pháp cơ bản là quyền dân chủ rộng rãi và sự bình đẳng về nhân cách-Cho họ về hưu, về vườn, nghỉ cho khỏe...là tháo một ngòi nổ nguy hiểm trong thực hiện "dân chủ và đổi mới. " Điều trót hứa hẹn long trọng từ hơn 4 năm trước đang được uốn nắn lại, nhấn mạnh đến tập trung và kỷ luật.

Đầu năm 1987, ngay sau khi kết thúc đại hội 6, nghị quyết mới được phổ biến để chấp hành, đảng ủy quân sự trung ương vừa họp phiên đầu tiên sau đại hội thì một viên tướng nữa chết đột ngột. Đó là trung tướng Phan Bình, cục trưởng cục quân báo của Bộ Tổng tham mưu, với thông báo là đã tự sát, tự bắn súng ngắn vào đầu mình-Tôi rất quen với tướng Bình, người Quảng Nam, khổ người nhỏ nhắn, đảm nhận chức vụ này từ năm 1962, thay đại tá Nguyễn Minh Nghĩa bị buộc tội là "xét lại. " ở Bộ Tổng tham mưu, nhiều người cho biết ông Bình rất gần gũi gia

đình bộ trưởng quốc phòng Văn Tiến Dũng, biết khá nhiều chuyện riêng tư, về tham nhũng, chia chác chiến lợi phẩm trong hàng ngũ các viên tướng trong cơ quan bộ quốc phòng và bộ tổng tham mưu. Ông lại là ủy viên trong cấp ủy đảng tại đó. Ông chết trong một ngôi nhà tại thành phố Hồ Chí Minh. Các phòng ở của ông tại nhà riêng bị lục soát. Đúng một tuần sau, con trai cả của ông, một trung tá quân đội, người đang giữ tất cả những tài liệu thư từ riêng của ông, bị một tai nạn và chết ngay trong một cuộc đụng xe gắn máy trên đường thành phố Hồ Chí Minh. Lại một câu hỏi nữa, đến nay vẫn chưa được giải đáp có sức thuyết phục...

Trước đó, tháng 6. 1986, đại tướng thứ trưởng quốc phòng Hoàng Văn Thái cũng bị chết đột ngột tại nhà, sau một tuần liền họp hành rất căng thẳng ở Bộ Quốc phòng, vào dịp chuẩn bị cho đại hội đảng toàn quân và đại hội đảng toàn quốc lần thứ 6. Ông tham gia đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập tháng 12. 1944, là Tổng tham mưu trưởng trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Ông từng vào miền Nam, ở căn cứ R hơn ba năm, là phó tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng ngay khi cuộc chiến tranh đặc biệt chuyển thành cuộc chiến tranh cục bộ-Ông là sĩ quan gần gũi nhất

của đại tướng Võ Nguyên Giáp, cùng ở trong sở chỉ huy Mường Phăng ở Điện Biên Phủ-Tôi còn nhớ, đúng ngày 7. 5. 1984 (kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biển Phủ), Bộ Quốc phòng tổ chức ôn lại chiến dịch ấy tại sa bàn lớn trong Viện bảo tàng Quân đội trên đương Điện Biên Phủ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và nhắc đến những kỷ niệm 30 năm trước, nhắc đến chỉ huy từng sư đoàn - Khi kết thúc, đi ra phía Cột cờ, đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫy đại tướng Hoàng Văn Thái lại và nói với tôi như phân trần: "Nhà báo lại đây! Đây, anh Thái đây - Có phải hồi ấy khi tôi quyết định thay đổi phương châm công kích, anh không thông, còn chống tôi nữa phải không?" Đại tướng Hoàng Văn Thái cười xòa: "Vâng, thưa anh đúng như thế. Vì lỡ chuẩn bị tất cả rồi, bộ đội được động viên rất hăng, chỉ chờ lệnh nổ súng. Hoãn lại thật là gay! Nhưng nếu không hoãn thì còn gay hơn. Có khi không thắng mà còn bị tổn thất nặng nề, kháng chiến không còn biết ra sao! Vì vốn liếng xây dựng của ta hơn 5 sư đoàn đều đưa vào đó cả!" Tôi còn giữ tấm ảnh chụp vào đúng thời điểm ấy, trưa ngày 7. 5. 1984.

Ông Thái rất quý mến ông Giáp. Hai ông còn thân thiết vì tình cảm thông gia. Võ Điện Biên, con trai đầu của ông Giáp sinh đúng vào năm của chiến thắng Điện Biên Phủ,

lấy Hoàng Thị Kim Phượng con gái cưng của ông Thái. Cả hai đều là sĩ quan quân đội, Điện Biên là trung tá binh chủng Phòng không quân, Kim Phượng là sĩ quan quân y, ở ngành dược, hiện công tác ở cực quân y quân đội. Mẹ của Kim Phượng là bà Loan, cấp bậc đại tá hiện nay đã nghĩ hưu. Trước kia bà làm công tác chính sách hậu phương ở bộ tổng tham mưu là một trong bốn nữ chiến sĩ giải phóng quân đầu tiên hồi trước cách mạng tháng Tám. Đầu tháng 9. 1945, bà đã từ căn cứ Việt Bắc về Hà Nội trong chi đoàn Quang Trung nổi tiếng hồi đó.

Nhìn lại cuộc đời người lính suốt trong 37 năm 3 tháng, tôi đã nếm đủ mùi gian khổ và vinh quang của người cầm súng-Tôi đã là lính, đứng canh gác, rồi tiểu đội trưởng ở lớp huấn luyện, là trung đội trưởng ở đường số 9, đi truy lùng tận quân Pháp ở vùng Trung Lào, là đại đội trưởng đại đội chủ công trong chiến dịch giữ thành Quảng Trị khi quân Pháp đổ bộ lên đầu năm 1947, rồi tiểu đoàn trưởng ở địch hậu Triệu Phong, Hải Lang (Quảng Trị), làm giám đốc trưởng sĩ quan Lê Lợi của quân khu ba, rồi giám đốc trường quân chính của sư đoàn 304, rồi lên bổ sung cho chiến dịch Điện Biên Phủ, khi chiến dịch bước vào thời kỳ thay đổi phương châm tác chiến. Tôi đã ba lần đi qua đường mòn Hồ Chí Minh, vào Bình Trị Thiên, quân khu

Năm và chiến trường Tây Nguyên, xuống tận đồng bằng Trung Bộ, vào ấp chiến lược ở Quảng Ngãi tham gia nghiên cứu các mặt tình hình. Tôi đã nhiều lần ốm nặng tưởng không qua khỏi: Kiết lỵ, bị sốt rét ác tính, bị sâu quảng khắp người, các nốt lở to bằng đồng hào ván sâu hoắm, ba lần bị thương vì đạn cối, pháo, viêm ruột thừa cấp tính, bị nhiễm trùng toàn bộ ở ổ bụng. Những lần đói khát thì không sao kể xiết. Phải ăn gạo mủn chua và đắng vì chôn dưới cá ẩm hàng tháng trời mới moi lên...khi hành quân thiếu rau, gặp được một hay hai lá rau mà cũng cố dừng lại để hái, gom lại để đến khi nghỉ có được vài chục ngọn rau để nhấm ăn...Có khi giữa rừng gặp một cay cam ở một ngôi nhà bỏ hoang, hái chia mỗi người một quả, thế mà nhấm từng múi để dành trong suốt hai ngày đêm...Đói và khát, có khi khát đến cháy cổ, kiệt sức mắt nổ đom đóm thì vừa lết đến một ngọn suối. Một ngụm nước tan nhanh vào toàn cơ thể như nở ra từng tế bào, từng thớ thịt. Có khi ở căn cứ thiếu muối phải lục tìm lá chuối gói thịt, cá gài ở mái lều đem ra mút lấy chút vị mặn. Cũng có khi phải lấy một viên thuốc quinacrine pha loãng ra thành năm liều thuốc tiêm.

Còn vinh quang ư? Tôi không bao giờ thích thú về những vinh quang hão huyền, hình thức. Tôi đã được 16 huân

chương lớn nhỏ:
Từ huân chương chiến công, huân chương Chiến thắng, đến huân chương Quân công. Các huân chương của nhà nước và quân đội Lào và Căm pu chia...Tôi là nhà báo quân đội duy nhất được thưởng Huân chương danh dự mang tên Julius Fucik do tổ chức nhà báo quốc tế OIJ đặt ra, được chủ tịch OIJ, giao sư Nodenstreng người Phần Lan sang Việt Nam trao tại hội trường Ba Đình tháng 12 năm 1981, "do những đóng góp về báo chí trong thời kỳ chiến tranh, về các bài phóng sự xuất sắc được viết tại chiến trường..."
Về hoạt đồng xã hội, tôi là ủy viên ban chấp hành Hội hữu nghị Việt Nam - Căm pu chia (từ tháng 4. 1986), là žy viên đoàn chủ tịch ủy ban đoàn kết nhân dân á-Phi của Việt Nam từ năm 1982 đến nay. Tôi đã dự một số hội nghị quốc tế trên danh nghĩa ấy.
Có nhà báo nước ngoài nhận xét: "Bùi Tín thường ở những nơi quan trọng nhất, ở những thời điểm quan trọng nhất. " Có lẽ đó là do ý thức nghề nghiệp, với ý nghĩ: Người khác đi được sao mình không đi được? Đó là niềm say mê và trách nhiệm chứ không phải do ý muốn chơi trội, tìm kiếm danh lợi, để nổi tiếng!
Tôi có mặt ở Dinh Độc Lập ngày 30. 4. 1975. Việc nhận

đầu hàng của ông Dương Văn Minh là ngẫu nhiên, do trung tá trưởng ban bảo vệ sư đoàn 304 của quân đoàn 2 Nguyễn Văn Hân và trung tá Bùi Văn Tùng chính ủy lữ đoàn xe tăng 203 yêu cầu. Để cho không khí bớt căng thẳng, tôi bảo hai chiến sĩ đang cầm lăm lăm AK 47 chỉa vào phòng ra đứng ở ngoài. Lúc ấy tôi chưa biết ông Minh đã loan báo việc ngừng tiếng súng trên đài. Tôi yêu cầu ông Dương Văn Minh đầu hàng sớm chấm dứt chiến sự, khỏi hy sinh thêm vô ích cho cả hai bên. Lúc ấy, tôi đã hiểu câu thực hiện chính sách hòa hợp giữa người Việt Nam với nhau. Tôi thấy những vẻ mặt lo lắng, căng thẳng, liền nói với các ông: "Chiến tranh đã chấm dứt-Tất cả người Việt-Nam chúng ta đều thắng. Nếu các ông có ý thức dân tộc thì các ông cũng có thể coi ngày hôm nay là ngày vui của mình, ngày vui chung của đất nước chúng ta. " Ông Vũ Văn Mẫu cười tươi không lo như trước đó.

Sau một lát, tôi rất cảm động gặp riêng ông Nguyễn Văn Hảo, phó thủ tướng đặc trách về kinh tế, và nghe ông Hảo nói:

"Mấy tuần nay, người Mỹ ngày nào cũng tới rước tui qua Hoa Kỳ. Tôi nhứt định không đi. Tôi còn biểu tụi trẻ sinh viên của tui ở lại. Đất nước mình xây dựng, rất cần bọn tui..." Ông Hảo ở lại nhưng rồi không được xử dụng, vấp

đủ khó khăn. Ông ta chán nản và gần đây đã xin xuất cảnh, hiện ở đảo Ta-hi-ti, giúp cho chánh phủ ở đó về kinh tế. Những người có lòng tốt như vậy đối với đất nước cuối cùng đã phải ngậm ngùi ra đi!

Chính ông đã báo cho tôi biết vào buổi chiều 30. 4. 1975 là ông cúng viên chức ở ngân khố đã giữ lại 16 tấn vàng không cho cánh ông Thiệu mang đi. Tôi liền báo tin ra Hà Nôi - Sau 2 ngày ở Hà Nội cho người vào nhận đủ. Nhưng rồi số vàng ấy đã không được xử dụng hợp lý để sinh sôi ra vì định kiếu với ngân hàng ngọai quốc. Số vàng ấy được giữ rất kỹ kiểu nông dân, xà xẻo dần để chi tiêu, cuối cùng đã hết sạch! Sau đó tôi lo viết bài để gửi ra Hà Nội cho kịp. Chỗ tôi ngồi viết chính là bàn giấy của ông Minh ở trên tầng hai Dinh Độc lập. Sau đó tôi cùng trung tá Nguyễn Trần Thiết, phóng viên ban Biên tập quân sự báo Quân đội nhân dân, người cùng đi với tôi trong suốt cả ngày hôm ấy, vào trại Đa vít để tìm cách chuyển hai bài báo của chúng tôi ra Hà Nội.

Trước đó hai năm, ngày 29. 3. 1973 ở sân bay Tân Sơn Nhất, tôi là sĩ quan Việt Nam dân chủ cộng hòa kiểm soát và chứng nhận việc Mỹ rút tốp quân cuối cùng ra khỏi miền Nam Việt Nam. Người lính Mỹ cuối cùng là thượng sĩ Max Bielke, người ở bang Oregon! Tôi bắt tay anh ta và

tặng một tấm mành trúc có in hình hồ Hoàn Kiếm, chúc anh về hạnh phúc, vui vẻ với gia đình và có dịp hãy sang thăm Việt Nam với tư cách là khách du lịch. Anh ta có vẻ cảm động, cám ơn và cười rất thú vị trước đông đảo nhà báo và quay phim nước ngoài.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

VII - Mở tầm mắt

Với mọi quan hệ giao tiếp và thông tin ngày càng mở rộng, trái đất như bé nhỏ lại-Các nước như gần lại với nhau hơn-Nhu cầu hiểu biết lẫn nhau giữa người nước này với người nước khác không phải chỉ để thỏa mãn tính tò mò mà là một yêu cầu thật sự của cuộc sống, chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa và tình cảm, mang lại những lợi ích thiết thực và lâu dài.

Trong hoàn cảnh Việt nam đang sống một cuộc sống riêng biệt, cách ly với cuộc sống thế giới, tôi là người may mắn được đi đến một số nước để dự hội nghị, đi tham quan và làm công tác báo chí...Tôi cho đó là những dịp may hiếm có để mở rộng tầm mắt, bổ sung sự hiểu biết của mình...

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, tôi đã được tới thăm gần hết-Từ Trung quốc, Liên xô đến Cộng hòa dân chủ Đức, Ba Lan, Tiệp khắc, Hung ga ri, Bun ga ri...rồi

Triều tiên tôi đều đã đi qua. Lào và Căm pu chia thì còn ở lại những thời kỳ khá lâu-Sau năm 1975, tôi có nhiều dịp đi ấn Độ, Indonexia, Thái Lan, Malaixia, Xanhgapo, Philipine. ở châu Phi tôi đã dự họp ở An giê, ghé qua Xê nê gan, Ai cập (thăm Kim tự tháp kỳ vĩ), và làm việc ở Etiopi và Zimbabue-ở châu Mỹ tôi đã từng làm việc ở trụ sở Liên Hợp Quốc ở New York gần ba tuần, họp bàn tròn với những đại biểu các nước nói tiếng Pháp.

Phần lớn các chuyến đi là để làm công tác báo chí. Một số chuyến đi Indonexia, và Malaixia, cũng như Australia là theo danh nghĩa học giả, nhà nghiên cứu chiến lược, theo lời mời của Viện nghiên cứu chiến lược Gia các ta, Viện nghiên cứu chiến lược Kuala Lampue và trường đại học Griffith ở thành phố Brisbane, Australia-Các chuyến đi Angiê ri, Ethiopia, Bình Nhưỡng (Bắc Triều tiên) của tôi là trên danh nghĩa ủy viên đoàn chủ tịch ủy ban đoàn kết á Phi của Việt nam đi dự những cuộc họp về đề tài chống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, và tình hình chính trị, quân sự trên bán đảo Triều Tiên...

Tôi đã dự những cuộc tiếp đón long trọng, những cuộc đại yến chiêu đãi thượng khách ở những thủ đô lớn. Đó là buổi Tổng bí thư Brezhnev cùng nguyên soái Ustinov tiếp đại tướng Võ Nguyên Giáp và đoàn đại biểu quân sự Việt

nam ở điện Kremlin. Đó là buổi đại yến ở Đại lễ đường nhân dân do nguyên soái Điệp Kiếm Anh và tướng Trần Tích Liên khoản đãi đại tướng Giáp. Và sau đó là cuộc gặp gỡ với chủ tịch Hoa Quốc Phong. Đó là cuộc chiêu đãi trọng thể của bà Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandi mời Tổng bí thư Lê Duẩn trong nhà khách danh dự của chính phủ Ấn Độ. Nhân danh nhà báo tôi đã hỏi chuyện tổng thống Souharto, tướng Tổng tư lệnh Muadani của Indonexia, chủ tịch Nengistu Haisle Mariam của Ethiopia (vừa bỏ chạy sang Zimbabue tháng 5. 1991), thủ tướng Mugabe của Zimbabue, ngoại trưởng Manglaput của Philipin và thủ tướng Ragib Gandhi của ấn Độ...Năm 1986 tôi cũng từng qua Nam Mỹ, đến Buenos Aires của thủ đô Argentinia dự cuộc hội báo của tuần báo "Quepasa" của đảng cộng sản Argentinia và thăm một số tỉnh của phía Nam nước này. Mỗi chuyến đi làm tôi thêm mở mắt một chút. Tôi thường tách khỏi các đoàn chính thức, thâm nhập cuộc sống của người dân bình thường, của tầng lớp trí thức, của các đồng nghiệp làm báo để có thông tin trực quan, từ nhiều đối tượng, nhiều tiếng chuông, do đó đáng tin cậy nhất. Hàng chục lần ở Trung Quốc, từ Nam Ninh, Liễu Châu, Vũ Hán đến Bắc Kinh, Thượng Hải...cho tôi nhận thức rất nhiều vẻ về đất nước này. Thời kỳ trước 1965, những

panô lớn Bắc Kinh và các thành phố lớn là hình Mao, là hình hai anh em Trung-Xô tay nắm tay tiêu biểu cho tình hữu nghị vĩ đại. "Lão tà cơ (Người Anh Cả)". Người anh cả Liên Xô hồi ấy là thần tượng của người dân Trung Quốc. Phong trào học tiếng Nga lan rất rộng. Rồi đến cảnh đấu tố trong cách mạng văn hóa vô sản. Rất Tầu, nghĩa là ầm ĩ, xô bồ, ồn ào, bát nháo, số đông theo nhau, học đòi nhau, lôi kéo nhau...Một đám đông theo định hướng cưồng nhiệt, cuồng tín, cuồng động, không cho phép nói ngược, đặt câu hỏi. Số đông là chân lý, số đông là sức mạnh. Một tỷ người, một tỷ cái đầu tuân theo một hiệu lệnh. Mọi ho hoe chống đối lập tức bị coi là phản bội, đáng nhổ vào mặt, đáng đội mũ lừa dong trên đường để mọi người mắng mỏ, xỉ vả, nguyền rủa.

Tôi đã thu được biết bao tài liệu Trung quốc ở Căm pu chia, từ Hiệp định quân sự ký giữa hai nước hồi tháng 17. 71976, về công binh Trung quốc sang xây dựng sân bay Kong pong Chnang, dài rộng nhất Đông Nam á, về lời khen của Mao Trạch Đông khi xiết chặt và lắc đi lắc lại bàn tay đẫm máu của Pôn Pốt: "Xin chúc mừng! Hảo, hảo à- Các đồng chí đã lập nên kỳ công của lịch sử, diệt hết bọn tư bản, bọn địa chủ bóc lột bọn tay sai phản động chỉ trong thời gian ngắn! hảo a, hảo a!" Một cuộc cách mạng bằng

gậy, bằng vồ, bằng cuốc đập vào đầu hàng triệu con người! Nhân danh chủ nghĩa xã hội, chũ nghĩa cộng sản thuần chất, trong sạch nhất, nhân danh chủ nghĩa Mác Lê Nin, những định tạo nên mẫu mực cho cách mạng vô sản thế giới!

Tôi đã ngắm nhìn rất lâu chiếc ảnh bìa của báo Newsweek tháng 6. 1989: Một đòan xe tăng, xe bọc thép Trung Quốc gắn súng lớn trên quảng trường Thiên An Môn dừng tất cả lại trước một thanh niên tay cầm sách vở, chiếc áo vắt vai, tự nhiên, điềm tĩnh lạ thường-sắt thép chùn bước trước con người. Để sau đó sắt thép khạc lửa, khạc bão lửa vào đám đông, đem lại cái chết cho hàng ngàn con người, dìm trong máu khát vọng dân chủ. Và đó là chủ nghĩa xã hội ư? Là nhân đạo cộng sản ư?

Tôi nhớ lại những quyển Mao tuyển hồi cách mạng văn hóa vô sản. Tôi thấy những mầu đỏ rực ấy hồi 1965 trên hè phố Bắc Kinh. Cờ đỏ, sách báo đỏ, huy hiệu đỏ, khẩu hiệu đỏ. Cái gì cũng nhiều, cũng lóe mắt-Vào hiệu sách, người bán, người mua cùng ngừng lại để tụng vài đoạn Mao tuyển...Trên hè phố, trong vườn hoa, trẻ em tay cầm Mao tuyển, miệng hát đồng ca Mao chủ tịch! ở bệnh viện người ta tụng Mao tuyển để chữa bệnh với niềm tin vu vơ! Và cách mạng đựơc hiểu là lật nhào mọi giá trị cũ. Học

sinh đại học kéo cổ thầy giáo xuống bắt qùy, cho đội mũ lừa đi dong phố xá. Tôi gặp những sinh viên Bắc Kinh buộc phải trốn sang đây, ở Paris, làm người Trung hoa lưu vong vì cái tội mê say dân chủ đúng hai năm trước. Các anh chị còn rất trẻ ấy vẫn một niềm tin: "khát vọng dân chủ bị dập bởi bạo quyền, nhưng nó âm ỉ, nó không tắt, nó chờ thời cơ. Tất cả đau nhục là thuốc nổ, sẽ bùng lên khi các cụ già cộng sản-phong kiến nhắm mắt.

ở Liên Xô hồi 1965, tôi đã vào viếng lăng Lê Nin-Stalin, cả hai chữ ấy in trên đá vân phủ trên mộ lớn, đi vào trong là hai quan tài kính Lê Nin ở bên phải (hướng nhìn ra) và Stalin ở bên trái. Stalin với bộ quân phục và huân chương đầy ngực làm cho Lê Nin nằm bên như bé hẳn lại...ít lâu sau, Stalin biến mất khỏi lăng. Bao điều bí ẩn phơi bầy ra ánh sáng. Con người được sùng bái, ca ngợi, yêu mến như thần tượng bị hạ bệ xuống tận bùn đen về sự xảo trã, sự độc ác khát máu, tính vô nhân. Từ 1985, cơ quan an ninh quốc gia KGB thú nhận đã can thiệp thô bạo quyền công dân, dựng nên vô số vụ án oan, vụ án giả. Tháng 9. 1990 tôi đi qua cơ quan kế hoạch nhà nước Liên Xô trên đại lộ Karl Marx. Ngôi nhà đồ sộ nay vắng tanh vắng ngắt, trong khi ngay cạnh đó, người ta xếp hàng thành đuoi dài để mua bánh mì và...diêm! Mấy anh cán bộ Đài phát thanh

Moscow kháo nhau lo lắng: Còn một tuần nữa phải khai cho xong hộ khẩu từng gia đình để chuẩn bị nhận thẻ phân phối thực phẩm và các hàng hiếm khác! "Trở lại y như thời chiến và mấy năm sau chiến tranh!" "Lùi lại gần nửa thế kỷ!" Giá cả đang lên dữ dội! Tôi đã từng đi qua cơ quan kế hoạch nhà nước Liên Xô hồi 20 năm trước, đâu có vắng như chùa bà đanh hôm nay! Hồi ấy người ta ra vào tấp nập, các đoàn xe đen bóng loáng đỗ tại bãi xe cực lớn phía bên, người ta ăn mặc chỉnh tề, sách cặp lên xuống, vẻ trang nghiêm mà hối hả. Giá cả đứng nguyên một chỗ trong hàng 30 năm ròng. Họ khắc vào chân chiếc quạt máy 18 rúp 2, vào chiếc bàn là 6 rúp 6 là cứ như vậy suốt hàng chục năm...

Trước kia phần lớn người Việt nam đều cho rằng người Liên Xô ai cũng tốt cả. Liên Xô hôm nay là Việt Nam ngày mai. Đó là mẫu mực của con người mới, con người lao động hăng say, có năng xuất cao và có tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa cao quý- Mọi người đều quý mến và tin cậy chuyên gia Liên Xô...

Tháng 4. 1986, tôi ghé qua Liên Xô trên đường từ Berlin về nước. ở Moscow, tôi gặp đoàn cán bộ dầu khí Việt Nam. Có anh em vốn là đại tá quân đội chuyên ngành, quen biết tôi từ lâu- Thế là tôi được biết rõ thêm về sự

cộng tác Việt Xô trong tổ chức Việt -Xô Pétro, tổ chức hợp tác để tìm kiếm và khai thác dầu ở thềm lục địa Việt Nam. Chuyên gia Liên xô trước kia nhiều người tốt. Nhưng không ít người nặng về quyền lợi riêng của đất nước mình. Cơ quan nhà nước Liên Xô là cả một hệ thống nặng nề, cồng kềnh, làm việc quan liêu, thông tin thiếu chặt chẽ, quan hệ dọc còn chậm và quan hệ ngang rất lỏng lẽo. Việc hợp tác về dầu khí những tưởng thuận buồm xuôi gió, rằng Liên Xô giúp Việt Nam rất vô tư và hào phóng vì Liên Xô ứng ra hàng chục tỷ rúp mua biết bao thiết bị đắt tiền và hiện đại...Thế nhưng sau gần 10 năm làm việc, phía ta khôn dần lên, thì té ra không phải hoàn toàn như vậy! Liên Xô đã đưa sang quá nhiều chuyên gia, cả những chuyên gia mà ta có khả năng tự đảm nhận, tạo thành cả làng chuyện gia ở Vũng Tàu (cũng như làng Liên Xô ở công trình thủy điện Hòa Bình). Những chi phí lớn ấy ngoặm khá nhiều vào số tiền họ ứng ra và cho ta vay nợ. Gía cả ta tính cho bạn cũng rất hớ, từ tiền nhà, cung cấp nhu yếu phẩm, đưa đón họ, phục vụ họ di chuyển...đều với giá hữu nghị...Đã vậy những thiết bị họ cung cấp cho ta, có thứ mua từ Ấn Độ, từ Hồng Kông, từ Singapore đưa tới, ta đều tính theo hóa đơn họ đưa, cao hơn rất nhiều giá bạn mua thật sự! Có anh cay cú bảo tôi: Đó, bạn thân thiết, ông anh

cả, tinh thần quốc tế vô sản cao cả là như vậy đó. Càng là anh em càng lèn cho đau! Đây là bài học rất sâu sắc. Ta dại dột, ngây thơ qúa. Dại từ ông lãnh đạo trên cao xuống cán bộ các Bộ, các tổng cục...Cuối cùng, nhân dân ta phải gánh chịu tuốt.

Tôi đã ghé Cộng hòa dân chủ Đức 4 lần. Tháng 10. 1965 tôi đã đến cổng Brandenburg nhìn sang trụ sở quốc hội Đức cũ ở Tây Berlin. Bức tường Berlin dựng lên vừa được ba năm. Tôi được viên trung tá Muller chỉ huy đơn vị biên phỏng dẫn vào phòng chỉ huy, nghe giới thiệu trên bản đồ và qua một cuốn phim việc xây dựng bức tường kiến cố này, cũng như hệ thống phòng thủ bằng điện tử, mìn, giây điện, hệ thống canh gác cẩn mật ngăn cách đông với tây Berlin, chia cắt Cộng hòa dân chủ Đức với Cộng hòa liên bang Đức. Không ai có thể nghĩ rằng bức tường kiến cố ấy đã bị phá không phải bằng tiến công quân sự, mà bằng ý muốn của nhân dân. Anh Horn, hồi ấy là cán bộ phòng Việt nam trong vụ châu á bộ ngoài giao CHDC Đức, đã hướng dẫn chúng tôi đi thăm Dresden, nơi có bản doanh của bộ đội khối Vacsovie, thăm Leipzig, Potsdam, thăm Weimar, nơi có di tích phòng làm việc của văn hào Goethe, thăm lò thiêu người của phát xít Hitler ở Buchenwald, thăm hải cảng ở phía bắc Rostov. ở Berlin,

anh cùng cả gia đình đưa tôi lên tháp truyền hình cao gần 300m gọi là Télé-Café, nơi có cửa hàng giải khát quay 360 độ mỗi giờ, để ngồi ngắm quang cảnh đông và tây Berlin buổi chiều và ban đêm...ít lâu sau tôi gặp anh ở Hà Nội, anh đã là bí thư thứ nhất đại sứ quán CHDC Đức ở Việt nam. Sau đó tôi ghé Viêntian thì anh là đại sứ CHDC Đức tại Lào. Sau năm 1979, anh là đại sứ đầu tiên của CHDC Đức ở Pnom-penh rồi trở về công tác tại Bộ ngoại giao với chức Vụ trưởng-Một nhà báo ở Berlin sang Hà Nội đầu năm 1989 cho biết anh có thể sắp là thứ trưởng ngoại giao. Hôm nay nhớ đến Berlin, tôi lại nhớ đến anh. Bức tường ngăn cách đã biến mất, nước Đức đã thống nhất trong vui buồn lẫn lộn...Không biết anh và gia đình nay ở đâu, làm gì? Anh còn ở ngành ngoại giao? Có còn là cán bộ của đảng viên của đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức? Những quan niệm về chủ nghĩa Mác, Lê Nin, về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa quốc tế vô sản của anh hồi ấy nay đang được anh nhìn nhận ra sao, sau biết bao biến thiên đột ngột và sâu sắc hơn một năm qua...
Tháng 4. 1986 tôi dự đại hội đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức ở cung Cộng hòa Berlin. CHDC Đức đã có những bước tiến rõ rệt trong xây dựng, dẫn đầu các nước xã hội chủ nghĩa về sản xuất các hệ thống CAD-

CAM (Computer aided designed - Computer aided manufactured), về máy tính điện tử tốc độ cao. Tuy vậy nước này vẫn một mực đứng ngoài việc "đổi mới và ngay thật" (perestroika và glasnost), tự cho rằng đã thực hiện điều đó từ khá lâu rồi, đã đứng ở trong số 10 nước công nghiệp hóa cao nhất thế giới. Tôi không ngờ đó là đại hội cuối cùng của đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức trên cương vị cầm quyền. Một đảng nổi tiếng trong các nước xã hội chủ nghĩa là rất nghiêm, bản chất công nhân rất đậm, kỷ luật rất chặt, tính thống nhất cao và đất nước có nền an ninh rất vững! CHDC Đức và Liên Xô là hai nước giúp đỡ tận tình nhất cho đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam về mặt an ninh, như đào tạo cán bộ về các mặt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm về phát hiện điều tra, xét hỏi, về xử lý các phương tiện thông tin, kỹ thuật chuyên môn trong công tác an ninh và phản gián...Những năm gần đây cơ quan mặt vụ Liên Xô KGB đã được chấn chỉnh khá sâu sắc, đã thải loại hàng chục nghìn nhân viên có sai lầm nghiêm trọng gây oan ức biết bao công dân lương thiện. KGB đã công khai tạ tội trước nhân dân về những hành vi lạm dụng quyền hành, vu cáo, chụp mũ một cách độc đoán, vi phạm nặng nề hiến pháp và pháp luật Liên Xô, đã minh oan cho nhiều công dân,

trong đó có nhiều nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, nhà báo...Hàng chục nghìn người đã chết trong cảnh tù đầy và oan ức. Tháng 6. 1991 vừa qua, nhiều tờ báo ở Moscow đưa tin, nhà văn kiêm nhà báo Alexandre Cheltalinski thành viên của "ủy ban bảo về di sản văn học của những nhà văn bị đàn áp, " được sự giúp đỡ tận tình của ủy viên Bộ Chính trị đảng cộng sản Liên Xô Alexandre Yacovlev và được phép của viện kiểm sát tối cao Liên Xô đã khui được một đống tài liệu tuyệt mặt cực kỳ quý giá trong kho tư liệu lưu trữ của cơ quan KGB. Nhà báo này được đọc nhiều biên bản hỏi cung, nhiều bản thảo có giá trị đã bị tịch thu dưới thời Stalin, trong đó những tác phẩm độc đáo của Platsnov, của Bulgacov, của Isaccs Babel, của linh mục Pavel Flarenski, của Guopuy Davidox. Nhiều tập nhật ký viết ngay trong nhà tù của KGB ở cạnh trụ sở này, tác giả đã bị xử bắn, hoặc đã chết trong tù do bị tra tấn và ngược đại. Một số cán bộ của KGB cố tình dấu diếm những hồ sơ và tác phẩm trên đây đã bị phát hiện, thải loại và chờ ngày xét xử trước pháp luật.

ở CHDC Đức, chính vào ngày bức tường chia cắt đông-tây bị sụp đổ, viên tướng cầm đầu cơ quan an ninh STASI (An ninh quốc gia của nhà nước và của đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức) đã tự kết liễu mình bằng

một phát đạn súng ngắn. Con người có uy quyền gần như tuyệt đối, từng hét ra lửa, đã hoảng sợ trước sự vùng dậy của quần chúng hay đã hối hận về những việc làm quá đáng của mình. Hắn đã cho bắt bớ, xử lý thô bạo, không theo pháp luật nhiều công dân chân chính, chụp mũ bừa cho những ai đấu tranh cho dân chủ là tay sai phát xít, tay sai của CHLB Đức, tay sai CIA, đầy đọa họ, gia đình và bạn bè họ...Hồi ấy, STASI là bàn tay sắt, có trụ sở to lớn, trang bị hiện đại ở khắp các vùng, còn to lớn và hiện đại hơn cơ quan GESTAPO hồi xưa, tiêu biểu cho một chế độ luôn lên gân và chỉ lo trấn áp những công dân bất đồng ý kiến...Cơ quan an ninh của ta từng tiếp thu nhiều kinh nghiệm của Liên Xô và CHDC Đức nên tìm đọc kỹ những bài báo, tài liệu được công bố về cơ quan KGB và STASI trong năm qua để chấn chỉnh kịp thời công tác của mình. Qua trả lời báo Nation (Băng Kok) của bộ trưởng Mai Chí Thọ, trong những cuộc họp báo của đại diện cơ quan phản gián Bộ Nội Vụ ở Hà Nội, cung cách nhận định và chụp mũ đối với nhà văn Dương Thu Hương và bản thân tôi là rất cũ, coi chúng tôi là những kẻ phản bội(!), phạm pháp(!), là bị đế quốc và phản động lôi kéo, mua chuộc, nguy hiểm cho an ninh quốc gia! Điều mà cơ quan KGB và cơ quan STASI đã phải từ bỏ và sám hối thì những người chỉ đạo

cơ quan an ninh ở Hà Nội được họ huấn luyện vẫn còn bám giữ, vi phạm luật pháp và đi ngược lại quyền tự do, dân chủ của công dân...ở Hà Nội, ta cứ đi qua các đường Yết Kiêu, Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Du, Nguyễn Thượng Hiền mà xem. Các cơ quan an ninh rộng lớn, bề thế, cao đẹp đến lộng lẫy ra sao, thiết bị hảo hạng cho nơi làm việc, phòng họp, nhà khách ra sao...thì ở sát đó trường Đại học Mỹ thuật vốn có truyền thống từ đầu thế kỷ, hiện trong tình trạng đổ nát, bệ rạc, thầy giáo và sinh viên sống chật chội và nhếch nhác như thế nào. Điều mà cơ quan STASI bị dư luận ở Đức lên án đáng làm cho những người lãnh đạo Việt Nam, đặc biệt ở Bộ Nội Vụ suy nghĩ nghiêm chỉnh và rút ra những kết luận cần thiết cho đất nước. Khi chính những người cầm đầu KGB và STASI thú nhận đã phạm tội nặng nề, khi đặt "một nhà nước ở trong một nhà nước, " có trách nhiệm thi hành luật pháp lại ngang nhiên chà đạp lên luật pháp, khi những người cầm đầu KGB đã công khai nói lên niềm hối hận, nỗi hổ thẹn của mình thì những người lãnh đạo cơ quan an ninh và bảo vệ chính trị (trong và ngoài quân đội) ở nước ta lẽ nào lại không biết hối hận và hổ thẹn gì về những việc làm sai trái của mình?

Theo tôi Budapest là thành phố đẹp nhất trên sông

Danube với 8 chiếc cầu nối liền hai bờ: Buda ở phía dưới và Pest ở phía trên. Trụ sở quốc hội rất đặc sắc, soi bóng xuống dòng sông xanh. Người Hungari dễ thương, chân thành, cởi mỡ, giống người Việt Nam ở sự tinh tế và ấm cúng trong tình bạn. Hai lần ở thăm Hungari tôi nhận ra rất rõ sự gắn bó của dân tộc này với Tự do. Một nét "rất lạ": Hongarie là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất xưa nay vẫn cho phép công dân của mình được đi thăm viếng và du lịch bất kỳ nước nào-xã hội chủ nghĩa cũng như tư bản chủ nghĩa, như sang áo, Nam Tư, ý, Pháp, Thụy Sĩ, và cả Mỹ, Canada, Anh...Trong khi bức tường ngăn cách hai nước Đức, trong khi công dân Liên Xô, Tiệp, Bulgarie hầu như không được ra các nước tư bản chủ nghĩa để tham quan du lịch. Tôi hỏi các bạn Hungari và được biết chính nhờ được tự do đi về mà rất ít người Hungari ở lại các nước đó. Người Hungari định cư ở nước ngoài không nhiều, họ gắn bó rất sâu đậm với quê cha đất tổ...Chính nét đặc sắc về tự do dân chủ đã làm cho Hungari là nước đi sớm nhất, từ hồi năm 1956, để tìm tòi một mô hình chính trị và kinh tế thích hợp với bản sắc dân tộc mình ở giữa môi trường châu Âu đầy những lực kéo theo đủ phương khác nhau. Chính do đó, sự chuyển đổi hiện nay của Hungari tuy đầy những phức tạp, khó khăn nhưng

không hàm chứa nhiều bi kịch lớn như ở Đông Đức, Rumani, Anbani, Nam Tư, Ba Lan và cả Liên Xô nữa... Đầu năm 1989, tôi có dịp ở Bình Nhưỡng (Bắc Triều Tiên) ba tuần lễ, dự một cuộc hội nghị của tổ chức đoàn kết á Phi bàn về tình hình quân sự và chính trị trên bán đảo Triều Tiên. Chúng tôi tham quan khu vực Bàn Môn Điếm, trong khu phi quân sự ở vĩ tuyến 38, thăm thành phố Khai Thành cổ kính, với những khu vườn và ruộng trồng nhân sâm-một đặc sản của Bắc Triều Tiên, thăm những đập và hồ lớn ở miền Tây. Bình Nhưỡng là thủ đô được xây dựng lớn, rất nhiều nhà cao tầng được thiết kế và thi công sau chiến tranh. Tôi ở khách sạn Kô-ri-ô cao 44 tầng, cách đó không xa một khách sạn cao 105 tầng đang được hoàn tất. Phải công nhận cuộc sống ở đây còn kém khá xa Nam Triều Tiên, nhưng so với quá khứ thì một trời một vực. Bắc Triều Tiên chỉ có 19 triệu dân mà tài nguyên lại rất phong phú: Than, thủy điện, đá làm xi măng, quặng sắt thép, nhôm, vàng. Thủy sản nhiều, công nghiệp hóa chất sớm phát triển, vải lụa nhân tạo dồi dào, tính ra mỗi đầu người có đến hơn 40m/một năm. Người dân Bắc Triều Tiên vẫn còn sống trong môi trường cách biệt. Không được nghe đài nước ngoài. Không được xem sách báo nước ngoài, không được xem ti vi nước ngoài-Bất cứ ai phạm phải

những điều cấm kỵ ấy đều có thể vào tù. Tôi gặp mấy chục cán bộ Triều Tiên, từ Tổng biên tập báo Rô-đông Shimun, đến ông Chủ tịch tổng công đoàn, Vụ trưởng vụ báo chí Bộ Ngoại giao, giám đốc khách sạn Kuriu, cho đến ông phó chủ tịch thành phố Khai Thành, đại tà Rô và đại tá Kim ở Bàn Môn Điễm...tất cả đều "tụng" những câu giống nhau, gần như thuộc lòng "chúng tôi độc lập, tự do và hạnh phúc ngày nay là nhờ lãnh tụ anh minh Kim Nhật Thành, nhờ tư tưởng chủ thể của Người, lãnh tụ anh minh Kim Nhật Thành và lãnh tụ kính mến Kim Chung I (Kim Trung Nhất, con trai của ông Kim Nhật Thành) đã dìu dắt gần 20 triệu nhân dân Triều Tiên từ cuộc sống nô lệ đói nghèo đến cuộc sống hạnh phúc hôm nay..." Ai cũng mang huy hiệu ông Kim ở ngực, từ cán bộ cao cấp nhất đến người phát thư, người bảo vệ ở khách sạn, người quét rác trên hè phố. ở đây không còn một cửa hàng tư nhân nào, kể cả hiệu giải khát nhỏ, cửa hiệu cắt tóc cũng không. Người dân không biết perestroika ở Liên Xô, cũng chẳng biết cải cách ở Trung quốc ra sao hết. Các tờ báo của nhà nước chỉ đang hoạt động của lãnh tụ, ảnh của lãnh tụ đi thăm nơi này nơi khác. Nhà xuất bản trong nướcvà ngoài văn cũng chỉ có in và bầy bán các bài viết, bài nói của ông Kim Nhật Thành và người con sắp kế

nghiệp bố. Những cuốn sách in rất đẹp, tít sách được in bằng kim nhũ, cùng những sách in về bố mẹ của ông Kim, được coi là "Quốc phụ" và "Quốc mẫu" của đất nước này, một số cuốn sách kể về các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh...Một nền văn học đáng kính, để mà vái chào từ xa! Chúng tôi được dẫn đến xem Tháp Chủ Thể cao hơn 120 mét, trên cùng là một ngọn lửa lớn, riêng nó cao hơn 8 mét, kết bằng ánh sáng điện đỏ chói, ngày đêm lấp lánh. chân tháp là những viên gạch lớn bằng đá vân ghi tên và địa chỉ những câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu học thuyết Chủ Thể ở khắp mọi nơi trên thế giới, từ Ai cập, Syri, Tunisie, ở Bắc Phi đến Columbia, Urugoay ở Nam Mỹ, từ Canada, San Francisco ở Bắc Mỹ đến Mo zambic, Madagaska ở Nam Phi, từ Bruxells (bỉ), Tây Ban Nha, Pháp, Anh ở châu Âu cho đến ấn Độ, Ceylan, Philipine ở châu á. Tháp được xây dựng bằng hơn 21. 000 khối đá hoa cương quý, vừa đúng bằng số ngày mà lãnh tụ tối cao họ Kim đã sống từ khi lọt lòng mẹ đến khi 60 tuổi tròn. Ngọn tháp lớn đỏ rực lửa này dựng lên để kỷ niệm ngày sinh lần thứ 60 của lãnh tụ kiệt xuất. Chúng tôi cũng đã được ngắm vô vàn bức tượng bằng đá, bằng đồng, bằng xi-măng, bằng thạch cao của ông Kim rải ra trên khắp đất nước. Có điều gì rất không bình thường là từ tự do, no ấm

đến hạnh phúc của mỗi con người ở đây đều được coi là đặc ân ban cho từ một con người kiệt xuất, có tài thánh. Con trai của vị thánh sống này sẽ được kế tục trị vì đất nước theo kiểu cha truyền con nối thời phong kiến. Trên dải đất thiên liêng, cứ mỗi mét vuông là có 120 mảnh sắt thép lớn nhỏ bom đạn, cuối cùng con người được tự do, với kiểu tự do như vậy!

Hồi 1987, ở thủ đô Adis Abebas của Ethiopie, tôi đi dạo một buổi chiều chủ nhật ở quảng trường Cách mạng, có bức tượng đá Lê-Nin cao hơn 6 thước, do một nhà điêu khắc Liên Xô làm cho nước này. Bức tượng được báo chí Liên Xô nhân xét là tiêu biểu cho sức mạnh của chủ nghĩa Lê Nin đã lan tới Châu Phi. Tôi nói với mấy anh bạn Việt Nam đi cùng hôm ấy: "Thật là quá sớm!" Khi người dân Ethiopie còn bị nạn đói từ Đông sang Tây, khi người dân da mầu ở đây còn đói chữ, giáo dục còn lâu mới được phổ cập, đã có ai hiểu gì mấy về Lê-Nin và chủ nghĩa Lê-Nin? Khi đảng cầm quyền ở đây tuy tự nhận là Mác xit lê-nin-nit nhưng tất cả các biểu hiện của nó lại còn mao ít hơn cả Mao! Cán bộ cơ quan nhà nước và cơ quan đảng bị bắt buộc nhất thiết phải mặc đồng phục mầu xanh kiểu đại cán Trung Hoa, mặc dù trời nắng như thiêu! Những lời của lãnh tụ, nguyên là đại úy Mengistu Mariam được in và ghi

thành khẩu hiệu ở khắp nơi, như một kiểu Mao tuyển màu đỏ chót. Vừa rồi, ông Mengistu Mariam đã bỏ chạy sang Zimbabue và bức tượng Lê-Nin nói trên đã bị một số người dân trẻ nước này buộc dây thép vào cổ và dùng xe tải kéo cho đổ nhào. Họ nghĩ một cách giản đơn rằng đó là nguyên nhân của sự nghèo khổ và nội chiến liên miên ở đất nước bất hạnh này. Bức tượng Lê-Nin đã trở thành cái bung xung để hứng chịu mọi căm phẫn của nhân dân.

Tôi đã sang Argentina ở Nam Mỹ. Đây là cả một lục địa, mà kích thước về mọi mặt thật lớn, rừng rậm bạt ngàn, nợ nước ngòai cũng cực lớn (gần 300 tỷ đô la), có một bề dài đến 3000 km, có thành phố hơn 10 triệu dân và có những con sông rộng ơi là rộng, không phải chỉ rộng ở cửa biển, mà ngay quãng giữa đã rộng từ 3 đến 7 km! Đó là dòng sông Parana, phải đi trên máy bay, bay thật chậm nhìn xuống mới thấy hết cái kỳ vĩ của sông nước lục địa này! Đó là bãi đất bằng phẳng rộng tít tắp gọi là Pampa, đường ôtô rộng chạy xuyên qua các vùng trồng cam, quýt, lê, táo mênh mông, chẳng có bóng người, những đàn ngựa, cừu, dê hàng ngàn vạn con, chẳng ai chăn dắt trên những bãi cỏ xanh vô tận...Con người ở đây sôi nổi, đi nhanh, nói lớn, ôm chặt, khiêu vũ sôi động, quay cuồng, thích màu sắc nóng...Họ ưa xem đua ngựa, vật bò tót, thích bóng

chầy hơn bóng đá vì bóng đá thư thái, uyển chuyển qúa, chẳng mạnh mẽ, dữ dằn như bóng chày...Chính trong cai nhiệt tình Mỹ La tinh ấy, tôi đã làm bạn vỡi những người cộng sản Uruguay, Bolivie và Argentina...Chúng tôi trao đổi thư từ với nhau. Và hơn một năm nay, họ băn khoăn, chán nản, vỡ mộng, nhưng vẫn tìm một con đường cho lục địa này. Một anh nhà báo Argentina gặp ở Hà Nội tháng 7. 1990 bảo tôi: "Có thời tao là mao ít, mao ít cuồng nhiệt. Cả thế giới không ai bằng Mao! Sau cách mạng Trung Quốc, tao vỡ mộng. Thế rồi tao yêu Fidel, yêu hơn cả người yêu. Nhà tao đầy ảnh Fidel, "ông có râu rậm", mấy thằng em tao bảo vậy. Thế rồi có một dạo xuống đường hô: Hồ! Hồ Chí Minh! Che, Che, Che, Che-Ghêvra! Nay thì chẳng biết hô gì, chẳng còn say mê ảnh ai nữa! Tao theo dõi chặt tình hình thế giới, tình hình Việt Nam, nay đến để nhìn cho rõ. Sao đất nước của Hồ Chí Minh thống nhất 15 năm rồi mà nghèo, mà đói, mà nạn cờ bạc, nạn gái điếm, nạn tham nhũng, nạn hối lộ trở thành nổi tiếng đến vậy? Người ta dặn tao là đến Việt Nam phải đề phòng ngay kẻo mất cắp!!!" Tôi nói đến tình trạng Việt Nam bị bao vây, cô lập, anh ta lắc đầu: "Không, không phải như vậy. Đó không phải là lý do. Cái đầu này này! Cái đầu lãnh đạo của Việt Nam ấy! Phải xem lại! Phải xem lại!"

Tôi đã nhiều lần ở thăm các nước láng giềng Đông Nam á: Thái Lan, Malasie, Indonesie, Philipine...Bangkok ồn ào, ôtô chạy ầm ĩ, các kênh rạch giữa phố xá đen ngòm, hôi thối bên những cao ốc, siêu thị hiện đại, đầy ắp hàng hóa, để lại cho khách du lịch cảm giác căng thẳng, xô bồ. Kualămpua thoáng rộng, có hồ, nước, vườn cây xanh chứa muông thú giữa thủ đô để lại mọt ấn tượng êm mát thanh bình. Manila, bên cạnh những cao ốc 20, 30 tầng trên những đại lộ thênh thang là những dẫy phố nghèo, nhà cữa lụp xụp, đường ghồ ghề. Djacarta là thành phố rộng nhất khu vực Đông Nam á với hơn 200 khách sạn, 30 ngân hàng lớn với khu vực giải trí dựng theo huyễn thoại cho trẻ em, hấp dẫn cho cả người lớn. Nhưng vẫn lồ lộ khó khăn do nạn nhân mãn đè nặng lên đất nước: Gần 200 triệu dân chen chân trên những hòn đảo lộng gió... Mỗi lần ghé qua nước bạn, đi một vòng thăm thú, lòng tôi canh cánh một nỗi đau cứ ngấm mãi-Hà Nội ta, thành phố Hồ Chí Minh ta, nước Việt Nam ta trên tất cả các mặt cứ tụt hậu, tụt hậu mãi thế này! Sân bay Băng cốc hồi 1973, 1974 còn kém khá xa sân bay Tân Sơn Nhất Sài Gòn. Thế mà nay rộng lớn hiện đại hơn cả sân bay quốc tế Vnecouvô hay Chérémétivô ở Moscow! Hàng không Thái Lan vừa hợp nhất hai hãng hàng không nội địa và quốc tế,

có hơn 200 máy bay, tỏa rộng đến 42 nước, được tiếng là phục vụ lịch sự nhất, sang trọng nhất Đông Nam á. Còn ở ta? Hàng không của ta? ở Djacarta, riêng xe ôtô con đã gần 1 triệu, còn xe buýt là 26. 000, 8000 xe tắc xi luôn tỏa trên các nẻo đường phục vụ sự đi lại của nhân dân thủ đô- Còn ta? Tôi ghé thăm những trường đại học ở Băng Cốc và Kualalampua thư viện, phòng họp, trường học...đều thiết kế rộng rãi, trang bị đầy đủ máy tính, máy ghi dữ liệu, máy hỏi và trả lời các bộ môn, học toán, lý, hóa, văn, sử, địa...đều bằng máy chiếu phim...Các trường đều có các phòng chơi thể thao đủ môn loại, nhà ăn, nhà giải khát, nơi đọc các loại sách báo. Câu lạc bộ được trang bị đầy đủ về âm nhạc, chiếu phim, ca hát, nhảy, múa...

Họ là những nước gần ta, điều kiện tự nhiên không có gì hơn ta, vậy mà họ đã cất cánh, tạo nên tốc độ trên con đường phát triển, đang là những con rồng dự bị của Châu . Theo thống kê của ủy ban kinh tế xã hội châu á và Thái Bình Dương (ESCAP) của Liên Hợp Quốc, năm 1990 vừa qua thu nhập tính theo đầu người của Indônésie đã đạt 545 đô la Mỹ, Philipine đạt 727 đô la Mỹ, Thái Lan gần ta đạt 1. 418 đô la và Malaisie đã đạt tới 2. 300 đô la. Ta thì chưa tới 200 đô la! Cũng theo thống kê này năm 1990, Singapore và Hồng Kông đều đạt trên 12. 000 đô la Mỹ

(gấp 60 lần ta)-Những nước phát triển cao như Australia (úc) và Anh đã đạt trên 16. 000 đô la, Pháp, Đức vượt 20. 000 đô la. Mỹ vượt 21. 000 đô la và Nhật bản đạt tới 23. 500 đô la- Nhân nói đến Nhật bản mà sức mạnh kinh tế và tài chính đã vươn tới đỉnh cao nhất của thế giới ngày nay, tôi nhớ đến cuộc nói chuyện với giáo sư Tari Yokohama ở khách sạn quốc tế Narita cuối năm 1988. Ông gần 70 tuổi chuyên nghiên cứu và dạy về kinh tế. Ông am hiểu chủ nghĩa Mác. Ông kể lại bí quyết làm giầu của người Nhật bản sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Đó là nỗi tủi nhục của kẻ thua trận, nỗi lo sợ khôn nguôi của kẻ mắc nợ lớn do phải bồi thường chiến tranh cho Đồng minh, sự bó buộc phải trông cậy vào sức lao động của chính dân tộc mình trên đất nước quá nhỏ hẹp của mình mà thôi. Trong thất bại và tủi nhục của kẻ bị chiếm đóng, cả một dân tộc nín lặng, nhẫn nhục, bặm môi lại làm việc, cố kết với nhau. Ông ta cười giữa hai hớp rượu Sa-kê: "Hồi ấy chúng tôi dạy cho học sinh từ lớp thấp: Các em bất hạnh đã sinh ra trên đất Nhật này, một đất nước bị bom nguyên tử và bom đạn tàn phá, bị nhục vì thua trận, bị trừng phạt, bị mắc nợ lớn. Có thoát khỏi hoạn nạn này là do các em. Do nghi lực và tri tuệ của các em. Các em phải học cho giỏi, chiếm các lĩnh vực hiểu biết và các quy trình

công nghệ tiên tiến nhất...Chúng tôi cho học sinh trẻ xuất sắc đi làm công và đi học: Nghề ôtô ở Mỹ, nghề làm máy thu thanh ở HàLan, nghề đồng hồ ở Thụy sĩ, nghề chế tạo máy ảnh ở Đức, nghề luyện kim, chế tạo cơ khí ở Pháp. Học, bắt chước họ để làm được như họ, rồi cải tiến, mỗi nghề một chút. " Sau đó ông kể rằng, người Nhật đã tận dụng một lợi thế lâu dài, đó là không có quân đội lớn, chỉ có một đơn vị dân phòng, lại không được sản xuất vũ khí, càng tốt! Ngân sách quân sự chỉ có 0, 6 %, mãi sau này mới nâng lên 1%, rồi hơn 1% ngân sách chung. Đêm ấy tôi nghĩ về đất nước Việt Nam của tôi. Trong khi mình huênh hoang là chiến thắng lịch sử huy hoàng vượt tất cả thời kỳ lịch sử hiển hách thời xưa, là đã toàn thắng một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, rằng sẽ không còn ai dám động đến lông chân mình, rằng Việt Nam cứ ra ngõ là gặp anh hùng, rằng từ nay xây dựng thì dễ ợt, chẳng mấy chốc thì giầu to vì đánh giặc mới là khó nhất trên trần gian này, mà ta thì làm được một cách xuất sắc...Thế rồi càng bốc đồng: Nước ta rừng vàng, biển bạc, sông ngòi, bờ biển tha hồ nhiều tôm cá, làm chơi ăn thật, nay làm thật thì để đâu cho hết của...Sao lúc ấy không ai chỉ ra rằng ta đã mất bao nhiêu thời gian, sinh mạng trong chiến tranh, đã thua kém người ta trong xây dựng, phải tính rất cẩn thận bài toán

phát triển đất nước, tận dụng từng chiến lợi phẩm, từng đồng vốn, tiết kiệm từng tấn nguyên liệu, đào tạo lại công nhân cán bộ kinh tế quản lý, kinh doanh...và nhất là phải đề phòng cái kiêu ngạo, tư phụ, coi trời bằng vung sau chiến thắng lớn này! Lẽ ra đại hội 7 phải nhìn lại một cách dũng cảm và ăn năn, hối hận trước nhân dân, xin lỗi nhân dân và cùng nhân dân đi vào con đường đổi mới một cách mạnh mẽ, dứt khoát, gỡ bỏ những bệnh tật đang hoành hành, bắt tay vào cuộc phấn đấu mới...Thế nhưng những người cầm quyền đã không làm được điều ấy! Cái khả năng "xin lỗi" và khả năng "nhận khuyết điểm" thật quá là mỏng manh, họ không tự vượt lên được chính mình!

Tôi ở Pháp đến nay đã được gần một năm. Tôi tận dụng thời gian ở đây để tận mắt tìm hiểu đất nước này, một nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Tôi đã đến khá nhiều nơi ở Paris, ra vùng ngọai ô ở tất cả các hướng Tây, Bắc, Đông, Nam...tôi gặp gỡ hỏi chuyện các nhà kinh tế, chính trị, quân sự, sử học về nước Pháp, nước Pháp xưa kia, trong chiến tranh, sau chiến tranh và hiện nay...

Tôi từng đi các địa phương Lyon, Lille, Toulouse, Aix- en-Provence. Tôi đọc sách báo Pháp hàng ngày, có những buổi gặp gỡ thú vị với các nhà báo, nhà làm phim, nhà họat động chính trị thuộc nhiều mầu sắc-từ cực tả sang

hữu. Nước Pháp đã để lại những ấn tượng mới mẻ đối với tôi, phong phú hơn nhiều so với nền văn hóa và văn học Pháp tôi tiếp thu khi còn ít tuổi- Nói về nước Pháp phải viết một cuốn sách dầy mới đủ. Tôi chỉ xin kể lại đây những điều sâu sắc.

Tự do cá nhân, tự do của công dân, là một quyền lợi, một thành tựu, một động lực rõ rệt của đất nước này. Tự do gắn với bình đẳng, với phát triển-Nước Pháp đúng là quê hương của cách mạng 1789, của: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Có người ở Việt Nam sẽ phê phán tôi đi ca ngợi chủ nghĩa tư bản! Rằng chính Pháp đã gây ra chiến tranh xâm lược, gây tai họa cho chúng ta. Tôi có lý do để căm thù đất nước này. Mẹ tôi, bà mẹ thương yêu vô vàn của tôi, bà mẹ nhân ái từng nuôi hàng chục con nuôi Vệ quốc quân, đã tắt thở vì những viên đạn ga-răng bắn vào giữa ngực ngay sau những ngày Tết Trung thu 1948. Một tốp lính lê-dương Pháp nhẩy dù xuống Vân Đình và tràn qua làng Liên Bạt quê tôi. Một tên chỉ điểm ở xã đã chỉ cho lính Pháp biết mẹ tôi là "vợ một Việt Minh cao cấp, " khi cha tôi đang là Trưởng Ban thường vụ quốc hội trên Việt Bắc. Cũng lại lính Pháp giết chết người bạn thân thiết nhất của tôi - người bạn con chấy cắn đôi - bạn Nguyễn Dung, đại đội phó đại đội 4, tiểu đoàn 14 trong một trận đánh ở Quảng trị

năm 1947. Tôi đã vuốt mắt cho Dung và về sau còn vuốt mắt cho hàng trăm đồng đội thân thiết của tôi, với mối căm thù không nguôi quân xâm lược. Tuy vậy tôi vẫn giữ một cách nhìn khách quan đối với nước Pháp.

Đất nước của tự do từ những nét nhỏ. Vào hiệu ăn hay ở nhà, người Pháp chọn riêng cho mình rất kỹ từng món ăn- Người ta tôn trọng sở thích của nhau và mỗi người biểu hiện cái quyền sở thích của riêng mình-Lúc đầu tôi hơi lạ, chưa quen, có cá nhân quá không nhỉ? Thế là vào ăn hai người, ba người, bốn người, mỗi người tìm cho mình một thực đơn riêng. Anh ăn cá, tôi ăn gà, bạn này ăn thịt bò. Tôi uống rượu vang đỏ, anh uống rượu vang trắng, bạn kia uống bia Nhật, chị kia uống bia Tầu - Thuốc lá người hút, người không, nhưng anh này hút Camel, anh kia Philip Morris đậm, bạn kia nữa thì xì gà hay Gaulois. Đến nước chè cũng vậy - Anh chè có vị bạc hà, tôi chè Sri Lanka, chị kia chè Tizane...Thật lắm vẻ. Rượu thì khỏi nói, vài chục loại, tùy thích, mọi người một thứ, tự chọn, cho đến ở nhà, bữa cơm gia đình cũng vậy. Đã thành nếp, thành tập quán rồi. Người vợ muốn ăn cá hấp, anh chồng muốn ăn thịt bò, con trai thích thịt gà hầm, con gái thích xúp thịt cừu, khoai tây. ít khi ăn chung một món, trừ khi có đặc sản, có thức gì thật đặc biệt có bàn bạc. Cho đến khi

ăn pho-mát, có cả một hộp lớn, có 6, 7 thứ pho-mát: Vị cừu, vị bò, có thứ hơi chua, có thứ rất mặn, thứ rắn, thứ mềm, thứ vàng, thứ trắng...mỗi người một sở thích...Trong gia đình ai ăn thứ gì, làm món ăn gì cứ tự tiện làm lấy-Khi bận thì cùng nhau làm, trao đổi ý kiến với nhau. Giờ ăn cũng vậy. Cứ việc tùy ý, tiện lúc nào thì ăn. Không ai làm phiền ai, cản trở ai, quấy rầy ai, làm khó chịu cho ai cả. Tôi quan sát cháu Alise bốn tuổi trong nhà tôi ở. Từ bé cháu đã vậy. Tự do lựa chọn, lễ phép, lịch sự mà lựa chọn, thoải mái mà lựa chọn.

Cháu có bà ngoại là chị Ngọc, ông ngoại là anh Jacques. Thế mà từ khi biết nói đã gọi: Ngọc! Jacques! Gọi mẹ cháu cũng bằng tên: Luce! Gọi bố cũng bằng tên: Michel! Đó là thói quen, là phong tục, không cần thưa bẩm, không cần gọi rõ ông, bà, cha, mẹ. Chỉ cần một cái tên trần trụi là đủ. Gọi tổng thống, gọi thủ tướng, đảng viên gọi tổng bí thư cũng chỉ gọi bằng cái tên trần trụi. Chẳng có gì là bất kính, là hỗn hào, là láo xược cả-ở ta mà gọi thủ tướng, tổng bí thư bàng cái tên là không quen, không thể được, là bất kính, là qúa trớn, và trong hội họp gọi như vậy là nguy tai, nói chuyện riêng với nhau mà gọi như vậy là có thể bị báo cáo, bị chất vấn, bị xét hỏi về chính trị, bị phiền phức, rầy rà đến suốt cả đời.

Tôi đến thăm một gia đình Việt kiều- Anh tham gia phong trào ủng hộ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở bên nhà từ rất sớm. Chị người Pháp, vào đảng cộng sản, rồi từ năm 1982 chuyển sang đảng xã hội. Con gái đầu của anh chị làm nghề vẽ quảng cáo. Cháu theo chủ nghĩa Mao từ những năm đầu học đại học Mỹ thuật, nay lại chuyển sang đảng xã hội. Đó tính chất đa nguyên ở trong gia đình. Họ thảo luận, đôi khi tranh luận náo nhiệt, nhưng tôn trọng nhau, tôn trọng sư suy xét, lựa chọn của mỗi người, và họ rất phục thiện. Trước hết là phục thiện với chính minh. Mình thấy con đường nào đúng, tổ chức nào đúng thì theo. Không bắt chước, không a-dua, không mù quáng, luôn tỉnh táo, và xử dụng trọn vẹn quyền lựa chọn của chính mình. Dân chủ là thế. Mỗi người chọn chỗ đứng của mình, dùng là phiếu của mình để chọn mặt gửi vàng. Đó là thước đo công bằng. Đảng xã hội Pháp hiện nay có được chừng 30 % tín nhiệm trong cử tri. Ba đảng phái hữu được hơn 40 % : Đảng cộng sản thuộc phái tả, xưa kia có lúc lên đến 32 % (đảng dẫn đầu nước Pháp, đảng của những người bị xử bắn), rồi 26 %, nay chỉ còn 8 %- Đang cực hữu của Le Pen, mang tính chất kỳ thị chủng tộc được 10 % vào giữa năm 1991. Có dân chủ, có cạnh tranh về chính trị, mỗi đảng phải tự lo xây dựng mối quan hệ với cử tri,

phải có đường lối được cử tri tán thành, có biện pháp thực hiện, nội bộ giữ gìn ngay thật, trong sạch, không bị tai tiếng, không có xỉ căng đan trước dư luận.
Tôi quan sát nhiều cuộc biểu tình rộng lớn của học sinh trung học toàn nước Pháp hồi đầu tháng 11. 1990. Nội dung đấu tranh là đòi nâng cao chất lượng giảng dạy, sửa sang và trang bị lại các lớp học, giảm số học sinh mỗi lớp, trên dưới 40 xuống 35, xây dựng thêm trường lớp nơi đông dân cư. Các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh tham gia rất đông đảo. Cuộc đấu tranh lớn ở Paris, Lyon, Bordeau, Marseille...lan nhanh ra cả nước. Các đòan học sinh đáp xe lửa, xe buýt từ các tỉnh đổ về Paris. 300. 000 học sinh biểu tình từ quảng trường La Bastille, qua Austerlitz, vòng về Champs Elysees trước trự sở của chính phủ Pháp. Biểu ngữ, cờ, khấu hiệu căng khắp nơi, truyền đơn phân phát rộng rãi, và tiếng hô của họ vang động cả Paris. Tôi đứng hàng giờ quan sát, rồi đi cùng các đoàn. Những đòan học sinh trẻ, từ 12 đến 18 tuổi hừng hực khí thế, vừa hát vừa đi, vừa hô khẩu hiệu, vừa đi, nghiêm chỉnh, tươi vui, suốt từ 9 giờ sáng cho đến tối mịt, trên một quảng đường dài gần 10 km. Thế là quyền thủ tướng, bộ trưởng bộ Giáo Dục Jospin phải tiếp các đại biếu, nhận các kiến nghị và trao đổi ý kiến với họ- Tổng thống Mitterand phải

tiếp các đại biểu học sinh trẻ. Tôi thích thú, cảm thấy như trẻ lại khi đứng ở chỗ các nhà báo trước trụ sở quốc hội và trước phủ tổng thống, nhìn các đại biểu học sinh vai đeo cặp sách, đàng hoàng bước lên các bậc thềm lớn để vào nơi trang nghiêm nhất của chính quyền trung ương, ngồi đối diện với các bộ trưởng và nghị sĩ không chút mặc cảm, tự ty, họ trình bày rõ những yêu sách của mình, tranh cãi đàng hoàng. Và tối đó, qua các kênh truyền hình, hàng triệu người xem ti-vi của nước Pháp và thế giới được thấy cảnh ở trong điện Elysees, tổng thống Pháp Mitterand và các nhà chức trách cao cấp nhất của nước Pháp tiếp kiến, lắng nghe, thảo luận với hơn 20 học sinh trung học đại diện của các cuộc biểu tình tuần hành và chấp nhận những yêu sách ấy. Hai hôm sau, phủ tổng thống thông báo, chính phủ Pháp đã quyết định trích ngay từ ngân sách dự trữ 5 tỷ Francs (gần bằng 1 tỷ đô la) để chi cho việc mở rộng trường lớp của các trường trung học, đáp ứng một phần yêu sách của cuộc đấu tranh...Đại diện hoc sinh trung học quyết định: tất cả trở về học tập bình thường, ghi nhận sự đáp ứng bước đầu của tổng thống và chính phủ, kiên quyết đấu tranh tiếp tục vì chất lượng giáo dục trung học là nền tảng của chất xám, của văn minh và văn hóa quốc gia...Có những khẩu hiệu rất được dư luận

chủ ý như: Không một Franc cho chiến tranh vùng Vịnh! Bớt ngân sách quân sự cho giáo dục quốc dân! Giáo dục trung học là nền tảng của tương lai! Chúng tôi muốn học giỏi, hãy bảo dảm điều kiện cho chúng tôi!...

Tôi nhìn lớp lớp học sinh phấn chấn trở về trong đêm với khí thế của những chiến sĩ vừa thắng trận, ca hát vang ở các bến tầu điện, các ga xe lửa mà nhớ, mà tủi cho các em học sinh trung học và đại hoc ở nước ta! Bao giờ các em cũng sẽ tổ chức được đội ngũ của mình, đề ra yêu sách thiết thực và giành được nhung quyền lợi thiết thân như thế...ở ta người ta hay nói về quyền làm chủ, nhưng lại không có phương tiện và biện pháp để thực hiện cái quyền tối thiểu ấy trong xã hội!

Tôi rất chú ý đến hành động của cảnh sát Paris với cuộc biểu tình này. Cuộc đấu tranh được các ban đại diện học sinh hoạch định rất kỹ, với một kỹ năng tổ chức và huy động rất cao, thành kế hoạch cụ thể. Những ai dự, từ đâu đến, giờ giấc ra sao, ai phụ trách, những điểm tập trung, lộ trinh tuần hành đều được quy định thống nhất. Cảnh sát được Ban lãnh đạo biểu tình thông baó trước hai ngày, và chính cảnh sát trưởng Paris phải huy động hơn 3000 cảnh binh với 30 xe buýt tỏa đi dọc các tuyến đường để bảo vệ an toàn cho các người tham gia đấu tranh. Thật là lý thú.

Cảnh sát có nhiệm vụ bảo vệ học sinh đi đấu tranh, ngăn ngừa bọn càn quấy, bọn phá dám, bọn lưu manh trà trộn vào, chúng giả danh học sinh để gây chuyện, phá phách các cửa hiệu nhằm cướp bóc.

Báo chí và truyền hình đưa rất đầy đủ tin tức của cuộc đấu tranh. Có đến hơn 20 tờ báo hàng ngày ở thủ đô và 6 kênh truyền hình - Các báo và đài đều có một cuộc cạnh trạnh, khi thì công khai, khi thì ngấm ngầm để đưa tin được sớm nhất (đua nhau đến từng phút như đưa tin chiến sự vùng Vịnh), đủ nhất và chính xác nhất. Trình độ nghiệp vụ, lương tâm nghề nghiệp cao, các thiết bị in và truyền tin hiện đại. Dư luận là người trọng tài công tâm nhất, người cho điểm, người phán xét thật sự. Mối quan hệ giữa báo, đai, người xem, người nghe thật bén nhậy. Việc thăm dò, bình xét thái độ và ý kiến của công chúng là tức thời. Đang có cuộc tranh luận chính trị giữa hai người A và B. Ngay trong thời gian tranh luận, ai khen, hay chê A hay B, chỉ việc quay 4 số ở máy điện thoại rồi phát biểu ý kiến là đài có máy tính điện tử tổng hợp tức thời và đưa ngay kết qủa lên truyền hình. Ví như ông A được 42% ý kiến tán thành, ông B được 35% ý kiến tán thành, 23% chưa có ý kiến rõ trên tổng số 1000 người có ý kiến.

Trong làng báo Pháp có một tờ báo ở nước ngoài ít ai biết,

nhưng người đọc ở Pháp thích thú vô cùng - Đó là tờ tuần báo "Con vịt bị trói" ra vào sáng thư nâm. Đây là tờ báo để cười, một tờ báo giải trí, được ăn khách nhất và cũng được lãi lớn nhất trong tất cả các tuần báo Pháp, bán chạy ở Paris, ở các thành phố và các vùng nông thôn. Mọi đảng phái, mọi tuổi tác, nghề nghiệp đều ưa thích. Văn phong báo cực kỳ hóm hỉnh. Không có kiểu cù vào cột nhạt nhẽo, hay cù kiểu hạ đẳng, vô văn hóa. Báo này không thuộc đảng phái nào. Do đó, tôi nghĩ nó là tờ báo chính trị bổ ích lớn nhất cho cuộc sống dân chủ. Tờ báo chỉ trích, lên án, công kích một cách mỉa mai, chua cay mà hóm, tất cả những thói hư, tật xấu trong xã hội, dám vuốt râù những ông lớn nhất nếu như họ có dấu hiệu bê bối, không chút e dè, nể sợ. Báo "Con vịt bị trói" từ năm 1975 cho đến nay, vạch tội cả nhân viên phụ trách ngành hải quan, các quan tòa, rồi cả hệ thống thuế...Nó không buông tha bất cứ ai, từ tổng thống, thủ tướng, đến ông cẩm các quận, những tay buôn lậu, trốn thuế, những mafia tội ác và những kẻ phân biệt chủng tộc, nếu họ có thật những vấn đề, những xì căng đan. Đây là một công cụ lợi hại bảo vệ nền dân chủ và quyền công dân, cố giữ môi trường trong sạch cho xã hội. Tờ báo đươc dư luận quý trọng, tất cả những vấn đề nó nêu lên đều được ngành hữu quan ghi nhận làm cho

sáng tỏ và phần không ít được trả lời, kết thúc, khép kín hồ sơ trên mặt báo. Các nhà báo sành nghề ở Paris bái phục "Con vịt bị trói" vì nó đụng chạm rất nhiều đến các vị tai to mặt lớn, có máu mặt và lắm quyền, đến nhiều tổ chức chính trị, kinh tế, tài chinh lắm thế lực-nếu hớ hênh là dễ bị chết kẹt, bị đưa ra tòa để bồi thường danh dự do tố điêu, tố láo...vậy mà "Con vịt bị trói" vẫn binh chân như vại, vẫn lớn tiếng kêu "cạc, cạc..." cho cả làng nghe, để cả làng giải trí và phẫn nộ, để công bằng được thực hiện. Nó có tai mắt ở nhiều nơi, có hệ thống cộng tác viên ở lắm chỗ để làm công tác thẩm định, phán đoán có cơ sở, lượng định kỹ mọi chuyện trước khi gây cười cho độc giả. Một điều được ghi thành văn trong hiến pháp các nước phương Tây và các văn bản pháp quy khác là không một ai có thể bị trừng phạt do những quan niệm chính trị và tư tưởng chính trị của mình. Hiến chương Liên hợp quốc về quyền con người cũng ghi rõ điều đó - ở các nước ấy, ai thích chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn tự do - Ai muốn theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê Nin, hay chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa Trosky hay cả chủ nghĩa Staline là hoàn toàn tự do. Ai muốn ca ngợi Fidel Castro, Che Ghevara, hay Tito...là hoàn toàn tự do. Cũng như ai muốn theo Phật giáo, theo Kitô giáo, theo Hồi giáo...đều tự

do cả. Không một ai được áp đặt cho ai một học thuyết nào, một lý luận, một quan điểm chính trị nào. Cả đến chính phủ, tổng thống và đảng được đa số phiếu cũng không được quyền, không được phép bắt buộc công dân tín nhiệm mình, phục tùng những chính kiến riêng của mình, ca ngợi, tâng bốc mình. Người công dân chỉ có nghĩa vụ tôn trọng pháp luật. Mà pháp luật bảo vệ quyền tự do tư tưởng của công dân. Cho nên những chuyện ở ta như là đảng cộng sản cứ tự nhận là được nhân dân tín nhiệm, là nhân dân chỉ hoàn tòan tin cậy chúng tôi thôi, và yêu nước là bắt buộc phải yêu chủ nghĩa xã hội (mà chủ nghĩa xã hội nào, ra sao?), không yêu chủ nghĩa xã hội là không yêu nước, là phản bội...thì người phương Tây không làm sao hiểu nổi được! Nó trái với Hiến chương Liên hợp quốc, trái với hiến pháp các nước (và cả Hiến pháp của nước ta ghi rõ quyền tự do tư tưởng), nó có mầu sắc của những chế độ tiền tư bản, khi người dân đen không được láo xược với vua quan, vua là tuyệt đối sáng suốt theo mệnh trời, người dân chỉ được cúi đầu vâng dạ...

Rõ ràng chỉ có một nền dân chủ đa nguyên khi cho công dân nhiều lựa chọn, có cạnh tranh và có đối trọng. Người công dân có quyền tự do cao nhất là tự do suy nghĩ, tự do

khen và tự do chê, tự do sử dụng lá phiếu bầu của mình, tự do tín nhiệm và tự do không tín nhiệm, bảo đảm một không khí chính trị lành mạnh, ổn định, thường xuyên phát triển và tiến bộ.

Điều nổi bật ở các nước tư bản là sự am hiểu luật pháp và tuân thủ luật pháp được biểu hiện ở khắp nơi. Nguyên tắc của nó là: người công dân có quyền làm mọi thứ, trừ những điều luật pháp cấm đoán. Cho nên phải biết từ khi còn nhỏ tuổi cho đến khi về già những gì luật cấm. Từ đi ra đường, đi làm, đi du lịch, mua bán, tậu tài sản, gữi tiền...đều có những luật lệ quy tắc rất chặt chẽ. Tôi không phạm luật lệ, tôi là người tự do, không ai đươc đụng chạm đến tôi. Tôi không sợ một ai hết, từ ông cẩm, ông cò, ông thị trưởng, ông hải quan, đến ông bộ trưởng, ông thủ tướng, ông tổng thống. Tôi đi đứng đàng hoàng, ung dung, thư thái với tất cả nhân cách bình đẳng với mọi người- Nếu có ai dụng đến tôi một cách phi pháp, nhà nước phải bảo vệ tôi, tôi có quyền thuê luật sư nếu như tôi chưa hiểu biết hết luật, để bảo vệ cho tôi một cách công bằng. Điện Panthéon là nơi chốn cất "những người con vĩ đại của nước Pháp". Không có tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng nằm đây đâu! Toàn là những nhà văn hóa lớn, nhà tư tưởng, nhà khoa học, bằng tài năng sáng tạo của mình,

làm rạng danh cho đất nước. Phía trước điện là trường Đại học Luật khoa, trường lâu đời nhất, gần 200 năm. Nhà nước pháp quyền phải như thế- nắm quyền qua luật pháp- và luật pháp yêu cầu mọi người tuân theo, trên tinh thần bình đẳng của công dân. Các nhân viên cảnh sát ở Paris rất lịch sự, lễ độ. Cả những nhân viên cảnh sát giao thông mặc đồng phục xanh, đi phạt những xe đậu không đúng chỗ cũng lịch sự, nhưng cương quyết Không có: "Xin anh, xin chị thông cảm cho em..." như ở ta, mà đã phạt là phạt. Nếu không có tiền sẵn thì xem giấy, địa chỉ, gửi giấy phạt về nhà. Không trả đúng hẹn, thì bị phạt thêm. Cứ phép nước mà làm. Người có quyền không được cậy quyền thế, quát nạt, khinh người. Nhận tiền phạt đều có biên lai chính thức, có cuống đàng hoàng, không thể lèm nhèm. Luật pháp quy định chặt chẽ, bịt chặt mọi sơ hở. Suốt thời gian ở Paris, tôi chưa hề gặp một ai hỏi giấy tờ, vậy mà họ quản lý rất chặt chẽ những ai vừa đến nước Pháp, làm gì, ở đâu. Có anh Việt kiều ở đây hơn 30 năm, chưa một lần nào có ai hỏi giấy tờ cả, nhưng đến cuối năm phải khai đủ thứ: tình hình bản thân, gia đình, thu nhập, tính thuế, kinh doanh lỗ lãi, bảo hiểm, trợ cấp xã hội...Những dữ liệu trên đều được ghi và lưu tại các máy tính điện tử.

Tôi liên hệ đến tình hình đất nước. Rõ ràng, việc xây dựng

một nhà nước phải trên cơ sở pháp luật, thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp trị, xây dựng xã hội thành một xã hội công dân đã trở thành một yêu cầu cấp bách, nếu không dân chủ và công bằng vẫn chỉ là khẩu hiệu. Biết bao nhiêu luật pháp nữa cần đươc xây dựng. Trường đại học luật cần khẩn trương mở cưả đào tạo hàng loạt cán bộ pháp lý. Các luật sư cần phải được hành nghề rộng rãi. Và đảng phải tách khỏi nhà nước. Ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp phải tách ra rõ rệt. Cái khó của ta là buông lỏng quá lâu theo tinh thần đảng trị rồi. Hồi xưa đảng còn trong sạch, dân có niềm tin và tinh thần tự giác, tự trọng rất cao. Nhưng khi lòng tham đã lan tràn từ trên xuống dưới, bất chấp pháp luật, nhà dột từ đỉnh nóc dột xuống, đạo lý không còn mà thiếu hẳn pháp lý để kiềm chế dục vọng thì xã hội mặc sức băng hoại. Từ năm 1945, các nhà luật học Phan Anh, Trần Công Tường và sau đó luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã đề ra việc xây dựng pháp luật là vấn đề cực kỳ cấp bách. Nhưng những ý kiến ấy đều bị bỏ qua, chỉ vì coi đảng là tất cả, đảng là "điều kiện cần và đủ" để xây dựng chính quyền rồi. Chính cái quan niệm đảng trị này là một nguồn gốc của sự hỗn loạn và xuống cấp của xã hội hôm nay.

Một điều cần nói rõ, nếu đảng thực sự tách ra khỏi nhà

nước, đảng không còn bao biện, dẫm đạp lên chính quyền, đảng chỉ phát huy tác dụng bằng con đường thuyết phục như văn kiện của Đại hội đảng VII ghi rõ, thì đại hội VII lần này không nên làm ầm ĩ dư luận đến thế. Phải để cho việc bầu cử quốc hội mới và việc quốc hội ra các quyết định cần thiết là hệ trọng hơn, vì theo đúng Hiến pháp, "mọi quyền lực của nhân dân thuộc về các cơ quan dân cử. "

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

VII - Mở tầm mắt (2)

Trong những tháng sống trên đất Pháp, điều gây ấn tượng lớn và sâu đối với tôi là người công dân, người lao động được hưởng biết bao nhiêu quyền lợi thiết thực. Phải đấu tranh quyết liệt mấy thế hệ công nhân và công dân mới giành được giờ lao động mỗi ngày là dưới 8 giờ (so với 10, 12 giờ hay hơn nữa thời chủ nghĩa tư bản sơ khai),

mỗi tuần làm việc 42 giờ hoặc dưới 42 giờ (so với 60, 65 giờ hay hơn nữa), cũng như mỗi tuần làm việc 5 ngày (so với 6 hoặc 7 ngày hồi trước)- Trên báo Pháp đang bàn về việc tổ chức để người lao động, viên chức có thể nghỉ 3 ngày liền sau 4 ngày làm việc, mở ra một hướng đấu tranh mới mẻ ở một số ngành. Lương tối thiểu của công nhân viên chức được ấn định hàng năm. Hiện nay lương SMIC (tối thiểu cho các ngành nghề) hàng tháng là 5300 Francs (bằng gần 1000 dô la). Người về hưu được bảo đảm về cuộc sống. Tùy theo thâm niên, nghề nghiệp và mức lương mà nhận được lương hưu khá giả hay dư dật ít nhiều. Quỹ trợ cấp xã hội rất lớn, do nhiều nguồn đóng góp: của chính phủ, trích ra từ ngân sách, tiền trích từ lương của lao đông, viên chức, cũng như đóng góp của người chủ mướn lao động, mướn nhân công và viên chức, từ các hãng tư nhân phải trích lãi và nộp nhiều loại thuế...Người lao động, viên chức được bảo hiểm về sức khỏe, được chữa bệnh, nằm bệnh viện không mất tiền, hoặc chỉ phải đóng góp rất ít, nếu không làm việc được, neo đơn, thất nghiệp thì được các cơ quan cưú trợ xã hội xét và được những khoản phụ cấp thích đáng...Chính phủ làm ra những căn nhà HLM (nhà cho thuê giá thấp) cho những người thu nhập trung bình và thấp (những ngôi nhà

làm riêng cho cán bộ cấp cao ở Hà Nội còn kém xa những HLM ở Pháp). Trẻ em, người già, người tàn tật, được chăm sóc rất đặc biệt, không phải chỉ cho một số ít, mà cho đại trà, nghĩa là mọi người trong diện ấy một cách bình đẳng.

Việc đi lại của công dân được nhà nước giải quyết từng bước theo nhu cầu. Hiện Paris có hệ thống tầu điện ngầm như mắc cửi, gồm hơn 10 đường trục chéo nhau với gần 600 ga. Có đến hơn 3 triệu lượt người đi Metro mỗi ngày- thêm vào đó có hệ thống 4 đường RER- xe điện tốc độ cao-trong thủ đô nối liền với hệ thống xe lửa trải ra khắp nước. Lại có hệ thống xe lửa nhanh TGV, mỗi giờ chạy được 240 km...Có chính sách bán vé chuyến, vé ngày, vé tháng có loại vé dành chung cho tầu điện ngầm, RER, và xe buýt, có loại vé cho công nhân, cho học sinh và sinh viên. Lại có loại vé cho người về hưu, người tàn tật, được bớt 50 %, hay hoàn toàn không mất tiền- Học sinh đi tập thể, đi du lịch được mua gíá hạ hơn nữa...

bên sông Loire, tôi ghé thăm một nhà dưỡng lão của hơn 40 cụ từ 76 đến 103 tuổi. Đây là lâu đài của môt quận công cũ ở trong vùng. Các cụ được phục vụ chu đáo, ăn ngủ, chơi bài, đọc sách báo, chơi thể thao, đi bách bộ, làm vườn...Mọi cụ già trong vùng có hoặc không có người thân

chăm sóc, đều có thể đến đây sống trong niềm vui và được phục vụ chu đáo. Đã có sự ganh đua giữa các vị dân biểu, các quận trưởng, tỉnh trưởng, giữa đảng cộng sản, đảng xã hội, với các đảng phái hữu. Đại biểu nào cầm quyền một nhiệm kỳ đều cố để lại một dấu ấn về thành tựu của mình ở địa phương: đó là một, hai nhà trẻ, dăm bảy lớp mẫu giáo, là những vườn hoa và thảm cây xanh..., đó cũng có thể là 1, 2 trường trung học, một thư viện có vài nghìn cuốn sách, là sân vận động, là những phòng thể thao mùa đông. Đó có thể là ngôi nhà dưỡng lão, những đại lộ trồng cây, những cửa hàng thực phẩm, hoặc những nhà ở có kiến trúc đặc sắc cho nhân dân thuê với giá rẻ...Nhiệm kỳ của ông, bà, làm tốt, thực sự quan tâm đến nhân dân, thực hiện đầy đủ lời hứa tuyển cử, cử tri chúng tôi lại tín nhiệm ông, bà. Còn ông hoặc bà kia chỉ hứa hão, lại bê bối, chẳng có tích sự gì để đánh đấu nhiệm kỳ thì thôi, xin vái ngài, ô voa...xin ông bà về nghỉ cho dân khỏe...

Các vị đại biểu ra ứng cử đều có chương trình cụ thể, không có hứa hẹn chung chung. Phải am hiểu địa phương về tất cả các mặt (sản xuất, số lao động, số thất nghiệp, hệ thống y tế, giáo dục, các mặt xã hội và đời sống của các lớp dân cư...) từ đó đề ra kế hoạch cho cử tri xem xét.

Thị trường Paris cũng vậy. Ông Chirac ra tranh cử với một kế hoạch rất rõ ràng. Giải quyết những vấn đề lao động, xây dựng và điều hành các công việc của thủ đô, xây dựng những công trỉnh, giải quyết nạn thất nghiệp...Đã hứa hẹn là phải thực hiện đến nơi, đến chốn, hoặc vượt lời hứa. Việc xây dựng khu La Defense, một quần thể kiến trúc rất lớn ở phía Tây Paris-đặc sắc nhất ở châu Âu-đã căn bản hoàn thành. Khu La Villette, "thành phố khoa học và công nghiệp" ở phía đông bắc Paris, trong quận 19 đang được hoàn tất. Đây là nơi phổ biến những kiến thức, những thành tựu khoa học và công nghiệp của nước Pháp và thế giới, có phòng chiếu phim rộng lớn, diện tích màn chiếu hình vòm, rộng 1000 mét vuông. Những kiến thức về vật lý, hóa học, sinh học, tin học, quang học, địa lý, về du hành vũ trụ, về lò phản ứng hạt nhân, từ giản đơn đến phức tạp đều được trình bầy dưới dạng phổ cập và nâng cao, thu hút mỗi lứa tuổi, nhất là tuổi trẻ đến để tìm hiểu về khoa học hiện đại. Gần đây thị trưởng Paris lại phải xắn tay thúc đẩy việc mở rộng hệ thống tầu điện ngầm ra các hướng như ông từng hứa. Trong nhiệm kỳ này của ông, Paris sẽ có thêm gần một chục ga mêtrô nữa- Những ga tầu điện ngầm thật đặc sắc của Paris. Có ga như La Bastille, Montparnasse, Les Halles, Republique, ga

Lyon...có 3, 4 đường chéo nhau, gối lên nhau. Nhà ga rộng mênh mông, ước bằng cả mặt hồ Hoàn Kiếm, có 3, 4 tầng dưới mặt đất...

Tổng thống Pháp Pompidou trong nhiệm kỳ của mình cũng để lại một dấu ấn giữa Paris. Một Trung tâm mang tên ông, còn gọi là Trung tâm Beaubourg (tên của phố này). Ngôi nhà cực lớn, 6 tầng cao và 3 tầng hầm được xây dựng về hình thức như một nhà máy với những ống vận chuyển xanh, cùng với những ống đuy ra lắp gương. Đây là một trung tâm văn hóa giáo dục công cộng, mỗi ngày tiếp đón chừng 80 ngàn đến 120 ngàn lượt người. Họ đến đọc báo, xem sách, xem phim, xem triển lãm khoa học, mỹ thuật, nghe nói chuyện, làm bài, học ngoại ngữ. Vào cửa không tốn một xu, chẳng cần giấy tờ gì hết, mà tha hồ lấy báo hàng ngày, báo hàng tuần của Pháp và thế giới ra mà đọc, Có "thư viện nhân dân" cực lớn đủ loại sách, được xếp đặt khoa học, có những thủ thư tận tình, có chỗ ngồi đọc sách thoáng rộng, đủ ánh sáng, có máy sao chụp tài liệu, có hệ thống nghe và nhìn để học hơn 20 thứ tiếng khác nhau, có những trung tâm máy tính điện tử ghi mọi dữ kiện chính trị, văn hóa, khoa học...giải đáp ngay tức khắc những câu hỏi của mọi người...Trên tầng cao nhất có sân đứng ngắm Paris và xung quanh, có nơi điểm tâm,

giải khát tự phục vụ và những phòng triển lãm hội họa hiện đại. Tôi gặp những bạn trẻ Việt nam, Trung quốc, Angieri...đến đây để học thêm hàng tuần, hàng tháng liền, nâng cao trình độ tiếng Pháp và trình độ chuyên ngành của mình, chẳng tốn tiền. ở đây chỉ cần có thiện ý, ham học, còn điều kiện rõ ràng là có sẵn, không tốn kém gì cả, Trung tâm mang tên tổng thống Pompidou là dẫn chứng về một cơ sở cung cấp hiểu biết, trí tuệ cho toàn xã hội. Những người phụ trách trung tâm này cho biết: chúng tôi bỏ vốn vào đây không ít, nhưng bù lại là lợi, lợi không nhỏ. Vì sức mạnh của một dân tộc là kiến thức, quảng đại quần chúng thừa hướng một cách rộng rãi, kịp thời.

Còn tổng thống Mitterand? Nhiệm kỳ của đương kim tổng thống sẽ được để lại những dấu ấn lâu bền ở một số công trình đồ sộ- Nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngay cách mạng Pháp 1789-1989 đã hoàn thành Kim tự tháp lớn bằng kính đặt ở sân trong của lâu đài Louvres, đã phục hồi toàn bộ cung điện Louvres sau khi tổng thống quyết định di chuyển Bộ Tài chính làm việc tại đây ra bờ sông Seine, đã xây dựng cung opera mới, nhà hát lớn của thủ đô, ngay trên nền nhà ngục Bastille cũ đã bị san bằng hồi ấy: một opera phủ kính, đặc sắc và độ sộ vào bậc nhất châu âu hiện nay- Đã hoàn thành một loạt công trình lớn bên bờ sông Seine,

nổi nhất là trụ sở Bộ Tài chính mới, có sân máy bay lên thẳng, có bến, xuống tầu trên sông Seine, có cung thể thao tầm cỡ quốc tế ở cạnh.

phía đông, trên sông Marne, một công trình kỹ vĩ mang tên Euro-Disneyland đang được khẩn trương xây dựng trên một khu vực rộng hơn một ngàn héc-ta. Đây là một trung tâm giải trí cho thiếu niên, và cả cho thanh niên và người lớn tuổi. Một phác họa kiểu châu Âu của Disneyland ở châu Mỹ, để thế hệ trẻ tha hồ thưởng thức những bay bổng của tưởng tượng, sống trong những thần thoại và truyền thuyết: từ thế giới cuả Bạch tuyết và bảy chàng lùn, đến vô vàn chuyện thú vị về con chuột của Walt Disney, qua những câu chuyện hấp dẫn của dân gian Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Mỹ La Tinh...và tập trung vào văn học dân gian Pháp, một nền văn học mang nhiều tính nhân đạo sâu sắc...

Có nhiều người sẽ mắng mỏ tôi ăn phải bả của chủ nghĩa tư bản và đưa nó lên tận mây xanh! Không, tôi đã nói chuyện với khá nhiều nhà kinh tế và sử học Pháp, với những anh em Việt kiều sống hàng hai mươi, ba mươi năm ở Paris và trực tiếp quan sát bằng tai, bằng mắt mình cuộc sống các mặt. Phải khẳng định rõ rệt rằng cuộc sống của nhân dân, của lao động, viên chức đã có thay đổi lớn

trong từng thời gian một- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc sống rất gay gắt- phải mua hàng bằng tem phiếu- Thiếu điện, thiếu than sưởi mùa rét. Thiếu nhà vệ sinh, điện nước, thiếu thang máy...Sản xuất được khôi phục và phát triển là đời sống được cải thiện. Hiện nay Pháp là nước số tỷ lệ điện nguyên tử trong lưới điện quốc gia cao nhất châu Âu, điện cho sản xuất và tiêu dùng không thiếu Xưa kia điện thoại vài trăm người mới có một máy, nay cứ 1, 4 người một bộ máy- Hàng hóa rất nhiều vẻ. Bánh mì bán thừa thãi có đến 20 loại, tha hồ chọn: bánh tròn, bánh dẹt, bánh có tỷ lệ cám, bánh có trộn bột ngô, và trộn kê, bánh có đường, có mứt...Sữa bò cũng có hàng chục loại, với các chai đựng khác nhau...Đó trước hết là do việc tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của nhà sản xuất nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất. Không phải từ lòng tốt và thiện tâm của các nhà tư bản, mà từ cuộc chạy theo lợi nhuận phải chăng, chạy theo lợi ích của các công ty, các nhà sản xuất, xã hội chấp nhận điều đó một cách sòng phẳng. Thứ hai là những tiến bộ của khoa học và kỹ thuật, những sáng chế và phát minh được ứng dụng sớm nhất vào sản xuất, đưa năng xuất xã hội ngày càng lên cao. Tôi vừa xem một máy tính điện tử bỏ túi nhẹ bằng một bao thuốc lá, có thể dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Anh và ngược lại chứa 12

nghìn từ, giá chỉ bằng một phần hai mươi lương tối thiểu của một công nhân bậc thấp! Thật là kỳ diệu! Pháp là nơi phát minh ra tấm "thẻ" gọi điện thoại điện tử-từ tính mua một lần dùng hàng chục cho đến một trăm lần mọi máy điện thọai công cộng.

Ba là-điều này rất quan trọng: tất cả những kết quả ấy đều phải trải qua những cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài, có khi khá gay gắt về chính trị, kinh tế của các chính đảng dân chủ và tiến bộ, của các cộng đoàn, của hàng triệu công nhân, qua các cuộc thảo luận, tuần hành, bãi công bộ phận và toàn bộ, với những yếu sách cụ thể từ thấp lên cao. Sức lực, kinh nghiệm đấu tranh ấy đã dựa vào Hiến pháp, luật pháp, quyền công dân mà phát huy hàng ngày, được các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, phát thanh, truyền hình hỗ trợ mạnh mẽ và rất có hiệu quả.

Điều thứ tư là do có Liên Xô, có hệ thống xã hội chủ nghĩa, tại đó nhân dân lao động được chăm sóc nhà ở với giá thuê rất thấp, chữa bệnh cho nhân dân không mất tiền, giáo dục từ thấp lên cao không mất tiền, phụ cấp xã hội và bảo hiểm xã hội ở một số nước khá cao (cho những đối tượng trẻ em, người già, gia đình đông con, người tàn tật, nuôi cao tuổi cô đơn), thời gian lao động công nhân viên chức giảm trong năm, trong tuần lễ và trong ngày...Những

thành quả của các nước xã hội chủ nghĩa ấy thúc đẩy nội dung đấu tranh của lao động các nước tư bản. Chính giai cấp tư bản buộc phải chú trọng để không thua kém các nước xã hội chủ nghĩa về mặt này trong cuộc cạnh tranh giữa hai xã hội đối lập. Điều đáng buồn cho chủ nghĩa xã hội hiện thực là không thiếu những thiện ý về cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của những người lao động và đông đảo nhân dân nhưng đã thực hiện qúa tải, nôn nóng và vội vã với những chủ trương bao cấp tràn lan theo kiểu bình quân chủ nghĩa, trong khi chưa tạo nên được năng xuất lao động cao và sản phẩm dồi dào như ở chủ nghiã tư bản. Đi cùng với thiếu dân chủ, sự đổ vỡ là không tránh khỏi.

Có người chất vấn tôi về nạn thất nghiệp, nạn mãi dâm, nạn nghiện ma túy, tệ tham nhũng trong các nước tư bản? Trong vấn đề này cần có thái độ tỉnh táo, khách quan và công bằng- Trong một thời kỳ, nhất là thời kỳ chiến tranh, khi toàn bộ sinh lực xã hội được huy động cho cuộc chiến đấu sống mái với kẻ thù xâm lược, các nước xã hội chủ nghĩa đã từng giữ gìn tương đối trong sạch xã hội mình, từ lực lượng lãnh đạo đến nhân dân. Một thời gian nhất định, đạo đức, niềm tin, tính tự giác trong xã hội nhìn chung đã cao hơn cả pháp luật. Thế nhưng ở các nước ấy, một thời

gian dài đã có thái độ không sòng phẳng theo kiểu lập trường cứng nhắc và gian lận: về phía ta thì đẹp đẽ phô ra, xấu xa đậy lại, về phía "địch" thì tha hồ nói thêm, tô vẽ cho xấu thêm, bẩn thêm. Ví dụ, các giáo sư và giáo trình xã hội chủ nghĩa không công nhận là trong các nước xã hội chủ nghĩa có thất nghiệp (mà chỉ có người chưa có việc làm!), cũng như tại đó không có khủng hoảng (chỉ có giá cuả đồng tiền chưa vững), cũng như không có cạnh tranh (chỉ có thi đua), còn trộm cắp, xì-ke, hối lộ, mãi dâm...chỉ là một số hiện tượng tiêu cực tạm thời. Các nước xã hội chủ nghĩa đều có nền dân chủ một triệu lần cao hơn các nước khác! Những chân lý ấy trước đây, khi chưa có được tin tức, trao đổi, khi chưa đọc báo nước ngòai, khi chưa được xem phim, khi người thân trực tiếp thăm viếng nhau còn hiếm, thì còn có người tin. Nhưng khi hàng rào ngăn cách biến mất, những thông tin về các nước được mở rộng, chuẩn xác, thì những sự thật không sao còn che dấu được nữa.

Trên các mặt: sản xuất ra nhiều của cải, đạt năng xuất lao động cao, ứng dụng nhanh các quy trình công nghệ mới, đáp ứng những yêu cầu phong phú của người tiêu dùng...thì chưa có một nước xã hội chủ nghĩa nào đạt, thậm chí còn kém và kém rất xa. Theo Mác và Lê-nin, đó

là những mặt then chốt nhất, đem lại thế mạnh và thế ưu việt của một chế độ xã hội. Liên Xô là nước đầu tiên phóng vệ tinh nhân tạo và cũng lần đầu tiên đưa con người vào vũ trụ, nhưng đến nay lại sút kém về mặt này, khi Mỹ đã đưa người lên cung trăng đang phóng những con tầu vũ trụ cực lớn và thu hồi nó về, đồng thời đang đóng vai trò quyết định trong việc thám hiểm Sao Hỏa...

Về mặt thực hiện dân chủ thì chế độ độc đảng đã tỏ ra không ổn trên thực tế- Sự độc đóan, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi, thói gia trưởng, quan liêu, xa rời nhân dân đã ngang nhiên dẫm đạp lên quyền dân chủ- Tất cả các nứơc xã hội chủ nghĩa cũ đều đã sớm muộn chấp nhận đa nguyên: Liên Xô, Ba Lan, CHDC Đức (trước khi thống nhất với CHLB Đức), Tiệp Khắc, Bungari, Hungari, Rumani, cho đến Mông cổ, Anbani, Nam Tư. Chỉ còn Trung Quốc, Triều Tiên, Cu Ba và Việt Nam còn cố cưỡng lại xu thế ấy, nhưng chắc chắn không thể cưỡng được lâu, vì trái với đạo lý, trái với quy luật tất yếu, trái với đòi hỏi mạnh mẽ của nhân dân mỗi nước-Viện lý do là địch sẽ lập tức lợi dụng là thái độ hoảng hốt, thiếu tự tin và thiếu tin ở nhân dân.

Mặt khác những tình hình thiếu dân chủ, vi phạm quyền làm chủ xã hội của nhân dân đã làm sản xuất rối loạn, bất

công xã hội mở rộng, nạn tham nhũng hoành hành như bệnh dịch, xã hội băng hoại về mặt đạo đức và không ổn định- Sự không ổn định hiện nay hoàn toàn không phải do lực lượng nào bên ngoài gây nên mà do tình trạng thiếu dân chủ.

Cái gốc của vấn đề là ở xã hội nào cũng có người tốt và người xấu. Trong con người nào cũng có mặt tốt và mặt xấu- Trước kia, có người hiểu rằng những người lãnh tụ cộng sản là rất tốt, là hảo hạng, thậm chí gần như là tốt đẹp một cách thánh thiện, xứng đáng là mẫu mực cho toàn xã hội. Nhân dân quý trọng đến mức tôn thờ Staline, Mao Trạch Đông chính là vì thế. Sau này được biết Staline độc đóan ra sao, hung bạo thế nào, coi thường tính mạng nhân dân ra sao, thì nhân dân Liên Xô và thế giới đều căm giận và khinh bỉ. Mao cũng hết thiêng do độc đóan, tùy tiện trong cách mạng văn hóa vô sản, đàn áp những người dân chủ, nhân dân lương thiện...ở Việt nam, chủ tịch Hồ Chí Mnh được nhìn nhận như một con người tận tụy, có đạo đức, có tâm huyết, hiểu biết rộng, hành động kiên quyết...Về sau nhiều người cho rằng ông là lãnh tụ, có công, nhưng cũng có ưu, có khuyết, có sai lầm nữa, đó là một điều tự nhiên. Còn những người lãnh đạo sau chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ ra yếu kém tất cả các mặt: gìa ốm về

thể chất, thiếu đức tính lắng nghe, thiếu am hiểu về thế giới mới, thiếu trách nhiệm, thiếu phục thiện, cố duy trì một chế độ không dân chủ về chính trị.
ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, hay tư bản chủ nghĩa, xem ra vấn đề cốt tử là nhân dân, trước hết là người lao động. Toàn thể công dân trong xã hội có được lựa chọn những người lãnh đạo của mình và kiểm tra công việc của họ hay không? ở các nước tư bản chủ nghĩa, họ đã đấu tranh và giữ được cách làm như thế, nhân dân được hưởng thụ chính đáng những quyền lợi thiết thực. ở các nước tư bản, cuộc đấu tranh vẫn tiếp tục hàng ngày. ở Pháp gần đây các lực lượng phái tả (vốn thuộc đảng cộng sản Pháp, đảng xã hội Pháp và một số người không đảng phái) vừa gặp nhau trên khẩu hiệu Refondations ("xây dựng lại" hay "đặt nền móng mới"), nhằm đấu tranh cho một chế độ xã hội có nhiều dân chủ, và công bằng xã hội hơn. Tôi đã dự những cuộc họp có nội dung phong phú ấy ở phòng họp quốc tế La Villette, nhằm tập hợp một lực lượng mới của cánh tả Pháp do thời cuộc đòi hỏi. Không có chế độ nào tuyệt mỹ cả - mọi xã hội đều phải vận động theo hướng hoàn thiện thêm. Dân chủ, công bằng xã hội và hạnh phúc của nhân dân luôn luôn và mãi mãi là mục đích ở phía trước, đây là một sự tiếp cận thường xuyên và

không bao giờ kết thúc cả.
Vấn đề bà con Việt kiều đang sinh sống ở nước ngoài tại mọi châu lục là một vấn đề cực lớn. Cần một công trình nghiên cứu chu đáo về lịch sử, địa lý, chính trị, kinh tế, pháp luật, tập quán, tâm lý...để cùng nhau giải quyết theo những lợi ích trước mắt và lâu dài của tổ quốc Việt nam. Việc này càng cần thiết và cấp bách vì đã bị coi nhẹ, lại bị nhiễu loạn vì những tình cảm nhất thời chi phối ở cả hai bên chiến tuyến trước kia. Những tình cảm âm tính ấy đến nay vẫn còn tồn tại. Rất cần cùng nhau bàn bạc để giải quyết thấu tình đạt lý, trên tinh thần hòa hợp và hiểu biết lẫn nhau.
Cộng sản và quốc gia, ai đúng, ai sai? Ai có công và ai có tội? Ai là chân chính, ai là không chân chính? Câu chuyện này có thể nói hoài không hết, thảo luận hoài không sao ngả ngũ và kết luận được. Bởi vì chỗ đứng khác nhau, cách nhìn nhận khác nhau, đối lập nhau.
Tôi đã gặp và hỏi chuyện khá nhiều bà con người Việt ở Pháp và ở Hoa Kỳ, ở úc và ở Thái Lan, ở Bỉ và ở Hà Lan...Có người là bộ trưởng trong chính phủ Trần Trọng Kim (tháng 3. 1945), hoặc bộ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh sau cách mạng tháng Tám. Họ là những trí thức, giáo sư, sinh viên, công chức. Họ là những nhà hoạ sĩ,

điêu khắc, sáng tác âm nhạc, nhà báo...Họ là những bà nội trợ, nam nữ thanh niên...Họ là những người lính O. N. S (lính thợ) sang đây từ Đại chiến thế giới thứ nhất (số này chỉ còn lại rất ít người, đã trên dưới 80 tuổi), hoặc từ Đại chiến thế giới thư hai, có những người thông ngôn cho anh em lính thợ ONS. Có người đi tu học từ hồi 1950 đến 1954, hoặc từ những năm 1960 rồi ở lại. Có những người đi vào những năm 1973, 1974 và 1975 khi chiến tranh kết thúc. Có nhiều người ra đi hồi 1977, 1978 trong những chiến dịch ra đi của người Hoa.

Có người ra đi bằng con đường đoàn tụ gia đình của Cao ủy người tỵ nạn...Cũng có một số người là thuyền nhân, trôi đạt và chờ đợi mãi ở các trại tỵ nạn ở Hồng Kông hay ở Thái Lan, Malaixia hay Philipine, Singapor hay Indonesie, hoặc ở Australia rồi mới sang được đất Pháp. Có người đã vào quốc tịch Pháp, có người xin tỵ nạn chính trị, có người còn hộ chiếu Viêt Nam, quy chế của họ rất khác nhau. Có người lấy vợ hoặc lấy chồng Pháp, sinh con, đẻ cái. Có gia đình đã trải qua hai hay ba thế hệ người gốc Việt Nam trên đất Pháp. Động cơ rời quê hương của họ - chừng 200. 000 người hay hơn nữa, cũng rất khác nhau. Bị chính quyền hồi còn chính phủ bảo hộ (Bắc kỳ và Trung kỳ) hoặc thuộc địa (Nam Kỳ) tuyển mộ

một cách cưỡng bức đi lính thợ. Gia đình khá giả cử đi du học rồi bị kẹt do chiến tranh. Nhiều anh em sang Pháp chỉ nghĩ sẽ học ở đây trong 4, 5 năm là cùng, vậy mà kẹt lại đến 20, 30, 40 năm! Cũng có người đi bằng đường chính thức, đoàn tụ gia đình...Quan điểm chính trị do đó hết sức nhiều vẻ, đi từ cực đoan này sang cực đoan khác. Có những bác công nhân tự nhận là trung kiên, vững vàng nhất, "trung thành, tận tụy nhất, " luôn giữ bàn thờ tổ quốc, cờ đỏ sao vàng và ảnh lớn chủ tịch Hồ Chí Minh giữa nhà, coi đại sứ quán cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như đại diện của tổ quốc Việt Nam và coi lời của đảng cộng sản, cũng như đại biểu của đảng, những căn dặn của cán bộ sứ quán như là lời dạy của cha mẹ mình, để một lòng tuân theo...ở cực kia là những người quyết không đội trời chung với cộng sản, coi cộng sản là nguồn gốc của mọi tai họa, khổ đau và nghèo hèn của dân tộc, họ thâm thù và khinh bỉ những người cộng sản, nhất là những người lãnh đạo của đảng và nhà nước. giữa hai cực đoan ấy là cả một gam mầu sắc rất phong phú, trong đó có cả một số người không có chính kiến chính trị rõ ràng, chỉ biết làm ăn, kinh doanh, kiếm lợi cho gia đình và riêng mình ở nơi xa quê hương này, hoặc chỉ lo đến việc xin visa về nước sao cho dễ dàng.

Không gì bằng đối thoại. Đối thoại ngay thẳng và thanh thật, không có định kiến trước. Tôi muốn lắng nghe nhiều hơn là nói. Cố hiểu cho rõ ý kiến và để biết hòan cảnh của mỗi người. Có người để cho tình cảm dẫn dắt, phát biểu rất sôi nổi. Có người nặng về lý trí, điềm tỉnh và tỉnh táo. Có người xa nước quá lâu, tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Có người có những suy tư sâu sắc, những nghiền ngẫm kỹ lưỡng, những đắn đo chân thực. Cũng có nhiều người có biến chuyển trong nhận thức và kể lại những nhận thức đã thay đổi ra sao và vì đâu. Có những người ý kiến trái ngược nhau, chỉ cần mở đầu tranh luận là kéo dài bất tận những cuộc cãi vã. Chiến tranh và hận thù. Một bên thì lập luận: Ai theo Pháp, theo Mỹ để lôi kéo vào đất nước hàng triệu tên xâm lược, bắn phá hàng chục triệu tấn bom đạn trên cả hai miền Nam Bắc? Hàng triệu người chết, tàn phá nhà cửa, ruộng đồng, rừng quý. Mỹ Lai là thế nào? Chiến dịch tố cộng, diệt cộng tàn bạo để trụy lùng, bức hại những người yêu nước ra sao? Chiến dịch Phượng Hoàng, Bình định, Bình định cấp tốc, lùng ráp những người cộng sản, những người yêu nước ra sao? Các người là Việt gian chính cống. Không có các người, Pháp, Mỹ cũng bị bó tay. Các người đã thua trận nhục nhã, nay còn định quay lại à? Nhân dân không bao giờ quên tội ác của các người đâu.

Những tiếng nói của phía bên kia vang lên: Những tiếng nói: Cộng sản là có tội, là tội phạm chính. Ai đã từ bỏ quyền lợi dân tộc để phục vụ cho nước ngoài, cho quốc tế Ba, cho Nga Xô, cho Trung cộng? Ai đã giết hại hàng chục ngàn người nông dân và công dân vô tội trong cải cách ruộng đất? Ai tàn phá sức sản xuất xã hội, làm cho xã hội hỗn loạn sa sút, đảo điên vì cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp cưỡng bức, đề xướng học thuyết đấu tranh giai cấp và luận thuyết "ai thắng ai" gay gắt? Ai mù quáng theo lệnh của Staline, coi mọi người không cùng chính kiến là kẻ thù nguy hiểm, cần phải thủ tiêu để tàn sát những người quốc gia thuộc các tổ chức quốc dân đảng, Việt Nam cách mạng đồng chí hội (Việt quốc, Việt cách), Duy Dân, Phục quốc?...rồi tàn sát cả những người cộng sản, quốc tế chủ nghĩa như các nhóm Trotskit Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu...những trí thức vô sản cùng ở nhà tù Côn Đảo với những người cộng sản?...Ai đàn áp hàng trăm trí thức văn nghệ sĩ trong các vụ "chống đảng", "xét lại", "Nhân Văn-Giai phẩm. " Rồi ai đã xua đuổi hàng nửa triệu người Hoa, trong đó có cả những công nhân mỏ than, công nhân các xí nghiệp đánh cá, làm gốm, các thợ giỏi ở Chợ Lớn...Ai đã gây nên chuyện ra đi của hàng triệu người Việt, tổ chức các kế hoạch B để vơ vét cơ man nào

là tiền của, vàng, đồ trang sức vào túi cá nhân, gây nên cái chết oan uổng và bị thảm của hàng chục ngàn người do tai nạn tầu thuyền, sóng gió, hải tặc? Và ai? Nếu không phải những người cầm quyền cộng sản phải chịu trách nhiệm về tình hình sản xuất sa sút, đời sống nhân dân cực kỳ bi đát, nạn tham nhũng lan tràn, văn hóa suy đồi, nạn trộm cắp, đi điếm, cờ bạc tùm lum khắp cả nước?

Quả thật hai bên mà ngồi kể tội nhau, tội xưa và tội nay, tội gọi là bán nước, hại dân, tội về dùng bạo lực đối xử với nhau...thì không sao có thể giảng hòa thông cảm nổi. Và hình như bên nào cũng có cái lý của mình, có những sự thật của mình. Có người còn cho rằng chính sự lựa chọn của những người Cộng sản, đưa Việt nam vào qũy đạo của Liên Xô và Đế Tam Quốc tế đã làm cho Việt Nam trở thành mục tiêu của chiến lược kìm giữ phong trào Cộng sản của các nước Phương Tây. Đó chính là nguồn gốc sâu xa của những cuộc chiến tranh liên miên trong hơn 40 năm qua. Họ đặt ra những chữ "nếu" - "Nếu" như Đảng Cộng sản không dành được sự lãnh đạo trong Cách mạng Việt Nam..."Nếu" như các Đảng mang tính chất quốc gia dành được quyền lãnh đạo Cách mạng..."Nếu" như Đảng Cộng sản sau khi dành được độc lập cho đất nước rồi mà không mù quáng lao vào xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu

Staline, theo kiểu kế hoạch gò bó, thủ tiêu mọi quyền tự hữu về tư liệu sản xuất, ..."nếu như?" Ôi là cái chữ "nếu!" Châm ngôn Pháp có câu:
"Với cái chữ "Nếu, " có thể nhét cả Paris vào trong một cái chai!
Cho dù Paris này đã lớn rộng vô cùng rồi.
Ai đúng? Ai sai? Cần thấy rằng nhân dân ta bị đổ máu quá nhiều. Tài sản đất nước bị phung phí. Hiện tình đất nước thật bi đát: đứng thứ 158 trong số 166 quốc gia trên thế giới! Cả một năm, người Việt Nam lao động cật lực mà chỉ nhận được đồng lương vẻn vẹn chưa bằng số tiền người dân các nước đã phát triển làm ra trong bốn ngày!
Tôi đã có lần trình bầy với bạn bè gần xa có những quan điểm đối lập: Tôi xin nghe và ghi nhận ý kiến của các bạn. Xin tạm gác lại cuộc tranh luận có thể còn kéo dài lê thê vì khó ngả ngũ. Xin nhìn thẳng vào hiện tình khủng hoảng nghiêm trọng để cứu dân, cứu nước ta- Bạn có đồng ý không? Cứu dân, cưú nước trong cơn SOS cực kỳ khẩn cấp này đã, phải không bạn? rồi khi chung sức cứu dân, cứu nước khỏi thảm họa thì chúng ta có thể hiểu nhau hơn, gần nhau hơn, độ lượng và khoan dung với nhau hơn, bạn có đồng ý không?
Tôi hiểu rằng, nén những tình cảm sâu sắc, gác lại những

nhận thức đã thành định kiến đâu phải dễ! Tôi đã từng căm thù sôi sục. Mẹ tôi, người mà tôi yêu quý nhất trên đời, nhân ái với hàng xóm và thương yêu những người chiến sĩ như con mình đã từng là nạn nhân của cuộc chiến tranh này. Có lần trong kháng chiến chống Pháp, tôi tạt về thăm mẹ sau hai năm đằng đẳng vắng nhà. Mẹ tôi ra đồng hái những nắm lá khúc về gĩa, làm bánh, hấp cho tôi ăn. Vài ngày sau đó, vào Tết Trung Thu năm 1948, trong trận càn của lính Pháp qua làng, một tên chỉ điểm đã dẫn lính lê dương xộc vào nhà tôi, bắn vào ngực mẹ tôi một tràng tiểu liên. Bà chết ngay trên sân nhà bếp. Từ đó tôi nuôi một ý chí căm thù khôn nguôi. Ra trận, trên chiến trường Trung Bộ, chiến trường Bắc Bộ hay Tây Nguyên, sau đầu ruồi của khẩu súng là tên địch đã giết mẹ tôi. Tôi có những người cháu ruột, con của các chị tôi tử trận ở chiến trường Huế, Quảng Ngãi và Tây Ninh. Và cháu Ngọc mới bốn tuổi, cháu ruột của vợ tôi bị bom Mỹ làm cho tan xác, chết chung cùng với các bạn của cháu ở làng Hưng Dũng (Nghệ An). Khi Mỹ thua trắng tay, tôi vui mừng vì những mối thù của riêng mình đã được trả sòng phẳng...

Và nay chính tôi lại đề xuất ý kiến với các bạn xa gần là xin nén tình cảm riêng lại đã. Quả là một yêu cầu không đơn giản. Tháng 3. 1991 tôi gặp một thuyền nhân quê ở

Rạch Giá sang Pháp từ năm 1981. Vợ anh bị hải tặc Thái Lan hiếp, thành bệnh rồi chết. Anh mất hai con trên biển, một con trai 13 tuổi và một con gái lên hai. Anh sinh bệnh tâm thần sau khi đáp lên một hòn đảo ở Malaixia. Nay khỏi bệnh, anh làm công cho một tiệm ăn người Việt. Anh vẫn sống một mình với niềm oán hận cộng sản không đội trời chung. Với anh, tôi tôn trọng nỗi đau khổ của người cha, người chồng. Tôi thông cảm thảm cảnh của anh, khó có thể yêu cầu anh để sang một bên sự oán thù đã trở thành máu thịt, ít ra là lúc này.

Cộng đồng người Việt ở hải ngoại thật muôn vẻ. Chớ đơn giản và có định kiến. Tôi từng nghe ở Hà Nội các quan chức nhận định: họ đã bỏ Tổ quốc ra đi là táng tận lương tâm, là vong bản, mất gốc! Đó là những tên chống cộng, chống chế độ thâm căn cố để, quay lưng lại dân tộc, những kẻ ích kỷ, trốn chạy cho bản thân mình, tìm cho sung sướng, đi kiếm bơ sữa, mặc cho đồng bào nghèo khổ ở trong nước- Đối với họ ta không nên tiếc làm gì. Cứ coi như ta không có họ! Đây là cục thịt thừa trên cơ thể dân tộc, cắt bỏ đi thì cơ thể càng khỏe. Đó là cách nhìn độc đoán, mang tính áp đặt, suy diễn đơn giản, gộp chúng thành một gói cả một cộng đồng rất đa dạng. Và cách nhìn ấy vô lý, bất công, và nhất là có hại.

Quả thật ở Hoa Kỳ và úc có những lực lượng cực đoan, chống cộng một cách điên cuồng. . Họ lập binh đoàn, lập mặt trận với đủ thứ tên:

...Họ tuyển mộ những quân nhân cũ và thanh niên mới, đưa vào biên chế, huấn luyện quân sự. Họ làm lễ tuyên thệ, xuất phát. Họ ra thông báo về tình hình chiến sự, về những chiến khu trong quốc nội...Họ mở những đêm dạ hội, quyên góp, âm nhạc và diễn kịch, nhẩy múa lấy tiền để mua sắm vũ khí và nuôi quân...Tôi đã hỏi chuyện khá lâu Võ Đại Tôn, người chỉ huy lực lượng vũ trang phục quốc đã bị bắt sống trên đất Lào, gần biên giới Việt nam năm 1981. Võ Đại Tôn thú nhận đã bị lừa-Khi ra đi, Võ Đại Tôn và đồng sự những tưởng là ở miền Nam Việt nam đã có sẵn chiến khu, sẵn "vùng giải phóng", sẵn "có sở nhân dân chống cộng". Khi về đến gần thì chẳng thấy có gì hết trọi! Không ai liên lạc, đón rước, thông báo cho tình hình! Cả chuyện trở về sau này của đảng trưởng Hoàng Cơ Minh và tùy tùng cũng chỉ là những nhóm thiêu thân bị đánh chận, bị giết, bị bắt trước khi nhập được vào đất Việt Nam-Vì nhân dân không còn muốn chiến tranh. Lực lượng họ sao địch được nổi quân đội và an ninh tại chỗ? Tôi gặp một sĩ quan quân đội cấp cao Sài Gòn cũ ở Hoa kỳ, cuối năm 1988, ông ta nói:" Họ bày đặt đủ thứ, nhưng thiệt ra

không có mấy thực lực. Tôi không bao giờ tin có chiến khu, có mật khu nào ở quốc nội cả. Họ tổ chức dữ dằn vậy chỉ để là quyên tiền, lập quỹ, và từ đó vô túi cá nhân cũng bộn đó, rồi lấy tiền đó kinh doanh, kiếm lãi để chia chác, nuôi nhau nữa...Làm vậy mấy ông lớn mới có lý do để giữ nguyên những chức tước cũ: ông quận trưởng, ngài bộ trưởng, ông đại tá, ông dân biểu, cho tới ngài thủ tướng, ngài tổng thống. Không còn quyền nhưng còn cái tiếng, cái xưng hô, để tự mình an ủi mình, an ủi lẫn nhau cho đỡ tủi thân mà. Cái thực chất là ở chỗ đó, ông ạ...". Gần đây tổ chức Mật trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt nam lâm vào khủng hoảng lớn, những nhân vật chóp bu còn bị tòa án Mỹ truy tố vì tội lậu thuế, trốn thuế và lấy tiền của Mặt trận chuyển vào trương mục cá nhân...Xu thế cực đoan dùng bạo lực đã xẹp dần, xẹp rất nhanh ở các bang Hoa Kỳ và ở úc, trong khi xu thế hòa hợp lan ra khá mạnh. Qua tiếp xúc với một số chính khách và nhà báo Hoa Kỳ, tôi nhận rõ một điều là các chính quyền Mỹ từ Carter, Ford, đến Rigan và Bush đều thực hiện một chính sách nhất quán: đưa vấn đề Việt Nam lùi nhanh vào quá khứ, xóa sạch hội chủng Việt Nam ở trong xã hội Mỹ, đặt quan hệ Mỹ- Việt trên cơ sở hoàn toàn mới. Các chính quyền ấy mong Viêt nam đổi mới, mau chóng giải quyết vấn đề

Campuchia, thực hiện dân chủ và cởi mở cả về kinh tế và chính trị để ổn định tình hình- Gây bạo loạn và lật đổ không phải là chủ trương của Mỹ, của chính quyền Hoa Kỳ, cũng không phải là hành động của CIA hiện nay. Đây là một sự thật rất dễ nhận ra. Nhưng những người phụ trách cơ quan phản gián và an ninh ở Việt Nam vẫn cứ cố tình nhìn đời bằng con mắt lệch lạc về nghề nghiệp, nhìn đâu cũng thấy kẻ thù và âm mưu bạo loạn. Đến mức cán bộ chính trị, cán bộ tuyên huấn, cán bô ngoại giao am hiểu tình hình cũng không dám nói khác với cơ quan an ninh, luôn hô hào cảnh giác trên báo chí và đài phát thanh: "Việt nam đang là mục tiêu chính để gây bạo loạn và lật đổ của để quốc Mỹ, của Vatican, của tất cả các lực lượng phản động trên toàn thế giới, chúng đang tập họp nhau lại để gây loạn ở Việt nam!" Những người hô hoán lên như thế cũng không tin đó là sự thật. Họ cần làm việc ấy với hai mục đích đã được tính toán: hạn chế trào lưu đòi đổi mới, đòi quyền tự do dân chủ ở trong nước và bắt buộc nhân dân phải cố hiểu rằng đế quốc và phản động là nguyên nhân chính gây ra mọi khó khăn và bế tắc trong xã hội hiện nay...

Tôi quen với một gia đình trước ở thành phố Hồ Chí Minh, đã mạo hiểm đi cả nhà, trên một chiếc thuyền gỗ ọp ẹp

năm 1982. vợ chồng đều là giáo viên trung học. Con gái đầu, cháu Thủy vừa 30 tuổi, sau 1975 còn tham gia các cuộc diệt trừ gian thương, cải tạo tư sản ở miền Nam. Cháu đi kiểm kê tài sản còn được bằng khen. Cháu kể lại những công việc "cách mạng" hồi đó một cách tự nhiên, vui vẻ: "Các chú cách mạng, có chú thiệt tốt, chăm lo cho bọn cháu thiệt chu đáo, có chú rất quan cách, quan liêu. Và có cả mấy ông bự chỉ lo uống rượu say và tham nhũng..." Ba má cháu không bị cách mạng, không bị các ông "30. 4" quấy nhiễu chi hết, vậy vì sao lại bỏ đi? Bố cháu kể: "Bọn tôi không cay đắng chi hết, cũng không căm thù chi hết! Chế độ Sài Gòn cũ coi khinh người trí thức. Bọn tôi hy vong cách mạng sẽ khác. Vậy mà cách mạng coi bộ còn tệ hơn! Bọn tui là giáo viên nên hiểu rất rõ. Học sinh do vậy hết chăm học. t thanh niên cầm cuốn sách trong tay. Thư viện vắng hoe à, vì không có sách báo, còn tiệm nước thì đầy nhóc thanh niên. Tui lo cho hai cháu trai, lo cho tương lai của chúng nó. Tính toán kỹ rồi liều ra đi chỉ vì vậy thôi...Hai cháu hiện đều học ngành điện toán, sắp thành tài cả rồi..."

€ ra vậy, tôi mở mắt. Vậy là có người ra đi không phải vì không chịu cực khổ được, không phải vì chống cộng cực đoan, cũng không phải vì cuộc sống bơ sữa.

ở một vùng ngoại ô phía Đông Paris, tôi gặp một nhà tư sản lớn Việt Nam. Ông quê Hải Hưng, từng có những cơ sở kinh doanh ở Hà Nội. Ông vào Nam hồi 1954 và sang Pháp tháng 4. 1975. Ông đã trên 70 tuổi, còn quắc thước, minh mẫn và rất năng động. Ông giầu, và có thể nói là rất giầu. Ông từng mở nhà máy dệt, cơ khí rồi làm nghề vận tải. Ông có cơ sở cưa gỗ ở Đà Lạt, cơ sở xay lúa gạo ở Cần Thơ, ở quận 5 Sài Gòn... Paris ông cũng có hàng dẫy nhà rộng lớn, đủ tiện nghi. Ông tâm sự: "Tôi có của, mất nhiều mà vẫn còn đủ. Giầu thêm để làm gì nữa? Ăn xài đâu có hết của. Nhưng tôi ham, ham gì ông biết không? Ham kinh doanh, như sở thích, như đam mê, như cái vận của đời mình vậy. Tôi chỉ mong ở bên nhà yên ổn, có trật tự, pháp luật, có không khí cởi mở để trở về bỏ vốn kinh doanh. Năm ngoái tôi trở về thăm nhà, có những công nhân sở tôi cũ còn quý tôi lắm. Họ còn giữ cái biển của nhà máy cũ và tặng lại tôi! Tôi cảm đông vô cùng. Bọn tư bản Pháp hỏi tôi hoài: Bao giờ trở về làm ăn? Tôi về thì tụi nó mới nhào vô. Nhưng ở nhà còn kẹt dữ quá. Nói đổi mà đâu có đổi. Chưa có luật thương mại. Luật đầu tư có rồi mà văn bản dưới luật chưa có. Muốn người ta bỏ vốn vô mà không đổi mới thì có ai muốn vô!..." Ông lắc đầu và nói thêm: "Về chính trị và pháp luật cho tới nay, Việt Nam

chưa có luật về quyền công dân, còn chậm tiến quá chừng!"
Thì ra có những người ra đi chỉ vì không được thi thố tài năng. Nay mong muốn trở về để trổ tài kinh doanh.
Tôi có một kỷ niệm khó quên ở nhà anh bạn mở quán "Chiều Sài Gòn" quận 16 của Paris. Chúng tôi đều quê Hà Nội, gắn với những kỷ niệm xa xưa ở trường Thăng Long, trường Bưởi, trường Albert Saraut, với những người thầy dạy tâm huyết và có trình độ...Cùng nhau ôn lại những ngày đấu kháng chiến, những hoạt động của tư vệ sao vuông thành Hoàng Diệu, thế rồi cả gần một chục người trong bưã ăn bỗng hòa giọng hát đồng ca những bài: "Diệt phát xít", "Nhớ chiến khu", "Tiến quân ca", "Nào ta đi hùng binh"...Lúc ấy những khác biệt chính trị lùu đi đâu thật xa. Người thuộc vài câu này, người nhớ vài câu khác, chấp nối nhau hồi tưởng được hết cả gần chục bài đã in dấu một thời trai trẻ dấn thân cho kháng chiến...
Tôi đã tìm thấy nhịp đập chung qua những tiếp xúc với bà con người Việt, dù thành phần. Ai cũng khắc khoải một nối niềm nhớ về quê hương. Người lớn tuổi, kẻ trung niên, cho đến lớp thanh niên vừa rời nước vài năm đều thế. Ai cũng ước vọng quê hương mình được thanh bình, vươn lên mở mắt với thế giới. Theo cách nói chính trị, ai cũng có

một tình cảm yêu nước trong tâm. Yêu nhớ nước mình, nghĩa là vẫn còn day dứt với xóm làng, mảnh đất nuôi mình khôn lớn, mái trường có thầy cô giáo buổi thiếu thời, những đường phố, mái nhà ôm ấp những kỷ niệm vui buồn trong một quãng đời và những bạn bè, thân quyến còn ở lại...Tình cảm ấy có nét gì rất chung, mà cũng rất riêng, rất cụ thể. Bài hát "Quê hương" với cây khế, chiếc cầu tre, con diều, mùi hương hoa bưởi...có sức truyền cảm sâu đậm đặc biệt đối với bà con xa xứ.

Có những chị ở bên này đã 20, 30 năm tâm sự với tôi: "Chúng tôi hầu hết vô dân Tây. Vô để dễ làm ăn, để được những quyền lợi xã hội. Nhưng nói thật với anh chỉ là tây giấy, đầm giấy thôi. Tây, đầm trên giấy tờ mà. Chúng tôi còn nhớ, còn thích ăn mắm tôm, cà cuống, cốm Vòng, ăn phở, còn thèm riêu cua...là còn nhớ đất nước mình dữ lắm. Tâm hồn Việt không mất được đâu anh..." Và nhiều anh chị vẫn dạy con nói tiếng Việt. Tôi về thăm gia đình anh Liêm ở gần Tonlouse. Hai cháu nhỏ, Hương 12 tuổi và Vinh 7 tuổi đều nói tiếng Việt. ở trường các cháu toàn nghe và nói tiếng Pháp với bạn bè và thầy cô giaó. ở nhà, anh chị nói chuyện với nhau và với hai con đều bằng tiếng Việt để các cháu không quên tiếng của quê hương...Rõ ràng là các cháu thuộc thế hệ hai và thế hệ ba vẫn còn

một gốc gác văn hóa dân tộc khá là sâu. Có phải từ cái cội nguồn ấy mà Luce, một bác sĩ nay đã 27 tuổi, cha Pháp, mẹ Việt, ra đời ở bên này, không biết tiếng Việt, vậy mà khi cùng bố mẹ về thăm Việt Nam, đã trào nước mắt khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất? Niềm xúc động thiêng liêng đối với quê hương thứ hai, chị từng được nghe kể, và nay mới "trở về" thăm...

Khi còn ở trong nước, tôi đã viết những bài báo đánh động về tiềm năng to lớn của cộng đồng người Việt ở nước ngoài và những chính sách cần có để khỏi dậy những tiềm năng có ý nghĩa chiến lược này. Qua tiếp sức với khá nhiều bà con Việt kiều, tôi thấy thiếu sót ở trong nước thật lớn. Còn tồn tại biết bao nhiêu định kiến. Không thiếu những cách nhìn chính xác thấu tình, đạt lý, nhưng chưa biểu hiện thành chính sách, còn bị ngăn trở bởi lối nhìn gò bó hạn hẹp, suy diễn chủ quan.

Đã vậy các cơ quan ngọai giao, các đại sứ quán ta còn có quá nhiều thiếu sót và sai lầm. Theo những công thức rất cũ, họ phân loại Việt kiều: Người này tốt, người kia xấu, ngừơi này yêu nước, người kia phản đông! Do đó họ xếp tất cả hơn 700 người ký bức Tâm thư tháng 1. 1990 là phản động cả! Vì bức tâm thư "dám" nhắc đến những sự kiện ở Rumani, "dám" đề ra yêu cầu tách Đảng khỏi Nhà

nước...Tháng 7. 1990 tôi đã gặp thứ trưởng Bộ Nội Vụ Tâm Long để góp ý rằng việc không cho Việt kiều từng ký tâm thư về nước là một chủ trương rất vô lý và dại dột, rằng cơ quan ngoại giao và quản lý kinh tế mời ông giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, tiến sĩ kinh tế ở Canada về giảng ở Hà Nội, đến sân bay Nội Bài rồi mà công an không cho nhập cảnh là hành động thô bạo, vừa vô văn hóa vừa vô chính trị, an ninh quốc gia không mãy may được tăng thêm, mà tác dụng trái ngược lại. Do phản ứng khá quyết liệt của một số cơ quan ở trong nước và của kiều bào, sau đó có nới lỏng hơn trước một chút, nhưng cơ bản vẫn chưa có gì thay đổi. Kỹ sư Nguyễn Thành Long, người có phát minh tại Pháp về tận dụng vỏ xe hơi để gia cố đường xá và đê đập, được Bộ Giáo dục và Đào tạo mời về nước làm việc cùng với một số kỹ sư Pháp. Anh mang hộ chiếu Việt nam mà cũng không được về! Bà cụ thân sinh ốm ở bên nhà, anh xin về cũng không được! Thì ra chỉ vì anh đã cho mượn địa chỉ của mình để liên lạc, tiếp nhận chữ ký của bức Tâm thư và thanh toán những chi phí bưu điện. Anh lập tức được cơ quan an ninh coi là nguy hiểm, " là một người "đề xướng, " có thể là một kẻ "chủ mưu(!)" nữa? Các bạn Việt kiều và một số người Pháp biết việc này cho rằng đây là một trường hợp kỳ lạ nhất thế giới:

Công dân một nước mang hộ chiếu nước mình mà lại không xin được visa về nước mình! Người trí thức có trình độ học vấn cao, luôn tìm tòi phát minh và có lòng yêu nước ấy đã chuyện trò với tôi nhiều lần. Anh mời tôi về thăm nhà anh, dản dị, đơn sơ chỉ có sách vở và sách vở, cuối cùng đã thốt lên: "Tôi nản quá chừng anh ơi, đành phải xin vô quốc tịnh Pháp thôi. Nhưng lòng yêu nước của tôi luôn nguyên vẹn anh ạ!"

Đó là chưa nói đến những chuyện đau lòng khác. Một số cán bộ sứ quán cố làm ra vẻ lập trường, lôi kéo số người này để bày vẽ họ chống lại một số người khác, gây nên những quan hệ nội bộ căng thẳng. Họ còn cố tình tâng bốc một số Việt kiều lính thợ cũ, được coi là công nhân, là bản chất cách mạng thuần túy vững vàng hơn trí thức, để đối lập giả tạo với một số anh chị em trí thức. Họ đạo điễn những cuộc đấu tranh, những cuộc đấu đá kỳ quặc, can thiệp một cách thô bạo đến tình hình nội bộ của hội người Việt Nam tại Pháp. Có một vài bác thợ lớn tuổi rất đáng kính bị họ giật dây lên án bài báo của nhà sử học Lê Thành Khôi là xúc phạm Hồ Chủ Tịch, khi ông Khôi nhận xét việc xây dựng Lăng là làm trái với mong muốn thiêng liêng của Chủ tịch trong Di chúc đã bị cắt xén hồi ấy...Cuối cùng các bác công nhân đã phải nhận là mình không có lý,

đã bị xui giục một cách thô bạo. Tháng 3. 1991, Ban chấp hành hội người Việt ở Lyon mời tôi xuống gặp anh chị em Việt kiều. Một cán bộ sứ quán liền dở trò phá đám, gọi điện thoại xuống cho vài bác công nhân già, thúc giục ra tuyên bố: Bùi Tín đã xin cư trú chính trị tại Pháp (điều đài Pháp đã đưa tin sai, tôi đã chính thức cải chính), Bùi Tín là kẻ phản bội, Hội không được mời Bùi Tín xuống...Anh chị em ở Hội vẫn mời tôi xuống, tổ chức hai cuộc nói chuyện ở Lyon và trong một cuộc họp rộng rãi, các bạn Việt kiều trung thực đã nói rõ: "Anh Bùi Tín không hề xin tỵ nạn chính trị như mấy ông sứ quán nói. Anh Nguyễn Khắc Viện đã từng phụ trách Hội chúng ta vừa nhận xét rằng anh Bùi Tín là người có tâm huyết, lãnh đạo ở nhà cần nghiêm chỉnh xem xét đến bản kiến nghị của anh Bùi Tín..." Cuối cùng chính các bác công nhân đã bị cán bộ sứ quán kia tác động đứng dậy nói: "Tôi tin lời anh Viện, tôi xin đồng ý với việc hội ta mời anh Bùi Tín xuống đây nói chuyện... Chính những việc làm thiếu suy nghĩ, thô bạo như thế đã làm mất uy tín của sứ quán, trong khi quả thật uy tín ấy chẳng còn gì nhiều lắm. Vì không tranh thủ được tình cảm, niềm tin của bà con Việt kiều nên một số cán bộ sứ quán nghĩ ra một điều kế - thật ra là một "đại kế" - đó là lấy cái quyền cấp "visa" để lôi kéo bà con! Họ đe dọa thẳng

thừng: Nếu tỏ ra không biết điều, nếu cứ ngang bướng, nểu không còn coi sứ quán là cha là mẹ, không biết vâng lời, nếu cứ phê phán chính quyền, bác bỏ chủ nghĩa xã hội...thì việc xin "visa" sẽ còn cứ là chờ dài dài...Và quả nhiên đây là một ngón võ hiểm. Nhiều người đâm ra e ngại và kẹt. Làm nẩy sinh ra một số người "biết điều" một cách giả tạo, hoặc vâng vâng, dạ dạ cho xong chuyện, một số người cơ hội. Vì về nước thăm cha mẹ, anh em, về nước để tìm hiểu tình hình, để làm ăn, ích nước lợi nhà dù sao cũng là một nhu cầu tình cảm, chính trị và kinh tế chính đáng. Chưa nói đến một số rất ít những ông chủ hãng cần về nước để móc ngoặc với lớp "tư bản đỏ" ở nhà kiếm những món lãi kếch xù thấm đượm máu và nước mắt của nhân dân lao động...Họ phất lên rất nhanh qua các dịch vụ chuyển tiền, chuyển hàng, chuyển thuốc men...tận dụng các kẽ hở do lạm phát và tỷ giá hối đoái thay đổi thất thường, cũng như hối lộ để làm những áp phe bất chính. Sứ quán Việt nam ớ nước ngòai là hình ảnh thu nhỏ của tình trạng xã hội Việt nam hiện nay. Lương bổng thấp, thiếu thốn thì phải tính. Không thể trách tất cả anh chị em cán bộ và nhân viên các sứ quán. Tôi đã ghé qua hàng loạt sứ quán Việt nam, ở Bangkok và ở New Delhi (Ấn Độ), ở Manila (Philipin) và ở Jakarta (Indonexia), ở Kuala

Lampua (Malaxia) và ở Tokyo (Nhật bản), ở Moscow và ở Bắc Kinh, ở Berlin và Praha, rồi cơ quan đại diện Việt nam ở Liên Hợp Quốc tại New York nữa. Anh em phải lo chạy vay, buôn bán, cứu nhà. Có lợi thì ham. Có người phất lên rất lớn. Từng công-tê-nơ chở về-sẵn giấy tờ ngoại giáo mà...Đã cớ lần valise ngoại giáo từ Ba Lan, Tiệp Khắc sang Moscow bị khui ra, có đến 800 quần bò và 2000 đồng hồ điện tử của môt quan chức ngoại giao, trớ trêu lại là một đảng ủy viên nữa! Và còn có bao nhiêu chuyện trót lọt, mỗi chuyện áp phe như thế có hộ chiếu đỏ "che chở" đều được định giá...

ấy là chưa nói đến đường dây buôn bán của cán bộ ngành ngoại giao, của công đoàn ngành ngoại giao xuyên qua các lực địa, móc nối qua các sứ quán ở các nước. Nhà nước trả lương không đủ ăn, thì làm việc vừa vừa thôi, làm cho phải đạo. Còn thì mánh mung, kiếm nguồn hàng, lo chạy giấy tờ, toan tính các chuyến hàng về, hàng đi, hết chuyến này đến chuyến khác...Tôi đã hỏi chuyện, đã ghi lại được vô vàn thủ thuật. Nhưng không thể trách anh chị em ở các sứ quán. Tại đó vẫn còn có những con người có lương tâm, biết suy nghĩ, hiểu biết những đúng sai, đau lòng về đất nước, nhân dân, ưu tư trước thảm họa dân tộc, so sánh với không khí tự do và sự phồn vinh của

nước người. Quỹ chi phí của sứ quán quá ít, không đủ để cho một bí thư hay tham tán mời bạn một bữa cơm nhằm mở rộng quan hệ khi cần thiết...thì công tác đối ngoại còn kẹt cứng, chỉ lo thúc thủ, đóng cửa chặt và giữ mình, thế thôi!

Cái nguy hiểm nhất là sự đối xử thiếu nghĩa tình của sứ quán cơ quan đại diện của đất nước-đối với đồng bào. Có những người gắn bó chí cốt với đất nước, với hai cuộc kháng chiến, với các phái đoàn sang hội họp, tận tình phục vụ cho các đoàn đại biểu bên nước sang, còn tổ chức những cuộc biểu tình, mít tinh lớn, may hàng mấy trăm lá cờ, đấu tranh chống lại lực lượng phía bên kia. Vậy mà chỉ do có một vài ý kiến khang khác, cơ bản là có thiện chí, là bị xếp ngay vào loại nguy hiểm, có tư tưởng phản động và chống đối! Trong khi đó chính anh em này bị phía bên kia lên án là cộng sản! Có người phàn nàn "Khi khó khăn thì kêu gọi anh em giúp đỡ, ủng hộ. Đến khi thành công rồi thì quay ngoắt lại chụp mũ một cách dễ dàng, làm cho những người có lương tâm và thiện chí đối với đất nước cũng phải nản lòng và ngao ngán..."

Đánh giá đầy đủ tiềm năng của cộng đồng người Việt là cả một công trình lớn đòi hỏi nhiều cuộc điều tra, nghiên cứu, thống kê và kết luận. Chỉ biết rằng con số hai triệu là

không nhỏ. Số người Việt nói chung lại thành đạt khá và nhanh chóng ở các nước. Thu nhập chung của họ trong một năm có thể lên đến 10 tỷ đô la, vượt xa một nửa thu nhập của hơn 66 triệu đồng bào trong nước (ước gần 20 tỷ đô la). Chỉ cần huy động một phần của cải ấy để đầu tư hay giúp đỡ bà con ở quê nhà cùng tạo nên một lực lượng vật chất không nhỏ. Tất cả vấn đề là có nhìn thấy và có biện pháp thích đáng hay không? Điều lớn nhất là tiềm năng chất xám của bà con. Một số khá đông là trí thức, thành đạt, có trình độ cao, rất đa dạng về lứa tuổi. Chất xám của khối người Việt này nếu phát huy được về mọi mặt khoa học kỹ thuật, sáng chế, phát minh, quản lý kinh doanh...thì có lợi cho đất nước. Cần tính đến thế hệ trước, thế hệ này và thế hệ sau. Các nhà giáo dục Mỹ đều cho rằng, trẻ em người Việt ở nước ngoài thuộc loại học giỏi (cùng với người Nhật, người Trung Quốc, người Do Thái), tiếp thu nhanh, rất thành công ở các ngành mũi nhọn, nhất là các ngành điện tử, thông tin học...Gần đây báo Mỹ đưa tin Eugene H. Trịnh, 40 tuổi, người gốc Việt nam, sinh ở Sài Gòn, học ở Paris rồi sang Hoa Kỳ học ở trường Đại học Columbia và Yale có luận án về vật lý và động lực học, đã được chọn để bay trên phi thuyền con thoi Columbia vào năm 1992 tới. Mọi người Việt đều cảm thấy

tự hào. Cái nút vấn đề là cách nhìn dúng, cởi mở, hòa hợp, coi trọng những tài năng ấy và có chính sách để tranh thủ chất xám Việt nam ở nước ngoài. Làm khôn khéo, thông minh, thì sẽ đạt được một hiệu quả có tính chất chiến lược: biến một niềm đau, một nỗi bất hạnh lớn là hai triệu người tha hương thành một lợi thế cho đất nứơc. Dễ gì một nước có thể cử ra nước ngoài, tỏa ra mọi hướng một số lượng đồng đảo đến như vậy? Khi trở về đánh thức tiềm năng của đất nước mình, với tất cả hiểu biết thu nhặt, sàng lọc được từ bốn phương trời. Biến họa thành phúc lớn là như thế. Biến một cuộc chảy máu lớn về người, về chất xám...thành một cuộc tiếp máu lớn về trí thức, kỹ thuật, về vốn liếng, về kinh nghiệm làm ăn, quản lý, kinh doanh...là thế.

Bài toán này ắt phải giải một cách tốt đẹp. Nhưng phải thay đổi tất cả nhân thức và các biện pháp hiện hành. Pháp đại sứ quán Việt nam chỉ còn quan hệ với chừng 200 người trong tổng số 200. 000 người gốc Việt! Mười sáu năm trước con số đó là 6000! Hoa Kỳ cơ quan đại diện Việt nam chỉ có quan hệ tốt đẹp với vài chục người gốc Việt trên tổng số gần một triệu! Đó là hậu quả của chiến tranh, của đối kháng lâu dài, của những hận thù. Đó cũng là hệ quả của cách nhìn, của quan niệm xơ cứng. Nhà văn

Nguyễn Đình Thi và tôi gặp nhạc sĩ Phạm Duy ở Paris hồi cuối tháng 10. 1990. Đó là những cuộc nói chuyện bổ ích giữa những đồng đội cũ ham mê văn nghệ. Chúng tôi nhắc đến chuyện Phạm Duy sáng tác bài hát "Bà mẹ Gio linh", khi chúng tôi ở cùng một chiến trường Trị Thiên năm 1948. 1949...Anh bị cuốn nhập vào một chế độ, một guồng máy khác. Để nay nhìn lại, trông chờ mong mỏi một cuộc đại hội ngộ anh em trên tinh thần hòa hợp. Anh nói về những tập bài hát "Bầy chim bỏ xứ" và đang chuẩn bị cho những tập hát "Bầy chim đoàn tụ"- ở Hà Nội hiện nay một số người trong cơ quan an ninh vẫn coi Phạm Duy là một tên "trùm văn nghệ phản động, chống cộng điên cuồng". Và chống cộng thì tất yếu là quan hệ lăng nhăng, mất tư cách, là nghiện thuốc phiện và bợm rượu. Thật là oan cho nghệ sĩ Phạm Duy. Anh không hề hút một điếu thuốc lá và đến bia anh cũng xin miễn. Anh không hút thuốc và uống rượu, trước kia và hiện nay là như thế. Anh hỏi thăm chúng tôi về các bạn bè cũ, hỏi thăm anh Lưu Trọng Lư, anh Đỗ Nhuận, anh Hoàng Cầm...và các chỉ huy bộ đội cũ, với tất cả kỷ niệm xưa êm đẹp của một thời trẻ trung. Và rất lo rằng, những cuộc tiếp xúc thế này và nguyện vọng hòa hợp để trở về thăm đất nước sẽ bị những kẻ cực đoan ở nước ngoài trừng phạt, cho ăn đạn chưa biết chừng.

Con người là một thực tế sống động và thay đổi theo bản chất, tư chất riêng, điều kiện và môi trường. Tôi sợ những con người cứng đờ, bất động, nằm trên giấy trong nhận định của những quan chức ngành tổ chức và an ninh. Chỉ cần họ tiếp xúc, đối thoại, quan hệ với nhau như những con người có lý trí và tình cảm, thì đỡ biết bao nhiêu thiên kiến hẹp hòi, những sự chụp mũ thô bạo và oan ức...
Gần đây, trong tình hình các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng nặng nề, có nước chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ, đã nảy sinh biết bao kinh nghiệm mới, hàng trăm tập chí kinh tế và chính trị viết về Liên Xô, các nước Đông âu, Cu Ba, Trung Quốc, Triều Tiên...Rất đáng tiếc ở Hà Nội có quá ít sách báo thuộc loại này. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong 8, 9 năm nữa, khi bước vào thế kỷ 21 sẽ ra sao? Cuộc cách mạng tin học, sinh học, năng lượng, vật liệu mới được dự báo như thế nào? Nên quan niệm gía trị của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê Nin ra sao? Như chân lý có tính chất tuyệt đối hay là một trong những học thuyết có giá trị để vận dụng và tham khảo? Chủ nghĩa xã hội là thế nào? Tiền đề của chủ nghĩa xã hội phải chăng là phải có sức sản xuất phát triển đến mực độ cao nhất định, nếu không chỉ là ảo tưởng và nói suông.
Các nhà chính trị và kinh tế Việt nam hãy tìm đọc những

tác phẩm của nhà kinh tế Paul Samuelson, để ít ra là hiểu rằng kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ phát triển mới đâu có hoàn toàn mù quáng, vô chính phủ. Các Nhà nước và các nhà kinh tế Nhật, Hoa Kỳ, Đức, Anh, Pháp...có những dự báo gần và xa khá sát đúng: ba tháng tới, các chỉ số kinh tế, tài chính ở từng khu vực, từng nước sẽ ra sao? Trong 2 năm, 3 năm, 5 năm, 10 năm, họ dự báo về từng khu vực, từng ngành để làm cơ sở cho chính sách kinh tế, tài chính, đầu tư rất cụ thể, qua vô vàn dữ kiện nạp vào máy tính điện tử, với phần cứng của cơ khí và phần mềm của trí tuệ, của quy luật, của phương phép tư duy và so sánh không kém phần biện chứng. Chúng ta cần hiểu những cuộc tranh luận nẩy lửa ở Liên Xô trong tình hình khủng hoảng hiện nay, không phải để bắt chước, mà để làm giầu thêm suy tư và tưởng tượng. Quan điểm của nhà kinh tế Agalbegian nổi tiếng về phóng khoáng, chống công thức cứng đờ, ra sao? Quan điểm của nhà kinh tế Leonid Abalkin từng là phó thủ tướng Liên Xô được thủ tướng Rujkov tín nhiệm ra sao nhưng đã bị gạt bỏ thế nào? (Cần chú ý Abalkin đã vài lần sang Việt Nam giới thiệu kinh nghiệm Liên Xô cho cán bộ ta, rất được tin cậy, đến mức như là sùng bái. Tôi thấy nội dung của những văn kiện đại hội VII vừa được thông qua ở Hà Nội mang rất đậm quan

điểm của Abalkin: Chuyển sang kinh tế thị trường một cách thận trọng, dưới sự kiểm soát, tác động chặt chẽ của nhà nước.) Cũng cần tìm hiểu kỹ những quan điểm kinh tế và chính trị của nhà kinh tế học Xô viết Oleg Bogomolov, đặc biệt là những chính kiến mới mẻ hơn của Nicolai Petrakov và Stanislav Chataline, hai nhà kinh tế trẻ có tầm nhìn khá rộng, tác giả của "Kế hoạch 500 ngày" tiến mạnh hơn vào nền kinh tế thị trường. Kế hoạch nay bị gạt bỏ bởi những lực lượng bảo thủ còn tồn tại khá dai dẳng trong nhà nước Liên Xô - Chataline, là ủy viên trung ương đảng cộng sản Liên Xô, đã trả lại thẻ đảng viên của mình ngay sau đó. Gần đây các nhà kinh tế học thế giới rất chú ý đến Grigori Yaplinski, nhà kinh tế xuất sắc từng là phó thủ tướng nước Cộng hòa Xô viết Nga. G. Yaplinski đã sang trường Đại học Haward ở Hoa Kỳ để thảo luận cùng nhà kinh tế học nổi tiếng của Hoa Kỳ là Graham Allison. Họ cùng nhau phác họa một kế hoạch tổng hợp, đưa nền kinh tế tài chính Liên Xô ra khỏi khủng hoảng gay gắt và đánh giá nhu cầu về sự giúp dỡ của các nước phương Tây đối với Liên Xô trong bối cảnh đặc biệt hiện nay Kế hoạch này được thảo luận tại cuộc gặp gỡ giữa những người cầm đầu 7 nước phương Tây với tổng thống Gorbachev ở Luân Dôn tháng 7 năm 1991 vừa qua. Công trình nghiên

cứu của nhà kinh tế Pháp Maurice Allais-giải thưởng Nobel- về nền kinh tế Hungari hiện nay! Công trình nghiên cứu của giáo sư Hoa Kỳ Jeffrey Sacha và của nhà kinh tế Hongrie Janos Kornai (tác giả của "Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế của sự thiếu thốn hàng hóa") rất bổ ích cho các nhà chính trị-kinh tế Việt Nam ta.

Những nhà lãnh đạo kinh tế, chính trị, tài chính của đất nước cũng cần đọc, tìm hiểu và tham khảo những công trình nghiên cứu của các nhà kinh tế học Tiệp Khắc, Ba Lan, Đức...để rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích: từ bỏ nếp quan liêu bao cấp, kế hoạch hóa nặng nề nhưng vô hiệu quả ra sao, về kinh tế thị trường có những thuận lợi và những cạm bẫy thế nào..., về khắc phục nạn thất nghiệp, thực hiện tư nhân hóa một số cơ sở quốc doanh, thực hiện các chính sách xã hội trong thời buổi giao thời, cải thiện hệ thống giáo dục, dạy nghề và hệ thống y tế...

Qua những gì đã diễn ra ở các đại hội đảng trước đây và đại hội VII vừa qua, qua các cuộc họp của quốc hội, cách làm việc của Nhà nước và của đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn rất quan liêu và đại khái. Thiếu những tài liệu, con số, phụ lục cụ thể, không có "địa chỉ" rõ ràng cho những vấn đề bàn luận, nghị quyết quá là chung chung, thiếu những biện pháp rạch ròi, thiếu những giải pháp thiết thực.

Nhìn chung chỉ là những phương hướng những mong muốn chủ quan đại khái, những ước vọng tốt đẹp chỉ có thể tồn tại trên giấy và trên báo chí. Hãy xem tài liệu họp đại hội đảng và quốc hội của các nước, nó chứa dựng những tư liệu, thống kê, so sánh, tỷ lệ, những phương án giải đáp cho từng thời kỳ, những biện pháp chi tiết, giải pháp khoa học với những giá trị cân đong, đo, đếm chuẩn xác...Báo Le Monde bình luận rất đúng là trong thời đại này, một nhà lãnh đạo chính trị, kinh tế, tài chính, cho đến văn hóa, văn nghệ đều phải biết sử dụng máy vi tính hiện đại (không phải để làm toán cộng trừ, nhân, chia) mà là máy ghi lại những dữ kiện và xử lý những dữ kiện ấy theo "chỉ thị" của người sử dụng. ở Việt Nam, máy tính điện tử đã bắt đầu sử dụng khá nhiều, nhưng nó vẫn còn hết sức xa lạ với cán bộ chính trị. Họ vẫn còn ngủ yên với cách suy nghĩ trừu tượng, đại khái rất chung chung, mang mầu sắc quan liêu và duy tâm...

Cả đất nước ta cần mở rộng tầm mắt, nhìn ra thế giới quanh ta để mà hội nhập, và thu về những kiến thức rất cần thiết.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

VIII Những tấm lòng

Tôi đang sống những ngày căng thẳng và chật vật. Mọi cuộc dấn thân đều phải thấu hiểu trước và chủ động chấp nhận. Những nỗi đau và bất hạnh của nhân dân thối thúc tôi có thể làm được gì thì phải làm hết sức mình. Những thảm họa mang tầm vóc dân tộc trẻ em gầy ốm, tỷ lệ chết khi sinh của các em quá cao (57/1000 cao gấp sáu lần ở Pháp và Mỹ), nạn thất học lan tràn, hàng 300, 000 học sinh bỏ học, hơn 70, 000 giáo viên bỏ dậy, hệ thống bệnh viện xuống cấp, người bệnh phải chung nhau hai người một giường, thiếu thuốc men. Nạn tham nhũng, ăn hối lộ của mọi cửa đè nặng lên cuộc sống người dân lương thiện. Tất cả những điều ấy không cho phép tôi do dự, tính toán cho riêng mình. Tôi tin là mình đã làm theo lẽ phải và lương tâm.

Và tôi đã được những sự giúp đỡ tận tình -Những tấm

lòng vàng. Xa gia đình bè bạn, đây là sự an ủi, cao hơn nữa là sức động viên, khuyến khích, cổ vũ tôi. Tôi có thêm biết bao bạn bè trên dất Pháp mới mẻ và xa lạ này. Anh chị em trí thức, làm báo, giáo sư, thầy thuốc...những người Việt yêu nước chân thành tìm hiểu việc tôi làm và giúp đỡ tôi rất chân tình. Những cuộc trao đổi ý kiến cởi mở, ngay thật về tình hình đất nước. Anh chị em ở Lyon, Marseille, Tonlouse, Lille...Paris đón tôi về nói chuyện và trao đổi ý kiến. Anh em theo dõi tình hình Việt nam rất chặt chẽ. Có gia đình đặt mua tất cả các loại báo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng từ Việt nam, có những tủ sách cực kỳ hiểm, ở Việt Nam cũng khó có thể có, gồm đủ loại sách báo từ đầu thế kỷ này. Tủ sách của giáo sư Hoàng Xuân Hãn, và của nhà nghiên cưứ Tạ Trọng Hiệp, gồm những sách cổ văn, Hán văn và chữ Việt là những kho tàng vô gía. Các vị sẵn sàng hiến những sách quý nhất cho đất nước. " nhưng không phải bây giờ, vì sẽ không phát huy được tác dụng mong muốn do tình trạng không ổn định, còn hỗn loạn qúa: ".

Vợ chồng chị Ngọc Bình ngỏ ý đón tôi về nhà anh chị. Chị quê ở Bạc Liêu, sang đây đã hơn 30 năm, tốt nghiệp đại học rồi dạy học. Anh Jacques chồng chị, giáo sư ngôn ngữ ở Đại học Sorbonne 7. Năm 1989, hai anh chị về thăm quê

hương Việt Nam, do đó hiểu khá rõ tình hình, thông cảm sâu sắc với tình cảnh gay gắt của nhân dân ta và rất tâm đắc với sự nghiệp đổi mới, nhất là với nhu cầu xây dựng một cuộc sống dân chủ về chính trị. Chị bảo tôi: " Tôi hiểu việc anh làm là cần thiết, là tâm huyết với nước mình. Anh hãy coi phòng này là phòng của anh, nhà này là nhà của anh. Anh cứ sử dụng tùy ý để làm việc ". Chị cho tôi ở một phòng, chị thường thay vỏ chăn, vỏ gối cho tôi- Anh đem cho tôi đài thu thanh để nghe tin tức và khi xem ti vi có tin thế giới lại gọi tôi sang xem. Anh rất giỏi nhiều ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, thường dự các cuộc họp quốc tế về ngôn ngữ học ở nước ngoài.
Thường trước khi đi làm, chị để ở trên bàn mảnh giấy nhỏ cho tôi : trong tủ lạnh có chả giò (nem Sài Gòn), có thịt gà, anh dùng đi nhé, hay : tôi có làm sẵn bánh cuốn, có thịt cưừ, anh ăn ngon nhé!...Đĩa trái cây luôn luôn đầy, gồm : cam, nho, táo, chuối...vì chị biết tôi rất thích ăn hoa quả. Chị luôn hỏi thăm sức khỏe, công việc, những tin tức gia đình, bạn bè tôi, động viên và an ủi tôi khi xa nhà. Cháu ngoại chị, bé Alise, 6 tuổi, là" bạn nhỏ " thân thiết của tôi. Nhà cháu ở gần nên mẹ cháu hay đưa cháu sang bà ngoại nhờ trông giúp. Cháu rất ngoan, hay hát, hay cười, hiếu động. Tôi cùng cháu chơi ú tim, đi trốn, đi tìm ngoài vườn,

bế cháu hái mận, cùng cháu hát những bài dân ca Pháp. Những lúc ấy tôi càng nhớ thêm hai cháu ngoại của tôi -bé Hoài Anh năm tuổi và bé Quỳnh Anh tám tuổi. Tôi được sống những ngày tháng ấm áp trong một gia đình có nền văn hóa hòa hợp Việt-Pháp. Hai anh chị thường trao đổi ý kiến với tôi về tình hình Pháp, tình hình Việt Nam. Mới đây hai anh chị sinh hoạt trong một lực lượng mới của cánh tả mang tên " refondation ", đặt nền móng lại cho các lực lượng chung của phái tả. Hai anh chị cũng là những nhà giáo có quan điểm sâu sắc về giáo dục. Anh chị đã áp dụng để dạy hai con gái, hai con rể và hai cháu ngoại. Đó là cách thức giáo dục tự do, khơi gợi nhân cách, hướng dẫn cho các cháu tự suy nghĩ, tự kết luận, tự dạy mình, hoàn thiện mình, tạo nên phong cách sống độc lập và tự chủ rất thoải mái, êm ấm mà sâu sắc, vừa rất trí tuệ lại vừa rất tình cảm. Cả nhà sống chân thật với nhau, không mảy may mầu mè, khách sáo, giả tạo, luôn ngay thẳng và tôn trọng sở thích của nhau, tin yêu nhau rất mực. Những lần bé Alise về nhà, cháu cứ đòi vào phòng tôi để chào " tông tông Tín ", thơm tôi rồi mới chịu về. Chị Ngọc có quan điểm dân chủ rất mới mẻ, chính chị yêu cầu là trong đổi mới, mọi người không nên ở trong cấp ủy quá hai nhiệm kỳ, và tập trung làm việc thật tốt trong một thời gian nhất

định, rồi sau đó nhường chỗ cho người khác. Có làm như vậy lãnh đạo mới được bồi bổ thường xuyên bởi các lực lượng trẻ kế tiếp và không làm những người bị thay thế có mặc cảm là kém cỏi. Theo đúng tinh thần: tre già măng mọc.

Tôi thường đưa chị xem những lá thư tôi nhận được từ Hà Nội. Đó là thư của vợ tôi, con gái, con rể tôi và cả của cháu Quỳnh Anh mới 8 tuổi, cũng như các thư của các chị tôi, ba chị ở Hà Nội, một chị ở Hải Phòng và một chị ở thành phố Hồ Chí Minh. Vợ tôi rất sửng sốt khi nghe tin tôi ở lại và vô cùng lo lắng khi nghe những buổi phát thanh đầu tiên của đài BBC truyền đi, những câu trả lời phỏng vấn của tôi. Cuối một lá thư vợ tôi kể có lần đang đạp xe trên đường phố, có người đạp theo để hỏi thăm, tuy chưa hề quen biết và nhờ chuyển lời hỏi thăm tôi, khuyến khích cả gia đình chịu đựng những khó khăn do việc tôi làm mà ông ấy cho là : can đảm, biết hy sinh cho đồng bào. Qua thư ấy tôi được biết có một số giáo viên quen biết gia đình hứa hẹn rằng : " Chị chớ quá lo, sau này anh ấy về, dù có khó khăn ra sao, bọn tôi sẽ góp phần cho cuộc sống của gia đình...". Tôi xây dưng gia đình tháng 9-1956. Vợ tôi quê ở thành phố Vinh. Hồi ấy tôi đóng quân tại đó. Tôi luôn đi xa, vợ tôi lo việc nuôi và dạy dỗ 2 con nên người. Vợ tôi

là giáo viên, vừa nghỉ hưu năm 1990. Con gái tôi, Bùi Bạch Liên, 34 tuổi, là bác sĩ gây mê hồi sức ở bệnh viện Mắt trung ương. Được thư con gái, tôi ngồi tần ngân suốt cả buổi chiều. Cháu viết : " dù sao con cũng tin ở bố, ở sự sáng suốt và lòng chân thành của bố đối với đất nước. Con chỉ mong bố giữ sức khỏe thật tốt, đó là điều cần thiết nhất. Có những lúc thương bố quá, con chỉ mong được sang ở đó với bố, dù phải đi làm vất vả như rửa bát cũng được, miễn là được chăm sóc bố hàng ngày. Bố mà có làm sao thì đời chúng con chẳng còn ý nghĩa gì nữa..."
Tôi quý Bạch Liên từ nhỏ. Khi đi học, cháu rất chăm và được bạn bè rất qúi mến. Cháu hiền từ, chân thật. ở bệnh viện nơi cháu làm việc, ai cũng quý cháu, từ viện trưởng là giáo sư Nguyễn Trọng Nhân, đến các chị y tá, lao công. Tính cháu ngay thẳng, có lần cháu kể : " Con rất buồn bố ạ. Thuốc men ở bệnh viện đã thiếu mà có người nỡ đổi thuốc và lấy cắp thuốc của công, cũng là thuốc của bệnh nhân. ". Con rể tôi cũng lo lắng cho tôi. Cháu đã qua môt cuộc thi tuyển để đi học ở trường Đại học Harvard (Hoa Kỳ) về quản lý kinh tế và đã đỗ. Thế nhưng cơ quan cháu là Uỷ ban nhà nước hợp tác và đầu tư với nước ngoài không cho cháu đi nữa, khi có việc tôi làm. Đó là chuyện rất vô lý, vì lẽ ra ai làm người nấy chịu, không thể quy kết

bừa là có liên quan...Cháu rất bình tĩnh và viết thư cho tôi: "...con hiểu việc ông làm và tin rằng thời gian sẽ ủng hộ ông. Con không được đi học nữa, nhưng con khóng ân hận và luyến tiếc một chút gì, con đã lường hết mọi chuyện cho đến mức xấu nhất..." Cháu Quỳnh Anh đã viết cho tôi đến bốn lá thư! Hai ông cháu như là bạn. Có những chuyên riêng của trẻ thơ cháu thích nhỏ to cùng tôi. Trước kia, tôi thường dắt cháu đi vườn hoa, đi mua sách thiếu nhi. Có khi hai ông cháu đi ăn chè, ăn kem. Một bức thư cháu viết : " ông ơi, con nguyền rủa trái tim bệnh tật nó làm cho ông đau..." Cháu xưng với tôi là " con ", rất năng vào bệnh viện thăm tôi hỏi tôi bị cơn đau tim nặng cách đây hai năm. Có bức thư cháu trêu tôi: " ông Thất Tín ơi, con vẫn tin ông Thành Tín và nhớ ông Thành Tín làm. Con đã biết đi xe đạp rồi, nhưng phải có mẹ con đi kèm ở bên cơ. Con đã bỏ vào ống tiết kiệm để dành tiền, con chờ ông về để đi mua sách, mua chuyện với ông..." Tôi bật cười khi đọc thư cháu- vì ông Mai Chí Thọ vừa chơi chữ, chụp mũ tôi là Thất Tín, còn gán cho tôi cái tội phản bội! Thật là quan trọng, vì từ mồm một ông Uỷ viên Bô Chính trị đương chức, lại là bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Chắc trong gia đình nói chuyện với nhau về chuyện này, Quỳnh Anh nghe được, nhớ rồi viết, để vừa là trêu, vừa là an ủi tôi. Cháu tính rất

hóm hỉnh. Thật đáng thương, từ bé, cháu đã phải sớm biết những chuyện vô lý, kỳ quặc như thế và cũng bắt đầu phải tìm hiểu những điều oan trái như vậy rồi...Tôi nhơ đến con, cháu, con dâu, con rể của các nhà văn Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, cũng đều bị phân biệt đối xử khinh thi, xỉ vả và dè bỉu hàng chục năm ròng. Chỉ vì những người có tâm huyết và tài năng ấy đã nói lên qúa sớm những sự thật.
Có một lá thư, trên phong bì chữ con gái tôi để gọn mấy chữ :
người gửi Quỳnh Anh - Thư đến quán ăn Việt Nam 80 Rue Monge - Paris - Cháu đề như vậy để cho tôi biết là thư gia đình. Thế mà chỉ một tuần sau, ở Hà Nội, cơ quan an ninh quốc gia đã mở một cuộc điều tra xem Quỳnh Anh là ai, làm gì, ở đâu, có phải là người trong nhóm Bùi Tín hay không! Chắc hẳn có người nào đó đã nhìn thấy phong bì và báo cho sử quán Việt Nam ở Pháp. Tôi đã viết thư cho đại sứ Phạm Bình, nguyên là bạn tôi, từng cùng nhau dự các cuộc họp quốc tế ở Indonesia, ở Malaysia, ở úc, nói rõ: " anh nên xem mấy anh phụ trách an ninh của sứ quán làm việc như vậy đó. Có gì xin cứ hỏi tôi. Tôi sẽ trả lời đầy đủ, không dấu diếm điều gì. Vì tôi làm việc này hoàn toàn từ đáy lòng tôi, từ suy nghĩ của riêng tôi, không liên quan đến bất cứ ai, không có phe hay nhóm gì cả! Quỳnh Anh là

cháu ngoại tôi, mới lên 8, học lớp 3, trường phổ thông Trưng Vương Hà Nội".

Cũng như hồi cuối năm 1990, đã xảy ra một chuyện rất buồn cười. Số là vào dịp cuối năm, nhân tuần nghỉ từ ngày Thiên Chúa giáng sinh 25. 12 đến ngay Tết dương lịch I. I., các anh em làm báo tiếng Việt ở Tây Âu, trong các hội người Việt thường tụ tập về Paris để trao đổi về tình hình đất nước và nghiệp vụ làm báo. Tháng 12. 1990 vừa qua có hơn 20 anh em từ Đức, ý, Anh, Thụy sĩ, Bỉ, Hà Lan...sang Paris. Anh em mời tôi tham dự vì coi tôi là đồng nghiệp, vào tối 29. 12 ở quán Monge. Một chuyện ngẫu nhiên ngày ấy cũng là ngày sinh nhật của tôi. Có mấy anh biết nên có mấy lời chúc mừng ngắn. Chuyện chỉ có vậy. ấy thế mà có người quan trọng ở sứ quán điện báo cáo về Hà Nội. Và thế là có thông báo của Ban Bí thư cho các chi bộ rằng : Bùi Tín đang tập họp bọn phản động ở Tây Âu về Paris để bàn mưu lật đổ! Tại cuộc họp báo, Bùi Tín có đọc diễn văn và họ còn hô khẩu hiệu phản cách mạng! Tôi đã viết thư về cho ông Dương Thống, người tôi từng quen biết, nay phụ trách Tổng cục An ninh, để nói rõ rằng : " Các anh cần biết bộ hạ của các anh làm viêc như vậy đó! Đầy những chuyện suy diễn, tưởng tượng, bịa đặt...Các anh đã nhận định oan ức bao nhiêu người, làm cho họ bị

đối xử bất công, mà nay vẫn chưa tỉnh ngộ và rút kinh nghiệm để sửa chữa. Tôi làm mọi việc ở đây công khai, đàng hoàng, đánh bài ngửa, không có gì khuất tất, ám muội, phải che dấu cả".

Cũng như trước Tết dương lịch, có vợ chồng anh Việt kiều ở Lille về thăm gia đình ở Hà Nội. Tôi nhờ hai anh chị mang về cho hai cháu ngoại hai con búp bê nhỏ. Thế mà cán bộ sứ quán ở Paris chạy đi hỏi hàng chục nơi: " Bùi Tín gửi qùa cho cháu là qua tay ai? có biết không? Sứ quán rất cần tin này! " Tôi gọi điện thoại đến sứ quán nói rõ tên người tôi gửi và nói thêm: " Đây là sự giúp đỡ hoàn toàn về tinh cảm, không mảy may có nghĩa là hai anh chị ủng hộ hay tán thành việc tôi làm, để rồi sứ quán sẽ gây khó dễ cho họ theo kiểu cách họ vẫn thường làm để trừng trị, trả thù vặt một cách vô lý ". Tôi rất xúc động nhận được ảnh chụp hai cháu ôm hai con búp bê qùa của ông ngoại. Mẹ cháu còn kể một tối thứ bảy, hai cháu về nhà tôi như thường lệ, từ dưới cửa hai đứa đã gọi to : " Ông ơi, ông ngoại ơi, ông đã về chưa?..." Và tối ấy lục tủ quần áo tôi ra, dành nhau mấy cái ao để ôm và đắp khi đi ngủ, " để chúng con đỡ nhớ ông! ". Bé Hoài Anh lên 5 rất sáng dạ và hiếu động, khi nhìn thấy ảnh tôi ở trên báo, còn nói to với bà ngoại : " Bà ơi, con nhìn thấy ảnh ông, mà con còn

ngửi thấy mùi ông nữa! " Thật ngây thơ và thương cảm qúa!.
Con gái tôi sống rất tế nhị và tình cảm. Khi con trai tôi, Bùi Xuân Vinh, đi Hồng Kông với vợ chưa cưới, Bạch Liên buồn vì nhớ em vô cùng. Cháu gầy hẳn đi và sưu tầm tất cả những gì của em để cất giữ làm kỷ niệm. Nay cháu càng buồn : " Gia đình ta thế là chia thành 3, 4 nơi! Biết bao giờ mới găp lại nhau cho đủ! ". Hai chị em quấn quít nhau từ bé. Khi cháu Vinh mới đẻ, gia đình còn ở phố Bùi Bằng Đoàn trong thị xã Hà Đông (thật là ngẫu nhiên chúng tôi được ở phố mang tên cha tôi. Nhà do sở Giáo dục tỉnh Hà Tây phân phối cho vợ tôi là giáo viên) cả phố đều biết cháu vì tiếng khóc như còi. Khi di vườn trẻ, cháu được cổ giáo Tám qúy và gọi là : thằng Bống cuả cô. Cháu năng động, yêu thể thao và âm nhạc. Cháu thích chơi đàn phong cầm, ghi-ta, có đôi tai sành âm nhạc. Đá bóng rất hăng, chơi quần vợt cũng không kém. Cháu đã có bằng kỹ sư cơ khí trường Đại học Bách khoa, tự học tiếng Pháp rồi tiếng Anh. Cháu nói tiếng Anh cũng tốt. Vợ chưa cưới của cháu là Hoàng Lệ Hằng học đến năm cuối trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, khóa tiếng Anh-Hai cháu xuống Hải phòng, rồi là "thuyền nhân" trên một chiếc tàu cũ. Trải qua 26 ngày đêm căng thẳng, sóng gió mới đến

Hồng kông vào tháng 3. 1989. trong trại kín, đến tháng 7. 1990 hai cháu mới được ra phố tự do, hiện chờ ngày đi Hoa kỳ, do cô em tôi ở California bảo lãnh. Tôi nhớ con đến day dứt-đứa con trai duy nhất của tôi, cháu đích tôn duy nhất của cha tôi - vừa tự hào và yên lòng, vì cháu có nét riêng. Chan hòa với bạn bè, cháu được bạn tin cậy và quý mến. Tôi cũng mừng vì cháu có tinh thần tự lập, ý chí quyết đoán làm chủ đời mình, khát vọng được học thêm để thành tài. Cháu chỉ kịp xin giấy kết hôn với người yêu ở quận Đống đa (Hà Nội) chiều hôm trước, sáng hôm sau cùng nhau xuống Hải Phòng để lên đường. Vợ cháu thuộc một gia đình trí thức, dản dị, thanh bạch, rất hợp với nếp nhà tôi, hai cháu lại hợp nhau. Tháng 4 vừa rồi, cháu gửi thư cho tôi có đoạn:

". . Con luôn tin rằng đất nước rồi sẽ phải thay đổi. Nhân dân, nhất là thanh niên không thể chịu được mãi cảnh thiếu thốn, nhất là thiếu quyền dân chủ. Con hiểu tình hình đất nước ta là cực kỳ vô lý. Nhìn vào lịch sử, không bao giờ những chế độ cầm quyền không được lòng dân lại được lâu bền. Người dân chưa dám nói ra vì còn sợ đủ thứ, nhưng nhất định tình hình sẽ thay đổi-Con tin rằng gia đình ta sẽ đoàn tụ trong nỗi vui mừng của cả nước được tự do. Chúng con chỉ mong bố giữ thật tốt sức khỏe. Bố

chớ lo gì cho chúng con. Chúng con đang chờ để sang với cô chú, nhưng có việc làm, nên cũng không sốt ruột như dạo trước..." Các chị tôi rất lo lắng cho tôi. Vì tôi tuy là con thứ 8 trong gia đình 10 người con, nhưng là con trai đầu. Hai chị lớn tôi mất từ hai, ba năm trước. Cả năm chị hiện còn đều thỉnh thoảng viết thư cho tôi và hàng ngày tụng kinh, cầu nguyện cho tôi. Gia đình lớn của tôi sống rất tình cảm, gắn bó - Hằng năm, ngày kỵ giỗ chính đều có mặt đông đủ tất cả các anh chị, em. Con cháu ngày càng đông. Nếp sống của gia đình thuộc dòng họ lớn là thế. Các chị tôi với hai anh em trai tôi (tôi và chú em Bùi Nghĩa, giáo sư y khoa) sống thuận hòa. Chúng tôi thương yêu, dùm bọc nhau, từ hồi tôi còn rất nhỏ, cho đến khi lớn, trưởng thành và cho đến tận ngày nay không hề gợn lên một điều gì bất thường xung khắc cả. Giáo dục trong một gia đình nề nếp mang tác dụng bền lâu. Sống ngay thật, không luồn cúi, không buông lỏng chạy theo tiền tài, danh vọng để rồi tham nhũng, hư hỏng là một định hướng sống đã thành máu thịt. Các chị tôi đều sửng sốt, bất ngờ trước việc làm của tôi hiện nay, nhưng đều tin rằng, việc làm ấy là từ một động cơ trong sáng. Song ai cũng không khỏi lo lắng cho số phận của tôi, vì e rằng kết qủa không chắc chắn, mà lại còn có thể chuốc họa cho bản thân và gia đình.

Em gái tôi hiện ở California, thường liên lạc qua thư từ và điện thoại với tôi. Đây là cô út, cả gia đình đều qúy mến. Cô từ Sài Gòn qua Mỹ cùng chồng tháng 4. 1975, đều là công chức dưới chế độ cũ. Chồng cô là cháu gọi cụ Nguyễn Thượng Hiền bằng bác ruột, người cùng làng Liên Bạt, _ng Hòa, Hà Sơn Bình. Em tôi có một con gái đã lấy chồng. Hai vợ chồng là kỹ sư cấp cao, ngành tin học. Trong một bức thư gửi cho tôi, con rể cô báo tin vừa sanh con gái đầu lòng và viết : " Cháu rất cảm động đọc thư bác bày tỏ nỗi lòng của mình với đất nước. Mong mỏi con dân nước Việt trong cũng như ngoài nước noi gương Lý Công Uẩn: " canh khuya chẳng dám co chân duỗi, chỉ ngại non sông xã tắc xiêu ", thì nước ta có cơ thoát vòng hoạn nạn. Bác đã gióng tiếng chuông chính trị lên rồi, bọn cháu hy vọng những người hiểu biết ở cả hai phía sẽ đứng dậy..."
Gần đây khi được biết ở Hà Nội, có người chụp mũ cho tôi là kẻ "phản bội", cô em tôi cản ngăn tôi chớ có trở về, khuyên tôi sang Hoa Kỳ ở, có sẵn nhà cửa, rồi sẽ dọn gia đình tôi sang đoàn tụ. Tôi rất hiểu tình cảm của cô em tôi, nhưng tôi trả lời tôi dứt khoát trở về. Trong cơn nước sôi lửa bỏng của nhân dân, không thể bỏ chạy, lo cho riêng mình được.
Các anh chị em còn ông bác ruột tôi cũng chung nỗi lo

tương tự, khi sinh thời, cha tôi và các ông bác, bà cô tôi ứng xử đối với tất cả những thành viên trong họ hàng thân thuộc như chung một mái nhà vậy. Ông chú họ tôi năm nay gần 80 tuổi, hiện là bậc trên nhất của dòng họ, cũng nhắn tin, cổ vũ, căn dặn tôi : phải tỉnh táo, cẩn trọng trong mọi việc làm, tâm niệm giữ lòng ngay thật vì dân, vì nước...

Tôi cũng nhận được hơn một trăm lá thư của bè bạn. Vì an toàn của các bạn ấy, tôi không thể kể tên và địa chỉ ra đây. Có người rằng phải trung với đảng, hiếu với dân, song giờ đây anh lại đóng vai trọng tài phán xét, phủ nhận với luận điệu xuyên tạc cả quá khứ và hiện tại..."

Một số anh em ở báo Quân đội nhân dân đã đáp ngay lại bằng một bài báo ký tên " Bút bi chiễn sĩ " gửi cho tạp chí " Nhà báo và Công luận ". Tất nhiên bài này không được đăng. Anh em sao lại, gửi cho tôi. Trong có đoạn:

"...Chúng tôi sửng sờ đọc bức thư ngỏ " Gửi anh Bùi Tín " của Tuấn Minh đăng trên tập san Nhà báo và Công luận. Những người cầm quyền lo sợ cái đứng đắn, hợp lòng dân qua " bản kiến nghị của một công dân " và các buổi phỏng vấn truyền thanh của Thành Tín đã mộ được một lính đánh thuê mẫn cán!"

Bài báo kkông hề nói đến nội dung đầy chân lý của bản

kiến nghị và lời giải thích trên đài, vì không ai làm nổi việc bác bỏ nó cả. Có phải cơ hội hòa hợp và hòa giải dân tộc đã bị bỏ lỡ? Có phải chiến lợi phẩm và tài sản qua cải tạo tư sản và gian thương phần lớn đã bị tiêu tan? Có phải tuổi trẻ, trí thức, văn nghệ sĩ có tài năng và tâm huyết đã bị khinh thường và trù dập? Có phải những vụ án "xét lại ", " chống đảng ", " phản động " là bất công, cần minh oan? Có phải lăng Bác Hồ, cầu Thăng Long, Thủy điện Hòa Bình là trái với đạo lý dân tộc và coi thường giới kỹ thuật? Có phải di chúc của bác Hồ bị cắt xén và sửa chữa là coi thường người chết và coi thường người dân? Có phải tệ giáo điều và duy ý chí đã gây tai họa vô cùng? Có phải tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi lan tràn là do đảng độc quyền lãnh đạo, bóp nghẹt dân chủ?...Tất cả đều là sự thật.

Tuấn Minh không dám bác nội dung, chỉ dùng lời lẽ vu cáo, bôi đen, kiểu tiểu nhân, đánh người vắng mặt để hòng lập công và tiến thân. Tự nhận là đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp mà phản bạn, phản bội chân lý.! Khi còn ở báo Quân đội, Thành Tín và Tuấn Minh là hai thái cực mà chúng tôi nhận thấy rất rõ. Thành Tín ngay thẳng, khiêm tốn, say nghề làm báo bao nhiêu, thì Tuấn Minh thủ đoạn, đạo đức giả, nịnh trên, nẹt dưới, bất nhân với anh em bấy

nhiêu...
Chúng tôi thấy cần vạch mặt kẻ cơ hội mao-ít trước công luận và nhờ gia đình anh Thành Tín chuyển đến anh sự ngưỡng mộ và tin cậy của những người làm báo trẻ-quân nhân chúng tôi. Anh là tấm gương sáng cho mọi người làm báo, khi đất nước và nhân dân đang trong cảnh nước sôi, lửa bỏng này..."
Tôi còn nhận được hơn 80 bức thư của bạn nghe đài trong nước viết cho tôi hoặc viết về tôi được gửi cho đài phát thanh BBC ở Luân Đôn, hoặc qua bưu điện Paris, chưa kể hơn 100 bức thư của các bạn Việt Nam hải ngoại (ở Pháp, Mỹ, úc, Canada, Tiệp Khắc, Đức, Liên Xô, Bulgarie...).
Còn qua điện thoại thì không sao kể xiết. Các nhà báo, phóng viên truyền thanh, truyền hình Pháp, ý, Anh, Bỉ, Hòa Lan, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nauy, Thái Lan, Hồng Công, Singapore, Indonesia, Philipin...từng quen biết hoặc chưa quen biết, đều gọi tới để phỏng vấn, trao đổi ý kiến, hỏi thăm sức khỏe hoặc tình hình riêng của tôi. Tôi đã ghi kín cả ba bốn cuốn sổ tay, tên địa chỉ và số điện thoại những bạn bè cũ và mới, thuộc đủ các giới, nghề nghiệp, quốc tịch và chính kiến...Thế mới biết dư luận còn quan tâm nhiều đến tình hình đất nước ta.
Một lá thư đề ngày 17. 4. 1991 của tập thể các em học

sinh trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong thành phố Hồ Chí Minh viết:"...học sinh chúng em rất ủng hộ bản kiến nghị của ông Bùi Tín và rất phẩn nộ trước thái độ thờ ơ của chính phủ. Chúng em mong anh Đỗ Văn phát lại phỏng vấn cho cả nước nghe một lần nữa..."

Một em học sinh (tôi không thể ghi tên em) lớp 12 G, trường phổ thông trung học Kim Thành, huyện Kim Yên, Hải Hưng viết: "...với trình độ hiểu biết của học sinh trung học, chúng em cũng có thể nhận thấy những điều ông Bùi Tín phát biểu trên đài BBC là hết sức thực tế và trách nhiệm. Dù sao đến lúc này, đất nước ta đã có một người dám đứng lên nói tiếng nói của nhân dân. Cho phép chúng em gửi lời cám ơn ông Bùi Tín và xin đài BBC cho chúng em biết địa chỉ của ông Bùi Tín hiện nay ở đâu...". Một bức thư khác đề ngày 7. 2. 1991 từ thành Phố Hồ Chí Minh viết "...ông Bùi Tín vừa bị khai trừ ra khỏi đảng và bị cách chức, tôi cho đây là một tin mừng. Trước hết tôi mừng cho ông Bùi Tín. Đảng lấy oán trả ân là đảng phụ ông chứ ông không phụ đảng. Đồng bào trong nước ai cũng biết và ái mộ ông hơn nữa. Tôi biết rất nhiều cán bộ và đảng viên cho rằng ông nói rất đúng, nhưng trong các buổi sinh hoạt họ vẫn phải buộc lên án ông..."

Bạn H. P. ở thị xã Sơn Tây viết: "...cho tôi gửi lời thăm ông

Bùi Tín và chúc ông kiên trì trên con đường của mình. Tham quyền, tham nhũng, bảo thủ đang ở khắp nơi. Những người dân chúng tôi chỉ có cái thắt lưng to để thắt bụng. Hình như những người lãnh đạo đang có lý tưởng làm nghèo đất nước!..."

Bạn V. H. ở Nha Trang viết: " Tôi rất khâm phục ông Bùi Tín vì ông đã nói lên được những điều mà người dân Việt Nam chỉ được phép chứng kiến bằng mắt chứ không được quyền nói lên bằng lời. "

Một lá thư của bạn nghe đài ở Hậu Nghĩa để ngày 25. 3. 1991 viết:

"Thưa đại tá! Đảng bởi dân mà ra, đảng bởi dân mà còn. Dân không khai trừ đại tá ra khỏi đảng, thì không ai có quyền khai trừ cả. Đại tá vẫn là đảng viên của dân.

Mất hàng triệu đảng viên xấu không bằng mất đi một đảng viên biết thương dân...có người dân sẵn sàng hiến dâng trái tim mình để đại tá phẫu thuật thay tim mới, hầu bệnh tim không còn. Toàn dân đang cầu nguyện cho đại tá bình phục và chóng thành đạt...xin đại tá an tâm, toàn dân, bộ đội cùng đảng viên chân chính không bỏ đại tá đâu..."

Anh N. D. V. ở thành phố Hải Phòng trong thư đề ngày 15. 1. 1991 viết: " Nhờ qúy đài chuyển tới ông Bùi Tín lời đồng tình, ủng hộ của chúng tôi đối với những quan điểm, chính

kiến của ông trong mục đích đưa đất nước thoát khỏi tình trạng hiện nay..."

Anh T. V. ở Hà Nội viết: " Anh Thành Tín đưa ra kiến nghị là môt tín hiệu khởi sắc đang được lưu ý trong trào lưu dân chủ hóa ở Việt Nam, nó báo hiệu rằng, trong thời vận hiện nay, trào lưu ấy đang từng bước tiến tới chỗ chín muồi..."

Ông C. A. D. ở Cần Thơ, Hậu Giang trong một bức thư dài có đoạn viết: " Xin thông tin ngược với anh chị ở đài BBC rằng, các buổi phát thanh của ông Bùi Tín thật là xuất sắc. Xuất sắc ở chỗ người thực hiện và xuất sắc ở con người Bùi Tín. Nhiều người đã nghe và rất đồng tình với ông Bùi Tín..."

Một lá thư khác gửi cho tôi viết: "...anh đã gây một chấn động rất lớn qua các buổi phỏng vấn. Việc làm của anh làm sôi động dư luận trong nước, bất cứ nơi nào tại Sài Gòn, những người có học vấn và quan tâm đến tình hình trong nước đều bàn luận và tán thành việc làm của anh...đến nỗi Mai Chí Thọ, em ruột Lê Đức Thọ, bộ trưởng Nội Vụ đã phải lên tiếng thóa mạ anh. Tôi xin ca ngợi anh Đỗ Văn đã làm đầy đủ chức năng của một người làm công việc truyền thông, giúp cho nhà biết được sự thật rất nhiều sự thật".

Tháng 1 năm 1991 một lá thư của nhóm Việt Kiều yêu nước ở Trung Quốc gửi cho tôi viết: " Chúng tôi rất ái mộ tấm lòng dũng cảm và yêu tổ quốc của ông. Song chúng tôi can ông rằng: " Ông chớ vội về Việt Nam trong lúc này, e rằng nếu không chết mất tăm trong nhà tù, thì cũng bị quản thúc không hoạt động được gì. Xin ông hãy nán lại ở ngoại quốc để làm việc có lợi cho dân tộc và đất nước..."
Một em học sinh ở đảo Lại Sơn viết cho tôi, giọng thư thật vô cùng cảm động: "...em vừa được nghe đại tá bị khai trừ và cất chức. Em học lớp 12, cuối cấp ba, nên cũng hiểu được phần nào về chính trị, nên rất qúy trọng ông, một con người dũng cảm và sáng suốt, nói một cách rất thẳng thừng về xã hội Việt Nam..."
Một bức thư dài từ Quảng Ngãi đề ngày 10. 3. 1991 của bạn P. V. M. ở Mộ Đức gửi cho tôi viết: " Xin báo tin để ông biết, đời sống công nhân, viên chức đất Quảng quá khổ - Một nữ giáo viên lương một tháng có 35. 000 đồng, có người phải đi làm để nuôi con dại vì một lon sữa ngoại 12. 000 đồng. Một số cán bộ phải đạp xe xích lô suốt đêm để nuôi sống gia đình, và còn cái nạn thất nghiệp nưã, khẩu hiệu được truyền bá hằng ngày nghe thật hay...
• Tất cả vì dân.
• Đảng viên, cán bộ là đầy tớ của nhân dân

• Lo trước cái lo của dân, sướng sau cái sướng của dân
• Không có chế độ nào dân chủ hơn chế độ ta...
Những Khẩu hiệu ấy chỉ là lừa dối người dân, nghe không lọt được lỗ tai! Tôi nhớ câu châm ngôn của người Anh : Người ta có thể lừa dối một số người mãi mãi, hay lừa dối tất cả mọi người một thời gian nhất định. Nhưng không ai có thể lừa dối mãi mãi tất cả mọi người!
Kẻ lừa dối cứng đầu cuối cùng ắt phải bị chỉ mặt và bị trừng phạt. "
Tôi cũng nhận được 21 lá thư của bạn trí thức, lao động, hiện đang sống, làm việc ở Đức, Tiệp Khắc, Bulgarie và Liên Xô. Những bức thư kể về hoàn cảnh khó khăn của anh em đi xuất khẩu lao động, những vụ xô sát do kỳ thị chủng tộc của một số dân nước sở tại, thái độ vô trách nhiệm, bạc nhược và tham nhũng của một số nhân viên sứ quán Việt Nam, cũng như những lòng tốt của những người dân thương, trí thức và lao động các nước đó. Anh chị em rất chú ý đến bản kiến nghị của tôi và tỏ thái độ hoan nghênh rất mạnh mẽ. ở Đức, Tiệp Khắc và Bulgarie đã tự xuất bản một số tờ báo theo xự hướng dân chủ, hòa hợp, đa nguyên, không bạo động...Đó là những tờ báo Diễn đàn, Dân chủ, Cánh én, Điểm tin...in chưa thật đẹp nhưng mang nội dung đặc sắc, có đủ thế tài: ngôn luận,

bình luận, phóng sự, điều tra, diễn đàn, truyện ngắn, thơ, tóm tắt tình hình trong nước, và tình hình quốc tế. Có bức thư viết: " Chúng tôi có thể đi buôn để kiếm sống, làm giầu cho bản thân và gia đình, mua xe ôtô, tậu nhà, để dành vốn lớn để tiêu xài. Nhưng còn đất nước và đồng bào ta thì sao? Lúc này phải cứu dân, phải cứu nước ra khỏi đói nghèo và lạc hậu. Có ra ngoài mới biết nước ta chậm tiến cả về chính trị, kinh tế và mức sống. Mà chậm tiến về chính trị, không có dân chủ là tai họa lớn nhất, là cái gốc của sai lầm và đau khổ..."

Một kỹ sư thay mặt cho " một nhóm các trí thức trẻ ". từ Tiệp Khắc về nước năm 1990, viết một lá thư dài cho tôi ngày 10. 3. 1991, có đoạn viết: " Trở về Tổ quốc, chúng tôi hoàn toàn thất vọng. Tình hình chính trị Việt Nam mới vang lên được vài tiếng nói dân chủ thì nay đã bị thay thế bởi những quan điểm cực hữu theo quan điểm Stalin và Mao. Thêm vào đó là rối loạn về kinh tế, lạm pháp về tài chính, sự tự cô lập về đối ngoại, làm cho cuộc sống của người dân vô cùng đau khổ. Qua thư này chúng tôi muốn bầy tỏ sự ủng hộ và đồng tình với quan điểm chính trị của ông. Chúng tôi đều cho rằng:

• 1- Cần phải tranh đấu chấm dứt sự chuyên quyền của một đảng, chuyển sang một thể chế đa nguyên, thể hiện

dân chủ theo nguyên tắc công khai và tự do (tự do ngôn luận, tự do lập hội, báo chí.)

• 2- Cần tập hợp đông đảo trí thức, những người yêu nước, những thanh niên khát khao tự do và dân chủ...trong một tổ chức chính trị tổ chức tranh đấu thắng lợi.

• Những bản kiến nghị của những trí thức có tâm huyết vừa qua là tấm gương dũng cảm cho những ai thật sự yêu nước, thương dân và cho những người có lương tri, hiểu biết.

• 3- Cần phối hợp với quốc tế, kêu gọi sư ủng hộ và giúp đỡ nhiều mặt của quốc tế, của cả tổ chức dân chủ và từ thiện, xã hội...cho phong trào dân chủ ở Việt Nam.

• 4- Mục đích cuối cùng là: Xây dựng ở Việt Nam một xã hội dân chủ, một nhà nước pháp quyền thật sự do dân lựa chọn và tự do thật sự vì dân, xây dựng một chế độ đa nguyên là động lực của sự phát triển đất nước..."

• Đất nước ta vừa qua có đến gần 20 vạn người, phần lớn là thanh niên, đi xuất khẩu lao động. Đã có hơn 80. 000 đã trở về, mang những ước vọng sâu sắc về dân chủ và tự do. Anh chị em đã sống ở nước ngoài, nhận biết được nhiều thông tin trực giác ở các nước sở tại, cũng như từ nhiều nguồn thông tin đại chúng đồ sộ khác của nhiều

quốc gia. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Có điều kiện để so sánh một cách thực tế và rõ ràng, anh chị em đang nung nấu một hoàn bão rất trẻ, rất khỏe về dân chủ hóa đất nước...

• Một bác nông dân ở Minh Hải đọc cho con viết một lá thư bốn trang lớn gửi cho tôi. Bác kể:

• " Cả gia đình tôi rất siêng nghe BBC, nhứt là từ khi ông đưa kiến nghị. Vậy là người dân Nam Bộ biết được ông là người cùng ông Vũ Kỳ bí thơ cụ Hồ đưa ra công khai toàn bộ Di Chúc cụ Hồ mà họ đã cắt bớt không cho dân biết. Nhờ vậy, người dân mới được giảm thuế 50 phần trăm liền hai năm. Chúng tôi gửi lời cám ơn ông nhiều lắm. Ruộng đất là do công khai phá của tiền nhân, của cha ông để lại cho con cháu. Tiền nhân đổ mồ hôi và máu xương đất ruộng này. Ruộng này của nhân dân chớ! Chúng tôi yêu cầu trả lại ruộng cho nhân dân, trả lại quyền sở hữu chủ cho nông dân. Có quyền sở hữu đất ruộng, các gia đình mới đầu tư, ráng hết sức sản xuất, làm ra thiệt nhiều lúa gạo. Nông dân chúng tôi đòi chuyện này cho tới cùng đó. Các ông nói ruộng đất của toàn dân là nói sai, họ dành hết ruộng tốt chia cho bọn cường hào mới. Phải trả lại ruộng cho nông dân để người cày có ruộng". Bác nông dân đã nói lên khát vọng có lý lẽ của người nông dân

nước ta.

• Tôi rất chú ý đến một số bức thư của anh chị em trí thức ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nam Định, Huế...Điều lý thú là những lá thư ấy không chỉ tán thành những ý kiến của tôi, mà còn đề ra những ý kiến mới, chứng tỏ ở nước ta còn có biết bao nhiêu người đang cùng suy nghĩ về hiện tình đất nước, cố tìm ra những giải pháp thích hợp. Có thể nói những lá thư này truyền cho tôi thêm nghị lực và niềm tin. Một giáo sư ở thành phố Hồ Chí Minh viết : " Noi theo anh, tôi cũng mạnh dạn nêu lên một " bản chương trình toát yếu " gồm 5 điểm như sau:

• 1- Đảng cộng sản Việt Nam ra tuyên bố tự nguyện xác định laị vị trí chính trị của mình, từ bỏ ưu thế độc tôn, chuyên quyền trong 15 năm qua trên phạm vi cả nước. Đảng chỉ có thể dành ưu thế chính trị thông qua đua tranh với các tổ chức chính trị khác một cách bình đẳng, tự do, trong khuôn khổ một hiến pháp mới. Phải xóa bỏ cơ chế chính trị xã hội phi dân chủ đã lỗi thời.

• 2- Giải thể quốc hội và chính phủ hiện nay, thành lập quốc hội và chính phủ mới trên cơ sở tổng tuyển cử thực sự dân chủ, tự do và bình đẳng. Quốc hội mới tập trung dự thảo và thông qua hiến pháp sửa đổi, luật mới về ứng cử, bầu cử, luật kinh tế, luật về tổ chức hoạt động của các

phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, đài phát thanh, truyền tin, truyền hình). Nếu cần thì trưng cầu ý kiến toàn dân về một số vấn đề cơ bản nhất.

• 3- Giải thoát ý thức hệ hiện hữu khỏi những thiên kiến cũ kỹ, không áp đặt những chủ thuyết lỗi thời cho dân tộc. Xây dựng ý thức hệ tự do, đa nguyên, phù hợp với nền văn minh thời đại, đã được kinh nghiệm lâu dài của các nước tiến bộ kiểm nghiệm. Thực sự tự do tín ngưỡng, đòi sự bình đẳng, công bằng với các tôn giáo.

• 4- Thực hành phi quốc doanh hóa nền kinh tế theo quy luật tự nhiên của cơ chế thị trường. Chỉ giữ lại những cơ sở lớn cần thiết. Lấy sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất làm nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

• 5- Giải tỏa mọi tư tưởng kình chống, định kiến với một số quốc gia trên thế giới. Thiết lập mọi bang giao bình thường với mọi quốc gia, đặc biệt với những cường quốc hàng đầu. Xin gia nhập chính thức ngân hàng thế giới WB và qũy tiền tệ quốc tế FMI, giao hoàn toàn vấn đề Campuchia cho người Campuchia...

Với kiến nghị của anh Thành Tín, của nhiều bậc thức giả khác, lối ra đã sáng tỏ, ngọn đèn xanh hy vọng đã bật sáng, hỡi những ai có lương tri và tâm hồn dân tộc, hãy hưởng ứng bằng mọi cách với lòng dũng cảm phi

thường!..."
Vậy là không phải chỉ có những chính kiến của ông Nguyễn Khắc Viện, ông Hoàng Chí Minh, ông Lê Giản, ông Lữ Phương, ông Phan Đình Diệu...mà còn biết bao nhiêu ý kiến xây dựng, rất bổ ích và thức thời khác nữa đều bị bóp nghẹt và ngăn chặn truyền bá, coi như nguy hiểm cho trật tự và an ninh của đất nước!
Tôi biết ơn tất cả những bạn bè đã quen hoặc chưa biết mặt đã ủng hộ hoặc cổ vũ tôi.
Sau Tết âm lịch, hai nghệ sĩ cải lương là Đức Hậu, Ngọc Huyền từ thành phố Hồ Chí Minh sang biểu diễn ở Paris đến dự một cuộc họp mặt thân mật với Việt kiều. Tại đó, tôi ngồi gần nữ nghệ sĩ cải lương Kim Chung. Bà sang Phap từ lâu. Tôi nhớ khi còn nhỏ đã xem vở tuồng " Đổng Trác hý Điêu Thuyền " rất mùi mẫn. Bà ngồi cạnh một bà bạn đã lớn tuổi, tóc bạc trắng - Vô tình tôi nghe được câu chuyện của hai bà. Bà bạn nghệ sĩ Kim Chung kể : " Tôi vừa ở Hà Nội về hôm kia. Bà biết không, ở Hà Nội người ta tòan bàn về chuyện ông Bùi Tín. Cứ buổi tối, đang ở đâu là người ta lại xem đồng hồ để trở về nhà nghe đài BBC, nghe ông Bùi Tín nói. Hay không thể tả được! Đúng là không thể tả được! Ai cũng bảo các ông ấy chịu nghe ông Tín thì tốt biết bao nhiêu!" Chị Kim Chung, vốn biết tôi

từ hôm trước Tết do tôi được chồng chị-anh Bàu Long - giới thiệu, cứ nhìn tôi mỉm mỉm cười, gật gật đầu. Sau đó chị nói với bà bạn: " Thế chị đã gặp ông Bùi Tín bao giờ chưa? Đây, ông ấy đây này, xin giới thiệu với chị..." Thế là tôi được nghe kể những chuyện rất cụ thể, cảm động về thủ đô, lại là những chuyện mới nhất.

Cũng tối ấy tôi gặp lại một số anh chị em ở sứ quán Việt Nam. Bắt tay, chào hỏi bình thường, chúc nhau sức khỏe...Từ hồi tháng 9, 10 tôi đã nhiều lần đến sứ quán, trước khi tôi đưa ra bản kiến nghị.

Đại sứ Phạm Bình lại là bạn khá thân. Ông Bình mời tôi đến chơi ngay khi tôi đến Paris, đang ở khách sạn do báo L'Humanité thu xếp. Ông muốn biết thêm về tình hình nên yêu cầu tôi nói về những nội dung, tinh tiết cụ thể về nghị quyết trung ương lần thứ 9 (vừa họp cuối tháng 8. 1990). Sau đó ông lại mời tôi một bữa cơm riêng ở sứ quán, nghe kể về kết quả cuộc hội thảo về tướng Lơclec. Tiếp đó ông mời nhà văn Nguyễn Đình Thi và tôi đến bàn việc chúng tôi xuống Marseille dự cuộc họp bàn tròn về quan hệ Pháp -Việt, có bà Hoàng Xuân Sinh và bà Dương Quỳnh Hoa tới dự. Đầu tháng II, ông mời tôi đến dự quán nói chuyện cả một buổi chiều cho tất cả cán bộ của sứ quán (kể cả cơ quan thông tấn xã Việt Nam, đại diện kinh tế, ngân hàng,

văn hóa Việt Nam ở Paris) về tình hình đất nước. Tôi đã nói khá rõ về hiện tình mọi mặt của đất nước và một vài khía cạnh chính kiến của tôi mục đích đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. Khi kết thúc, một số anh chị em cán bộ trẻ đến gặp tôi, nói lên những nỗi băn khoăn của họ về tình hình sa sút về các mặt của xã hội và nhận xét: các ông cán bộ sang đây toàn nói những mặt tốt giả tạo, "chỉ có chú là nói lên tình hình thật, thư bọn cháu nhận được của gia đình còn bị đát hơn nữa kia ".

Tôi được biết, ngay sau khi tôi đưa bản kiến nghị đến sứ quán để chuyển về nước, Ban Bí thư trung ương đảng điện ngay sang cho đại sứ ở Paris yêu cầu được báo cáo rõ thêm những tin tức về tôi. Họ hỏi rằng Bùi Tín làm việc này là do quan hệ với những ai, chịu ảnh hưởng của ngươì nào, bị những người Việt hay người nước ngoàilôi kéo? Tôi cũng sớm được biết ông đại sứ Phạm Bình đã điện về nước rằng : theo chỗ ông ta hiểu và đánh giá thì Bùi Tín làm việc này do tự cá nhân mình và tự chuẩn bị khi còn ở trong nước. Ông ta viết thêm : Mấy năm nay tôi đã nhiều lần làm việc và đi họp với anh Bùi Tín. Do đó biết rằng anh ấy vốn có những ý kiến riêng của mình đã nhiều năm nay rồi".

Đây là một thái độ trung thực của ông Phạm Bình. Tất

nhiên ông rất không tán thành và không bằng lòng với việc tôi làm nhưng ông vẫn cho người tiếp xúc hoặc gọi điện thoại cho tôi để hỏi thăm sức khỏe và mặt khác tìm hiểu thêm về tôi. Tôi vẫn gặp, nói chuyện với cán bộ sứ quán một cách bình thường. Một số quan chức cản ngăn, phê phán việc tôi làm, nhưng một số anh chị em trẻ hơn thì tỏ thiện cảm, thậm chí rất thông cảm với tôi. Vài người còn vượt qua cả những rằng buộc của cơ chế, những nguy hiểm có thể chuộc lấy cho mình để thăm hỏi và giúp đỡ tôi chút ít về vật chất. Để tránh tai vạ cho những anh chị em ấy, tôi đã hết sức cám ơn và xin phép chưa nhận những sự giúp đỡ qúy báu vô cùng ấy. Thậm chí gần đây, do tôi còn ở lại Pháp ít lâu nữa, một số anh chị em sứ quán gián tiếp hỏi thăm, an ủi và lo rằng tôi sẽ buồn trong khi chưa trở về nước. Những tấm lòng không thể nào quên!

Một số anh chị em Việt kiều ở Mỹ và Canada gửi thư và điện cho tôi. Chị Tương Như, nữ ký gỉa khá nổi tiếng của báo Mercury News phỏng vấn tối qua điện thoại, rồi viết ngay bài đăng báo. Những bức thư điện tử (electronic mail) đến rất nhanh, trong nháy mắt, truyền cho tôi tức thời hình chụp rõ từng nét chữ của các bạn ấy, qua máy fax của một luật sư và một nhà kinh doanh rất có lòng với đất nước. Anh chị em gửi sang cho tôi những tập báo tiếng

Việt ra hàng ngày và hàng tuần ở bên đó.
Có những bài báo lên án tôi kiểu chửi bới, nào là Bùi Tín là "cuội ", tức là giả vờ phê phán để chuẩn bị cho một thay đổi nào đó, nào là phải vạch trần bộ mặt cò mồi của Bùi Tín, nào là : đây là một vụ trá hàng! Hoặc : đây là một khổ nhục kế của Hà Nội. Lại có báo chí rõ : Bùi Tín còn tự nhận là cộng sản, còn bênh vực chủ nghĩa xã hội thì vẫn còn là kẻ u mê, tăm tối...Có bài nhận xét tôi là một kẻ tay sai của một nhóm nào đó được cử đi để dọn đường, vận động cho một số đổi mới mi-ni sẽ được đề ra ở đại hội 7, nhằm mở xúp páp, làm xì hơi sự bức bội của dân chúng, một trò chiến tranh tâm lý nhăng cuội rẻ tiền. Cũng có bài báo chỉ trích tôi rằng chỉ chằm chằm vào một mục đích cứu đảng khỏi cơn khủng hoảng, chứ không hề có ý định cứu nhân dân ra khỏi thảm họa, rằng chỉ có một vấn đề là cứu nhân dân còn đảng cộng sản phải cút xéo, phải xuống đài, giải thể, thậm chí phải đưa ra xử tội. Cũng có bài báo chỉ trích tôi rất nặng lời : còn ca ngợi công lao của ông Hồ Chí Minh thì còn là một kẻ cuồng tín, vì ông Hồ là kẻ có tội lớn nhất!
Cũng có người cho rằng, tôi còn chưa xin tỵ nạn chính trị, còn tính chuyện trở về là chưa thể tin được : Họ còn ra điều kiện : tôi phải gia nhập tổ chức quốc gia chống cộng

thì mới có thể đoàn kết, bắt tay, hòa hợp được...
Cũng có bài phê phán tôi là thái độ nhập nhằng, không rõ ràng. Họ nhận xét tôi theo chủ nghĩa cộng sản, ở trong đảng cộng sản lâu quá rồi cho nên nay bỏ thì thương, vương thì tội, không dứt khóat được. Họ bảo tôi ở trong tình trạng bế tắc, bị kẹt cứng giữa " hai làn đạn ", bơ vơ, lạc lõng, cứ thế này thì không có lối nào thóat cả...
Lại có những người quá khích, cực đoan, một mực chủ trương dùng bạo lực, chuyển lửa bạo động về quê hương, gây nội chiến, một chủ trương mù quáng, dại dột, chỉ đẩy người dưới quyền họ vào cái chết vô ích. Họ chống lại tôi khá quyết liệt là lẽ đương nhiên. Lại có những bài báo mở ra những cuộc tranh luận về tôi. Bùi Tín là người thế nào? Có những chủ định gì? Quan điểm và chính kiến ra sao? Đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài như thế nào? Có một số bài viết tốt, khách quan, am hiểu tình hình, lại có những bài viết theo nhận xét chủ quan, suy diễn, trích vài câu, vài chữ của tôi để phê phán, với thái độ cố chấp, vũ đoán : anh không có chính kiến giống như tôi, thi tôi không thể đồng tình được với anh, tôi phủ nhận anh cả gói!
Tôi sẵn sàng trao đổi ý kiến với mọi người luôn theo dõi và có ý kiến về tình hình và vận mệnh của đất nước. Tôi biết

ơn họ đã quan tâm đến công việc của tôi và góp ý với tôi. Tôi cố lắng nghe để tiếp thu những ý kiến tốt. Trong anh chị em người Việt ở nước ngoài, không thiếu những tấm lòng và hiểu biết. Tuy xa đất nước, anh chị em vẫn nhận được những thông tin khá kịp thời và chính xác, qua đài, báo, thư từ gia đình...Có thể nói ai cũng mong đất nước sớm vượt qua cuộc khủng hoảng nặng nề kéo quá dài...Ai cũng thấy phải khôi phục lại uy tín của đất nước, không thể để nước mình tụt hậu đến thế này cả về mức sống, nền kinh tế và đời sống chính trị. Có ngươì nói: nhục quá! Mình đâu có hèn kém mà thua xa các nước xung quanh qua xá rồi! Có người lo sợ về sự sa sút đáng sợ về đạo đức, có người lo về hệ thống y tế, giáo dục xuống cấp đến cùng cực. Có người từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trở sang, buồn nản vô cùng về cái tệ hối lộ, lo lót, lót tay tùm lum. Ai cũng nung nấu một ước vọng Việt Nam mình phát triển, mở mặt với đời để lấy lại cái hãnh diện, niềm tự hào là người Việt Nam giữa thế giới ngày nay.

Trong những cuộc gặp gỡ, trao đổi ý kiến và đối thoại với mọi đối tượng, tôi luôn nói lên chính kiến rõ ràng của mình. Tôi coi trọng chủ nghĩa Mác, vâng, đúng thế - Nhưng tôi không cho chủ nghĩa Mác là chân lý tuyệt đối và duy nhất. Tôi coi đó là một trong những gía trị của tư duy và lý luận

cần vận dụng một cách thích hợp. Tôi công nhận biện chứng pháp mác-xít là một trong những phương pháp suy luận khoa học, cần sử dụng như một công cụ có ích của nhận thức. Tôi là người cộng sản ư? Trước đây, tôi là người cộng sản như tôi vẫn quan niệm : người cộng sản phải là người yêu nước, thật thà, nhân hậu, không tham lam, ích kỷ, thật lòng phấn đấu cho một xã hội phồn thịnh, không có bóc lột, bình đẳng và nhân ái. Nếu không ai được như vậy mà mang danh cộng sản thì chỉ là cộng sản giả, cộng sản vỏ. Mặt khác tôi thấy chủ nghĩa cộng sản còn quá xa vời. Nói đến chủ nghĩa cộng sản, giữ cái tên đảng cộng sản lúc này là không thích hợp, là quá sớm vì nó ở ngoài tầm với của thế hệ hiện nay và thế hệ tiếp theo. Nay tôi không còn là người đảng viên cộng sản nữa. Họ đã khai trừ tôi. Hiện tôi là người yêu nước, không đảng phái. Còn chủ nghĩa xã hội? Chủ nghĩa xã hội hiện thực méo mó, dị dang, năng xuất thấp kém, quan liêu bao cấp, chứa đựng biết bao bất công và phi lý. Nó trái ngược với chủ nghĩa xã hội khoa học, thế nhưng chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ mới tồn tại trên lý luận, trên sơ đồ của nhận thức, trên những trang sách, trong những ý định tốt đẹp. Tôi cho rằng chủ nghĩa xã hội khoa học muốn trở thành hiện thực phải hội đủ những điều kiện khách quan. Đó là

một nền sản xuất phát triển rất cao, một giai cấp công nhân lớn mạnh, có đầy đủ nhận thức về sức mạnh tiền phong của mình, được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị mang trí tuệ của thời đại, do đó được nhân dân cả nước tín nhiệm. Các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực lâm vào khủng hoảng nặng nề, phần lớn bị phá sản là do không thực hiện được như thế, và cũng chưa có điều kiện vươn lên tầm đó. Bệnh chủ quan, nôn nóng, duy ý chí, làm lấy được bất chấp điều kiện khách quan và chủ quan là nguyên nhân của thất bại tất yếu. Chính xã hội và nhân dân các nước ấy đã tự mình phủ định những chế độ xã hội chủ nghĩa dị dạng, độc đoán và chuyên quyền, bất công và nghèo khổ. ở nước ta, chủ trương đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là vẫn tiếp tục con đường chủ quan, duy ý chí, bất chấp điều kiện khách quan và chủ quan. Việc gọi đúng bệnh, bốc đúng thuốc vẫn chưa làm nổi. Có gan nhìn thẳng vào sự thật. Nhìn cho rõ và thấu đáo. Và có gan đoạn tuyệt vời những sai lầm cũ. Có gan phác họa hẳn một con đường mới. Phải dũng cảm và sáng suốt làm mới làm được việc lớn này. Chớ có sỹ diện, nhùng nhằng, bỏ thì thương, vương thì tội với những bệnh tật của quá khứ. Cách đề cập mới là : đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng- Phát triển sản xuất, làm ra nhiều của

cải là mối lo ưu tiên của toàn xã hội. Nếu công nhận quyền sở hữu ruộng đất một cách rõ ràng đầy đủ của ngươi làm ruộng, kích thích mạnh mẽ sức sản xuất nông nghiệp, làm ra thật nhiều nông phẩm thì sao không dám làm? Sao cứ ngập ngừng không dám từ bỏ khái niệm sở hữu toàn dân chỉ vì lấn cấn bởi những khái niệm chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội? Vốn trong dân còn rất lớn, lớn gấp mấy chục lần vốn của nhà nước. Quyền tự do kinh doanh phải thành một động lực quyết định. Sao không hề có chính sách khuyến khích tư nhân mạnh dạn bỏ vốn sản xuất, làm ra nhiều hàng hóa, lập công ty, chủ hãng sản xuất, chủ xí nghiệp biết làm ăn, biết làm giầu trong khuôn khổ luật pháp. Khuyến khích hướng này phát triển thì mới hạn chế rồi chấm dứt được tình hình vốn trong dân nằm im lìm, hoặc chỉ bỏ vốn để đi buôn, nhất là đi buôn lậu, đi chạy mánh, đi làm giầu phi pháp, luồn lách qua những kẽ hở của cơ chế tham nhũng và hối lộ. Cần giới thiệu mạnh những nhà và nhóm kinh doanh sản xuất tư nhân mạnh dạn bỏ vốn lớn, làm ra hàng hợp thị trường và có lãi, người chủ, cổ động và công nhân đều có lợi vững chắc...Những hãng tư nhân xay gạo, chế biến nông sản, dệt, ngành điện tử, cơ khí, giao thông vận tải, vật liệu xây dựng, hóa chất...làm ăn phát đạt xuất hiện ngày càng

nhiều sẽ chứng minh người Việt Nam ta không kém về đầu óc kinh doanh. Phải làm cho vị trí xã hội của các nhân vật kinh doanh nổi lên, được xã hội coi trọng, nganh hàng với những nhân vật chính trị, với những trí thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội là dấu hiệu tốt. Nếu họ được xã hội ngưỡng mộ hơn các nhân vật chính trị và những nhà khoa học cũng không sao. Cần bằng luật pháp và dư luận xã hội bịt chặt hoạt động của bọn làm ăn phi pháp và bất chính thì mới mở đường được cho những nhà kinh doanh chân chính thi thố tài năng và năng khiếu làm ăn, phương châm rất cần thiết lúc này : những cơ may đồng đều cho mọi cá nhân dẫn thân vào con đường kinh doanh sản xuất. Ai có tài thì ắt thành đạt. Thành đạt đàng hoàng và vững chắc.

Có người hỏi tôi : lúc này ông là người cộng sản hay người quốc gia? Có vẻ như buộc tôi phải có sự lựa chọn dứt khoát. Tôi đã bị khai trừ khỏi đảng do đó tôi không còn là người đảng viên cộng sản nữa. Tôi không bị bất ngờ vì đã lường trước chuyện ấy. Trước đây tôi không rút ra khỏi đảng vì tôi nghĩ rằng có thay đổi gì tốt đẹp ở nước ta cũng là phải do người ở trong nước đảm nhiệm và thực hiện. Những người yêu nước và dân chủ ở trong nước rất đông, phần lớn không ít còn ở trong đảng cộng sản. Vì đảng

cộng sản có đến hơn hai triệu đảng viên, ngoài chính đảng này ra, mọi tổ chức chính trị khác đều bị cấm. Nếu tôi ra đảng, những đảng viên cộng sản cả những người xấu và những người tốt đều coi tôi là kẻ bỏ chạy, kẻ đào ngũ-Tôi có ý thức giữ mối liên hệ tinh thần đồng cảm với tất cả những đảng viên cộng sản trong sạch, có lòng yêu nước thương dân có hiểu biết và đang ở trong tâm trạng như tôi hiện nay. Cách thức tôi nói cũng là để cho anh chị em này nghe được, để vừa hòa đồng, vừa thức tỉnh họ, được họ tiếp nhận. Cả đồng đảo nhân dân ở trong nước cũng vậy. Họ chưa thật quen cách nói thật thẳng thừng, có phần xô bồ, kiếm nhã, họ cho là thiếu bình tĩnh, thiếu cân nhắc, không thấu tình đạt lý, khó lọt được tai...

Còn tôi có phải là người quốc gia? Tôi không cầu nệ về tên gọi, về xưng danh, về nhãn hiệu, ê-ti-két...vì như trên đã nói, có người không mang trong mình những hoài bão cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản mà vẫn cứ tự trưng cái nhãn hiệu cộng sản, với chiếc thẻ đảng trong túi. Có những người tự xưng là " quốc gia " nhưng họ chẳng quan tâm đến nền độc lập và cuộc sống tốt đẹp của quốc gia Việt Nam ta hơn là túi tiền của họ. Họ là những chính khách xa-lông, họ làm chính trị bằng đủ mọi thủ đoạn vì họ trước hết, chứ đâu phải vì quốc gia, dân tộc. Nếu có

những người quốc gia, mang ê-ti-két quốc gia, thật lòng lo đến đất nước, thật lòng muốn góp phần cứu vãn đất nước khỏi những thảm cảnh hiện tại, mong được góp hết sức mình cho việc phát triển đất nước phồn vinh thì tôi thật lòng kính trọng họ, bắt tay thân thiện với họ, coi như cùng chung một đội ngũ đấu tranh, theo ý nghĩa chung nhất.
Có người sẽ trách cứ tôi là nhập nhằng, ba phải, không minh bạch, rõ ràng! Có người còn muốn vận động tôi vào tổ chức này, hàng ngũ kia của họ. Tôi lịch sự và dứt khoát trả lời : tôi là tôi, tôi có lập trường và cách nghĩ của tôi. Không ai nên và không ai có thể ép được tôi cả.
ở Paris, tôi cũng gặp một số vị hòa thượng và linh mục. Chúng tôi trao đổi ý kiến với nhau về hiện tình đất nước, về nghĩa vụ của một người công dân yêu nước. Và chúng tôi tìm ra những điểm tương đồng. Năm ngoái, tôi có những cuộc tọa đàm rất bổ ích với các vị thượng tọa chủ trì các chùa Quán Sứ và chùa Bà Đá Hà Nội. Tôi cũng trò chuyện khá lâu với Hồng y Trịnh Văn Căn trước khi ông mất ở Hà Nội tháng 6 năm ngoái. Sau đó tôi cùng ông Vũ Ngọc Nhạ - ông cố vấn - xuống thăm bà con giáo dân và một số linh mục vùng Bùi Chu, Phát Diệm. Trong khi đất nước lâm vào khủng hoảng nặng nề, đạo lý suy đồi nhanh chóng, chỗ dựa cũ của niềm tin bị mất, lòng tin tôn giáo có

tác dụng tích cực giữ cho con người khỏi sa đọa - Cái thiện trong con người được duy trì. Các vị linh mục ở quanh nhà thờ Phúc Nhạc cùng những thầy giáo địa phương chung sức để trẻ em khỏi bỏ học, cố duy trì nề nếp và chất lượng giảng dạy, thày ra thày, trò ra trò, trường ra trường, lớp ra lớp. Tôi thường nói với các cụ: lý tưởng của Các Mác, lý tưởng của Đức Phật Thích Ca, cũng như lý tưởng của Đức Chúa Giê Su rất gần nhau. Đó là xã hội thanh bình, có lòng vị tha, hỉ xả và bác ái. Ai cũng ham làm điều thiện, trừ điều ác, con người từ bỏ được những ham muốn thấp hèn. Lúc này là lúc những người cộng sản lương thiện cần sát cánh với các vị chân tu và đồng bào ngoan đạo, chung lòng chung sức đấu tranh, phấn đấu cho một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và phát triển, để cả nước ta tai qua nạn khỏi.

Tôi rất mừng được biết bà con xứ đạo ở nước nhà chăm chú nghe đài về bản kiến nghị của tôi. Một bà người Pháp trong đoàn của trung tâm Dân Chủ Pháp sang thăm Việt Nam tháng 4. 1991, kể cho tôi nghe: khi đoàn đến Đà Lạt, một số bà sơ người Việt đang làm việc trong các trại mồ côi kể lại rằng:" hồi tháng 12. 1990, chúng tôi rất chăm chú nghe đài BBC không bỏ qua buổi nào cuộc trả lời phỏng vấn của ông Bùi Tín và bản kiến nghị của ông ấy. Những

nội dung sao mà hợp với suy nghĩ của chúng tôi! "
Tôi rât biết ơn các bà sơ kể trên đã quan tâm đến ý kiến của tôi đối với hiện tình đất nước. 1976, tôi gặp các bà sơ làm việc trong Trung tâm chữa trị người nghiện ma túy ở Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Các bà, các chị chăm sóc trại viên còn tận tình hơn cả những người chị, người mẹ, cao quý hơn hẳn những người cộng sản " vỏ ", biến chất, chỉ lo thu vén riêng cho mình sau ngày Toàn thắng. Mấy lá thư từ Hà Nội cho biết các vị chủ trì ở một số chùa tổ chức tụng kinh cầu nguyện cho tôi rất đều đặn suốt mấy tháng nay. Tôi xin kính gửi lòng thành biết ơn đối với những nghĩa cử đẹp đẽ ấy. Tôi hiểu rằng những việc làm ấy xuất phát từ niềm mong mỏi chân thành của các vị sớm thấy nước nhà thoát khỏi cảnh điêu linh thê thảm. Tôi buộc lòng không thể đưa tên và địa chỉ các chùa nói trên vì cần đề phòng các cơ quan an ninh cử người đến quấy rầy và xúc phạm những nơi tôn nghiêm ấy, vin cớ rằng các vị đã khuyến khích, ủng hộ do đó đồng phạm với " kẻ phản bội "! như một số cán bộ tuyên huấn, an ninh ở Hà Nội đang cố rêu rao trên đài, trên báo và trong một số buổi thông báo nội bộ.
Tôi giữ ấn tượng sâu sắc đối với những người bạn Pháp cũ và mới, thuộc đủ mọi xu hướng chính trị: cộng sản, xã

hội, không đảng phái, các giáo sư, nhà báo, nhà kinh doanh, ...Họ đã khuyến khích tôi : Hãy giữ vững tinh thần, hay giữ vững lòng can đảm! Họ chăm chú theo dõi tình hình Việt Nam và lo lắng cho nhân dân ta, cho đất nước ta. Họ cho rằng tình hình sẽ chuyển biến theo hướng tốt đẹp. Họ giúp tôi bằng vô vàn cách thức riêng, rất cảm động. Họ góp ý cho tôi nên liên lạc với tờ báo nào, với ai, ở đâu để đánh động dư luận về chính kiến của mình. Họ giới thiệu tôi với các đài phát thanh Luxemburg, Bỉ, Hòa Lan, ý, Đức, ...để tôi trả lời phỏng vấn các đài ấy. Họ gửi cho tôi những cuốn sách bổ ích về tình hình thế giới, về Liên Xô, các nước Đông Âu, về Nhật bản, Đông Nam ...sách bên naỳ rất đắt, nên đây là sự giúp đỡ thật qúy báu. Tôi đã có cả một tủ sách qúy. Họ gửi cho tôi tạp chí, báo hàng tháng, hàng tuần bằng các thứ tiếng tôi đọc được. Họ cắt các báo, tạp chí, các tập ghi lại các đài phát thanh, những đoạn nói về Việt Nam rồi gửi cho tôi đọc và lưu giữ. Họ gợi ý cho tôi về cuốn sách này, giới thiệu các nhà xuất bản có uy tín và đáng tin cậy...Một số người bạn còn gợi ý sẵn sàng dẫn tôi đi tham quan ở trong Paris và vùng ngoại ô để tận dụng thời gian tìm hiểu thêm về nước Pháp - Họ mời tôi một số cuộc gặp mặt, thảo luận về hiện tình nước Pháp...Phần lớn là những người am hiểu tình

hình Việt Nam, có cảm tình với cuộc chiến đấu của Việt Nam dành độc lập, quý mến và khâm phục nhân dân ta. Khá nhiều người đã từng được chính trị hóa từ tuổi thanh niên trong phong trào ủng hộ Việt Nam chống chính sách thực dân của chính phủ Pháp. Họ chung một ước muốn Việt Nam thoát ra khỏi khủng hoảng, nhân dân Việt Nam đỡ cực nhọc, nước ta phát triển, thu hẹp khoảng cách đã quá xa về mức sản xuất với các nước láng giềng. Họ rất rầu lòng thấy vẫn còn nhiều người muốn bỏ nước ra đi, tăng cường không ngừng số " thuyền nhân " đang bị kẹt và chờ đợi ở các nước Đông Nam á. Họ rất nản lòng về kết quả của đại hội VII, khi thấy đổi mới không nhất quán, không đủ " đô" và có mặt còn thụt lùi...Có anh bạn trẻ Pháp rất qúy Việt Nam, lo tôi buồn, thỉnh thoảng lại ghé đến mời tôi đi ăn một bữa, đi chơi một vòng. Trời đông giá, anh mang đến một áo dạ ấm áp : " Đây là áo của ông cụ thân sinh ra tôi, còn rất tốt, tôi giữ lại làm kỷ niệm, nay rất mong được ông dùng để giữ sức khỏe mà làm việc cho đất nước - Trước nhiệt tình ấy, tôi không thể không đón nhận, mặc dù nhiều bạn Việt Nam đã cho tôi áo ấm.
Có gia đình Việt Nam ở lâu bên này hỏi chuyện tôi, cố hỏi được số điện thoại để gọi đến, mời tôi ghé chơi nhà, để bàn luận về tình hình đất nước. Biết rằng tôi dứt khoát

không nhận tiền của bất cứ ai, các bác, các anh chị tìm cách ủng hộ tôi bằng đủ thứ : người mua vé tháng xe bus, tầu điện ngầm để đi trong thành phố Paris, người cho thuốc bổ, có bạn ép tôi vào hiệu giầy để mua đôi giầy có lót lông thú để chịu được lạnh âm 20 độ, có người lo cho mũ ấm, bít tất, găng tay và quần lót chống lạnh, ông linh mục đưa cho chiếc ô để đi mưa, cũng là kỷ niệm, có người biết tôi viết sách, liền gửi đến hàng tập giấy dầy hàng ngìn trang và cả máy chữ đánh tiếng Việt, rồi cả máy com-pu-tơ hiện đại. Có người gửi đến hàng tá bia hộp, hàng tút thuốc lá thơm...Từ tháng 4. 1991, theo yêu cầu của con gái và em gái, tôi đã bỏ hẳn thuốc lá, để những người thân yên tâm và vui lòng, cũng là một cách giữ sức khỏe được tốt. Tôi có ý định bỏ là bỏ được liền, không luyến tiếc vấn vương, dứt khoát với chính mình, trước đó tôi hút đến gần một bao mỗi ngày.

ở Pháp chi phí bệnh viện rất nặng. Không có bảo hiểm xã hội thì không sao thanh toán được viện phí. Chiếu điện, thử máu đều rất tốn kém. Tôi tự đặt kỷ luật cho mình phải giữ sức khỏe. Trận ốm nặng đầu tháng 6. 1989 đã làm cho tôi những suy nghĩ nhiều hơn về cuộc đời. Tôi bị một cơn nhồi máu cơ tim thập tử nhất sinh. May mắn vào đúng nửa đêm, người lái xe cơ quan ngủ ở cạnh phòng thường trực

có điện thoại. Khi gia đình tôi gọi điện tới, anh cứ mặc quần áo ngủ phóng xe đến nhà tôi, cõng tôi ra xe đưa vào bệnh viện khi tôi đã lịm đi vì đau. Một cục máu đọng làm nghẹn một động mạch tim. Các bác sĩ phải cứa ngay động mạch cổ, luồn một chiếc "xông" nhỏ xíu vào tim để thông cho máu chạy. Vết thương để lại sẹo khá rộng, cả ở mặt trước và mặt sau tim, máu không tưới được hết. Tôi phải nằm hoàn toàn bất động 18 ngày. Các bác sĩ ở bệnh viện Việt Xô, Việt - Đức, Bạch Mai đều ghé qua bệnh viện tôi nằm, trao đổi, tham gia góp ý kiến với nhau để cùng trị bệnh cho tôi. Anh chị em các báo, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình đến thăm tôi rất đông, với tình nghĩa của làng báo. Từ những người trong giới văn nghệ thuật, cho đến bà con khu phố, bạn bè ở một số tỉnh lân cận cũng về thăm. Một nhà báo Mỹ vừa ghé qua Hà Nội cũng đòi vào thăm tôi. Có vị sư ở chùa tuổi đã cao cũng đến thăm. Một số hòa thượng tận Cần Thơ, Đà Nẵng gửi thư cho tôi, còn làm thơ động viên tôi mau bình phục. Trong cơn bệnh hiểm nghèo, tình nghĩa nồng thắm như thế làm tôi xúc động, tác dụng như là thuốc bổ vậy. Tôi nghĩ hơi lẩn thẩn rằng, coi như từ nay trở đi là được " sống thêm ". Và trong thời gian " sống thêm " này cần tận dụng tốt hơn cho con người, cho cuộc đời, có ích hơn cho nhân quần, xã hội.

Tôi thường nhớ đến những bạn bè thân thiết đã ngã xuống trong bom đạn ở Triệu Phong, Quảng Trị, ở Điện Biên Phủ, trên đường số 9, ở Tây Nguyên và ở miền Đông Nam Bộ...những nơi tôi từng đi qua. Tôi đã được sống sót, may mắn hơn những anh em khác biết bao. Tôi sửng sờ khi nghe tin người lái xe từng cấp cứu tôi đã chết trong một tai nạn xe cộ bất thần hồi tháng 12. 1990, để lại 6 người con (4 cháu còn nhỏ), vợ anh lại ở nông thôn cày ruộng, cuộc sống cực kỳ gieo neo. Anh cũng đã từng ở quân đội, chuyển sang báo Nhân dân như tôi và tình đồng đội, tình cựu chiến binh gắn bó hai chúng tôi.

Một số anh chị em Việt kiều làm việc trong ngành y ở Paris, hết sức nhiệt tình hỏi thăm sức khỏe và khám bệnh cho tôi. Các anh chị còn làm điện tâm đồ, góp ý cho tôi về phòng bệnh, nhiều lần châm cứu và cho đơn thuốc khi cần thiết, tất cả đều không lấy tiền. Tôi luôn giữ trong lòng mình những niềm biết ơn sâu đậm nhất đời với những tấm lòng qúy báu ấy.

ở Hà Nội, những người được lệnh viết bài để chống lại tôi bằng những thủ đoạn quen thuộc, đã tận dụng một số bài báo của phương Tây. Bên cạnh những bài báo tán đồng chính kiến của tôi, còn có những bài móc máy. Ngay trong một bài cũng có đoạn khen, đoạn chê. Đây là một điều tất

yếu trọng tự do ngôn luận. Trong một bài báo ở Paris, tác giả cho tôi là một " ông già cô đơn " vì khi trả lời phỏng vấn, tôi nói rõ rằng làm việc này của tôi hoàn toàn mang tính chất cá nhân, và tôi không có ai thuộc gia đình thân thiết ở Paris cả. Paris lúc đó lại vào mùa đông giá lạnh. Báo " Hà Nội mới" trích những đoạn của bài báo này với ý định làm cho những bạn đọc ở bên nhà hiểu lầm rằng tôi đang ở trong tình trạng cô độc và lẻ loi về mọi mặt.
Sự thật là ngược lại. Tôi được nghe kể đồng bào ta chăm chú nghe những buổi phát thanh của BBC ra sao. Không ít cơ quan và gia đình ghi âm tiếng nói của tôi. Một số anh em trẻ còn nhân tài liệu của tôi qua máy chụp. Có mấy trường đại học, anh chị em tổ chức chép tay lại...Tôi đâu có lẻ loi và cô độc! và ở đây tôi bận tíu tít các mối quan hệ bè bạn. Rất nhiều anh chị em Việt kiều, các bạn Pháp tìm gặp tôi, chật kín thời gian. Rồi anh chị em Việt kiều ở các nước Tây Âu khác, ở Đông Âu, ở Canada, ở Mỹ, ở tận úc sang thăm hoặc viết thư thăm. Trả lời thư, điện thoại...chiếm phần lớn thời gian trong ngày. Tôi đâu có đơn độc! Ngược lại tôi biết rằng, chưa bao giờ niềm đồng cảm của đồng bào trong nước với tôi lại sâu rộng như hiện nay, cũng chưa bao giờ tôi có nhiều bạn bè quen biết ở nước ngoài như hiện nay. Tôi đã lượng trước rằng, mỗi

cuộc dấn thân đều phải trả giá. Tôi bị khai trừ, bị vu cáo, gia đình tôi bị kiểm soát, bao vây và cô lập. Các bạn bè tôi ở nhà bị quấy rầy và đe dọa. Những người thân của tôi sống trong không khí căng thẳng chuẩn bị cho Đại hội VII, tất cả thư từ của tôi đi hay đến đều bị chận lại và tịch thu. Người ta đã thuyết phục - thực tế là đe dọa - tất cả những người thân và bạn bè của tôi phải cắt đứt dứt khoát mọi sự liên lạc. Ngừơi ta dựng lên vụ nhà quay phim Pháp Gesbe mang tài liệu và tiền của tôi về, một sự bịa đặt trơ tráo và lộ liễu, theo kiểu gắn nhiều việc liên quan một cách lấp lửng.

Cơ quan an ninh xét hỏi dồn dập bác sĩ Bùi Duy Tâm, một công dân Mỹ về mối quan hệ giữa ông Tâm và tôi chỉ vì ông Tâm có đem theo một lá thư tôi trả lời cho ông ta, trong đó tôi nói lên công khai chính kiến của tôi về hiện tình đất nước, không có điều gì khuất tất, cần phải che giấu cả.

Thế là không phải chỉ những người trong gia đình và bạn bè thân quen của tôi bụôc phải sống trong tình hình căng thẳng không bình thường. Cả những người ngay thật, không hề có quan hệ gì khác thường với tôi cũng bị quấy rầy và xúc phạm nặng nề đến thế.

Tôi không hề cảm thấy cô đơn. Chính những nối đau mới,

những phẫn uất mới làm cho tôi tăng thêm nghị lực cùng toàn thể nhân dân yêu qúy phấn đấu cho một tương lai dân chủ và phồn vinh của đất nước thân yêu. Vô vàn bạn bè mới ở trong nước và nước ngoài đang tiếp sức cho tôi trong việc làm cần thiết hôm nay.

Bùi Tín

Hoa xuyên tuyết

IX Lòng dân-ý trời

Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam đã kết thúc. . Vẫn như các đại hội trước, các báo ở Hà Nội đăng những hàng chữ đỏ : " Đại Hội đã thành công rực rỡ". Ngay ở trong đảng đã có mấy người tin rằng nghị quyết của đại hội sẽ được thực hiện, rằng chỉ trong 5 năm nữa nhân dân ta sẽ thoát khỏi cuộc khủng hoảng? Có mấy ai tin rằng trong 10 năm nữa tổng sản lượng nước ta tính theo đầu người sẽ tăng gấp đôi, nghĩa là 100 %? Đúng một tháng sau đại hội, giá vàng tăng lên từ 380. 000 đồng lên 460. 000 đồng một lạng, giá một đồng đôla từ 8. 600 đồng lên 9. 4000 rồi 9. 8000, ngấp nghé 10. 000 đồng, tiền lương của người lao động và viên chức vốn đã ít ỏi, lại bị giảm thêm trên thực tế. "cuộc sống rồi sẽ ra sao?", vẫn là câu hỏi xoáy sâu, quặn lòng người dân. Đại hội 7 đã không đáp ứng đúng tình hình cực kỳ nghiêm trọng, cuộc bắt mạch kê đơn cho đất nước không

kết qủa. Suốt 16 năm trải qua 4 kỳ đại hội, mỗi lần người ta cứ tưởng rằng đã tìm ra giải pháp, nhưng bệnh cũ cứ nặng thêm. Tìm ra bệnh bao giờ cũng chậm, kiểu vuốt đuôi, định chữa bịnh này thì con bệnh đã chuyển sang bệnh khác hiểm nghèo hơn.

Khi đất nước lâm nguy, nhiều ý kiến, kiến nghị đã được đề xuất. Nhưng lãnh đạo vấn giữ thái độ gia trưởng độc đoán, nhắm mắt, bịt tai. Khả năng lắng nghe vốn đã ít ỏi trở về con số không.

Có những lời bình đáng suy nghĩ. Một nhà báo Pháp nhận xét: " Đại hội 7 xét cho cùng chỉ là một cuộc trình diễn cho ông Đặng Tiểu Bình xem. Lẽ ra tìm nhiều bạn tốt, thì họ lại ngã hẳn về một phía, lao vào lòng "kẻ thù vĩ đại", cho rằng thế là đúng đắn: Chung một ý thức hệ chung một chế độ xã hội chủ nghĩa! cùng là đảng cộng sản, những tưởng khôi phục tình đồng chí, chí cốt và tìm ra được lối thoát!. . "

Sau đại hội, quan hệ giữa hai đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc được cải thiện rõ ràng. Theo tôi đây là sự liên kết giữa những người cùng chung một mối lo sợ đến hoảng hốt với trào lưu dân chủ và đa nguyên đang dâng lên mạnh mẽ ở trong mỗi nước. Đây là sự liên kết của những người bảo thủ về chính trị. Họ "tầm" nhau để duy trì

hiện trạng chính trị trong mỗi nước, bóp nghẹt nguyện vọng dân chủ của nhân dân, ngăn chặn một cách tuyệt vọng phong trào dân chủ đa nguyên đang lan rất mạnh ở châu Âu, Châu phi, châu Mỹ la tinh và cả ở châu á.
Tình hình thế giới những năm gần đây có những thay đổi hết sức cơ bản. Từ hai cực, hai phe đã xuất hiện tình thế đa cực. Từ đối dầu, sống mái chuyển sang cục diện hợp tác và đấu tranh trong chung sống hòa bình. Cách nhìn cũ không còn thích hợp với tình hình mới. ở nước ta hiện nay điều sinh tử và thiêng liêng nhất là giải phóng đến mức cao nhất sức sản xuất toàn xã hội, làm ra được nhiều của cải nhất đây là chìa khóa để cứu ván đất nước, con đường thoát ra khỏi khủng hoảng.
Nghèo đói và lạc hậu phải là nỗi đau chung, nỗi nhục chung của mỗi công dân, của mỗi người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Không chỉ lạc hậu về mức sống, mà cả về hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, về công nghệ, về quản lý, về dân chủ hóa, về chính trị. ý thức vượt qua nghèo đói và lạc hậu, đạt đến phát triển về mọi mặt phải là động lực chung của toàn xã hội, động lực vươn lên của mọi người Việt Nam có trách nhiệm.
Nhà thơ Nhất Uyên ở Paris đã đọc cho tôi nghe bài thơ của anh nói lên nỗi nhục ấy và chép lại tặng tôi. Bài thơ có

đầu đề: Nhục nước đói nghèo. Dưới đây là một đoạn:

...Nhục những tài năng lưu vong phụng sự xứ người mà nước mẹ,

đường về sao quá hẹp?

Nhục với tài nguyên thiên nhiên,

bốn mùa cây trái

nhục với biển dài,

sông rộng,

đất phì nhiêu,

nhục với trẻ thơ tong teo,

mẹ gầy đói ốm,

nhục với cha già trên vỉa hè lây lất

Nhục với độc lập mà đói hơn thời thuộc địa,

nhục với tự do,

dân gào thét tự do!

nhục với công bằng,

dân gào thét bất công , nhục với dân chủ,

mà khổ hơn thời địa chủ!

Nhục với Thái lan, Nam hàn...

đã tiến xa trên đường kỹ nghệ mà nước ta còn nghèo đói xin ăn!

Nhục với lý tưởng đẹp cao,

nhục thần tượng tôn thờ, nhục với lịch sử ngàn năm dựng

nước.
Nhục những kẻ không còn biết nhục,
hãm hại người ngay, xua đuổi người tài,
nhục kẻ bất phu
không biết đến kiếm Lưu cầu khi dân dân tộc đến cơ hàn cùng cực.
Ai là người vì vận nước ngày mai,
nuôi chí kinh bang
để cùng nhau rửa nhục.
Đổi mới về kinh tế quan trọng nhất hiện nay là công nhận quyền sở hữu ruộng đất của nông dân. Trả lại ruộng đất cho những lao động nông nghiệp, tài sản của cha ông bỏ công khai phá. Chủ trương của đại hội 7 vẫn còn nửa vời, vẫn coi ruộng đất là sở hữu của toàn dân. Các hộ nông dân chỉ có quyền sử dụng. Bà con nông dân vẫn chưa hoàn toàn yên tâm, chưa mạnh dạn bỏ vốn đầu tư, cải tạo, chăm sóc đồng ruộng vì họ chưa coi đó là sở hữu của mình.
Trong sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, phải thật sự tôn trọng, cổ vũ quyền tự do kinh doanh của tư nhân, mở ra một thời kỳ tư nhân mạnh dạn bỏ vốn riêng, hùn vốn riêng, mở xưởng, lập công ty: chế biến nông sản, chế tạo cơ khí, kinh doanh giao thông vận tải, mở các nghề tin

học, sinh học, hóa chất, vật liệu xây dựng...tạo nên cả một lớp nhà kinh doanh có tài năng, làm cho nền kinh tế sống động trong sản xuất ra hàng hóa là chính, chứ không phải đi buôn (phần lớn lại là đi buôn lậu!) và làm dịch vụ là chính như hiện nay. Việc xuất hiện hàng loạt nhà doanh nghiệp tài ba trong kinh doanh đàng hoàng (chứ không phải đi chạy mánh mung, đánh qủa, ăn xổi như hiện nay) là thước đo của sự đổi mới về kinh tế.

Đổi mới về kinh tế phải đi cùng với đổi mới về chính trị. Đây là hai mặt của đời sống xã hội có liên quan chặt chẽ. Không phải thực hiện máy móc, đổi mới kinh tế thực hiện đúng một bước thì đổi mới chính trị phải đúng một bước. Trên đại thể, kết hợp hai mặt đổi mới ấy. Không thể một mặt thì tiến lên mà một mặt thì lui lại! Như con người bước một chân lên trước, còn chân kia thì lui lại sau, sao mà đi được?! Hiện nước ta là như vậy. Kinh tế có định hướng, mở cửa tự do hóa, nhưng chính trị thì co lại, hạn chế quyền dân chủ hơn trước. Mâu thuẫn là ở đây. Có không bình thường là ở đây. Nguy cơ mất ổn định cũng là ở đây. Cái làm mất uy tín, mất cảm tình của bạn bè và dư luận thế giới cũng là ở đây.

Lập luận bảo thủ của đại hội 7 là : " Phải giữ ổn định bằng mọi giá. Bước đi, liều lượng mở rộng dân chủ phải tính

toán thận trọng. Không thể hấp tấp vội vàng. Nhấn mạnh dân chủ có lãnh đạo, dân chủ đi đôi với tập trung, gắn liền với kỷ luật". Lập luận này rất có hại. Nó kìm giữ đất nước trong tình trạng chậm tiến về chính trị, do đó cản trở đổi mới về kinh tế. Nó đi ngược lại khát vọng của nhân dân, nó mâu thuẫn với quan điểm nhân dân lao động làm chủ, vi phạm quyền công nhân.

Lập luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội của đại hội 7 là: " Đây là con đường do chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn ", do đó không thể nào từ bỏ được! Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được nêu lên là:

• Do nhân dân lao động làm chủ,

• có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu,

• có một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà mầu sắc dân tộc,

• Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Làm theo năng lực, hướng theo lao động. Có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

• Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Nhắc đến chủ tịch Hồ Chí Minh hàng đến mấy chục lần trong các văn kiện để " kiên trì con đường chủ nghĩa xã

hội là sự lựa chọn duy nhất đứng đắn của chúng ta " là không nên, không khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh mất đã 22 năm nay. Ông Hồ đã từng cùng với đảng chủ trương sớm hoàn thành hợp tác hóa toàn bộ nền nông nghiệp. Đến nay chủ trương này bị công nhận là sai lầm, vậy thì không thể chỉ dựa vào lý do vì đây là chủ trương của ông Hồ mà khẳng định đó là chân lý. Ông Hồ cũng chủ trương công nghiệp hóa đất nước với tốc độ cao, lấy công nghiệp nặng làm chính, đến nay chủ trương ấy cũng đã tỏ ra sai lầm. Hơn nữa, ông Hồ không còn sống để chứng kiến cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Và ông cũng không được thấy những đảo lộn cực kỳ hệ trọng trên trường quốc tế, làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới. . Theo tôi, tất cả các chủ trương, quan điểm của những người đã khuất, dù cho họ tài giỏi đến đâu, chỉ nên coi là những gợi ý, để tham khảo. Chỉ có những người đương thời mới có đầy đủ trách nhiệm, điều kiện hiểu biết để tự giải quyết mọi công việc của thời đại mình, của thế hệ mình.

Chính vì đuối lý nên người ta cứ phải viện ông Hồ Chí Minh! Một luận điệu của đại hội 7 là nước ta không thể quay về chủ nghĩa tư bản. Thật ra chúng ta vẫn chưa có chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cũng chưa có chủ nghĩa tư bản

theo đúng nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước đều sụp đổ rồi. Có đến hơn 100 nước tư bản hiện nay, trong đó có những cường quốc lớn nhất, có những " con hổ " ở châu á. Không nên câu nệ tên gọi, ê-ti-két. Có những nước tư bản rất phát triển, có nước tư bản rất chậm tiến. Có nước tư bản bảo đảm quyền lợi xã hội, bảo hiểm xã hội thật cao, như ở Bắc Âu được gọi là " nhà nước phúc lợi ". Ta không nên bắt chước mù quáng ai cả. Nên xây dựng một chế độ dân chủ, chăm lo phát triển sản xuất, rất quan tâm đến bình đẳng xã hội, hạn chế chênh lệch giàu nghèo, rất chú ý đến đời sống văn hóa, tinh thần, đạo lý trong xã hội. Một chế độ dân chủ tiến bộ. Tiến bộ có thực chất. Nhưng muốn tiến tới đó phải công nhận quyền sơ hữu tư nhân về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác. Nếu không sẽ không có gì cả!

Những đặc trung về chủ nghĩa xã hội mà đại hội 7 nêu ra không phải là điều kiện cần và đủ! ở các nước tư bản cũng có chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Nhiều nước tư bản, hệ thống hàng không, vận tải, đường sắt đường biển nằm trong tay nhà nước. Cũng có tư bản nhà nước nắm những cơ sở điện nguyên tử, điện tử, luyện kim, tín học...Có nơi nhà nước chịu mọi chi phí về giáo dục và y tế. Có nơi những phụ cấp xã hội, bảo hiểm, chăm sóc

trẻ em, người già, người lớn tuổi, người tàn tật rất cao, vượt xa những nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Quyền tự do cá nhân ở các nước tư bản, trải qua các cuộc đấu tranh quyết liệt của công dân, cũng đạt mức cao hơn nhiều các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực: tự do về tư tưởng, tự do lập hội, tự do báo chí, tự do xuất ngoại, tự do kinh doanh...

ở nông thôn Pháp, hình thức hợp tác xã rất phổ biến. Đó là hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, hợp tác xã tín dụng.

ở ta có người ngộ nhận rằng chỉ ở các nước xã hội chủ nghĩa mới có hợp tác xã, mới có xí nghiệp quốc doanh, mới có bao cấp về y tế, giáo dục...

Về nền văn hóa tiên tiến đậm đà màu sắc dân tộc thì tôi đã thấy biểu hiện của đặc trưng này ở ấn Độ và Indonesia, còn rõ hơn ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Đối chiếu với những đặc trưng đã nêu trên với hiện thực ở nước ta, thì có thể kết luận ta đề ra chủ nghĩa xã hội lúc này là hoàn toàn không thích hợp. Chính các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác như Karl Marx và Engel từng chỉ rõ: Chỉ có thể đặt vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội khi đã có điều kiện, đó là một nền sản xuất mang tính chất xã hội sâu sắc, gắn liền với một giai cấp công nhận sản nghiệp đông

đảo. ở ta cả hai điều kiện ấy còn lâu mới xuất hiện! Cái bệnh duy ý chí tai hại là ở đó. Hơn nữa chủ nghĩa xã hội trên thực tế đã và đang phá sản rõ rệt rồi!. Nó không còn sức sống qua thử thách khắt nghiệt của thực tiễn.
Trong " Bản kiến nghị của một công dân" tôi đề nghị đổi tên nước vì tên gọi " nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" hiện nay là không thích hợp. Lấy tên: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhiều người cho là quay trở về với cái cũ, không nên - Lấy tên nước Việt Nam Cộng Hòa cũng lại là quay về cái cũ khác. Cho nên có lẽ lấy tên nước Việt Nam (Etat du Viet nam) là ổn, vừa gọn, vừa rõ.
Cần dũng cảm và thông minh nhìn thật rõ, thật sáng: nước mình đang đứng ở đầu, ở thời điểm và hoàn cảnh nào, theo định hướng nào.
Tập trung xây dựng nền dân chủ thật rõ là dân chủ, một nền kinh tế dân tộc trên cơ sở quyền hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, và tự do kinh doanh là chính (nhà nước vẫn giữ một số ngành then chốt nhưng không ôm đồm). Còn đối với chủ nghĩa xã hội thì nhiều lắm cũng chỉ nên ghi là " theo định hướng xã hội chủ nghĩa", hay " sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa cho bước phát triển tiếp theo".
ở nước ta có chủ nghĩa xã hội đâu mà sợ mất! Đã có chủ nghĩa xã hội đâu mà gọi là bước thụt lùi! Chũ nghĩa xã hội,

một kiểu chủ nghĩa xã hội khoa học, có đầy dự tính dân chủ và nhân đạo- sau này dù có chăng nữa, thì lúc này vẫn còn là ở phía trước khá xa xăm.
Về chuyên chính vô sản cũng vậy. Ta nêu lúc này là rất không thiết thực, lạc lõng. Khái niệm này được đưa vào Hiến pháp năm 1980, chẳng có ý nghĩa gì thiết thực. Nó có tính chất giáo điều. Thì cứ nói xây dựng chính quyền vững mạnh là được, xây dựng nhà nước pháp quyền, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Thế là đủ, là rõ. Có lần tôi vào thành phố Hồ Chí Minh. Mấy anh đạp xe xích lô bảo : " Chúng tôi là vô sản đây. Chính quyền đâu có bênh vực vô sản! Các ông ấy coi bộ thù ghét vô sản dữ! " Cuộc sống vô sản thật bần cùng, kiệt quệ hơn dưới các chế độ cũ nhiều! Tình hình như vậy mà nói giai cấp vô sản nắm chính quyền, đảng của giai cấp vô sản, rồi chuyên chính của giai cấp vô sản, thì thật gượng gạo và trớ trêu!.
Nếu như dân chủ hóa đời sống chính trị của xã hội là yêu cầu bức thiết về chính trị thì thực hiện đa nguyên chính trị là vấn đề then chốt của yêu cầu ấy. Không giải quyết vấn đề này thì đảng cộng sản càng mất uy tín, lòng dân không yên và tư thế trước thế giới của đất nước ta vẫn còn kẹt cứng. Đa nguyên đã là hiện thực rõ rệt trong cuộc sống. Nhiều chế độ sở hữu là đa nguyên về quan hệ sản xuất.

Luật pháp bảo hộ quyền làm ăn chính đáng của nông dân làm ăn riêng lẻ, của nông dân hợp tác hóa, của thợ thủ công cá thể hay hợp tác, của công nhân các xí nghiệp tư nhân và quốc doanh, đó là đa nguyên về quyền lợi. Luật pháp bảo hộ tự do tín ngưỡng của mọi tôn giáo là đa nguyên về nhân sinh quan...Mọi phong cách, trưởng phái của văn nghệ sĩ được tôn trọng là đa nguyên trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật...Đa nguyên gắn bó với dân chủ. Đa nguyên chính trị dẫn đến đa đảng, là hướng đi tất yếu của xã hội dân chủ. Hiến pháp của tất cả các nước dân chủ đều ghi rõ : quyền tự do tư tưởng, tự do tổ chức, lập hội (lập chính đảng) của công dân. Hiến pháp của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tháng 12. 1980 ghi rõ trong điều 67 :" Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân". Rõ ràng phần chân lý ở đoạn trên, còn cái đuôi :" phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội " là đặt điều kiện để hạn chế quyền công dân kể trên. Còn "phù hợp với lợi ích của nhân dân " thì rõ ràng không thành vấn đề, vì người công dân càng có đầy đủ quyền lợi thì càng có nhiều lợi ích. Hạn chế quyền công dân chính là hạn chế lợi ích của họ. Văn kiện đại hội 7 có đoạn viết : " trong điều kiện nước ta

hiện nay không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập. Thừa nhận đa đảng đối lập có nghiã là tạo điều kiện cho sự ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp các lực lượng phản đông phục thù trong nước và từ nước ngoài trở về hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều nhân dân dứt khoát không chấp nhận (trích báo cáo của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh).

Đây là vấn đề sai lầm rất lớn, mang tính ngụy biện của đại hội 7. Đây là điểm ví phạm rõ nhất Hiến pháp, cũng là thái độ vi phạm nền dân chủ một cách ngang nhiên và công khai nhất. Họ lại lạm quyền nói thay nhân dân.

Văn kiện lập luận rằng :" không phải có nhiều đảng chính trị là có dân chủ, và không phải có một đảng là không có dân chủ ". Lập luận này chỉ đúng một nửa, nửa trên đúng. Còn nửa dưới sai. Cần chỉ rõ một chân lý chung nhất: dân chủ chỉ có thật khi công nhận nhiều tiếng nói, nhiều tổ chức, nhiều đảng phái. Hiến pháp công nhận quyền tự do tư tưởng, tự do tổ chức, tự do lập hội là mặc nhiên công nhận chế độ đa đảng. Vì trong xã hội có nhiều tư tưởng thì ắt dẫn đến có nhiều tổ chức chính trị một cách hợp lý. Trên thế giới hầu hết các nước đã thực hiện chế độ đa đảng. Những nước xã hội chủ nghĩa cũ hay ở trong thế

giới thứ ba đã lần lượt chuyển sang chế độ đa đảng. Đó là Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bulgarie, Hungari. Cho đến Nam Tư, Albanie, Mông Cổ đều thực hiện chế độ đa đảng. Phi châu cũng thực hiện chế độ đa đảng. Họ đi vào đường mù quáng sai lầm cả ư? Không! trái lại, chế độ độc dang là nguyên nhân của tình trạng độc đoán, quan liêu, xa rời thực tế tai hại.

Vấn đề cần bàn bạc kỹ lưỡng ở nước ta là thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng như thế nào cho tốt đẹp, là chuyển từ chế độ độc đảng sang chế độ nhiều đảng sao cho thuận buồm xuôi gió, không gây nên hỗn loạn xã hội. Vấn đề là ở chỗ đó, chứ không phải là lắc đâu nguây nguẩy, một mực từ chối đa nguyên chính trị trong tâm lý sợ hãi.

Cần giữ niềm tin ở nhân dân, ở công dân nước ta. Cần hiểu sâu sắc nhân dân Việt Nam có trình độ chính trị khá vững vàng, có truyền thống đoàn kết và nhân ái rất tinh tường, phân biệt ai có thiện chí đối với đất nước, ai đi ngược lại lợi ích của dân tộc và nhân dân. Nhân dân là trọng tài minh mẫn, nắm trong tay lá phiếu - quyền phán xét chuẩn xác. Họ có đủ sáng suốt để vạch mặt chỉ tên những kẻ có dã tâm gây rối, những kẻ mỵ dân...Luật pháp cần phải nghiêm để trừng trị kịp thời những kẻ cố tình gây bạo loạn. Quá trình dân chủ hóa chính trị phải dứt khoát đi

vào con đường đa nguyên. Giống như dân chủ hóa kinh tế phải dứt khoát đi vào con đường sản xuất hàng hóa và thị trường. Hai quá trình ấy gắn bó chặt chẽ, tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau phát triển.

Điều hợp lý là nghĩ đến phương án đi thận trọng từng bước. Nên vận động, thuyết phục hoặc có những quy định dân chủ để bước đầu chỉ nên có vài tổ chức chính trị xuất hiện. Nhân dân ta có truyền thống văn hóa sâu đậm. Đất nước Việt Nam là đất nước văn hiến lâu đời. Đối xử giữa những tổ chức chính trị sẽ có nhiều khả năng là sự đối xử lịch sự, có văn hóa, tôn trọng lẫn nhau, đối thoại, tranh luận trong không khí ôn hòa, bình đẳng và trung thực. Đối lập trong xây dựng và đấu tranh thẳng thắn với nhau, chứ không phải đối lập trong sống mái và sát phạt lẫn nhau. Thực hiện được như vậy, cuộc sống chính trị của nhân dân ta sẽ bước một bước khá dài trên con đường dân chủ hóa. Lợi thưc tế là rất lớn. Lòng dân sẽ yên. Trí tuệ của nhân dân sẽ được phát huy. Đảng cộng sản sẽ có điều kiện để xét lại mình, rũ bỏ được những sai lầm và cố tật, có thể khôi phục được niềm tin trong lòng dân (chứ không phải chỉ ghi bằng chủ nghĩa trong điều 4 của Hiến pháp). Sinh hoạt chính trị và kinh tế sẽ khởi sắc và tiến bộ. Một xã hội luật pháp được hình thành. Nhân dân tự tin, có trách

nhiệm, thận trọng, đắn đo lựa chọn người đại diện cho mình, điều mà gần 50 năm nay họ không thực hiện được vì không có sự tự lựa chọn, các cuộc bỏ phiếu đều hình thức, không có thực chất. Qua quá trinh dân chủ hóa như trên, nhân dân có quyền tự lựa chọn nhân tài cho đất nước. Chính quyền do dân và vì dân sẽ không còn ở trên giấy mà đi vào cuộc sống.

Tôi xin nhắc lại : phản đối và bác bỏ đa nguyên, đảng cộng sản đã vi phạm tinh thần và lời văn của Hiến Pháp nước ta, tỏ ra không tin ở nhân dân, trốn tránh sự phán quyết công minh của cử tri và tạo nên một tư thế chính trị rất yếu kém của đất nước trước cộng đồng thế giới.

Sắp tới, ở Campuchia sẽ thực hiện đa nguyên chính trị, với cuộc tranh cử tự do của các phe phái đối lập để lập nên chính phủ liên hiệp. Điều này hợp với trào lưu chung của thế giới.

Một hướng chính trị quan trọng là sau 30 năm chiến tranh ở nước ta, nên quan tâm xây dựng hòa bình, đoàn kết và hòa hợp, dân chủ và nhân ái. Chiến tranh đã chấm dứt, nhưng di chứng nó để lại khá sâu trong nội tâm mỗi người. Người chiến thắng, kẻ chiến bại, người chính nghĩa, kẻ phản động, người cộng sản, kẻ quốc gia, người là chính, là phải, kẻ là tà, là ngụy...Cần làm tất cả để những vết

thương lòng kín thành sẹo, Việc ra đi dai dẳng, không sao chấm dứt được của hàng trăm, hàng ngàn" thuyền nhân " mỗi tháng bất chấp hiểm nguy ngoài biển cả phải là nỗi lo âu của cả nước. Chương trình ra đi có trật tự ODP và chương trình ra đi nhân đạo HO (có thể đi đến gần nửa triệu người) là điều không bình thường. Họ phải gạt nước mắt rời bỏ tổ quốc một cách miễn cưỡng, cho thấy những vết thương chiến tranh của dân tộc ta vẫn còn rỉ maú, và còn lâu mới thành sẹo. Đã có người đặt chân lên đất Hoa Kỳ được vài ngày thì tự vận vì cảm thấy cuộc sống bơ vơ, gay gắt không như họ hy vọng. Biện pháp để giải quyết vấn đề trên đây là chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc sâu sắc (tuy quá chậm còn hơn không) thấm nhuần đạo lý và lòng nhân ái của dân tộc, nêu lên quyền bình đẳng về nhân cách và quyền lợi của mọi công dân, bất cứ quá khứ ra sao. Để những người miễn cưỡng định ra đi có thể lựa chọn sự ở lại, cùng chung lòng, chung sức xây dựng đất nước mình, giữa tình thương yêu của đồng bào mình. Hãy xóa bỏ và gạt sang một bên những tỵ hiềm, những thù oán do lịch sử để lại. Những định kiến của người phía bên này đối với người phía bên kia cũng nên gác lại. Hãy nhìn nhau, mặt đối mặt, như những anh em ruột thịt. Hãy coi nhau như những người con cùng một tổ tiên, cùng ông bà,

cha mẹ. Sự đối địch dù sao cũng chỉ là tạm thời, do hoàn cảnh lịch sử chi phối, một phần do những lực lượng bên ngoài. Những cảnh giết hại lẫn nhau, bắn chém nhau chỉ là bất đắc dĩ. Chẳng khác gì trên cùng một cơ thể, tay trái, tay phải đánh đấm, cào cấu nhau, đâm chém nhau vậy. Đã đến lúc hồi tỉnh, bình tâm nhìn lại tất cả. Để những người lương thiện của 2 bên đi đến hiểu nhau, nhân ái và độ lượng, tương kính và khoan dung, với ý nghĩa chung: mỗi bên đã yêu nước bằng những cách khác nhau, nay vẫn là lòng yêu nước gắn bó nhau trở lại để bắt tay vào xây dựng lại đất nước hoang tàn, vì cuộc sống của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Cố gắng đạt đến một sự thỏa thuận chung là chấm dứt đả kích, moi móc, nặng lời với nhau, chung sức, chung lòng xây dựng tương lai. Chủ trương đoàn kết, hòa hợp ấy được thực hiện sẽ làm cho nhân dân cả nước phấn chấn, gần 2 triệu người Việt ở nước ngoài yên lòng. Một không khí hòa giải sẽ xuất hiện, cổ vũ những người có tài năng và tâm lòng ở trong và ngoài nước đóng góp hết sức mình cho sự nghiệp phục hưng tổ quốc. Đối với bà con Việt kiều ở hải ngoại những cuộc vận động tiếp sức cho sự phát triển của tổ quốc sẽ mang quy mô rộng, hiệu quả cao, không rời rạc, ngập ngừng như hiện nay. Những chất xám Việt Nam ở nước ngoài có giá trị cao sẵn

sàng trở về (một thời gian hay về hẳn) để đóng góp cho đất nước những trí thức, kinh nghiệm về quản lý, kinh doanh, khoa học kỹ thuật quý báu. Nỗi bất hạnh xa rời tố quốc, của hàng triệu con người được chuyển thành một lợi thế độc đáo, thu hút những tài năng trở về giúp nước, tăng chất lượng, tốc độ phát triển của đất nước.

Về chính sách đối ngoại, cần kiến trúc lại cho thích ứng với những thay đổi cực kỳ lớn lao đã diễn ra trên thế giới trong thời gian gần đây. Phải đưa đất nước Việt Nam ta hòa nhập vào cộng động quốc tế. Phải thoát ly dứt khoát khỏi sự phân chia giáo điều cũ kỹ :" hai phe, bốn mâu thuẫn"...Phải tỉnh táo gác bỏ kết luận về" nội dung cơ bản của thời đại ngày nay là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới ". Đó là kiểu nói lấy được, chủ quan, không có cơ sở thực tiễn, cũng như kiểu nói cố đấm ăn xôi rằng, chủ nghĩa tư bản đang giẫy chết vậy.

Hội nhập với thế giới thì phải thực hiện những gì ta đã cam kết khi gia nhập. Liên Hợp Quốc. Chủ động và tự giác mà thực hiện. Trước hết về quyền con người, về quyền công dân. Sẽ không còn công dân nào bị bắt bớ, bị giam cầm hay bị quấy rầy do những quan điểm, tư tưởng thuộc ý thức hệ này hay ý thức hệ khác. Hãy từ bỏ sự cưỡng

bức về nhận thức và tư tưởng, ví dụ như sự khẳng định yêu nước là phải yêu chủ nghĩa xã hội. Mỗi công dân có quyền suy nghĩ và có nhận thức riêng của mình qua sự xét đoán của chính mình. Không ai có quyền gò ép cả.
Không thể dửng dưng, vô trách nhiệm bất chấp dư luận thế giới phủi tay trước hàng mấy trăm trường hợp từ ủy viên trung ương, cán bộ cao cấp, tướng tá cho đến công dân thường bị xử oan, bị án oan, án giả, quy chụp, tù đàng trong suốt mấy chục năm qua.
Sòng phẳng và công bằng trả lại tư do cho tất cả những người đang bị bắt giữ, bị giam tù vì những quan niệm chính trị hay tôn giáo của họ. Hiện nay Việt Nam mang cái tiếng là nước vi phạm nhân quyền, nước vi phạm quyền công dân vào loại cao nhất! Hàng loạt vụ án chính trị " chống đảng ", " xét lại" " chống chủ nghĩa xã hội ", "phản động "...cần có một tổ chức pháp lý kết luận lại. Phải minh oan cho những người bị xử oan. Phải đính chính cho những trường hợp bị giam, bị phạt nặng hơn sự cần thiết. Phải xin lỗi, đền bù những tổn thất theo đúng luật. Làm được những điều ấy, không những nhà cầm quyền không mất uy tín mà còn được hoan nghênh. Nhân dân và cả thế giới trông đợi. Im lặng, ỉm đi thì lòng dân không sao yên được, công bằng xã hội chỉ là nói hão, trên giấy. Cả thế

giới tiến bộ không chấp nhận thái độ bất nhân.
Cần chủ động đi những bước lớn, thật lòng hòa giải với những kẻ thù cũ : Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Trung Quốc và những đồng minh của các nước này. Cần tìm ra những sáng kiến để sớm đi đến bình thường hóa một cách tốt đẹp nhất, có lợi cho các bên, đồng thời trên nhiều hướng.
Quan hệ với Hoa Kỳ có ý nghĩa quan trọng bậc nhất.
Trong vấn đề tù binh chiến tranh (POW) và người mất tích khi làm nhiệm vụ (MIA), có biện pháp để chủ động xóa tan những hoài nghi. Tất cả những tù binh phía Việt Nam giữ đã trao trả hết cho phía Hoa Kỳ sau Hiệp định Paris.
Trường hợp anh lính Garwood tự nguyện ở lại, đến 1979 mới về Mỹ là trường hợp duy nhất. Hài cốt lính Mỹ tìm ra được đến đâu là giao cho phía Hoa Kỳ. Những tin tức về tù binh Mỹ vẫn còn ở Việt Nam là thất thiệt, là những tin đồn có động cơ không lành mạnh, hoặc do những lầm lẫn.
Tôi đã theo dõi khá chặt vấn đề tù binh Mỹ ở miền Bắc và đã viết một cuốn sách về họ. Tôi đã gặp khá nhiều tù binh Mỹ từ năm 1967 đến năm 1973 và thường xuyên tiếp xúc với cơ quan của Bộ Quốc Phòng phụ trách vấn đề này. Tôi khẳng định dứt khoát và có cơ sở là hoàn toàn không còn một quân nhân Mỹ nào còn sống ở Việt Nam cả. Tôi khẳng định điều này trên tinh thần thông cảm sâu sắc và tôn

trọng tình cảm của những gia đình, thân nhân của các quân nhân Mỹ bị mất tích, mà chưa có tin tức về trường hợp hy sinh của họ. Không thể để cho những gia đình ấy sống trong tình trạng phấp phỏng, hoài nghi và hy vọng không có chút cơ sở thực tế, để rồi sẽ bị thất vọng một cách đau khổ. Tôi đề xuất một cách làm : phía Việt Nam đồng ý để phía Mỹ, những đại diện của chính quyền Mỹ đại diện của những gia đình quân nhân Mỹ bị mất tích tự do đi đến những địa phương mà họ muốn làm công tác điều tra cần thiết. Phía Việt Nam tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất, dễ dàng nhất, hợp tác với phía Mỹ một cách thành thật, vô tư, không chút vụ lợi. Bất cứ chi tiết nào phía Mỹ nêu ra về vấn đề nào cũng sẽ được phía Việt Nam đón nhận, chung sức làm sáng tỏ trong khả năng cố gắng cao nhất.

Trong vấn đề Campuchia (là một điểm then chốt trong quan hệ Việt-Mỹ), cần công khai, sòng phẳng theo lập trường hoàn toàn tôn trọng độc lập, chủ quyền của Campuchia, để người Campuchia giải quyết với nhau vấn đề của nước họ, với sự giám sát của Liên Hợp Quốc, của Hội Đồng Bảo An. Nhân đây cũng cần nhận rõ : chúng ta đã để bộ đội Việt Nam quá lâu ở Campuchia là sai lầm (gần 10 năm), hơn 100. 000 thương binh Việt Nam do

cuộc chiến tranh này gây ra, cần có chính sách chăm lo một cách chu đáo. Một số khá đông anh em bị cụt chân. Cần công khai xin lỗi phía Campuchia về việc làm sai trái của một số chuyên gia Việt Nam ở bên đó (từ năm 1979 đến năm 1990), những việc làm bao biện, mang ý thức nước lớn, gia trưởng, thiếu tôn trọng chủ quyền nước bạn, kể công...Cũng cần khẳng định rằng việc đưa bộ đội vào Campuchia là cần thiết và chính đáng, nhằm bảo vệ an ninh của đất nước mình, đồng thời để cứu một dân tộc khởi bị tàn sát. Nhưng sau đó chủ trương xây dựng một liên minh đặc biệt của ba nước Đông Dương mang tính chất chủ quan, lỗi thời, không thích hợp với tình hình đang phát triển, gây căng thẳng không cần thiết trong khu vực. Việc này bị thế giới lên án rất mạnh mẽ và do đó Việt Nam bị cô lập kéo dài.

Chủ trương đoàn kết, hòa hợp với những người Việt Nam với nhau (trước kia ở hai trận tuyến) gắn liền với chủ chương thật lòng hòa giải với nước Mỹ. Nên đặt vấn đề với Hoa Kỳ trên tinh thần nhân đạo cùng phối hợp chăm sóc những nạn nhân chiến tranh ở cả hai miền, thuộc cả hai phía trong chiến tranh. Cùng phối hợp chăm sóc các thương binh, những người tàn tật, những gia đình có người thân hy sinh trong chiến tranh, những cựu sĩ quan,

những công chức về hưu (của cả hai phía).
Hoàn cảnh lịch sử đã dẫn đến cuộc đụng đầu giữa Hoa Kỳ và Việt nam, mang lại những tổn thất to lớn về người và của cho cả hai bên. Có những mất mát không gì hàn gắn được. Nay đã đến lúc dứt khoát giở sang trang khác trong mối quan hệ giữa hai nước. Hãy xây dựng giữa nhân dân hai nước một tình bạn lâu bền và sâu sắc. Từ năm 1988, tôi viết bài nói quan hệ Việt-Mỹ, duyên hay là nợ? theo tinh thần này.
Hãy mở rộng quan hệ giữa những cựu binh, kể cả thương binh, giữa văn nghệ sĩ với nhau, giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, giữa các tổ chức phụ nữ, thanh niên, lao động, công đòan của hai nước, dựa trên lòng tin và tình bạn. Luận điệu cho rằng hiện nay đế quốc Mỹ và phản động đang tập trung sức để lật đổ chính quyền ở Việt Nam là một luận điệu chủ quan, mang nặng tâm lý suy diễn, hoảng hốt, mang dấu ấn của thời kỳ đối địch đã thuộc về quá khứ. Thật ra chính giới Hoa Kỳ cũng chỉ mong cho nước Viêt Nam ổn định, dân chủ hóa đồng bộ cả về chính trị và kinh tế, gia nhập một cách thuận lợi vào cuộc sống của cộng động thế giới. Mong muốn ấy phù hợp với ước vọng của nhân dân ta.
Khi đất nước ta đi vào con đường dân chủ hóa, đoàn kết

hòa hợp dân tộc, nên nghĩ đến việc chủ động mời tổng thống Mỹ, tổng thống hoặc thủ tướng Pháp, thủ tướng Nhật Bản và Trung Quốc, mời Đức Giáo Hoàng viếng thăm nước ta để có thể tìm hiểu rõ tình hình, thấy tình cảm mới mẻ của nhân dân ta giành cho những nước vốn là thù địch. Việt Nam không bao giờ để lòng để dạ những mối thù trong quá khứ.

Chúng ta chủ động tạo nên những điều kiện để tranh thủ đầu tư quy mô lớn, cũng như sự giúp dỡ cho vay của các nước và các tổ chức quốc tế như ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ thế giới (IMF). Trong không khí tin cậy và hiểu biết lẫn nhau, Việt Nam nên sớm mời một số chuyên gia quốc tế am hiểu về kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị công nghiệp, quản lý kinh doanh, quản lý thị trường, luật pháp, tư nhân hóa, áp dụng công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật...đến cùng chuyên gia ta lập các phương án về sản xuất, quản lý, kinh doanh, đào tạo cán bộ chuyên ngành theo những nội dung và tiêu chuẩn của thế giới.

Một chuyên gia kinh tế Nhật Bản nhận xét rằng: Việt nam vẫn chưa từ bỏ bệnh chủ quan ngay trong đại hội 7. Các đại biểu khi giơ tay biểu quyết đến năm 1995 đất nước nhất định sẽ căn bản ra khỏi khủng hoảng kinh tế, tài

chính, chỉ biểu lộ một quyết tâm, một mong muốn chủ quan không có cơ sở. Tính khả thi, lại giống như nghị quyết của các đại hội trước, là hoàn toàn đáng ngờ! Quả nhiên ngay sau đại hội, giá vàng, giá gạo, giá đô-la đều tăng vọt, bất chấp những quyết định vừa được biểu quyết!...Nghị quyết một đàng, cuộc sống đi một nẻo.

Khi có lòng tin cậy nhau, chính phủ dân chủ thật sự do dân và vì dân có thể thẳng thắn trình bầy với các nước quan tâm đến tình hình nước ta về thực trạng của đất nước mình, số dân, số lao động, số thất nghiệp, số người tàn tật, số thương binh nặng (của cả hai phía), số trẻ em suy dinh dưỡng...Tình trạng nền kinh tế, giáo dục của nước ta. Thực trang hạ tầng cơ sở. Những vấn đề cấp bách cần ưu tiên giải quyết, vấn đề tài chính, ngân hàng, vấn đề nợ nước ngoài, những ý kiến đề xuất của ta, của các chuyên gia quốc tế.

Theo những tính toán sơ bộ của những chuyên gia am hiểu của ESCAP (ủy ban kinh tế xã hội châu á và Thái Bình Dương) thuộc Liên Hợp Quốc, trong điều kiện Viêt Nam hiện tại (với thu nhập tính theo đầu người dưới 200 đô la) muốn có bước phát triển vừa phải để khỏi tụt hậu thêm so với các nước láng giềng Đông Nam á thì trong 5 năm tới, mỗi năm Việt Nam cần được đầu tư từ 4 đến 6 tỷ

đô la (trong năm năm là từ 20 đến 30 tỷ đô la), và năm năm tiếp theo (1995-2000) mỗi năm cần chừng 5 tỷ đến 8 tỷ đô la.

Họ cho rằng những con số có vẻ to lớn trên đây là cần thiết, vì Việt Nam đã trải qua chiến tranh quá lâu dài (hơn 30 năm), chịu đựng 10 triệu tấn bom đạn, cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề, hồi phục chưa được mấy. Không có sự giúp dỡ khởi đầu của một số cường quốc thế giới thì khó có thể bước vào thời kỳ phát triển được. Việt Nam cần một kế hoạch như kế hoạch Marshall ở Tây Âu sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Bảy nước công nghiệp phát triển đang nghiên cưú vấn đề giúp dỡ Liên Xô. Các nước Tây Âu đang nghiên cứu vấn đề giúp dỡ các nước Đông Âu (qua ngân hàng BERD chẳng hạn).

Một số chuyên gia nhấn mạnh đến vấn đề ưu tiên cấp bách : dựng dậy hệ thống giáo dục đang xuống cấp nhanh (cơ sở đào tạo nhân tài và truyền bá kiến thức), dựng dậy hệ thống y tế cũng đang xuống dốc, kể cả việc khắc phục nạn suy dinh dưỡng trẻ em với diện rộng (cơ sở của sức khỏe, sức lao động của nòi giống Việt Nam), củng cố hệ thống giao thông vận tải đã xuống cấp nhanh, quá lạc hậu (đường xá, cầu và cảng...), những yêu cầu ấy đều có tính chất SOS - cấp cứu!

Chỉ có mời những chuyên gia quốc tế am hiểu các lĩnh vực, giầu kinh nghiệm mới có thể đề ra những kế hoạch khả thi, có cơ sở khoa học và khi thực hiện mới thuận lợi. Đã đến lúc cần thiết đề xuất việc lập ra một Quỹ phát triển Việt Nam (Fund for development of Viet Nam) hoặc một ngân hàng phát triển Việt Nam (Bank for development of Viet Nam, BDV), tập trung các nguồn tài chính, phân phối, điều hòa, kiểm tra việc chi tiêu, dưới sự quản lý điều hành của chính phủ Việt Nam cũng đại diện một số tổ chức quốc tế.

Hiện nay Việt Nam mới nhận được sự hợp tác và đầu tư nước ngoài có giá trị gần 2 tỷ đô la (trong đó mới có 400 triệu đô la là được thực hiện) là quá thấp nếu so sánh với số dân đã lên tới 67 triệu (Tính theo đầu người, mỗi người chưa đạt được tới 40 đô la trên ký kết và trên thực hiện mỗi người chưa đạt 6 đô la). Ngay khi dầu hỏa khai thác, mỗi năm đạt chừng 2 tỷ đô la tiền lãi, thì mỗi đầu người cũng mới chỉ vẻn vẹn chưa đươc 30 đô la.

*

* *

Lãnh đạo là dự kiến- Lãnh đạo là nhìn xa trong rộng- Lãnh đạo là suy luận khoa học, nghĩ đến tất cả khả năng có thể có, để lựa chọn khả năng tối ưu. Lãnh đạo không bao giờ

được chủ quan, có chủ định trước rồi chỉ nghĩ theo đường mòn ấy. Sẽ sa vào sự thiển cận nghèo nàn - Lãnh đạo là nhìn tới phía trước không để cho quá khứ, kinh nghiệm cũ, vết mòn cũ chi phối. Tình thế luôn thay đổi. Lãnh đạo còn là tưởng tượng, còn phải biết mơ mộng - Không phải mơ những chuyện cao xa, viễn vông, mà phải biết nghĩ đến những vấn đề ít người dám nghĩ đến, tưởng như vô lý, cuối cùng lại hóa ra thực tế, thực hiện được.

Trên đây đã trình bầy một phương án hành động cần lựa chọn.

ở trong nước, sẽ có người cho rằng, những ý kiến này mạnh mẽ quá, cực đoan quá, mang ảo tưởng, không thực tế, không thể nào chấp nhận được! ở nước ngoài sẽ có người phê phán phương án này là cải lương, nhẹ nhàng quá, rằng chế độ hiện nay đã thật sự lỗi thời, cần xóa bỏ. Tôi cho rằng ý kiến tôi đề đạt là thiết thực, hợp lý, thích ứng với thực tiễn hiện nay, mang tính chất đúng mực để đạt tới một thay đổi cơ bản có lợi cho đất nước.

Về mặt quốc tế, chúng ta đang ở tình trạng không thuận lợi. Sự lãnh đạo bảo thủ, bám giữ những tín điều cũ, tình trạng thiếu luật pháp, rối rắm trong điều hành bộ máy...tệ hối lộ tham nhũng dai dẳng, hạ tầng cơ sở yếu kém...làm cho những người có thiện chí dè dặt, e ngại đầu tư vốn

vào.
Các cường quốc lại đang có những mối quan tâm lớn ở các khu vực khác : Trung Cận Đông, Đông Âu, Liên Xô...Việt Nam không là khu vực mang lợi ích sống còn, thiết yếu của họ. Chớ kiêu ngạo nghĩ rằng : họ cần ta hơn là ta cần họ! Ta giầu tài nguyên, như có gái đẹp lắm của hồi môn, ai cũng muốn ve vãn! Sự thật không phải như vậy. Ta cần họ hơn họ cần ta. Ta có ít nhiều tài nguyên, nhưng không hấp dẫn lắm vì thiếu luật pháp, thiếu ổn định, không gây được niềm tin lâu bền.
Đổi mới kinh tế mạnh dạn đi đôi với đổi mới chính trị sâu sắc. Thực hiện đa nguyên một cách chủ động để có một chế độ dân chủ hợp trào lưu chung. Thực hiện tốt đẹp sự chuyển tiếp từ chế độ độc đảng sáng chế độ đa đảng, xây dựng một nhà nước pháp quyền, một xã hội công dân, trong đó người dân tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước. Đó là tạo nên một sự thay đổi đủ liều lượng, ngoạn mục, mang tính cách mạng sâu sắc theo hướng tiến bộ và hiện đại. Đạt được những điều ấy Việt Nam mới trở nên hấp dẫn, thu hút mạnh mẽ sự quan tâm, cộng tác, trợ giúp của cộng đồng quốc tế. Phương án trên đây thực hiện dễ hay khó? Khó vì đang có quá nhiều lực cản. Vì những quan niệm giáo điều, bảo thủ

vẫn còn nặng nề trong bộ máy cầm quyền. Vì sự phi lý vẫn còn được chấp nhận :

Đổi mới về kinh tế đi cùng với sự trở về cái cũ của chính trị, tình trạng tréo cẳng ngỗng tự nó sẽ tàn phá cả kinh tế và chính trị, gây hốn loạn thêm cho đất nước. Vì người dân vẫn chưa được nói lên sự lựa chọn quyết định của mình.

Dễ vì tất cả các phương án suy nghĩ và hành động trên đây rõ ràng đồng bộ, thành một thể thống nhất, được xây dựng trên lẽ phải, sự hiểu biết và lương tri bình thường của con người. Nó hợp với đạo lý và lòng dân, nó cũng hợp với xu thế của thời đại. Cái được của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân là rất lớn - Có mất chăng chỉ là mất những ảo tưởng chủ quan, những điều đẹp chưa có thật, những ý đồ có vẻ tốt nhưng xa vời.

Người dân có quyền sở hữu chính đáng và lâu dài sẽ ra sức đầu tư sức lực của cải cho đồng ruộng của mình, sản lượng sẽ tăng lớn - Nông nghiệp sẽ phát triển. Công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển do được tự do kinh doanh- Người có của, có tài kinh doanh sẽ đầu tư sản xuất hàng hóa làm cho công nghiệp dân tộc sống động. Nhà nước có điều kiện chăm sóc cho công dân quốc doanh, không bao biện, bao cấp tràn lan - Nhà nước sẽ thu được

thuế ngày càng lớn - Trí thức, chất xám được coi trọng- Sự nghiệp y tế giáo dục được chăm lo tốt hơn - Văn học, nghệ thuật phát triển trong không khí tự do sáng tạo. Tất cả những đối tượng gặp khó khăn trong xã hội : người cao tuổi, thương binh, người tàn tật, viên chức về hưu...có điều kiện được chăm sóc tốt hơn.

Thanh niên thấy rõ hướng đi lên trong một xã hội dân chủ, giữa môi trường thuận lợi cho sự phát triển tài năng một cách bình đẳng. Do đó tuổi trẻ sẽ là lực lượng tiền phong hoan nghênh và nhiệt tình cổ vũ cho phương án này.

Những người cộng sản, nhất là những cán bộ lâu năm, phần lớn đã nghỉ hưu, còn e ngại rằng những đổi thay quá mạnh mẽ sẽ có thể ảnh hưởng xấu đến xã hội và lợi ích của bản thân. Họ có thể thay phương án này mà tôi kiến nghị là tối ưu và yên lòng. Họ càng phấn chấn nếu thật sự họ là người lương thiện, lo cái lo của dân, của nước.

Những người cộng sản hiện ở cương vị lãnh đạo (trong Quốc hội, trong Ban chấp hành trung ương, Ban bí thư và Bộ Chính Trị vừa được bầu), nếu có công tâm, liên khiết và thiện chí, cũng có thể nhận ra phương án này là hợp lý, để đồng tình và ủng hộ.

Cán bộ và chiến sĩ quân đội, an ninh có thể nhận rõ phương án này mang lại cơm no áo ấm, cuộc sống ổn

định cho gia đình mình ở thành thị và nông thôn.
Một số người tháo vát, khôn khéo hiện đang tận dụng những kẽ hở của cơ chế để kiếm lợi cũng tán thành thay đổi để làm ăn đàng hoàng và lâu bền, chấm dứt chụp giựt trong hỗn loạn.
Phương án này khả dĩ tạo nên niềm tin trong nhân dân phù hợp với những khát vọng sâu xa và chính đáng của họ: Kinh tế phát triển, nếp sống dân chủ, con người được tự do, mỗi công dân được tôn trọng, công bằng xã hội được đảm bảo, giải thoát cho họ những lo âu hiện tại, do xã hội băng hoại, đạo đức sa sút, con em bị hư hỏng.
Cần vặt trần những thủ đoạn hù dọa của những người yếu bóng vía, những kẻ muốn giữ đến cùng cuộc sống độc đóan gia trưởng, đặc quyền, đặc lợi. ở đại hội 7 họ viện cớ rằng nếu thực hiện đa đảng thì sẽ hốn loạn to, hàng trăm " tổ chức chính trị phản động " sẽ xuất hiện, " mọc lên như nấm ", bọn " phản động " từ nước ngoài sẽ ào ạt trở về!
Họ mất lòng tin ở nhân dân, ở sự phán xét chân thật của nhân dân. Nhân dân ta rất sáng suốt - Ai thật sự là phản động, chống lại lợi ích của nhân dân, sẽ bị nhân dân thẳng tay gạt bỏ. Sẽ có những quy định cần thiết mang tính luật pháp để đảm bảo các cuộc bầu cử thật sự tự do trong trật tự và kỹ luật. Nếu cần sẽ có sự quan sát cuả các cơ quan

truyền thông và các tổ chức quốc tế - như ở trong bất cứ đất nước văn minh nào. Cuộc đảo chính tuyệt vọng và thất bại thảm hại của bọn giáo điều bảo thủ ở Liên Xô tháng 8 vừa qua chứng tỏ không ai có thể lưỡng lại, trào lưu dân chủ, dù chúng là phó tổng thống, bộ trưởng an ninh, bộ trưởng quốc phòng...tại đó ý dân là ý trời được biểu lộ một cách hùng hồn và sâu sắc. Bộ máy cảnh sát, quân đội, mật vụ đã ngã theo nhân dân. Đó là lời cảnh cáo đanh thép đối với những kẻ giáo điều, ngoan cố, coi thường nhân dân ở mọi mặt.

Đông đảo bà con Việt kiều rất mong muốn thấy nước nhà đổi thay theo hướng tiến bị, đoàn kết, hòa hợp và đa nguyên. Trong hai triệu người gốc Việt ở nước ngoài vẫn còn có người giữ mối thù sâu đậm với những người cộng sản, chủ trương " dùng bạo lực để giải phóng đồng bào " (!), như họ nói. Nhưng họ thiếu cả thế và lực. Hàng ngũ họ ngày càng ít ỏi. Nhân dân không thể chấp nhận bạo lực và nội chiến. Xương máu của nhân dân đã bị phung phí quá nhiều rồi. Chỉ còn con đường đấu tranh không bạo lực. Hầu hết bà con Việt kiều hiện nay mang quốc tịch nước sở tại để tiện làm ăn sinh sống, họ không còn là công dân, họ không còn là công dân Việt Nam, nên khó có thể trở về trực tiếp tham gia cuộc bầu cử nếu có. Đông đảo bà con

rất tha thiết với công cuộc dân chủ hóa của đất nước và mong muốn tham gia thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ấy bằng mọi khả năng của mình cũng như đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp phát triển đất nước sau đó.
Bà con Việt kiều có tấm lòng thành với đất nước, xin yên lòng. Đông đảo nhân dân trong nước đều có khát vọng dân chủ sâu sắc và sẽ làm tốt nghĩa vụ công dân. Chính đồng bào trong nước mới là lực lượng hùng hậu trực tiếp quyết định sự đổi thay của đất nước. Sức hỗ trợ của Việt kiều dân chủ là rất quan trọng. Do những thành tựu kỳ diệu của truyền thống qua máy thu thanh, máy truyền hình, máy ghi âm, tình hình các nước đã lọt vào phòng ngủ của mỗi gia đình, tất cả sự bưng bít tin tức đều không hiểu quả...Cuộc sống dân chủ ở các nước nung nấu khát vọng dân chủ của người Việt Nam ta. Lạc hậu về chính trị là đầu mối của các lạc hậu khác. Khát vọng dân chủ, khát vọng về quyền sở hữu ruộng đất, quyền tự do kinh doanh, quyền tự hữu chính đáng, chỉ chờ dịp tốt là bóc lộ đầy đủ, với khí thế xung thiên, không có cách gì dập tắt nổi.
Khi có bầu cử thật sự tự do hơn 40 triệu công dân ta ở trong nước đến độ tuổi đi bầu sẽ xử dụng lá phiếu của mình một cách sáng suốt. Tôi hình dung đó sẽ là ngày hội tưng bừng, sôi nổi và sâu sắc nhất của đất nước ta- Tôi

ước mong các nhạc sĩ có tâm huyết để sớm sáng tác những bài hát cho sự kiện lịch sử này, theo nội dung: dân chủ, đa nguyên, đoàn kết, hòa hợp, nhìn tới tương lai, phấn đấu để xây dựng Tổ quốc ấm no phồn thịnh, mỗi con người tự do là một ngôi sao (không phải là hạt cát) xóa bỏ chia rẽ và hận thù, nêu cao nhân ái và hòa hợp - Lịch sử để sang trang mới từ đây.

Tôi hình dung ra lúc ấy, mỗi ngừơi sẽ chăm chú chờ đợi và theo dõi qua màn truyền hình và máy thu thanh những buổi họp của quốc hội dân chủ, những cuộc tranh luận soi nổi, những ý kiến đặc sắc, cả những lập luận và chính kiến khác hẳn nhau. Thế mới thật sự là dân chủ. Các cuộc bỏ phiếu có thể đạt nhất trí rất cao, cũng có thể không có đa số tuyệt đối, chỉ có đa số tương đối, nhưng tất cả đều phản ánh sự thật. Không phải như trước đây ở quốc hội, mỗi cuộc bỏ phiếu bầu đại biểu đều đạt 100%, hoặc 99. 9%, các cuộc bỏ phiếu kiểu giơ tay đều đạt trên dưới 90%. ở đại hội 7 đảng cộng sản vừa qua, có những cuộc bỏ phiếu đạt 93%, 85%, 83% được coi là khác trước, là mới mẻ, nhưng thật ra vẫn là dân chủ hình thức, dân chủ hạn chế, thực chất là không dân chủ.

Tại đại hội 7, vẫn là những thảm luận mang tính chất tập thể, đựơc bàn bạc, cân nhắc, gọt rửa sao cho tròn trịa -

Những ý kiến cá nhân mới mẻ, có góc cạnh bị bóp nghẹt từ trước. Chưa họp, mọi người đều đã biết trước kết quả! Rõ ràng lấy cái có " dân chủ có lãnh đạo", "dân chủ tập trung " để nhằm hạn chế quyền dân chủ. Trong quốc hội trước đây những ý kiến hay, đặc sắc, mang tính sáng tạo, rất bổ ích và thiết thực đều bị ngăn chận, những lời căn ngăn, phát hiện sai lầm của những người hiểu biết, cương trực đều bị bỏ ngoài tai - Nhân dân ta đã phải cay đắng biết bao để trả giá cho những kiểu dân chủ hình thức ấy. Đảng phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác và chỉ chịu nhận sai lầm công khai một cách chiêu lệ khi người dân đã phải trả giá nặng nề rồi! Tội ác của sự báo thù ngoan cố, mang tính độc đoán phản dân chủ là ở chỗ đó.
Sớm hay muộn, dứt khóat đất nước ta sẽ đi vào nền dân chủ đa nguyên, như một trăm nước trên thế giới- Những đầu óc tự cho là tiền phong nhưng lại chậm tiến, chuyên nói thao thao bất tuyệt " do dân, vì dân " nhưng lại rất sợ nhân dân nắm chắc quyền dân chủ trong tay, nhất định không thể ngăn chặn được xu thế và quy luật. ý dân là ý trời. Tuổi trẻ ngày nay nhất định sẽ sống trong một xã hội dân chủ và đa nguyên - Có thể sớm, sớm hơn dự kiến - Đó sẽ là bước nhẩy vọt về chất của xã hội ta. Tôi tin là nó sẽ đến sớm.

" Bản kiến nghị của một công dân ", đưa ra cuối tháng 11 năm 1990 đã gần được một năm. Ngay sau đó trong một thông báo nội bộ, Ban bí thư giao nhiệm vụ cho Ban tư tưởng văn hóa trung ương và Ban biên tập báo Nhân Dân mở cuộc phê phán công khai những chính kiến " sai lầm " của tôi trên các phương tiến thông tin đại chúng- Thế nhưng mãi đến nay, cả hai cơ quan đó im lặng, không mảy may phê phán nội dung của Ban kiến nghị ấy. Họ chỉ làm được cái việc bác bỏ một cách độc đoán rằng tôi xuyên tạc sự thật, còn tôi " xuyên tạc " ở chỗ nào, ra sao, thì họ không thể chỉ ra được! Để bôi xấu tôi, hạ uy tín tôi, vì họ rất sợ đồng bào tán thành đề nghị của tôi, họ có nói " sáng kiến " lập luận rằng tôi dùng một đài dế quốc để trả lời phỏng vấn là phản bội đảng, phản bội nhân dân (!).
Vậy các vị lãnh đạo ở Hà Nội đều có lần, nhiều lần trả lời phỏng vấn của BBC, của báo chí phương Tây thì sao? Đi xa hơn trong việc bôi xấu tôi, thông baó miệng của Ban văn hóa và tư tưởng phổ biến :" Bùi Tín trở thành kẻ làm thuê cho BBC, được BBC trả tiền cho từng phút nói trên đài, cho nên nói nhiều đến vậy! ". Tôi không muốn cải chính những kẻ cố tình vu khống! Tôi chỉ muốn đồng bào của tôi hiểu rõ : tôi trả lời phỏng vấn gần 200 phút trên đài BCC là do nhu cầu trình bầy rõ kiến nghị, bằng tiếng nói

của tôi, tôi được thù lao bằng bảng Anh (500 stecling), như mức thù lao cho bất cứ người nào khác. Một số bài báo tôi viết cho báo chí phương Tây, tôi nhận nhuận bút bình thường. Mục đích chính khi viết báo là để nói rõ chính kiến của tôi về hiện tình đất nước. Trong bài báo " Trứng chọi đá hay đá chọi trứng ", tôi có đặt một gỉa thuyết: Khi nhân dân đòi hỏi và Hiến pháp nước ta được thay đổi để chấp nhận nền dân chủ đa đảng, cớ thể nghĩ đến thành lập một đảng mới - đảng dân chủ chẳng hạn. Đảng này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với đảng cộng sản - Thế là một số vị ở Hà Nội giẩy nấy lên, công khai kết tội tôi là phản bội đảng, đang làm le đấy lên một tổ chức phản động! Một cán bộ ở cương vi cao vu cáo :" Bùi Tín ở lại chắc chắn là có quan mật vụ Pháp nuôi " (!) Đó có thể là suy luận và phán đoán của họ - Tôi không cần thanh minh trước những lời vu khống dễ dãi. Nhưng tôi có trách nhiệm nói rõ với đồng bào thân yêu : Tôi chịu cảnh sống thiếu thốn ở nơi đất người, quyết không nhận một đồng Franc của bất cứ một tổ chức nào của nước Pháp. Nhận tiền là mắc cở, là không còn tự chủ, là mất tư thế chính trị và đạo đức rất cần cho cuộc đấu tranh - Có người khuyên tôi : " Anh sống khó khăn quá. Hãy đề nghị chính phủ Pháp giúp. Họ từng giúp cho những người Việt Nam trong các tổ chức quốc

gia về nhà của phương tiến, chi phí họat động..." Tôi dứt khoát từ chối gợi ý ấy. Vu khống tôi, những người bịa đặt một cách ác độc ấy cũng đồng thời vu khống cơ quan an ninh của chính phủ Pháp. Đây là một thái độ rất kém văn hóa và ngoại giao đối với một cường quốc đang muốn mở rộng quan hệ nhiều mặt với nước ta.

Tôi viết cuốn sách này để đáp ứng yêu cầu của một số bạn bè và đồng bào yêu quý. Hàng trăm bức thư tôi nhận được tỏ ý tán thành bản kiến nghị và trả lời phỏng vấn của tôi cuối năm ngoái, yêu cầu tôi kiến nghị rõ bước đường đi tới của đất nước trong thời gian trước mắt ra sao? Đây mới là điều hệ trọng nhất. Đây cũng là điều tôi suy nghĩ trong mấy năm nay, càng đào sâu thêm trong một năm qua.

Các phần trên cuốn sách này là hồi ký của những sự việc đã qua. Những sự kiện sâu sắc đối với tôi, gợi lên những suy nghĩ, kinh nghiệm và bài học của cuộc đời. Có động chạm đến người này, người khác, nhưng tôi không có ác ý nói xấu ai cả. Điều quan trọng là để các bạn trẻ thân thiết của tôi hiểu thêm đôi điều về đất nước ta và cùng tôi rút ra những kết luận và kinh nghiệm cần thiết. Không thể giải quyết những vấn đề của tương lai nếu không trang bị cho mình một hành trang suy nghị và kết luận rõ ràng về quá

khứ.
Các cơ quan Tuyên huấn và An ninh ở nước ta sẽ vội vã cho rằng đây là cuốn sách " phản động và nguy hiểm ". Nếu có tinh thần dân chủ, họ nên cho lưu hành rồi tổ chức thảo luận, tranh luận ngay thật công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, lấy công luận làm trọng tài. Tôi không bao giờ nghĩ rằng ý kiến của mình là chân lý, phương án mình kiến nghị là hoàn hảo. Tôi chỉ mong góp được chút sáng kiến nhỏ trong việc mưu tìm một lối ra cho cuộc khủng hoảng trầm trọng của đất nước. Những bất hạnh của đồng bào thối thúc tôi. Những trẻ em sai mòn và thiếu dinh dưỡng, những chị em đành bán thân nuôi con, những thầy cô giáo " bán cháo phổi ", lương không đủ sống mười ngày, lại chi trả chậm, những nạn nhân chiến tranh không được săn sóc, hàng triệu người về hưu sống cực nhục...giữa sự lộng hành của bọn tham nhũng, tha hồ tiêu xài phung phí là động lực thúc đẩy cho tôi viết cuốn sách này.
Bài toán lớn của đất nước không được đại hội 7 giải một cách trọn vẹn và chính xác. Những thảm họa dân tộc sẽ còn kéo dài vô hạn. Tôi phải kiến nghị với đồng bào yêu quý một phương án hiện thực.
Có người cho rằng phương pháp bất bạo lực rất khó đạt

kết quả. Mấy chục năm trước, Thánh Gandhi chủ trương dùng biện pháp không bạo lực để giành lại độc lập cho ấn Độ. Lúc đầu có người cho rằng đó là vô ích, ảo tưởng! Rồi chủ trương này huy động được hàng chục triệu, rồi cả trăm triệu nhân dân ấn Độ chung lòng đấu tranh: bãi khóa, bãi chợ, bãi thực, tuần hành, đưa kiến nghị. Kiên trì mà sôi sục, ôn hòa mà quyết liệt, buộc bọn thực dân phải lui bước. Gần đây 7. 1991 nhân dân Madagascar vùng dậy đấu tranh quyết liệt nhưng không bạo động: 300. 000 người tuân hành, biểu tình, hô khẩu hiệu, đưa kiến nghị, cử ngừơi đại diện, lập " chính quyền thứ hai ". Cuộc đấu tranh kéo dài hai tuần lễ, rồi ba tuần lễ, cuối cùng tổng thống phải nhường bộ, thương lượng với đại diện nhân dân, tuyên bố giải tan chính phủ...Lại một bài học, ý dân là ý trời!

ở nước ta, nhân dân ta có thể vận dụng những điều được ghi trong Hiến Pháp: Quyền tự do tư tưởng, tự do lập hội, quyền biểu tình để hoan nghênh những chủ trương - " nói thật, nói thẳng, nói hết ", chủ trương " bài trừ buôn lậu, hối lộ và tham nhũng " để đề ra những yêu cầu đòi dân chủ và đa nguyên. Thanh niên, công nhân, trí thức, văn nghệ sĩ, bộ đội an ninh, bà con nông dân cả nước, tín đồ các tôn giáo...có thể ủng hộ trào lưu dân chủ bằng những cuộc

tuần hành quần chúng và bằng nhiều sáng kiến khác - ý dân là ý trời - Khi đã thành phong trào mang thật sự tính chất quần chúng thì không có cách gì dẹp được.
Điều mấu chốt là gì? Là mỗi người hãy suy nghĩ cổ vũ lẫn nhau, truyền cho nhau nghị lực. Trong từng gia đình, đường phố, từng xóm làng, từng cơ quan, từng trường học hãy trao đổi ý kiến nêu cao trách nhiệm và ý chí đấu tranh cho lẽ phải, cho chính nghĩa. Mỗi người hãy vượt lên chính mình. Khắc phục e dè, lo ngại phân vân. Trau dồi quyết tâm vững chắc, công nhân ta, trí thức ta, nông dân ta, tuổi trẻ nước ta không bao giờ hèn cả. Thông minh và sáng tạo sẽ nẩy nở trong đấu tranh. Đây chính là cuộc cách mạng sâu sắc cho dân chủ và tự do, giành chọn vẹn quyền công dân chân chính. Đất nước chuyển biến đi lên là do sự đồng lòng, nghị lực của mỗi con em mình. Ngẩng cao đầu, tự tin mà hành động. Sức mạnh của đồng tâm, của đồng khởi là sức mạnh dời non lấp biển.
Tổ quốc Việt Nam trong trì trệ, chậm tiến, hỗn loạn.
Trách nhiệm của mỗi công dân thật nặng nề. Cứu nước là mệnh lệnh của thời cuộc. Cứu nước một cách thông minh và qủa cảm. Cả thời đại ở bên chúng ta. Tiến bộ ở bên chúng ta. ý dân là ý trời.
Tình hình đã hoàn toàn chín cho một cuộc đổi mới cơ bản.

Tâm lý xã hội đã chín cho một cuộc đổi đời theo hướng dân chủ, tiến bộ. Cần một " cái hích " ban đầu, khởi động cho phong trào quần chúng đứng lên làm chủ tình hình. Cái "hích" ấy, sự khởi động ấy sẽ đến. Tư thế toàn dân tộc là sãn sàng!

*

* *

Chỉ còn chưa đầy một chục năm, thế kỷ 20 sẽ kết thúc. Loài người sắp bước vào thế kỷ 21 với nhiều mối lo toan lớn, nhưng cũng với biết bao nhiêu hứa hẹn.

Không ai có thể phủ nhận lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam ta. Mỗi tấm lòng yêu nước, thương dân đang canh cánh nỗi lo toan đưa đất nước ra khỏi tình trạng bi đát hiện nay. Nỗi đau chậm tiến, đói nghèo, thiếu dân chủ thôi thúc chúng ta.

Cuốn sách này tôi hoàn thành ở nơi quê người để góp một tiếng nói vào cho những giải pháp chung cho đất nước. Rất mong được các bạn trong và ngoài nước đón nhận như một tấm lòng bè bạn, tâm sự thân ái cùng bạn.

Hình ảnh hoa xuyên tuyết, bãi cây xuyên tuyết đầu xuân luôn hiện ra trong suốt cuộc hành trình của tôi đi ngược lại cuộc đời mình, qua hồi tưởng và suy ngẫm. Tôi biết nhiều bạn có cuộc đời đại thể như tôi, còn sôi nổi, phong phú

hơn, các bạn bắt gặp ở cuốn sách này một số điểm tương đồng thú vị. Các bạn trẻ thấy ở đây đôi điều mới lạ, có khi khó hiểu. Tất cả là sự thật. Sự thật vốn như nó có. Kinh nghiệm sống của mỗi người là những bài học sâu sắc và bổ ích nhất cho bản thân mình. Các nhà hiền triết xưa và nay đều cho rằng, tự giáo dục mình là biện pháp giáo dục sâu sắc nhất. Mỗi dân tộc lớn lên bằng những vinh quang và tủi nhục, bằng những thành công và thất bại, cũng lớn lên bằng cách tự giáo dục mình và học ở những dân tộc khác. Không làm được như thế, chủ quan và tự mãn, một dân tộc có thể trở thành cá biệt, xa lạ với thế giới, như một học sinh cá biệt, không hòa nhập được với nếp sống và kỷ luật của cộng động. Viết cuốn sách này, tôi đã tự giáo dục lại mình, chia xẻ những điều ấu, trĩ, sai lầm, những điều tâm huyết với bạn đọc.

Hãy luôn là chính mình. Hãy suy luận bằng cái đầu tỉnh táo của mình. Chớ theo đuôi, nhắm mắt a dua, đánh rơi bản thể và nhân cách. Hãy trung thực nói ra điều mình hằng nghĩ, hằng cho là đúng. Không noi theo, nói dựa, nói những điều chính mình không tin. Giữ lương tâm ngay thật. Lập trường dân tộc vững chãi, không bị lung lay bởi bất cứ ý thức hệ xa lạ nào. Dứt bỏ những tín điều ngoại lai. Mở mắt nhìn thế giới chung quanh, học mỗi điều hay.

Phục thiện, biết lắng nghe, không đạo đức giả. Biết xin lỗi và sửa chữa lỗi lầm. Cố tìm những điểm hòa đồng trong đối lập. Phát huy lòng nhân ái, sức thuyết phục của đạo lý, không cổ xuý bạo lực. Tài năng, nghị lực, của cải, nhân dân ta đều không thiếu. Những tấm lòng bè bạn, những cánh tay hỗ trợ đắc lực cho đất nước ta không thiếu. Tất cả là tự ta! Con đường dân chủ đa nguyên có bước đi hợp lý là chìa khóa mở ra cánh cửa thoáng rộng của tự do, sáng tạo, ổn định và phát triển. Đó là những điều tôi tâm dắc nhất và muốn trao đổi với bạn đọc trong cuốn sách này.

Tôi rất ân hận là cuốn sách viết có phần vội vã, hoàn cảnh riêng của người viết rất khó khăn, có những suy nghĩ còn chưa đạt dộ chín. Rất mong các bạn thứ lỗi.

Hoa Xuyên tuyết vươn lên từ những tầng tuyết đầy trắng xóa là hình ảnh của mầm sống bất diệt, của khát vọng tự do, ấp ủ sâu trong lòng đất băng giá. Hoa bật dậy báo hiệu mùa xuân. Ngàn vạn đóa hoa xuyên qua tuyết trắng long trọng tuyên bố sự cáo chung của mùa đông. Những đóa hoa trắng trong, trinh bạch, phơn phớt mầu hồng và tím nhạt - Mầu của đấu tranh và ước vọng. Tác phẩm văn học Pháp ca ngợi hoa xuyên tuyết là hiện thân của tài hoa, của cốt cách hào hoa phong nhã, đạt thêm cho hoa này cái tên

Galantine theo nghĩa ấy. Các bạn trẻ Pháp còn gọi hoa xuyên tuyết - Perce neige - là Violette trên tuyết trắng. Hoa xuyên tuyết hun đúc từ chiều sâu của tự nhiên và vũ trụ, yên lặng giữa mênh mang trời đất mà nói lên khát vọng, quyền sống và sức sống giữa cuộc đời.

Với những trang sách này, xin bạn đọc cho phép tôi được coi như đã tặng mỗi bạn một chùm hoa xuyên tuyết nên thơ, bình dị, mà bất khuất. Cuộc cách mạng chúng ta mong đợi bắt nguồn từ những ấp ủ, suy tư sâu lắng về lịch sử và hiện tại, về trách nhiệm công dân. Mỗi chúng ta quyết là một thành viên năng động nhất của cuộc cách mạng ấy. ấp ủ lâu, sức bật dậy càng mạnh.

Các bạn thân yêu trong cả nước, ở khắp bốn phương trời! Đã đến lúc bước vào một cuộc dấn thân mới. Xin được xiết chặt tay, được ôm hôn những gương mặt chiến sĩ dấn thân đấu tranh cho tự do, cho dân chủ, cho no ấm và thịnh vượng. Cho nước Việt Nam xiết bao yêu quý của chúng ta mở mày mở mặt, rạng rỡ giữa thời đại mới.

Paris năm 1991

Thành tín